

KHÔNG TỬ GIA GIÁO



THẾ GIỚI

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

KHƯƠNG LÂM TƯỜNG
LÝ CẢNH MINH
(chủ biên)

KHÔNG TỬ GIA GIÁO

Người dịch: TRỊNH TRUNG HIỂU
NGUYỄN THANH DIÊN

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI
HÀ NỘI - 1999

Dịch từ nguyên bản tiếng Trung Quốc

Nhà xuất bản Văn nghệ Sơn Đông.

© Bản tiếng Việt 1999 - Nhà xuất bản Thế Giới,
xuất bản lần thứ nhất

VN - TG - 26889-0

MỤC LỤC

THIÊN VỖ LÒNG	5
Khổng Tử dạy con học Thi, Lễ	7
Tang Tử giết lợn	9
Mạnh mẫu đòi nhà ba lần, cắt vải răn con	11
Tư Mã Đàm dạy con	14
Bài <i>Nữ Huân</i> của Thái Ung	17
<i>Sách răn con</i> của Gia Cát Lượng	19
<i>Thiên Giáo tử</i> của Nhan Chi Thôi	21
<i>Ấu huấn</i> của Vương Bao	26
Dạy con noi gương bố	28
Tư Mã Quang dạy con	31
Căn dặn con	35
Phóng Ông gia huấn	39
<i>Giáo tử ngữ</i> của Gia Di	41
Thư gửi người em họ	46
Tiếng dệt vải và đọc sách trong đêm	48
Thư gửi vợ	51
THIÊN LẬP CHÍ	53
Khổng Tử bàn về lập chí	55
Mạnh Tử bàn về lập chí	60
Tuân Tử bàn về lập chí	63
Giữ vững chí khí	68
Quyết tâm làm lại cuộc đời	70
Thư dạy cháu	73
Thư gửi các cháu từ Cán Châu	77
Tiêu Sơn căn dặn hai con là Ứng Kỳ và Ứng Vĩ	81
Lập chí làm người cao cả nhất trong thiên hạ	86

Tiết Ứng Kỳ bàn về lập chí	90
Thư dạy con	93
Trương Bá Hành bàn về tuân theo lẽ tự nhiên và lập chí	96
THIÊN KHUYẾN HỌC	99
Khổng Tử bàn về việc học	101
Học đánh cờ	104
Tứ Lộ thụ giáo	106
Công Minh Tuyên học Tăng Tử	108
Khổng Tử theo thầy Sư Tương học đàn	110
Hai mẫu chuyện chăm học của người xưa	112
Âu Dương Tuân xem chữ và	
Diêm Lập Bản xem tranh	115
Hôm nghiên mực thủng	118
Âu Dương Tu sáng tác trong lúc "tam thương"	120
Trăm hay không bằng tay quen	122
Học sĩ tất phải chu du bốn phương	124
Sửa một chữ và làm thầy một chữ	127
Tăng phu nhân nói về con của Lý Soạn	130
Ba điều cần đạt được khi đọc sách	133
Cách đọc sách của Trần Tấn Chi	135
Tư Mã Quang quý trọng sách	137
Vương Hậu Trai học rộng biết nhiều	140
Một tháng có 45 ngày	142
Bài huấn thị con cháu học hành	144
Có làm thì mới biết	147
Chị dạy em đọc sách	149
THIÊN TÔN SƯ	151
Khổng Tử bàn về tôn sư	153
Học trò Khổng Tử tôn sư	156
Thầy lấy mình làm gương	160
Tôn sư	163

Tôn sư trọng đạo	166
Hán Quang đế, Minh đế tôn sư	168
Xả thân vì thầy	172
Thầy giáo hiếu học	175
Đường Thái Tông dạy con em tôn sư	177
Bàn về người thầy	180
Đứng dưới mưa tuyết trước cửa Trình	183
Đổng Văn tìm thầy ở tuổi bảy mươi	186
La Nhữ Phương về già vẫn tôn kính thầy	189
Đoàn Ngọc Tài suốt đời tôn sư	193
Trần Lý Hòa in sách tôn sư	195
THIÊN TU ĐỨC	199
Khổng Tử bàn về tu đức	201
Mạnh Tử bàn về tu đức	204
Tuân Tử bàn về tu đức	206
Tự khinh mình trước rồi người mới coi khinh	208
Đồ dụng nghiêng	210
Chết vì tham	212
Ngăn lời dơ bẩn đặt chẳng gì bằng tu dưỡng bản thân	214
Gia Cát Lượng tự giáng quan ba cấp	216
"Đại thụ tướng quân" Phùng Di	218
Hy Siêu bất hòa với Tạ Huyền	220
Tuần Cự Bá đi thăm bạn	222
Con ngựa lang trán của Dữu Lượng	224
Mẫn Tử Khiên-người con hiếu thảo	226
Dạy con coi trọng sự thanh bạch	229
Coi quyền thế tựa băng sơn	231
Tống Cảnh liêu chết cứu người ngay	233
Lưu Đình Thúc trọng tín nghĩa, không phụ người con gái mù	235
Chu Thừa Dật trả nợ thay người khác	237
Thôi Khu giúp người không cần báo đáp	239

Thoát Thoát trả đào	242
Diệp Lý không tham của được ban	244
Vương Phác thà chết không khuất phục	246
Soi gương rõ mình	248
THIÊN LỄ NGHI	251
Khổng Tử bàn về lễ	253
Khổng Tử đối đãi người bằng lễ	255
Nếp sinh hoạt thường ngày và trang phục của Khổng Tử	258
Khổng Tử nói về lễ ẩm thực	261
Ở hội thê Cấp Cốc, theo lễ trách mắng Tề hầu	263
Mai táng Uông Ý theo lễ người thành niên	265
Khổng Tử nói về Quản Trọng	267
Khổng Tử theo lễ tìm ngựa	270
Nhan Hồi giữ lễ nghĩa và tiết tháo	272
Mạnh Tử bỏ vợ không thành	275
Tuân Tử bàn về khởi nguồn và vai trò của lễ	277
Hán Văn đế dùng lễ thu phục Triệu Đà	279
Hàn Diên Thọ lấy lễ trừ tệ moi móc nhau	282
Tân Bành khuyên dân biết theo lễ	284
Khổng Dung nhường lễ	286
Trần Nguyên Phương trách khách không giữ lễ	288
Lương Nhan Quang dạy dân theo lễ	290
Cao Sĩ Liêm đến tận từng nhà khuyến dụ	293
Châm ngôn họ Khổng	295
Nhan thị bàn về lễ chủ khách	298
Câu đối về tuân theo lễ ở Khổng Phủ	301
THIÊN TIẾT KIỆM	303
Khổng Tử chủ trương tiết kiệm	305
Gương tiết kiệm của Hán Văn đế	309
Chôn cất mình trần để uốn nắn phong tục	313
Dương Tục căm ghét xa hoa	316

Tùy Văn đế trừng phạt con	319
Trịnh Hoàn dạy cháu	323
Lý Hằng không xây nhà cao cửa rộng	327
Răn dạy con em tiết kiệm, giản dị	328
Dạy bảo con sống tiết kiệm	330
Cấm xa hoa	336
Cách ngôn quản lý gia đình	339
Thư gửi cho con là Kỷ Hồng	341
Trả lời thư con	344
THIÊN XỨ THẾ	349
Khổng Tử nói về làm người	351
Khổng Tử bàn về xử thế	354
Khổng Tử bàn về đạo Trung dung	356
Mạnh Tử bàn về xử thế	358
Tuân Tử bàn về xử thế	361
Phật con kiêu ngạo	365
Trách con nhận vàng	368
Sơ Quảng dạy con tự lập	371
Thư gửi hai cháu Nghiêm và Đôn	373
Thư răn dạy con	375
Thư răn dạy con của Vương Tu	378
Thư dạy con của Dương Hồ	380
Anh hiền em thảo, ăn ở với nhau hòa thuận	382
Ham muốn không thể buông thả, ý nguyện không thể quá nhiều	385
Con cháu phải tự lập	387
Bao Chứng dạy con thanh liêm, không tham lam	389
Lục Du dạy con cẩn trọng giữ mình, tránh tai họa	391
Luôn phải lo lắng, thận trọng trong nói và làm	394
Giữ mình khiêm tốn cẩn trọng, có lòng nhẫn nại nhường nhịn	396
Trong họ phải hòa thuận	399

THIÊN VẬN DỤNG THỰC HIỆN	401
Khổng Tử bàn về tiến cử người hiền tài	403
Mạnh Tử khuyên Tề Tuyên vương	406
Trần Mục công hỏi Mạnh Tử	409
Tuân Tử bàn về thưởng phạt	411
Tây Môn Báo cai trị đất nghiệp	416
Ngụy Vũ hầu nghe lời khuyên can	420
Vua nước Lương, Ngụy Anh thiết tiệc chư hầu ở Phạm Đài	422
Cống gai ta tội	425
Lưu Bang tiến vào Hàm Dương	428
Đồng Tuyên, một Huyện lệnh cứng cổ	431
Quan Tây Khổng Tử Dương Bá Khởi	434
Bùi Hiệp làm Quận thú Hà Bắc xóa bỏ lệ cũ	436
Đường Thái Tông bổ dụng người hiền tài	439
Khổng Tử xứng đáng là con cháu của thánh hiền	442
Tri phủ Tế Ninh Phương Khắc Cần	445
THIÊN ÁI QUỐC	449
Tô Vũ chân dê	451
Bốc Thức hiền tài sẵn để giữ gìn biên cương	461
Gác bút nghiên ra trận, lập công tại Tây Vực	465
Trung nghĩa bất kể ơn riêng	471
Nhan Cáo Khanh tuân nạn	473
Lo trước cái lo của thiên hạ	475
Răn con	477
Giữ tấm lòng son lưu truyền sử sách	479
Thiên hạ hưng vong ai nấy đều có trách nhiệm	486
Lâm Tắc Từ thiên hủy thuốc phiện tại Hồ Môn	489
Tiền Kim Ngọc xả thân vì nước	491

THIÊN VÔ LÒNG

.... Khổng Tử dạy con bắt đầu từ việc đọc sách để biết lễ. Ông cho rằng, những bài thơ trong Kinh thi phần lớn liên quan đến việc tu thân, tề gia, còn Lễ lại là quy phạm để xử lý mối quan hệ giữa con người với con người, "bất học Lễ vô dĩ lập". Con người nếu xa rời những điều này, thì không thể đứng vững trong xã hội...

KHÔNG TỬ DẠY CON HỌC THI, LỄ

Trần Cang⁽¹⁾ hỏi Không Lý⁽²⁾ rằng: "Ngài là con thầy, chắc đã được thầy dạy cho những điều khác với mọi người chứ?"

Không Lý trả lời: "Không. Chỉ có một lần, khi thầy đang đứng một mình trong sân, tôi đi qua sân, trông thấy thầy nên bước nhanh. Thầy gọi tôi lại hỏi: "Con đã học *Kinh thi* chưa?", tôi vội trả lời: "Thưa, con chưa học ạ". Thầy giáo huấn tôi rằng: "Không học *Kinh thi*, thì không thể nói giỏi được". Thế là tôi liền đi đọc *Kinh thi*. Lại một hôm, thầy cũng đứng trong sân một mình, tôi lại gặp thầy, thầy hỏi tôi: "Con đã học *Lễ* chưa?". Tôi đáp: "Thưa, con vẫn chưa học ạ". Thầy dạy tôi: "Không học *Lễ* thì không thể nào đứng vững được trong xã hội". Tôi liền đi học *Lễ*, tôi chỉ mới gặp hai chuyện đó thôi".

Trần Cang nghe xong vui mừng nói: "Tôi hỏi một việc mà biết được ba: vừa biết được phải học *Kinh thi*, học *Lễ*, lại được biết đối với con mình, thầy cũng không hề thiên vị, không truyền thụ cái gì riêng cá."

(Luận ngữ-Quý thị)

1. Trần Cang (551 TCN - ?): Tự là Tử Cầm, người nước Trần cuối thời Xuân thu, là học trò của Không Tử.

2. Không Lý: Tự Bá Ngự, con trai của Không Tử.

Khổng Tử nói với Bá Ngự rằng: "Con đã nghiên cứu *Chu Nam* và *Thiệu Nam* chưa ? Làm người mà không nghiên cứu *Chu Nam* và *Thiệu Nam*, thì giống như đứng úp mặt vào tường, chẳng nhìn thấy gì mà cũng chẳng đi được một bước".

(Luận ngữ-Dương hóa)

LỜI BÌNH

Khổng Tử là một nhà giáo dục vĩ đại, bài văn ghi lại câu chuyện Khổng Tử dạy con. Khổng Tử dạy con bắt đầu từ việc đọc sách để biết lễ. Ông cho rằng, những bài văn trong *Kinh thi* phần lớn liên quan đến việc tu thân, tề gia, còn *Lễ* lại là quy tắc mẫu mực để xử lý mối quan hệ giữa con người với con người, cho nên mới nói rằng: "Không học *Lễ* thì không đứng vững được trong xã hội.". Nếu xa rời những điều này, thì con người không thể đứng vững trong xã hội. Có thể thấy rằng: Khổng Tử dạy con mình bắt đầu từ việc dạy làm người, vì vậy mà hậu thế gọi phương pháp giáo dục của ông là "Thi Lễ truyền gia". Ngày nay, phương pháp giáo dục con cái của Khổng Tử vẫn có những chỗ đáng để chúng ta học hỏi, đó là: dạy con phải đặt việc giáo dục phẩm chất đạo đức lên hàng đầu. Phẩm chất của đứa trẻ, là kết quả giáo dục từ tấm bé, cha mẹ chính là người dẫn đường cho phẩm chất con trẻ phát triển ngay từ buổi ban đầu, chỉ có nắm chắc điều cơ bản này, lựa chọn phương pháp giáo dục đúng đắn, thì mới có thể khiến con trẻ trở thành người vừa có đức vừa có tài, thành người hữu ích cho xã hội.

TĂNG TỬ⁽¹⁾ GIẾT LỢN

Vợ Tăng Tử sửa soạn đi chợ, đứa con khóc đòi theo, người mẹ dỗ con: "Con ở nhà, mẹ đi chợ về sẽ làm thịt lợn cho con ăn".

Vợ Tăng Tử đi chợ về, vừa vào đến cửa, Tăng Tử liền mài dao thịt lợn. Vợ ông vội vàng ngăn lại: "Tôi chỉ nói đùa với con thôi, ông tưởng là thật ư?" Tăng Tử nói: "Không thể tùy tiện đùa với con trẻ được. Trẻ con chưa biết gì, mọi cái đều học theo cha mẹ, nghe theo lời dạy của cha mẹ. Bây giờ bà nói dối con, thì thực tế là đã dạy con nói dối rồi! Mẹ nói dối con, con không tin lời mẹ, đây không phải là cách dạy con tốt đâu!". Thế là ông mang lợn ra làm thịt.

(Hàn Phi Tử -

Ngoại trữ thuyết tả thượng)

LỜI BÌNH

Đoạn văn ghi lại câu chuyện Tăng Tử dạy con không lừa dối. Nhà Nho rất coi trọng đức tin, chủ trương phải giữ chữ tín. Câu

1. Tăng Tử (506-436 TCN): Tên là Sâm, tự là Tử Du, người Vũ Thành nước Lô cuối thời Xuân thu, học trò của Khổng Tử, về sau được gọi là bậc "Tông thánh".

chuyện trên cho thấy, vợ Tăng Tử không ý thức được việc nói dối con, trên thực tế là đã dạy con không thành thực, ngược lại, Tăng Tử đã ý thức được điều đó. Xét bề ngoài, vì một câu nói đùa mà giết một con lợn, thì thật không đáng, nhưng, nếu xét về lâu dài, thì điều đó rất có thể ảnh hưởng đến cả cuộc đời của đứa trẻ. Tâm hồn của trẻ thơ như một tờ giấy trắng, mà cha mẹ lại là người thầy đầu tiên, bởi thế, người làm cha mẹ nên coi trọng việc lấy hành động của mình để giáo dục con cái hơn là dùng lời nói, những gì đã hứa với trẻ, thì phải thực hiện được, như thế mới có ảnh hưởng tốt cho con cái. Nếu cha mẹ nhiều lần thất hứa với con, thì trong tâm hồn trẻ thơ, chúng sẽ nghĩ rằng việc lừa dối, không trung thực là chính đáng, và rồi hậu quả sẽ không lường! Ngoài ra, xét từ góc độ trưởng thành lành mạnh của trẻ, cha mẹ không nên hứa hẹn với con quá nhiều, nếu lời hứa càng nhiều thì ham muốn của con cái sẽ càng cao, như vậy sẽ không có lợi cho sự trưởng thành của trẻ.

MẠNH MẪU DỜI NHÀ BA LẦN, CẮT VẢI RẼN CON

Mẹ Mạnh Kha⁽¹⁾, người đời gọi là Mạnh Mẫu, nhà ở gần nghĩa trang. Thuở nhỏ, Mạnh Kha thường nhìn thấy đám ma, bèn bắt chước chơi trò chôn cất. Mạnh Mẫu nói: "Nơi đây không phải là chỗ ở của con". Bà liền dời nhà đến gần một cái chợ. Ở môi trường này, Mạnh Tử suốt ngày bắt gặp cảnh người ta buồn đi bán lại, thế rồi, ông lại chơi trò bán hàng. Mạnh Mẫu lại bảo: "Đây cũng không phải là chỗ ở của con". Sau đó, bà dời nhà đến gần một trường học. Đến đây, những điều Mạnh Tử nhìn thấy là các hoạt động tế lễ, những trò chơi của Mạnh Tử lúc này cũng là bắt chước tế lễ. Mạnh Mẫu nói: "Con có thể ở nơi này lâu dài rồi". Khi lớn lên, Mạnh Tử đã học lục thư (lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số), cuối cùng trở thành một học giả nổi tiếng. Ai cũng khen Mạnh Mẫu biết nhìn xa trông rộng.

Thuở nhỏ, Mạnh Tử tan học về nhà, mẹ ông đang dệt vải, thấy ông về, liền hỏi: "Con học hành thế nào rồi?" Mạnh Tử lờ đễnh trả lời: "Chẳng có gì khác trước cả".

1. Mạnh Kha (khoảng 372-289 TCN): Tức Mạnh Tử, tự là Tử Dư, người nước Trâu, là nhà tư tưởng, nhà chính trị và nhà giáo dục thời Chiến quốc. Tác phẩm có *Mạnh Tử* gồm 7 thiên. Trong lịch sử gọi ông là "Á thánh".

Mạnh Mẫu nhìn thấy dáng vẻ bất cần của ông, thì rất tức giận, bèn lấy kéo cắt phăng tám vải vừa dệt xong. Mạnh Tử không hiểu vì sao mẹ mình lại tức giận như vậy, hết sức sợ hãi, liền hỏi mẹ. Mạnh Mẫu nói: "Con bỏ bê việc học hành thì cũng như mẹ cắt đứt tám vải này. Người có đức học hành cốt tạo dựng thanh danh, học hỏi là để tăng thêm kiến thức cho mình. Vì thế, ngày thường họ có thể bình yên vô sự, khi làm việc gì thì có thể tránh được tai họa. Nếu bây giờ con bỏ bê việc học hành, thì không những không làm được việc gì, mà còn khó tránh được tai họa đó". Mạnh Tử nghe xong giật mình tỉnh ngộ, từ đó sớm tối chăm chỉ học hành, theo học thầy Tử Tư, sau này trở thành bậc đại Nho nổi tiếng trong thiên hạ. Những người đức hạnh cho rằng Mạnh Mẫu là một người mẹ mẫu mực.

(Lưu Hương: *Liệt nữ truyện-Mẫu
nghĩ truyện*)

LỜI BÌNH

Đoạn văn ghi lại câu chuyện mẹ Mạnh Kha dạy con. Con người là sản phẩm của môi trường sống. Trong quá trình trưởng thành của một con người, môi trường sống có vai trò đặc biệt, sống trong môi trường khác nhau, hình thành những tính cách khác nhau. Đúng như Tuân Tử nói: "Cây cỏ bông sống trong đám gai, không cần uốn cũng thẳng; cát trắng ở trong đá phèn, thì cũng đen như đá phèn vậy". Mạnh Mẫu đã sớm hiểu ra điều này. Để tạo cho con mình một môi trường trưởng thành tốt đẹp, bà đã ba lần dời nhà, khiến Mạnh Kha từ nhỏ đã được học lễ nghĩa, được trưởng thành một cách lành mạnh. Môi trường sống là rất quan trọng, nhưng cũng chỉ là điều kiện khách quan, cần phải có sự nỗ lực chủ quan, Mạnh Mẫu kiên quyết lấy việc "cắt

vải" để đôn đốc Mạnh Kha cố gắng học hành, bà đã đặt nền móng để sau này Mạnh Kha trở thành người kế tục của học thuyết Nho gia.

Ngày nay, đương nhiên chúng ta không cần phải "ba lần dời nhà", cũng không cần "cắt vải", nhưng việc tạo một môi trường sống thích hợp cho con, đôn đốc con cái chăm chỉ học hành, là nhận thức chung giữa cổ và kim.

TU MÃ ĐÀM DẠY CON

Tổ tiên ta là Thái sử lệnh⁽¹⁾ triều Chu, đời trước đã lập nhiều công lao hiển hách, tiếng tăm lừng lẫy ở hai triều Ngu và Hạ, từng giữ chức thiên quan, là người đứng đầu muôn dân trăm họ. Đời sau đã sa sút, lẽ nào đến ta là hết ư? Nếu như con được làm Thái sử lệnh, thì con có thể kế tục sự nghiệp của tổ tiên rồi. Ngày nay, Hoàng đế kế thừa truyền thống nghìn năm, đến núi Thái Sơn phong thần, mà ta không được tháp tùng, thật đáng tiếc! Lẽ nào số phận ta đen đủi? Quả là ta không gặp may! Sau khi ta chết, con chắc chắn sẽ làm Thái sử lệnh. Làm Thái sử lệnh, nhất định không được quên việc ta muốn soạn sách sử! Chữ hiếu bắt đầu từ việc làm tốt công việc cha mẹ để lại, sau đến là phụng sự nhà vua, và cuối cùng là lập thân, khiến thanh danh của mình lưu truyền hậu thế, từ đó mà làm rạng danh cha mẹ. Đó là việc quan trọng nhất trong đạo hiếu. Sớ dĩ người trong thiên hạ ca tụng Chu Công⁽²⁾, là

1. Thái sử: Chức quan chuyên quản lý việc khởi thảo văn thư, ghi chép sự kiện lịch sử, biên soạn sách sử, kiểm luôn trông coi sách cổ, thiên văn lịch pháp, lễ tự của nhà nước thời Tây Chu và Xuân thu. Đến đời Tần Hán, chức vị dần dần hạ thấp xuống.

2. Chu Công: Họ Cơ, tên Đán. Vũ vương mất, Thành vương kế vị khi còn nhỏ tuổi, ông làm phụ tá cho vua Thành vương, là bậc trung thần nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc, được thiên hạ ca tụng.

vì ông ta biết ca tụng công đức của Văn vương, Vũ vương, phát huy tác phong mẫu mực của Chiêu công, hiểu rõ những suy nghĩ của Thái vương⁽¹⁾, Vương Quý⁽²⁾, cho đến Công Lưu⁽³⁾, Hậu Tắc⁽⁴⁾. Sau đến U vương và Lệ vương⁽⁵⁾ thì chính đạo mà các bậc tiên vương thi hành bị mất đi, những quy tắc xã hội và chuẩn mực đạo đức bị phá hoại.

Để cứu vãn tình thế này, Khổng Tử đã bàn luận *Kinh thi*, *Thượng thư*, làm ra kinh *Xuân thu*⁽⁶⁾, cho nên những người có học đến nay đều noi theo ông, coi ông là một tấm gương để học tập. Kể từ khi "hoạch lân" (bắt được kỳ lân)⁽⁷⁾ đến nay, đã trải qua hơn 400 năm, chư hầu các nước thôn tính lẫn nhau, các sách ghi chép về lịch sử cũng bị gián đoạn. Ngày nay, triều Hán hưng khởi, thống trị khắp thiên hạ, có bao nhiêu bậc minh chủ, trung thần, danh sĩ,

1. Thái vương: Tức Cổ Công Đán Phụ, là tiên chủ của bộ tộc Chu, tương truyền là cháu 12 đời của Hậu Tắc, là ông nội Chu Văn vương. Thời Vũ vương truy tôn là Thái vương.

2. Vương Quý: Là con út của Cổ Công Đán Phụ, bố của Văn vương, tên là Lý Lịch. Thời Vũ vương truy tôn là Vương Quý.

3. Công Lưu: Tương truyền là cháu của Hậu Tắc. Trong *Đại nhũ* của *Kinh thi* có thiên *Công Lưu*.

4. Hậu Tắc: Tổ tiên của nhà Chu. Tương truyền ông từng bị mẹ bỏ rơi, về sau nhờ thần linh phù hộ mới không chết đói chết rét, cho nên lấy tên là Khi (vết bò). Làm quan chương quản nông nghiệp cho vua Thuấn, được phong đất ở đất Thái, lấy hiệu là Hậu Tắc.

5. U vương, Lệ vương: Đều là hôn quân, bạo quân có tiếng trong lịch sử Trung Quốc.

6. *Xuân thu*: Bộ sách sử thể biên niên đầu tiên của Trung Quốc. Tương truyền do Khổng Tử dựa vào quyển *Xuân thu* của quan sử nước Lỗ chỉnh lý, hiệu đính lại mà thành.

7. Hoạch lân (bắt được kỳ lân): Năm 481 TCN, tức mùa xuân năm Lỗ Ai công thứ 14, khi đi săn ở phía Tây, người đánh xe của Thúc Tôn Thị tên là Tử Sĩ Thương bắt được con thú lạ, cho là điềm tốt, bèn ban cho người Ngụ. Khổng Tử nói: "Đây là con Kỳ lân", rồi nhận lấy.

ta làm Thái sử lệnh mà chưa ghi lại được sự tích của họ, vẫn sử trong thiên hạ cũng đều bỏ bê, nghĩ đến đây, ta vô cùng lo sợ, con phải suy nghĩ kỹ điều này!

(Sử ký - Thái sử công tự tự)

LỜI BÌNH

Tư Mã Đàm, không rõ năm sinh, mất năm 110. Làm quan Thái sử lệnh thời Hán Vũ đế, là cha của Tư Mã Thiên.

Sử ký là bộ sách sử thể kỷ truyện đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc, là một kiệt tác vĩ đại trong lịch sử phát triển sử học Trung Quốc, được Lỗ Tấn ca ngợi là "tuyệt xướng của sử gia, bản *Ly tao* không vần". Thế nhưng, thành tựu của Tư Mã Thiên không tách rời khỏi việc dạy dỗ của người cha, từ nhỏ Tư Mã Thiên đã theo cha học cổ văn, về sau lại chu du khắp thiên hạ với sự động viên khích lệ của cha, hơn nữa, lời dặn dò của Tư Mã Đàm với Tư Mã Thiên trước lúc lâm chung được ghi chép trong đoạn văn này đã có ảnh hưởng sâu sắc đối với Tư Mã Thiên. Tư Mã Đàm là Thái sử lệnh triều Hán, ông đã thu thập được rất nhiều tư liệu, định viết một bộ sách sử, nhưng chẳng may lâm bệnh nặng, không thể thực hiện được ý nguyện này, ông hy vọng Tư Mã Thiên có thể hoàn thành sự nghiệp dang dở của mình. Tư Mã Thiên đã ghi nhớ lời dạy của cha, vượt qua những khó khăn mà người bình thường khó vượt nổi, để cuối cùng viết nên bộ *Sử ký*. Điều này chứng tỏ rằng, trong quá trình giáo dục con cái, cha mẹ cần đề ra cho con mình những mục tiêu đúng đắn, thúc giục con cái khắc phục khó khăn, rèn luyện ý chí, cuối cùng mới có thể thành tài.

BÀI NỮ HUẤN CỦA THÁI UNG

Tâm hồn con người cũng như bộ mặt của con người, vì vậy cần phải chăm chút làm đẹp nó. Nếu một ngày không rửa mặt, thì bụi bặm sẽ bám đầy; nếu tâm hồn một ngày không nghĩ đến điều thiện, thì ý nghĩ tà ác sẽ len lỏi vào. Con người nếu chỉ biết trang điểm cho gương mặt của mình mà không biết làm đẹp cho tâm hồn mình, thì thật là hồ đồ! Gương mặt mà không trang điểm, thì ngay đến cả kẻ ngu dân cũng biết chê là xấu; tâm hồn mà không tu dưỡng, thì sẽ bị người hiền cho là ác. Bị kẻ ngu chê xấu còn có thể tha thứ được, chứ bị người hiền cho là ác thì làm sao có thể dung thân trong thiên hạ? Vì vậy, lúc con soi gương rửa mặt, thì phải nghĩ đến sự trong sạch của tâm hồn; lúc bôi son, phải nghĩ đến sự dịu dàng của tâm hồn; lúc con thoa phấn, thì phải nghĩ đến sự tươi sáng của tâm hồn; lúc gội đầu, phải nghĩ đến nét hiền hòa của tâm hồn; khi chải lược chải đầu, phải nghĩ đến sự mạch lạc của tâm hồn; khi tết tóc, phải nghĩ đến sự ngay thẳng của tâm hồn; và khi sửa tóc mai, phải nghĩ đến sự nghiêm túc của tâm hồn.

(Nghiêm Khả Quân: *Toàn Hán văn*)

LỜI BÌNH

Thái Ung (132-192), tự là Bá Hải, nhà văn, nhà thư pháp nổi tiếng thời Đông Hán. Bài *Nữ huấn* này là bài văn Thái Ung viết

để răn dạy con gái mình là Thái Diễm. Tư tưởng chính của bài văn là muốn con gái chú ý tu dưỡng cả thể xác lẫn tâm hồn. Thái Ung dựa vào những đặc điểm của con gái, yêu cầu con gái đồng thời với việc trang điểm, coi trọng vẻ đẹp bên ngoài, phải mưu cầu một vẻ đẹp trong tâm hồn, và ông chỉ ra rằng: Nét đẹp của tâm hồn quan trọng hơn nhiều so với vẻ đẹp bên ngoài. Thái Diễm không phụ lời dạy của cha, đã trở thành một nữ tài tử học rộng biết nhiều hiếm có trong lịch sử Trung Quốc. Chủ trương dạy con của Thái Ung cho đến nay vẫn đáng được nhắc đến. Yêu cái đẹp là bản tính của con người, nhưng cần phải có sự hướng dẫn thật tốt. Các bậc phụ huynh cần phải đặc biệt chú ý giáo dục cái đẹp trong gia đình, hun đúc tính cách của con cái, để con trẻ hiểu được thế nào mới là cái đẹp đích thực. Cần phải cho con cái hiểu rằng, cái đẹp đích thực không có nghĩa là y phục trang sức lộng lẫy, là nét hoa mặt nguyệt, chỉ có cái đẹp tâm hồn mới là vĩnh cửu. Đương nhiên, những bậc làm cha làm mẹ phải biết dẫn dắt từng bước cho con cái mình, quan trọng hơn là phải làm gương cho con cái, như vậy mới có thể có hiệu quả tốt trong giáo dục cái đẹp, mới có thể làm cho con cái phát triển toàn diện và lành mạnh cả thể xác và tâm hồn.

SÁCH RĂN CON CỦA GIA CÁT LƯỢNG

Người có đức muốn tu thân cần phải loại bỏ mọi sự quấy nhiễu bên ngoài, muốn nâng cao tu dưỡng đạo đức thì phải cần kiệm liêm chính. Không coi nhẹ danh lợi thì không thể xác định chí hướng của mình; không loại bỏ những quấy nhiễu bên ngoài thì khó mà tiến lên. Học cần phải tĩnh tâm, tài năng là do học mà có, nếu không học thì không thể tăng thêm tài năng của mình được; không có chí hướng thì học tập sẽ không có kết quả. Lười biếng thì không thể làm cho tinh thần phấn chấn; nóng vội muốn có thành quả ngay thì không thể rèn luyện tính cách. Tuổi tác sẽ theo thời gian mà qua đi, ý chí cũng sẽ trôi dần theo năm tháng, cuối cùng cũng khô rụng như cánh như lá, đa số những người không kế tục được sự nghiệp của cha ông thì kết cục chỉ có thể ngậm buồn mà sống cảnh nghèo hèn, đến lúc đó có hối hận cũng không kịp.

(Gia Cát Lượng tập)

LỜI BÌNH

Gia Cát Lượng (181-234), tự Khổng Minh, nhà chính trị và nhà quân sự kiệt xuất thời Tam quốc. Trên đây là bức thư ông viết cho con là Gia Cát Thiêm. Trong thư, Gia Cát Lượng răn

dạy con những đạo lý căn bản để làm người, như tu thân, dưỡng đức. Đồng thời cũng trình bày và phân tích mối quan hệ biện chứng giữa tài, học và chí. Theo ông, muốn có tài phải khổ học, muốn học thì phải có chí, và còn phải "tĩnh" nữa. Hơn nữa, "tĩnh" là cốt lõi mà Gia Cát Lượng nhấn mạnh trong đoạn văn này. "Tĩnh" ở đây là tĩnh tâm chuyên nhất. Nhận xét của Gia Cát Lượng hết sức tinh tế và sâu sắc. Quả vậy, bất kể là việc học tập, hay tu thân, đều phải tập trung ý chí của mình vào, nếu không chuyên tâm thì việc tất sẽ không thành. Ngày nay, những bậc phụ huynh nếu nghiền ngẫm đọc kỹ bức thư trên, nhất định sẽ có sự gợi mở trong việc giáo dục con cái.

THIÊN GIÁO TỬ CỦA NHAN CHI THÔI

Người thông minh không dạy cũng thành tài, còn kẻ ngu dốt cho dù có dạy cũng vô ích. Chỉ có người bình thường mà không được dạy dỗ thì không thể có tri thức. Ngày xưa, Thánh vương có phương pháp dạy con từ khi còn trong bụng mẹ: Vương Hậu mang thai được 3 tháng, thì dọn đến cung thất khác ở, mắt không nhìn những việc không chính đáng, tai không nghe những âm thanh không phải lễ nhạc. Dù là âm thanh hay ẩm thực, đều phải lấy lễ để điều tiết. Phương pháp dạy con này được chép vào sách, cất trong tủ sắt, để cảnh giới. Sau khi đứa trẻ ra đời, đợi khi nó biết khóc biết cười, quan phụ trách giáo dục sẽ dùng hiếu, nhân, lễ, nghĩa để hướng dẫn đứa trẻ học tập. Người dân bình thường tuy không được như vậy, nhưng cũng phải dạy trẻ biết nhận mặt từng người, biết nét mặt của từng người. Việc gì trẻ nên làm thì mới cho nó làm, việc gì không nên làm thì không cho phép làm. Đến khi đứa trẻ lớn lên một chút thì cố gắng không nên đánh mắng trẻ. Nếu cha mẹ vừa nghiêm khắc vừa có tấm lòng yêu con, thì con trẻ sẽ kính sợ mà sinh hiếu thuận. Tôi thấy có bậc phụ huynh, không biết dạy con mà chỉ một mực nuông chiều. Dung túng con từ việc ăn uống, lời nói, cho đến việc làm. Khi cần răn đe, nhắc nhở con thì lại khen thưởng, khi cần quát mắng con thì lại cười cợt với nó, khi

đã tạo cho con thói ngạo mạn rồi mới ngăn cản nó, thì dù lúc đó có dùng roi vọt cũng bằng thừa. Nếu mình càng câu giận thì nó càng oán hận, đợi khi nó trưởng thành thì đạo đức đã băng hoại mất rồi. Khổng Tử nói: "Những thói quen hình thành từ bé thì cũng như thiên tính vậy. Lối sống do cả một quá trình hình thành thì khó mà thay đổi và sẽ trở thành tính cách". Tục ngữ có câu: "Dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về". Đây là điều hết sức đúng!

Phàm những người không biết cách dạy con cái, chẳng phải họ muốn cố ý cho con mình làm điều ác. Chỉ có điều là họ không dám đánh chửi con, mắng con thì sợ làm con mất mặt, đánh thì lại sợ con đau. Ví như việc chữa bệnh, làm gì có chuyện không dùng thuốc, không chăm cứu mà khỏi bệnh, những người dạy con một cách nghiêm khắc, có ai lại muốn khắt khe ngược đãi cốt nhục của mình? Quả thực là bất đắc dĩ thôi.

Nguy Thị - mẹ của Đại tư mã Vương Tăng Biện là một người hết sức nghiêm khắc. Khi Vương Tăng Biện ở Bồn Thành, ông đã từng chỉ huy cả ba nghìn quân. Mặc dù tuổi đã ngoài bốn mươi, nhưng hề có gì sợ hãi vẫn bị mẹ đánh. Chính vì vậy mà ông mới lập nên sự nghiệp. Vào thời Lương Nguyên đế Túc Dịch, có một học sĩ thông minh tài giỏi, rất được cha cưng chiều, nhưng cha anh ta không biết cách dạy con, con nói câu gì hay thì đi khoe khắp thiên hạ, còn nếu làm việc gì sai thì tìm mọi cách bao che, hy vọng là tự nó có thể sửa chữa được. Thế nhưng đến khi trưởng thành, sai lầm của anh ta lại càng nghiêm trọng hơn, vì nói năng không thận trọng, đã xúc phạm đến Chu Dịch, nên đã bị giết và lấy máu bôi lên trống.

Cha mẹ đối với con cần phải uy nghiêm, không nên quá thân mật; con cái đối với cha mẹ, phải có tình yêu cốt nhục, không được sao nhãng. Nếu sao nhãng thì không thể nói đến cha hiền con hiếu; quá thân mật thì mất đi sự cung kính. Từ mệnh sĩ trở lên, cha con không ở chung một phòng, đây là cách để không thân mật quá. Con cái dám bóp cho cha mẹ, thu dọn giường chiếu cho cha mẹ, đây là biểu hiện của sự không sao nhãng. Có người hỏi: "Trần Căng nghe nói Khổng Tử không thân mật với con mình là Khổng Lý thì rất vui mừng, tại sao lại như vậy?" Trả lời rằng: "Đúng là có chuyện đó. Lý do là vì quân tử không tự mình dạy con. Trong *Kinh thi* có những câu châm biếm, trong *Lễ* có những lời nhắc nhở hiềm nghị, trong *Thượng thư* ghi những chuyện làm cho mê hoặc, trong *Xuân thu* có những lời châm chọc không chính đáng. Những điều này giữa cha con không nên nói, cho nên không tiện truyền đạt".

Lang Nha vương Cao Nghiêm, con của Vũ Thành đế, vua nước Tề, là em ruột của Thái tử Cao Vĩ, do Hồ Hoàng hậu sinh ra. Anh ta từ nhỏ đã rất thông minh, được Vũ Thành đế và Hồ Hoàng hậu rất疼 yêu quý, ăn mặc đều được chu cấp như Thái tử. Vũ Thành đế thường nói trước mặt anh ta rằng: "Đứa con trẫm rất thông minh, sau này chắc chắn sẽ thành đạt". Đến khi Thái tử Cao Vĩ lên ngôi Hoàng đế, Lang Nha vương ra ở cung điện khác, đẳng cấp lễ nghi rất được ưu đãi, không giống như các vương gia khác. Mặc dù vậy, Hồ Hoàng hậu vẫn chưa hài lòng, nên thường nhắc đến chuyện này. Lên chừng 10 tuổi, Lang Nha vương trở nên kiêu căng ngang ngược, không giữ lễ tiết. Tất cả mọi thứ từ đồ dùng, quần áo đến thường ngoạn

vui thú đều đòi được như Hoàng đế. Anh ta thường đến Nam diện triều kiến thiên tử. Một lần, trông thấy viên quan Điện ngự (người trông coi việc cơm nước của Hoàng đế) là Tiền Tân Bạng và Câu Thuần Lệnh dâng mâm đầu mùa cho Hậu chủ, anh ta cũng đòi một phần nhưng không được, liền chửi toáng lên rằng: "Đã dâng cho Hoàng thượng, sao ta lại không có". Anh ta không có giới hạn, không biết thân phận của mình. Những người có học thường ví anh ta với Thúc Đoạn và Châu Hu thời Xuân thu. Sau đó, vì bất mãn với Tể tướng, anh ta đã giả lệnh Hoàng đế giết chết đối phương, rồi lại sợ có quân cứu viện đến, liền dẫn quân sĩ bỏ hạ phòng thủ tại điện môn. Anh ta không có lòng tạo phản nhưng cuối cùng cũng vì việc này mà chết.

Người đời khó có thể đối xử bình đẳng với con cái được. Từ cổ chí kim, tệ này quả là rất nhiều. Người con tài trí hơn người đương nhiên đáng được yêu quý, nhưng dù là với đứa con ngu đần cũng phải thương yêu nó. Đối với đứa con mà anh yêu hơn, tuy về mặt chủ quan là muốn ưu ái con, nhưng thực ra là đã làm hại nó rồi. Cái chết của Cộng Thúc Đoạn thực tế là do mẹ anh ta góp phần gây nên; Triệu vương Như Ý bị hại cũng là do cha anh ta gây ra, việc gia tộc Lưu Biểu bị diệt, Viên Thiệu bại trận, mất đất, đều có thể lấy làm gương cho kẻ khác.

Triều Tề có một bậc sĩ có danh vọng, địa vị từng nói với ta rằng: "Tôi có một đứa con đã 17 tuổi rồi, nó có học chút ít, tôi còn dạy nó học tiếng Tiên Ti và chơi đàn tì bà, tôi định khi nó có chút hiểu biết thì cho đi phục vụ các bậc đại quan, nhất định sẽ được sủng ái, đây cũng là việc rất quan trọng". Lúc đó ta cúi đầu không trả lời. Thật là kỳ lạ cái kiểu dạy con của người này, nếu như nó theo cái

nghiệp đó, sau này cho dù có thể làm khanh tướng, ta cũng không muốn các con làm việc đó.

(*Nhan thị gia huấn*)

LỜI BÌNH

Nhan Chi Thôi (530-khoảng sau 590), tự là Giới, nhà văn nổi tiếng Bắc Tề, tác phẩm có *Nhan thị gia huấn*. *Giáo tử* là thiên thứ hai của *Nhan thị gia huấn*. Trong thiên này, Nhan Chi Thôi tập trung nói rõ mấy vấn đề sau: Trước hết ông cho rằng, đối với sự phát triển của một con người, thời thơ ấu là giai đoạn quan trọng đặt nền móng cho cả cuộc đời, vì vậy, cần đặc biệt coi trọng giáo dục tuổi thơ. Ông lấy câu ngạn ngữ "Dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về" để làm minh chứng. Câu "dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về" không tránh khỏi mang sắc thái gia trưởng phong kiến, kỳ thị phụ nữ, nhưng câu "dạy con từ thuở còn thơ" lại có ý nghĩa khoa học của nó, bởi vì trẻ thơ rất dễ uốn nắn, và hiệu quả giáo dục cũng tốt nhất; tiếp theo, ông nhấn mạnh: các bậc cha mẹ cần giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa nuôi dưỡng và giáo dục, không thể lấy việc yêu chiều để thay cho sự giáo dục nghiêm khắc đối với con trẻ, vì chỉ có như vậy mới có thể khiến trẻ có được quan niệm phải trái, đúng sai một cách chính xác, có thể ảnh hưởng đến sự phát triển của cả cuộc đời đứa trẻ; tiếp nữa, Nhan Chi Thôi đã tổng kết những ví dụ về sự thất bại trong giáo dục con cái trong lịch sử và của người đương thời, đồng thời nâng lên thành lý luận, nhắc nhở con cháu chớ bắt chước họ. Những vấn đề này đều đáng để người đời sau chú ý. Tuy nhiên, cũng không thể phủ nhận rằng, quan điểm của Nhan Chi Thôi cho rằng "kẻ ngu dốt dù có dạy cũng vô ích" là cách nhìn lệch lạc, chúng ta nên loại bỏ quan điểm này.

ẤU HUẤN CỦA VƯƠNG BAO

Đào Khản⁽¹⁾ nói: "Xưa kia Đại Vũ không tiếc đồ vật làm bằng ngọc có đường kính một thước mà lại quý từng tấc thời gian". Văn nhân tại sao không biết tranh thủ thời gian mà đọc sách? Võ sĩ sao không mau đi cưỡi ngựa bắn cung? Bất kể là đêm đông hay ngày hạ, trong nhà luôn yên tĩnh, kín cổng cao tường, không lộn xộn, ồn ào. Học tập như vậy thì đã được như đệ tử của Khổng môn rồi; viết văn như vậy thì có thể đạt được trình độ cao siêu như Giá Nghị⁽²⁾ rồi. Thời cổ đại, trên khay lọ đều khắc những bài văn nổi tiếng, trên bàn hay gậy chống cũng đều khắc những lời răn dạy. Trong bài thơ *Văn vương* có nói: "Không phải không có cái mở đầu tốt đẹp, mà là rất ít có cái kết mỹ mãn". Bất kể là trong việc làm người hay trong hành động đều phải trước sau như một. "Cho dù là lúc gấp gáp cũng phải như vậy". Đó là lời của Khổng Tử.

(*Lương thư-Thiên Bao truyện*)

LỜI BÌNH

Vương Bao, tự Tử Uyên, nhà văn thời Bắc Chu. Đoạn văn trích những lời răn dạy con của Vương Bao. Vương Bao lấy việc

1. Đào Khản: Tức Đào Sĩ Hoành, đại tướng quân thời Đông Tấn.

2. Giá Nghị: Nhà văn nổi tiếng thời Tây Hán.

Đại Vũ không tiếc đồ vật bằng ngọc mà quý từng chút thời gian ngắn ngủi, để giáo dục con cháu phải biết quý trọng thời gian, cố gắng học tập, không được đầu voi đuôi chuột, như vậy mới có thể đạt đến một trình độ nhất định. Đúng như tục ngữ nói: "Thời gian là vàng bạc, vàng bạc không mua được thời gian". Giữa cuộc sống con người và trời đất, khoảng thời gian mấy chục năm chúa sáng thế ban cho con người tưởng như dài đằng đặc, thực ra như bóng câu qua khe cửa, một chớp mắt là qua đi. Chính vì lẽ đó, cha mẹ cần dạy con từ tấm bé đã phải biết quý trọng thời gian, coi thời gian như vàng bạc, phải dạy cho con trẻ biết rằng thời gian không chờ đợi một ai, phải biết sử dụng hết từng giây từng phút thời gian mà ta có. Gót nói: "Tài sản của tôi chính là thời gian". Thời gian thật công bằng đối với mọi người, chỉ có điều chúng ta sử dụng nó như thế nào mà thôi.

DẠY CON NOI GUỒNG BỐ

Cha con là quan thanh liêm, lại hay bố thí cho người khác, thích mở tiệc mời khách, bổng lộc ít, thường không có lúc nào dư dật, ông từng nói: "Không nên để của cải làm tăng thêm gánh nặng cho tôi". Vì thế mà đến lúc mất, ông không để lại một gian nhà, một mảnh vườn, mẹ góa con côi lấy gì mà sinh sống. Đối với cha con, mẹ cũng hiểu được phần nào. Cha con làm quan, ban đêm thường thấp nền xem xét văn thư trong quan phủ, mẹ chỉ thấy ông ấy nhiều lần dặt văn thư xuống mà thở dài. Mẹ hỏi ông ấy vì sao lại thở dài? Ông nói: "Đây là một vụ án đáng xử tử hình, tôi muốn mở ra cho tội phạm một con đường sống mà không được". Mẹ nói: "Thế thì ông cố tạo cho anh ta một cơ hội sống đi!" Cha con bảo: "Tôi đã muốn cho anh ta một con đường sống mà không thể được, thì giữa người chết và tôi cũng chẳng còn oán hận gì nữa. Nhưng có lúc thực sự có thể giúp tội phạm không bị xử tội chết, có những tội phạm vốn có thể mở cho họ một con đường sống mà tôi lại khinh suất xử họ tội chết, thế thì người chết tất sẽ oán hận tôi. Người xử án thường muốn mở ra con đường sống cho tội phạm, nhưng vẫn không thể tránh khỏi việc xử nhầm tội chết, huống hồ lại có kẻ muốn dặt tội phạm vào chỗ chết mới hả dạ". Ông ấy quay đầu

lại thấy vú mầu đang bế con đứng bên cạnh, liền chỉ vào con mà than thở rằng: "Ông thầy bói phán rằng tôi sẽ chết vào năm Tuất, nếu thật như thế thì tôi không được nhìn thấy con trai tôi lúc trưởng thành. Đợi khi nào nó khôn lớn thì bà hãy kể cho nó nghe những điều tôi vừa nói". Thường ngày, cha con hay lấy những đạo lý đó để răn dạy con cháu, nên mẹ luôn ghi nhớ trong lòng. Mẹ không biết trong hoạt động xã hội cha con thế nào, chứ trong gia đình, cha con không bao giờ giả dối, làm việc gì cũng vậy, đều thực sự xuất phát từ đáy lòng! Cha con có tấm lòng nhân ái bao la, vì vậy mà mẹ biết rằng cha con nhất định sẽ có người nối nghiệp, con phải cố gắng lên! Phụng dưỡng cha mẹ, không cần phải vật chất quá ư đầy đủ, mà quan trọng là phải hiếu thảo. Những việc mưu lợi cho bách tính muôn dân, tuy một mình không thể lo được cho muôn người, nhưng quan trọng là ở chỗ phải có tấm lòng nhân ái bao la. Mẹ không thể dạy con điều gì, đây là ý chí của cha con vậy.

(Âu Dương Tu: *Long cương thiên biểu*)

LỜI BÌNH

Đoạn văn ghi lại câu chuyện mẹ Âu Dương Tu dạy ông. Âu Dương Tu mồ côi cha từ bé, trách nhiệm nuôi dạy ông do mẹ ông là Trịnh thị gánh vác. Trịnh thị quả là người có cách dạy con rất độc đáo. Bà cho rằng, chồng bà lúc sinh thời tuy chưa lập nên công trạng gì hiển hách, nhưng ông là quan thanh liêm, lại giàu lòng nhân ái, vì vậy bà thường đem những câu chuyện của chồng kể cho Âu Dương Tu nghe, và dạy ông noi theo gương cha. Bởi thế, trong con mắt của Âu Dương Tu đã có hình ảnh cao đẹp của người cha. Ông đã không phụ lời dạy của mẹ,

cuối cùng trở thành một học giả nổi tiếng. Ví dụ về sự thành công trong cách dạy con của bà mẹ Âu Dương Tu cho thấy: Cha mẹ khi dạy con cái phải biết làm sao cho phù hợp với đặc điểm của con mình, phải biết nêu những tấm gương gần gũi quanh mình, như thế mới dễ làm cho con trẻ tiếp thu.

TƯ MÃ QUANG DẠY CON

Thạch Thuộc⁽¹⁾ khuyên Vệ Trang công⁽²⁾ rằng: "Thần nghe nói, yêu con thì nên lấy đạo nghĩa để dạy bảo con, để nó không đi vào con đường bất chính. Sự kiêu căng, xa xỉ, phóng đảng, thích hưởng lạc đều là nguyên nhân dẫn đến con đường bất chính. Sở dĩ nảy sinh bốn hành vi tệ hại này đều là do sự nuông chiều quá mức". Từ xưa, có những bậc làm cha mẹ chỉ biết yêu chiều con mà không biết dạy con, vì thế khiến con mình bị nguy hiểm đến tính mạng, thân bị làm nhục, hoặc nổi loạn dẫn tới mất mạng. Những người như thế trong lịch sử liệu đếm xuể được chăng? Yêu con thì phải dạy chúng thành người, còn nếu yêu con mà lại đẩy con vào chỗ nguy hiểm, chịu nhục hoặc nổi loạn dẫn đến mất mạng, thì đâu còn là yêu con, mà là hại con đấy chứ! Trên đời, những người yêu con kiểu này thường nói rằng con nó còn bé chưa biết gì, đợi khi nào lớn lên mới dạy nó. Làm như vậy khác nào một cây độc khi mới nảy mầm thì bảo là đợi nó lớn bằng một người ôm rồi mới chặt, đến lúc đó thì có phải là hao tổn sức lực nhiều hơn không? Cũng chẳng khác gì mở lòng

1. Thạch Thuộc: Đại phu nước Vệ thời Xuân thu

2. Vệ Trang công: Tên là Dương, con Vệ Vũ công. Ở ngôi từ năm 757 đến 735 (TCN)

thả chim rồi lại đuổi bắt, tháo dây cương cho ngựa chạy rồi lại đuổi theo, có phải là đừng mở lòng, đừng tháo dây thì đỡ được những việc đó sao?

(Gia phạm)

Những người làm cha mẹ, không sợ là không yêu con cái, chỉ sợ rằng chỉ biết yêu mà không biết dạy. Cổ nhân có câu: "Người mẹ yêu con quá thường dễ hại đến con". Yêu con mà không dạy con thì sẽ làm cho con trở nên bất hiếu, không có việc gì xấu mà không làm, thậm chí rơi vào phạm tội, cuối cùng sẽ tự chuốc lấy cái chết. Chẳng phải ai làm hại nó, mà chính lại là mẹ nó. Từ cổ chí kim, những chuyện như vậy nhiều không kể xiết.

(Gia phạm)

Xưa nay, những người lo cho con cháu thường chỉ mưu cầu hồng có chút tài sản để lại. Ruộng đất thẳng cánh có bay, cửa hàng san sát, lương thực chất đầy kho, vàng bạc vải vóc đầy hòm, còn chưa thỏa mãn, tự đắc ý cho là con cháu đời sau dùng mấy đời không hết. Thế nhưng lại không biết dạy con, không biết dùng lễ nghĩa để tề gia, cho nên tài sản vất vả góp nhặt bao nhiêu năm trời, chỉ đủ con cháu tiêu xài phung phí trong mấy năm. Đã thế lại còn bị chúng chê cười là tổ tiên không biết hưởng thụ, trách họ hà tiện, không cho con cháu một chút ân huệ, từ đó mà ngược đãi họ. Ban đầu là ăn cắp vặt để có tiền thỏa mãn dục vọng của mình, khi không được thỏa mãn thì viết giấy vay mượn của người khác, đợi cha mẹ mất đi mới trả nợ. Những kẻ đó chỉ lo cha mẹ sống lâu, thậm chí cha mẹ

giàu đau ốm cũng không lo chữa chạy. Chuyện lén lút đầu độc cha mẹ cũng không phải là không có. Những người này vốn muốn tạo phúc cho đời sau, nhưng ngược lại, họ lại nuôi lên cái mầm tội lỗi của con cháu, và bản thân họ phải hứng chịu tai họa đó. Gần đây, có một viên quan lại, tổ tiên của ông ta là danh thần của triều đình. Ông này rất giàu có nhưng lại hết sức keo kiệt, từ một đấu gạo cho đến một tác vải đều tự quản lý, khóa chặt lại. Ban ngày đeo chìa khóa trong người, ban đêm để dưới gối. Khi ông ta lâm bệnh nặng, con cháu ông ta lấy trộm chìa khóa, mở buồng mở hòm lấy tiền của, ông ta cũng không biết. Khi tỉnh dậy, ông ta sờ tay xuống gối không thấy chìa khóa đâu nữa, thì tức giận quá mà chết. Con cháu ông ta đều không khóc, chỉ lo tranh giành của cải. Vì phân chia không đều mà dẫn đến đánh nhau, kiện đến quan phủ. Ông ta có cô con gái chưa chồng, cũng xuất đầu lộ diện, đầu đội khăn, mặt che kín, tay cầm đơn kiện, đích thân đến cửa quan kêu kiện, đòi của hồi môn, bị làng xóm chê cười. Sở dĩ xảy ra nông nỗi này là do con cháu của ông ta từ bé đến lớn chỉ biết đến lợi lộc mà không biết đến đạo nghĩa. Những chi phí cần cho cuộc sống, không ai thiếu được, nhưng cũng không thể đòi hỏi quá nhiều, nhiều thì dễ trở thành gánh nặng. Nếu nuôi dạy con cháu mình thành người đức độ thì đâu có chuyện họ không tự lo được chuyện ăn mặc của mình hay là phải chết giữa đường. Nếu họ không có đức độ, thì cho dù trong nhà chất đầy vàng bạc, cũng có ích gì? Bởi vậy, ta nghĩ rằng, để lại tài sản quá nhiều cho con cháu, là một việc làm hết sức ngu xuẩn.

(Thiếu nghị ngoại truyện)

LỜI BÌNH

Tư Mã Quang là bậc đại thần, nhà sử học nổi tiếng thời Bắc Tống. Ba đoạn văn của Tư Mã Quang được chọn ra ở đây thể hiện ba nguyên tắc dạy con của ông. Thứ nhất, Tư Mã Quang chủ trương cha mẹ phải lấy đạo nghĩa để dạy con, hơn nữa phải dạy sớm kịp thời. Nếu không dạy con từ tấm bé, thì lúc lớn lên chúng sẽ có những tật xấu rất khó sửa. Điều này rất có lý, bởi vì tuổi thơ non nớt là thời kỳ quan trọng nhất của một con người, tất cả những thói quen, tư tưởng đều được đặt nền móng ở thời kỳ này, nếu nền móng không vững chắc, thì về sau rất khó tạo nên một nhân cách hoàn thiện. Thứ hai, Tư Mã Quang cho rằng, yêu con mà không dạy thì không phải yêu con thực sự. Quả thật, làm cha làm mẹ chẳng có ai lại không yêu con mình, nhưng tình yêu tự nhiên đó một khi xa rời sự kiểm soát của lý trí thì rất dễ rơi vào chỗ yêu chiều quá mức, mà quá mức thì sẽ làm hỏng con cái, sở dĩ nói: "Người mẹ yêu con thường là hại con" chính là như vậy. Trong cuộc sống hiện thực, những trường hợp yêu chiều quá mức khiến cho con cái đi vào con đường bất chính không phải là hiếm. Thứ ba, Tư Mã Quang cho rằng, cha mẹ chỉ lo kiểm soát nhiều của cải cho con, chính là "không lấy đạo nghĩa để dạy con mình", và ông đã lấy trường hợp của một bậc sĩ đại phu để chứng minh. Phải nói rằng, người cha người mẹ có học dạy con không chỉ cho con nguồn sống, hay là cho chúng của cải đầy đủ, mà cần chú ý hơn là trau dồi phẩm chất đạo đức cho con, vì đây mới thực sự là nguồn hạnh phúc của con. Vì vậy, cha mẹ phải luôn ý thức được rằng, những thứ cần cho con là cái tốt đẹp, cái đó hơn tiền bạc nhiều.

CĂN DẶN CON

Sớm tối đi học, phải thường xuyên hỏi thầy giáo; phải theo thông lệ của mọi người, không được trễ nải. Thường ngày lúc tìm tòi suy nghĩ, nếu có gì thắc mắc thì phải ghi ngay vào sổ, để hỏi thầy giáo, không được bỏ qua. Tất cả những điều thầy dạy, khi về nhà phải nghiên ngẫm xem chỗ nào là quan trọng, hàng ngày đều phải ghi chép lại, lúc nào cần thì mở ra xem. Gặp bài văn hay, cũng nên ghi lại.

Ở trường, không được tùy tiện ra vào, giao du với người khác. Có người mới đến, thì phải hỏi thầy giáo, thấy đáng gặp thì gặp, không đáng gặp thì không nên qua lại. Bình thường có người đến gặp con, con cũng phải thưa với thầy rồi mới trả lời họ. Ngoài những cái đó ra, không được làm sai một bước.

Về nhà, nhất thiết phải kính trọng những người xung quanh, không được ngạo mạn, vô lễ. Ăn nói phải thận trọng, chừng mực, không được nói cười ầm ĩ. Mọi việc đều phải khiêm tốn, cung kính, không được cậy thế át người, để tránh tự chuốc lấy sỉ nhục.

Không được uống rượu, tránh cho tinh thần trống rỗng, bỏ bê việc học hành; hơn nữa, còn để tránh rượu vào thì lời ra, nói năng hồ đồ, làm tổn hại đến mình và người

khác. Những điều này cần phải hết sức đề phòng. Không được bàn luận sau lưng về sai lầm, ưu khuyết điểm và việc đúng sai, phải trái của người khác. Nếu có ai đó nói với con về những việc này, thì con cũng không nên tham gia vào. Trước mặt thầy, càng không thể nói những điểm yếu của bạn bè.

Giao du với bạn bè phải thận trọng, phải biết chọn bạn mà chơi, dù là bạn học, cũng phải có sự phân biệt thân sơ. Những việc này đều phải xin ý kiến thầy, nghe thầy dạy bảo. Nói chung, những người nhân hậu, thật thà với mọi người, dám nói thẳng những khuyết điểm và sai lầm của người khác, là bạn tốt; còn những kẻ hay xu nịnh, nói năng khinh bạc, kiêu căng phóng đãng, xúi người làm việc ác, thì là bạn xấu. Tuy nhiên, nếu dựa theo những tiêu chuẩn này để tìm bạn, thì bản thân con cũng chỉ thấy được năm đến bảy phần, phải hỏi ý kiến thầy giáo để xem xét thêm, như vậy thì không chệch đi đâu được. Nhưng, ta lo là con chí hướng, tính tình kém coi tâm thường, không thể tự kiểm chế, không vui vẻ tiếp thu ý kiến đúng đắn của người khác, như vậy thì dù con không muốn xa lánh bạn tốt rồi cũng tự nhiên mà xa lánh; tuy không muốn thân bạn xấu lại càng thân. Vì vậy, cần phải tự kiểm chế, đôn đốc mình, sửa chữa, vứt bỏ những nhược điểm của mình, không để dần dần nhiễm phải những tính xấu này, hay tự bước vào vòng của kẻ tiểu nhân. Nếu không thì dù có thầy hiền, cũng không thể thay đổi được thân phận của mình.

Thấy người khác có lời hay việc tốt, thì khiêm tốn mà ghi nhớ lại, gập bài văn, bài thơ hay của người khác, thấy hơn hẳn của mình, thì nên xem kỹ, hoặc ghi lại để học tập, phấn đấu cho đến khi bằng người đó mới thôi.

Những điều trên đây, cần phải tuân thủ chặt chẽ, còn một điều chưa nói đến, có thể suy từ những điều trên, đại khái không ngoài hai chữ "cần-cẩn". Nếu làm được điều đó, thì nhất định sẽ tiến bộ, sẽ có những điều tốt lành đến với con. Cái đó, tuy ta không dám chắc, nhưng ta thầm chúc cho con. Nếu không làm như vậy, thì con sẽ rơi xuống vực sâu nghìn trượng, bao nhiêu chuyện xấu sẽ giáng xuống đầu con. Điều này, tuy ta chẳng muốn nói ra, nhưng lại không thể không lo lắng cho con được.

Thực ra, nếu con hiếu học, thì cũng có thể ở nhà đọc sách làm văn, không nhất thiết phải rời xa cha mẹ, lặn lội nghìn dặm cầu học. Nhưng con đã không thể như vậy. Bản thân con không ham học, cũng không còn hy vọng gì nữa. Nay ta vẫn để con đi, là vì sợ con ở nhà lại chìm ngụp trong những việc tầm thường, không thể chuyên tâm học hành. Là cha con, ta cũng không muốn suốt ngày thúc giục, quở trách con; bạn bè con cũng không gặp gỡ con nữa, chính vì thế ta vẫn để con đi ra ngoài thì hơn. Nếu đến đó, con hằng say phấn đấu, cố gắng sửa chữa những khuyết tật cũ, chịu thương chịu khó, thì ta vẫn còn niềm tin ở con. Bằng không thì ta đã nhọc lòng vô ích, con vẫn cứ như ở nhà mà thôi; sau này trở về, vẫn chứng nào tật ấy. Nếu quả như vậy, ta không biết con còn mặt mũi nào để về gặp lại cha mẹ, anh em, họ hàng, bạn bè nữa?

Ta rất nhớ con, nhớ vô cùng! Mong con sau mỗi đêm ngủ dậy, không xảy ra chuyện gì làm ô nhục con. Lần này đi, con phải cố gắng hết sức!

(*Chu Tử văn tập*, quyển 8)

LỜI BÌNH

Chu Hy (1130-1200), tự là Nguyên Hối, nhà triết học, nhà giáo dục nổi tiếng thời Nam Tống. Trên đây là bức thư ông viết cho con. Vấn đề trọng tâm mà Chu Hy nhấn mạnh trong bức thư này là ông rắn dạy con kết giao với bạn bè như thế nào và xử sự như thế nào trong quan hệ với mọi người. Chu Hy nhắc nhở con, kết bạn nhất thiết phải thận trọng, đồng thời ông chia thành hai loại bạn: bạn tốt và bạn xấu. Ông dặn dò con phải tìm bạn tốt mà chơi, tránh xa bạn xấu. Chu Hy chỉ rõ hơn rằng: Việc chơi với bạn tốt hay bạn xấu hoàn toàn do bản thân mình quyết định. Chỉ có nghiêm khắc với chính mình, từ bỏ những thói hư tật xấu của mình, mới có thể tìm được bạn tốt. Chu Hy đã liên hệ được giữa việc kết bạn với việc làm người như thế nào, đây là điều khó có được. Tục ngữ có câu: "Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng", chính Chu Hy đã nhấn mạnh điểm này. Con người sống trong cộng đồng không thể tránh khỏi việc kết bạn, ngược lại việc kết bạn lại vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của một con người. Tuân Tử nói: "Kẻ thất phu không thể không biết chọn bạn, chọn được bạn hiền, là nền của đức". Làm cha làm mẹ phải biết quan sát bạn bè mà con mình kết giao, dù không thể can thiệp quá sâu, nhưng cũng phải dẫn dắt con một cách thiện ý. Để cho con cái tự giác kết bạn một cách đúng đắn, là điều có lợi cho sự trưởng thành của con cái.

PHÓNG ÔNG GIA HUẤN

Trong số con cháu, người nào cái sắc sảo lộ hết ra ngoài thì dễ hư hỏng nhất. Nếu con cái như vậy, thì cha mẹ nên lấy đó làm lo lắng, chứ không nên vui mừng. Phải quản lý chặt chẽ, nghiêm khắc, bắt chúng học thuộc kinh thư của nhà Nho và các sách bách gia chư tử. Dạy chúng làm người phải khoan dung, độ lượng, cung kính, cẩn thận, không cho chúng giao du với những kẻ không đứng đắn. Làm như vậy sau hơn chục năm, chí hướng và tính khí của chúng sẽ tự nhiên được hình thành. Bằng không, những việc đáng lo ngại không phải chỉ có một việc. Những lời này của tôi là liều thuốc tốt cho người đời sau, có thể phòng ngừa sai lầm của họ. Mọi người đều phải xử sự thận trọng, đừng để sau này phải hối hận.

(*Phóng Ông gia huấn*)

LỜI BÌNH

Lục Du (1125-1210), tự là Vư Quan, hiệu Phóng Ông, là nhà thơ lớn thời Nam Tống, để lại cho đời sau rất nhiều tác phẩm. Trên đây là một đoạn trong *Phóng Ông gia huấn*, đoạn văn này đã thể hiện rõ quan điểm giáo dục những đứa trẻ có thiên tài

của Lục Du. Theo Lục Du thì con cháu đời sau người nào càng thông minh càng dễ bị hư hỏng, đối với những đứa trẻ này cần phải quản lý giáo dục chặt chẽ, chỉ bảo chúng chăm chỉ học hành, dạy chúng bằng sự khoan dung, độ lượng, không cho chúng giao du, kết bạn với những kẻ hư hỏng, vô học. Quan điểm này của Lục Du không chỉ là "liều thuốc" dạy con cháu đời sau của ông, mà còn có ý nghĩa chỉ đạo rất lớn đối với việc dạy con cái của chúng ta ngày nay. Tục ngữ có câu: "10 tuổi thần đồng, 15 tuổi tài tử, 20 tuổi người trần". Đó là vì, đứa trẻ thông minh thường dễ trở nên kiêu ngạo tự mãn, tự cao, tự đại; một khi đã kiêu căng, thì đứa trẻ có tài giỏi bao nhiêu rồi cũng bị mai một, lớn lên chỉ có thể trở thành kẻ bất tài, tầm thường mà thôi. Cha mẹ cần phải đặc biệt chú ý đến điểm này, mới có thể đảm bảo cho tài năng của con cái, sau khi lớn lên phát huy được nhiều hơn.

GIÁO TỬ NGŨ CỦA GIA DI

Trong cuộc sống con người, chẳng có niềm vui nào bằng niềm vui được học hành, chẳng có việc gì quan trọng hơn việc dạy con.

Giữa cha và con, không được sa vào chỗ nuông chiều quá, phải nghiêm khắc quản lý con từ nhỏ, dùng lễ để yêu cầu nó trong mọi việc, làm như vậy thì sau khi lớn lên, sẽ không phải hối hận vì con hư.

Có năm điều để dạy con: Dẫn dắt tính tình của con, mở rộng chí hướng của con, bồi dưỡng tài năng của con, động viên khí thế của con và uốn nắn sai lầm của con. Cả năm điều đó thiên lệch hoặc bỏ điều nào đều không được.

Dạy con cũng như trồng cây chi lan vậy: Tích tụ học vấn để nuôi cấy nó, tích tụ việc thiện để tưới nhuần nó.

Đối với con em của người khác thì chỉ có thể cho nó thấy cái đức, chứ không thể cho nó thấy cái lợi lộc.

Người giàu dạy con, cần phải coi trọng đạo đức; người nghèo dạy con, cần giữ vững khí tiết, không làm việc phi lễ.

Con em của mình có hiền tài hay không phụ thuộc vào nỗ lực chủ quan của từng người; còn tương lai của chúng

phú quý hay bần tiện lại do điều kiện khách quan. Người đời thường không nghĩ tới mặt chủ quan mà lại lo buồn vì mặt khách quan, lẽ nào lại không phải là sai lầm chẳng?

Tất cả những việc mà người có học làm đều không giống những thói dung tục của đời thường, phải giữ khí tiết cao thượng lúc đó, để lại tấm gương cho hậu thế.

Người có học cần nắm chắc việc giáo dục con em, không được để họ mất đi cái thú học hành.

Mạnh Tử coi lười biếng là một biểu hiện xấu, con cháu đời sau mà chỉ biết vui chơi, không biết đến học hành lẽ nào lại không cảm thấy xấu hổ?

(Giới tử thông lục)

LỜI BÌNH

Gia Di, tự là Dương Chính, người My Sơn, Tứ Xuyên* đời Tống, tác phẩm có *Tử gia tử*. Đoạn văn tuyển chọn trong chương 10 sách *Giáo tử ngữ* của Gia Di. Trong đoạn văn trên, từ những khía cạnh khác nhau, Gia Di đã trình bày và phân tích những vấn đề trong việc dạy con, ví dụ như ông bàn đến tính quan trọng của việc dạy con, phương pháp và nội dung giáo dục con cái, v.v. Trong đó có không ít quan điểm rất đáng học hỏi, như đầu bài văn, ông coi việc dạy con là vấn đề quan trọng nhất của con người, đưa ra "năm điều dạy con", chủ trương dạy con phải coi trọng cả giáo dục đạo đức và giáo dục trí tuệ, cần nuôi dạy con trở thành người vừa có đức vừa có tài, nhấn mạnh phải dạy con vừa "tích học" vừa "tích thiện", phải trở thành người "trọng đạo nghĩa" và "giữ khí tiết", những quan điểm này cho đến nay vẫn còn rất có ý nghĩa.

DẠY CON LÀM NGHỀ NÔNG

Nói chung, thế hệ con cháu thường sợ làm nghề nông, chúng không hiểu được rằng, làm những công việc nhà nông từ bé sẽ thấu hiểu hạt thóc làm ra thật chẳng dễ, như vậy mới không nảy sinh tâm lý xa xỉ. Những người quen lao động từ bé sẽ học được tính dôn hậu, thật thà, không nảy sinh ý nghĩ tà ác. Những người làm nghề nông từ bé, tự cảm nhận được sự vất vả, sẽ một lòng hướng thiện, tránh được tội ác. Chính vì vậy, con cháu ta không thể không cố gắng làm việc nông.

Phàm những kẻ có tiền, lâu ngày rồi sẽ sa sút, thậm chí phá sản, đó là vì họ không làm mà chỉ biết hưởng thụ. Không làm mà hưởng, đó là hại dân để béo mình. Phàm là những kẻ hại dân béo mình, ông trời nhất định sẽ giáng tai họa xuống đầu kẻ đó. Cho nên, những kẻ chỉ biết hưởng cuộc sống giàu có, an nhàn, tất sẽ có ngày sa sút, phá sản, thậm chí lâm vào cảnh làm nô bộc, làm trâu làm ngựa. Bởi thế nên con cháu ta không thể không cố gắng làm việc nông.

Ở thời Hán, lựa chọn nhân tài, đã đặt ra khoa "hiếu dễ lực điền"⁽¹⁾, chính là để đề xướng coi trọng sự thành thực, chú trọng cái gốc. Phàm những người làm quan, nếu xuất thân từ gia đình nông dân, thì rất ít người không thông cảm với nỗi thống khổ của dân. Các con cháu vào học trường làng, gặp ngày mùa thì nên tham gia lao động. Trong một ngày, hoặc là buổi sáng lao động, buổi chiều học, hoặc là buổi sáng học, buổi chiều lao động. Trong một năm, nếu mùa xuân mùa hạ lao động thì mùa thu mùa đông học. Không được chấp tay ngồi ăn không, bởi vì miệng ăn núi lở, rồi cái nghèo sẽ gõ cửa mà đến.

Phàm là những thầy giáo trường làng, đều cần kiểm tra việc tham gia lao động sản xuất, cũng như sự hiếu thảo với cha mẹ, thương yêu anh em của học sinh. Con em những gia đình giàu có trong làng không muốn lao động, thì không thể ép buộc. Nhưng, con cháu nhà ta nếu vào trường học mà xấu hổ về nghề nông, xấu hổ với con đường mưu sinh nằm trong bốn phận của bản thân, phạm lần đầu phạt đánh hai mươi roi, nếu tái phạm thì đánh ba mươi roi, phạm lần thứ ba thì đuổi khỏi trường, không cho học nữa.

(Hoắc Thao gia huấn)

1. Khoa "hiếu dễ lực điền": Một trong những khoa mục tuyển chọn quan lại thời Hán. Bắt đầu từ Hán Huệ đế, trên danh nghĩa là ban thưởng cho những người hiếu thảo với cha mẹ, hữu ái với anh em, chăm chỉ làm ruộng. Những người trúng tuyển thường được ban thưởng và miễn tất cả các khoản lao dịch. Thời kỳ Hán Văn đế, những người trúng tuyển còn được làm quan phụ trách giáo dục của quận huyện.

LỜI BÌNH

Hoắc Thao (1487-1540), tự là Vị Quang, người Sơn Âm đời Minh. Từng giữ chức Thượng thư bộ Lễ, tả hữu Thị lang bộ Lại, Thái tử thiếu bảo..., sau khi mất được truy phong hiệu Văn Mẫn. Bài văn ghi lại chủ trương của ông trong việc dạy con cháu tham gia lao động sản xuất nông nghiệp. Hoắc Thao cho rằng: Để trẻ tham gia lao động sản xuất từ bé, sẽ khiến chúng tự nghiệm thấy những khó khăn của công việc đồng áng, hiểu được rằng hạt lúa, củ khoai làm ra không dễ, như thế sẽ không sinh lòng xa xỉ, còn có thể nảy sinh thiện tâm. Còn những kẻ giàu có, thường ăn không ngổi rồi, vì thế gia cảnh dễ sa sút. Ông còn cho rằng, những ông quan xuất thân từ nông dân nói chung không ai không xót thương cho nỗi khổ của dân. Vì vậy, ông dạy con cháu mình, cùng với việc học hành, phải bỏ một thời gian nhất định để lao động, như vậy sau này mới có thể trở thành một vị quan tốt biết thương dân. Điều này trong xã hội phong kiến với quan niệm "lao tâm giả trị nhân, lao lực giả trị vu nhân" (người có học trị người, kẻ vô học bị người trị), quả là đáng quý. Quan điểm chú trọng giáo dục lao động này vẫn có ý nghĩa hiện thực cho ngày hôm nay. Người làm cha làm mẹ cần dạy con cái mình từ bé đã có thói quen yêu lao động, để chúng hiểu rằng yêu lao động là một đức tính tốt, không nên để con cái mình chỉ biết hưởng thụ, điều này hết sức cần thiết đối với sự trưởng thành của con trẻ.

THƯ GỬI NGƯỜI EM HỌ

Ta năm mươi hai tuổi mới có được một đứa con, lẽ nào lại không yêu quý nó! Nhưng yêu con cũng cần phải có nguyên tắc, kể cả việc vui chơi, cũng phải hướng cho nó tới sự trung hậu và giàu lòng thông cảm, chứ có hà khắc, bần tính... Ta vắng nhà, nên nhờ em trông nom nó. Phải giúp nó tăng thêm tấm lòng nhân hậu, bỏ những tính xấu tàn nhẫn, em nhớ vì nó là cháu mà một mực nuông chiều, dung túng nó. Con cái của nó bọc cũng là người, phải đối xử bình đẳng với chúng, thương yêu chúng, không được để con ta bắt nạt chúng, ngược đãi chúng. Phàm là có đồng quà tấm bánh, cũng nên chia đều cho mọi người, để mọi người đều được vui vẻ. Nếu như con ta ăn miếng gì ngon, mà để con của kẻ nô bọc đứng xa xa nhìn vào thòm thòm, thì cha mẹ chúng chứng kiến cảnh tượng đó sẽ thấy chúng thật đáng thương, chẳng biết làm gì hơn là gọi chúng đi ra chỗ khác, như vậy lẽ nào lại không khiến người ta đau lòng? Dúi mài kinh sử để làm quan là việc nhỏ, điều quan trọng nhất là phải hiểu đạo lý để làm một con người tốt. Em hãy đem bức thư của ta đọc cho chị Quách, chị Nhiều của em nghe, để họ hiểu được, nguyên tắc của sự yêu con là ở chỗ dạy nó làm người như thế nào, chứ không phải là để nó làm quan.

(Trịnh Bán Kiều tập)

LỜI BÌNH

Trịnh Bản Kiều, tức Trịnh Nhiếp, tự là Khắc Nhu, là họa sĩ, nhà văn nổi tiếng đời Thanh. Đoạn văn là một phần bức thư ông gửi cho người em họ, trong đó có biểu đạt tư tưởng dạy con của Trịnh Bản Kiều. Ông chủ trương, trước hết phải dạy con trở thành người thật thà, nhân hậu, phải làm sao để con giàu lòng thông cảm, và yêu cầu nó từ bé phải đối xử bình đẳng với mọi người. Điều đáng ca ngợi nhất ở đoạn văn này là: Trịnh Bản Kiều cho rằng dạy con đọc sách, không phải là để làm quan, đọc sách trước hết là để hiểu được đạo lý làm người. Đây là điều hiếm thấy trong xã hội phong kiến - một xã hội mà tư tưởng học để làm quan chiếm địa vị thống trị. Trịnh Bản Kiều về già mới có con, đương nhiên là hết mực yêu quý, đây cũng là lẽ thường tình của con người. Thế nhưng Trịnh Bản Kiều lại không hề nuông chiều con, và cũng không cho phép mọi người trong nhà dung túng cưng chiều. Xét từ góc độ giáo dục đứa trẻ trưởng thành một cách lành mạnh, thì đây quả thực là phương pháp dạy con đáng được để xướng và học tập.

TIẾNG DỆT VẢI VÀ ĐỌC SÁCH TRONG ĐÊM

Tướng Sĩ Thuyên⁽¹⁾ ta khi mới bốn tuổi, mẹ ta đã hằng ngày dạy mấy câu trong "Tứ thư". Khổ nỗi ta còn bé quá, chưa cầm bút viết được, bà phải lấy cành tre vót thành tăm, sau đó chặt ra làm thành các nét phẩy, móc, chấm, ngang, sổ trong chữ Hán, dùng để tạo thành các chữ. Bà bế ta ngồi lên đầu gối rồi dạy ta nhận chữ, học được chữ nào thì lại dỡ ra. Mỗi ngày bà dạy ta mười chữ. Ngày hôm sau bảo ta dùng tăm tre ghép những chữ mà ngày hôm trước đã học, cho đến khi không còn sai sót mới thôi. Đến khi ta sáu tuổi, mẹ ta mới bắt đầu dạy ta viết bằng bút. Ta còn nhớ lúc mẹ dạy ta học, bà thường để đồ nghề dệt vải bên cạnh, đặt sách lên đầu gối, bảo ta ngồi bên bà đọc sách. Tay bà dệt vải, miệng bà dạy ta học, tiếng đọc sách và tiếng dệt vải hòa vào nhau. Lúc nào ta lười đọc, bà liền đánh ta mấy cái, sau đó lại kéo ta vào lòng khóc mà nói: "Con ơi! Nếu bây giờ con không lo học, thì sau này mẹ

1. Tướng Sĩ Thuyên: (1725-1785); Tự là Tâm Dự, Thanh Dung, Điều Sinh, hiệu là Tăng Viên, người Diên Sơn, Giang Tây. Ông đỗ tiến sĩ đời vua Càn Long, là nhà soạn nhạc, nhà văn đời Thanh, từng giữ chức Biên tu Hàn lâm viện. Thơ ông cùng với Viên Mai, Triệu Dục được gọi là "Giang hữu tam đại gia" (ba nhà thơ lớn ở hữu ngạn Giang Tây). Tác phẩm của ông phần lớn được thu thập vào *Trung Nhữ Đường toàn tập*.

còn mặt mũi nào mà gặp cha con?" Những đêm khuya khoắt, trời giá lạnh, mẹ ngồi trên giường, lấy mảnh chân mồng đắp lên chân, bà cời áo ra, sưởi ấm tấm lưng ta bằng lồng ngực của bà, rồi cùng ta đọc sách. Đến khi mệt, ta lại nằm trong lòng mẹ mà ngủ. Được một lát, mẹ thức ta dậy và nói: "Con dậy được rồi". Ta mở mắt nhìn mẹ thì thấy nước mắt bà giàn dụa, thế là ta cũng khóc theo. Một lúc sau, bà lại bảo ta đọc tiếp, cho đến khi gà gáy mới được đi ngủ. Mấy bà bác thường bảo với mẹ: "Em ơi, em chỉ có mỗi mình nó, việc gì phải tự làm khổ mình như vậy?" Mẹ ta đáp: "Nếu đông con, thì còn được; đang này em chỉ có mỗi mình cháu, nếu sau này nó không nên người, thì em biết dựa vào ai?".

Khi ta lên chín, mẹ dạy ta học *Lễ ký*, *Chu dịch*, *Kinh thi*, ta đều học thuộc lòng. Những lúc rỗi rãi, bà chép thơ của các thi nhân đời Đường, Tống, rồi dạy ta ngâm. Cả mẹ ta và ta đều gầy yếu, đau ốm luôn, mỗi lần ta ốm, mẹ lại bế ta vào phòng, trông nom ta mà không hề chớp mắt. Đôi khi bệnh tình của ta đỡ hơn, bà liền chỉ vào bài thơ viết trên tường, dạy ta khe khẽ ngâm. Bà lấy đó làm niềm vui. Mỗi lần mẹ ốm, ta lại ngồi bên cạnh mẹ. Mẹ lặng lẽ nhìn ta, trông thật buồn bã, trong lòng ta cũng rất đau buồn. Ta liền hỏi mẹ: "Mẹ có điều gì lo buồn phải không ạ?" Mẹ đáp: "Ừ!" Ta hỏi mẹ ta phải làm gì để có thể trút bỏ nỗi buồn lo của mẹ, mẹ nói: "Nếu con thuộc lòng những quyển sách mà con đã học thì mẹ sẽ không còn buồn lo nữa". Thế là ta đọc vang lên, tiếng đọc sách sang sảng đưa cùng tiếng róc róc phát ra từ ấm thuốc sắc trên bếp, mẹ bỗng mỉm cười mà rằng: "Mẹ thấy đỡ nhiều rồi".

Từ đó về sau, mỗi khi mẹ ốm, ta lại cầm sách lên ngồi cạnh mẹ mà đọc, vì thế mà mẹ ta khỏi bệnh rất nhanh.

LỜI BÌNH

Đọc xong *Tiếng dật vải và đọc sách trong đêm*, hình ảnh người mẹ hiền khéo nuôi dạy con như hiện lên trước mắt ta. Đây là đoạn văn Tưởng Sĩ Thuyên viết để tưởng nhớ người mẹ của mình là Chung Lệnh Gia. Ông kể về hai đặc điểm lớn trong cách dạy con của mẹ ông: Thứ nhất, tùy theo lứa tuổi của con mà kiên nhẫn lựa chọn những phương pháp dạy khác nhau. Ví dụ như: Khi con bốn tuổi, bà dạy con học chữ, vì con chưa thể cầm bút viết nên bà lấy cành tre để ghép thành chữ, khi con bảy, tám tuổi, bà bắt đầu dạy con đọc sách. Thứ hai, kết hợp giữa lý trí và tình cảm. Khi dạy con, Chung Lệnh Gia không chỉ lý giải để con hiểu, mà còn biết kết hợp tình cảm, như nhẹ nhàng trách mắng và sưởi ấm con bằng lồng ngực của mình, đó đều là những việc làm khiến con người ta cảm động. Cách dạy con của Chung Lệnh Gia đã thành công, cuối cùng Tưởng Sĩ Thuyên đã trở thành một trong ba nhà thơ lớn vùng Giang Tây đời Thanh. Câu chuyện gợi mở cho ta một điều: Khi giáo dục con theo đặc trưng lứa tuổi của chúng, cha mẹ cần có ý chí kiên cường và tình cảm sâu sắc, nếu không, sẽ khó mà nuôi dạy được đứa con có ích cho đời.

THƯ GỬI VỢ

Cha mẹ phải cùng nhau gánh vác nghĩa vụ nuôi dạy con cái, nhưng nay vì ta phải trú ngụ tận Bắc Kinh, trách nhiệm giáo dục trong gia đình một mình nàng phải gánh vác. Thế nhưng, tâm tính của người phụ nữ, thường là quá nuông chiều con cái, các bà đâu biết rằng yêu chiều vô nguyên tắc thì nuộc bằng hại con. Dạy con cần theo những nguyên tắc nào? Nói một cách đơn giản là phải dạy bốn điều cấm và bốn điều nên. Bốn điều cấm đó là: Một là không được ngủ dậy muộn, hai là không được lười biếng, ba là không được xa hoa, bốn là không được kiêu ngạo. Đồng thời phải khuyên nhủ con bốn điều nên: Một là phải chăm học, hai là phải tôn sư trọng đạo, ba là phải yêu quý mọi người, bốn là phải cẩn thận trong ẩm thực. Tám điều trên là những quy định không thể thay đổi trong cách giáo dục con, nàng phải luôn ghi nhớ trong lòng, để dạy dỗ ba đứa con của chúng ta. Tuy chỉ là mười mấy chữ, nhưng đã bao quát toàn bộ rồi, nàng nên lĩnh hội kỹ càng. Sự thành đạt sự nghiệp của các con đều nằm cả trong đó. Bức thư này chưa thể nói tỉ mỉ từng điều được, sau này ta sẽ nói tiếp với nàng.

(Ký Hiếu Lam gia thư)

LỜI BÌNH

Kỷ Vân là một học giả, đồng thời là nhà văn nổi tiếng đời Thanh. Đoạn văn trên là bức thư Kỷ Vân gửi cho vợ, nói rõ chủ trương dạy con của ông. Ông đưa ra nguyên tắc dạy con là "bốn điều cấm" và "bốn điều nên", trong đó bao gồm các vấn đề thuộc mọi phương diện học hành, ăn uống, sinh hoạt thường ngày và cách làm người, chỉ rõ những điều con cái nên làm và không nên làm, đây là những vấn đề cơ bản trong giáo dục gia đình. Đúng như Kỷ Vân nói, dạy con là trách nhiệm chung của cả người cha và người mẹ, nhưng vì những lý do khác nhau, người cha thường phải xa nhà nhiều, trách nhiệm dạy con chủ yếu do người mẹ gánh vác, nhưng những người mẹ thường cưng chiều con mà mất đi giáo nghĩa, chính vì vậy mà Kỷ Vân đã nhắc nhở vợ phải "yêu con theo nguyên tắc", sự nhắc nhở này tất nhiên là thích hợp với mọi người mẹ.

THIÊN LẬP CHÍ

... Khổng Tử đề xuất chí ở "đạo", kiên trì theo đuổi chân lý, chớ vội tính đến việc hưởng thụ vật chất, chỉ cần nắm bắt được chân lý thì dù có chết cũng không tiếc; lập chí ở đạo, lấy nhân đức làm gốc, dựa vào sự học tập cần mẫn...

KHỔNG TỬ BÀN VỀ LẬP CHÍ

Khổng Tử nói rằng: "Người có học lập chí ở chỗ quyết theo đuổi chân lý, nhưng lại hổ thẹn vì mình mặc áo vải, ăn cơm thường, những kẻ như vậy thì không đáng cùng ta bàn về "đạo".

(Luận ngữ - Lý nhân)

Khổng Tử nói rằng: "Buổi sáng tìm được đạo lý, buổi chiều dầu chết cũng há lòng".

(Luận ngữ - Lý nhân)

Khổng Tử nói rằng: "Nên lập chí ở đạo, lấy cái đức làm gốc, dựa vào điều nhân, vui chơi giải trí trong lục nghệ (lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số)".

(Luận ngữ - Thuật nhi)

Diệp Công⁽¹⁾ hỏi Tử Lộ⁽²⁾: "Khổng Tử là người thế nào?" Tử Lộ không trả lời. Khổng Tử biết được, nói với

1 Diệp Công: Họ Thám, tên là Chư Lương, tự Tử Cao, một bậc hiền sĩ nước Sở.

2 Tử Lộ (542-480 TCN): Họ Trọng, tên Do, tự là Tử Lộ, người ấp Biện nước Lỗ cuối thời Xuân thu (nay là thị trấn Đông Biện Kiều, huyện Tứ Thủy, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc), là một trong những học trò xuất sắc của Khổng Tử.

Tử Lộ rằng: "Sao con không đáp rằng: Ông ấy là người khi học hỏi miệt mài đến quên cả ăn, vui sướng cho đến quên hết mọi lo buồn, chẳng biết tuổi già sắp đến với mình, chỉ có vậy thôi".

(Luận ngữ - Thuật nhi)

Khổng Tử nói rằng: "Tướng soái của một nước còn có thể bắt được, chứ cái chí khí của một trang nam nhi thì không ai có thể bắt anh ta thay đổi hoặc từ bỏ được".

(Luận ngữ - Tử Hãn)

Khổng Tử nói rằng: "Người quân tử coi việc chết mà không để lại danh tiếng cho đời làm điều hận".

(Luận ngữ - Vệ Linh Công)

Khổng Tử nói rằng: "Lúc 15 tuổi ta để chí vào học văn, đến 30 tuổi lời nói việc làm đều đúng với lễ nghĩa, 40 tuổi ta đã nắm vững mọi tri thức mà không còn nghi hoặc, 50 tuổi ta hiểu được mệnh trời. Đến 60 tuổi, mọi lời nói lọt vào tai, ta đều phân biệt được thật hay giả, phán đoán được đúng hay sai, đến 70 tuổi ta có thể tùy theo ý mình, mọi suy nghĩ đều không vượt quá khuôn phép".

(Luận ngữ - Vi chính)

Nhan Uyên⁽¹⁾ và Tử Lộ đứng hầu Khổng Tử. Ngài hỏi rằng: "Sao các con chẳng nói chí hướng của mình cho ta nghe?"

1. Nhan Uyên: Tên là Hồi, tự Tử Uyên, cũng gọi là Nhan Uyên, người nước Lỗ cuối thời Xuân thu, học trò xuất sắc của Khổng Tử.

Tử Lộ thưa rằng: "Con muốn đem xe, ngựa, quần áo của mình cho bạn bè cùng sử dụng, cho dù họ có dùng hỏng con cũng không buồn phiền".

Nhan Uyên nói rằng: "Con không muốn khoe khoang cái tài của mình, và không tăng bốc công lao của mình".

Tử Lộ quay sang Khổng Tử thưa rằng: "Con muốn được nghe chỉ hướng của Thầy".

Khổng Tử đáp: "Chỉ hướng của ta là muốn cho người già cả đều được phụng dưỡng, yên vui, bằng hữu tin cậy ta, lớp trẻ nhớ đến ta".

(Luận ngữ - Công dã tràng)

Khổng Tử nói rằng: "Việc thi hành đại đạo và những tình hoa của ba đời Hạ-Thương-Chu, ta đều không thể thấy được, nhưng ta có thể thấy trong những ghi chép ở thời thái bình thịnh trị bấy giờ. Việc lưu hành đại đạo, là coi thiên hạ là của chung của mọi người. Lựa chọn người hiền tài để cùng cai quản, người người coi trọng chữ tín, chung sống hòa mục, cùng nhau hợp tác. Bởi thế, con người không chỉ yêu mến cha mẹ mình, không chỉ thương yêu con cái mình, mà còn mở rộng tấm lòng nhân ái, khiến cho tất cả người già đều được an hưởng tuổi trời; người trẻ có thể cống hiến tài năng; trẻ em được hưởng một nền giáo dục tốt đẹp mà trưởng thành lành mạnh; những người cô đơn góa bụa và ốm đau bệnh tật đều được cung phụng đầy đủ. Đàn ông đều làm hết trách nhiệm của mình đàn bà đều chăm lo gia đình. Của cải dù có vứt lán lóc lãng phí ngoài đường, nhưng cũng không đưa về làm của riêng

cho mình; đã ghét bỏ thì dù có năng lực cũng không đem ra phục vụ, nhưng cũng không nhất thiết là phục vụ cho mình mới coi là công hiến. Vì vậy, mọi người đều sống thành thực, hòa thuận với nhau, vì thế mà không sinh ra âm mưu quỷ kế, cũng không có chuyện cướp bóc, trộm cắp, giết người. Ngoài đường của rồi không ai nhặt, đêm ngủ cửa không cần gài then, một thế giới tốt đẹp như vậy thực sự là thế giới đại đồng vậy."

(Lễ ký - Lễ vận)

LỜI BÌNH

Khổng Tử là người suốt cả cuộc đời hết sức coi trọng vấn đề lập chí của mỗi con người. Khổng Tử đề xuất chí ở "đạo", chuyên tâm truy cầu chân lý, chớ vội tính việc hưởng thụ vật chất, chỉ cần được biết chân lý, thì dù có chết cũng không tiếc; lập chí ở đạo, cần dựa vào nhân đức, dựa vào sự học tập miệt mài đến quên cả ăn. Thủ lĩnh của một đại quân có thể bắt được, còn chí hướng của một trang nam nhi không ai có thể làm cho anh ta thay đổi được. Bậc hiền triết quân tử lấy làm ân hận một khi không để lại tiếng thơm cho đời. Chính vì vậy, Khổng Tử lấy con đường tự học và thể nghiệm để gợi mở giáo dục học trò; cùng các môn đệ bàn về chí hướng, để dẫn dắt họ tạo dựng một lý tưởng cao đẹp, nỗ lực phấn đấu vì một xã hội đại đồng tốt đẹp. "Xã hội đại đồng", dù đó là không tưởng, nhưng nó đã thể hiện nguyện vọng tốt đẹp trong xã hội phong kiến lâu dài, cổ vũ ức triệu con người không ngừng phấn đấu.

Thuyết lập chí của Khổng Tử, mấy nghìn năm qua luôn ảnh hưởng sâu sắc đến văn hóa tư tưởng và mọi lời nói, việc làm của người Trung Quốc. Trong lịch sử Trung Quốc, phàm là những người có công lao sự nghiệp, hầu như đều là người hành động dưới sự ảnh hưởng của thuyết lập chí của Khổng Tử. Con

người nếu không có chí hướng, thì sống trên đời cũng uổng phí, có khác gì cầm thú? Đã là con người, thì phải xác lập cho mình chí hướng lớn lao, phải xác định sống là phải cống hiến cho đời, sống thế nào cho ra sống, phải làm người có ích cho xã hội, đó mới là cuộc sống xứng đáng.

MẠNH TỬ BÀN VỀ LẬP CHÍ

Mạnh Tử nói rằng: "Người quân tử dùng phương pháp đúng đắn để đạt được tri thức uyên thâm, họ muốn tu học mãi cho đến khi tự mình nắm được kiến thức, và nắm một cách vững chắc; đã nắm một cách vững chắc rồi thì sẽ tích lũy được rất nhiều; khi tích lũy được nhiều kiến thức thì muốn sử dụng bao nhiêu cũng được, và có thể vận dụng một cách nhuần nhuyễn, làm việc gì cũng suôn sẻ. Bởi thế người quân tử phải tự giác học hỏi cho đến khi tự mình đắc đạo vậy".

(Mạnh Tử - Ly lâu hạ)

Mạnh Tử nói rằng: "Những kẻ nhất thiết phải chờ một Văn vương⁽¹⁾ ra đời rồi mới cố gắng phấn đấu, thì đó là kẻ thường dân. Còn những người đức tài xuất chúng thì dù chẳng có Văn vương, tự mình cũng phấn đấu vươn lên".

(Mạnh Tử - Tận tâm thượng)

Mạnh Tử nói rằng: "Những người có đạo đức, trí tuệ, bản lĩnh, tri thức, thường là do họ gặp cảnh tai ương, hoạn

1. Văn vương: Tên là Quý Lịch, họ Cơ, bậc vua hiền thời Chu.

nạn. Những quan thần bị cô lập và con cái của vợ thứ cô hầu, lúc nào cũng phải nghĩ đến sự nguy hiểm và tai họa, họ luôn luôn đề cao cảnh giác, hay lo lắng về tai ương, chính vì thế mà họ mới hiểu rõ mọi việc".

(Mạnh Tử - Tận tâm thượng)

Mạnh Tử nói rằng: "Khi thiên hạ thái bình thịnh trị, người quân tử đặc chí, thì "đạo" cũng nhờ đó mà được thi hành; khi thiên hạ chính trường đen tối, người quân tử nên giữ đạo lý, không ngại hy sinh mình vì "đạo"; chưa từng nghe người quân tử hy sinh "đạo" để làm vui lòng những kẻ vương hầu phạm tặc".

(Mạnh Tử - Tận tâm thượng)

Mạnh Tử nói rằng: "Những bậc thánh nhân là bậc thầy của muôn đời, ông Bá Di⁽¹⁾ và Liễu Hạ Huệ⁽²⁾ là những người như vậy. Cho nên, nghe được phong độ tiết tháo của Bá Di, kẻ tham lam trở nên thanh liêm, người nhu nhược bền vững chí tự lập; nghe thấy phong độ ôn hòa của Liễu Hạ Huệ, kẻ hẹp hòi trở nên rộng lượng, người hà khắc cũng hóa bao dung. Những người đó đã phấn đấu cầu tiến

1. Bá Di: Cùng với em là Thái Tề là con vua nước Cò Trúc cuối đời Thương đầu thời Tây Chu. Sau khi cha mất, hai anh em nhường ngôi lẫn nhau, đều trốn đến chỗ Chu Văn vương. Khi Chu Vũ vương đánh phạt vua Trụ, hai ông chặn xe ngựa can ngăn. Khi nhà Chu thống nhất thiên hạ, họ coi việc ăn cơm nhà Chu làm xúc hổ, bền tuyệt thực đến chết ở núi Thử Dương.

2. Liễu Hạ Huệ: Bậc đại hiền nước Lỗ thời Xuân thu, tên là Triên Hoạch, tự là Cầm, từng làm quan Điện ngục nước Lỗ. Ông là người có phẩm chất cao thượng, làm quan rất thanh liêm, quan tâm đến nỗi khổ của muôn dân, được người đời ngợi ca, tôn kính.

trước trăm đời, sau trăm đời mọi người đều cảm kích mà phấn đấu. Nếu chẳng phải là thánh nhân, thì có ảnh hưởng to lớn vậy chăng? Trăm đời sau còn như vậy, hưởng hò là những người chính mình đã được hai vị ấy nung đúc ư?"

(*Mạnh Tử - Tận tâm hạ*)

LỜI BÌNH

Trên đây là 5 đoạn văn có liên quan đến lập chí tuyển chọn từ sách *Mạnh Tử*. Đề cập rằng: Con người cần phải lập chí để trở thành người có nhân cách cao thượng, phải bồi dưỡng mình từ nhiều phương diện. Muốn có trình độ uyên thâm thì phải tự giác, tích cực tiến thủ, ngày một tiến lên. Con người cần phải có tinh thần chủ động, không đợi người khác nhắc nhở rồi mới phấn đấu vươn lên. Những người hay gặp hoạn nạn thường luôn suy nghĩ sâu xa và có ý thức lo lắng đến hoạn nạn, vì vậy thường là thông hiểu lý lẽ, đức tài kiêm bị. Người quân tử phải đặc chí hành đạo, không dừng lại ở chỗ đặc chí giữ đạo, quyết không được làm trái đạo, không bỏ tiết tháo, làm tổn hại đến nhân cách của mình; thánh nhân có chí hướng lớn lao, trong bất kỳ tình huống nào cũng giữ được nguyên tắc của mình, bảo vệ chân lý (đạo), trước sau luôn giữ gìn tình cảm, đạo đức của mình, cho nên họ là người thầy của muôn đời, có ảnh hưởng hết sức sâu xa. Lớp trẻ ngày nay đương nhiên chẳng cần phải học làm "thánh nhân", nhưng có điều là, cái hùng tâm tráng chí, phẩm chất đạo đức cao thượng, sự tích cực tiến thủ, chịu khó học tập, suy nghĩ sâu xa, giữ gìn chân lý, để trở thành con người chân chính mà "giàu sang không mê hoặc được, nghèo hèn không thay đổi được, uy vũ không khuất phục được", thành người có ích cho Tổ quốc và nhân dân, đó vẫn là những điều mà mỗi một người thanh niên có chí cần phải làm.

TUÂN TỬ BÀN VỀ LẬP CHÍ

Người có chí hướng hoàn mỹ thì có thể coi thường phú quý, trọng đạo nghĩa thì có thể xem nhẹ vương công quý tộc, trong lòng tĩnh ngộ thì vạn vật bên ngoài đều là nhỏ nhẹ. Sách cổ nói rằng: "Người quân tử chỉ phối ngoại cảnh, còn kẻ tiểu nhân thì bị ngoại cảnh chi phối". Lời nói đó nói lên cái lý sau: Những việc làm mệt nhọc về thể lực, nhưng trong lòng thanh thoi thì nên làm; những việc lợi ích ít mà đạo nghĩa nhiều thì cũng nên làm; phụng sự hôn quân mà quan vận thăng tiến, không bằng phụng sự minh chủ cùng nguy mà làm công việc thuận lợi. Vì vậy, người nông dân giỏi không vì hạn hán, lụt lội mà không cày ruộng, một nhà buôn tài không vì thua lỗ mà bỏ việc buôn bán, người quân tử có chí học hành không vì đói nghèo mà buông lơi "đạo".

(Tuân tử - Tu thân)

Tuân thủ pháp luật, và thể hiện điều đó trong hành động, đó chính là kẻ sĩ; ý chí kiên định mà thể hiện ra được trong thực tiễn, thì đó là người quân tử; công minh sáng suốt mà luôn thực hiện được điều đó, thì đó là thánh nhân. Con người nếu không có phép tắc, thì không biết đi theo con đường nào, sẽ hoang mang lúng túng; có phép tắc rồi mà không nhận thức được ý nghĩa của nó, thì tâm

tình sẽ lo sợ bất an; làm theo pháp luật, mà lại hiểu rõ việc mình làm, thì mới có thể ôn hòa, làm việc gì cũng sẽ suôn sẻ.

(Tuân Tử -Tu thân)

Người quân tử lập chí yên phận trong cảnh bần hàn, dù là Tam công Thiên tử đến hỏi, cũng phải trả lời theo đúng chân tướng của sự việc.

Người quân tử lâm vào cảnh khốn cùng cũng không làm trái với đạo nghĩa; làm việc vất vả mệt nhọc, cũng không lười biếng cầu an; tai ương ập đến cũng không quên lời thề lúc bình sinh. Tiết trời không giá lạnh, thì không thể biết tính cách của cây tùng cây bách; sự việc không khó thì không thể biết rằng người quân tử không có một ngày nào là không giữ vững niềm tin đúng đắn của mình.

(Tuân Tử -Tu thân)

Khổng Tử nói với Lỗ Ai công rằng: "Con người ta có năm loại: Có kẻ tầm thường, có kẻ sĩ, có quân tử, có hiền nhân, có bậc đại thánh".

Ai công nói: "Trăm muốn hỏi, người như thế nào thì gọi là kẻ tầm thường?"

Khổng Tử đáp: "Kẻ tầm thường là kẻ không biết nói lời hay, chẳng biết lo lắng ưu phiền; không biết chọn người hiền tài làm chỗ dựa cho mình, để họ giúp mình xóa bỏ những lo buồn; hành động thì không biết làm việc gì là tốt, nghỉ ngơi cũng không biết chỗ nào là tốt; ngày nào cũng lựa chọn mọi thứ, mà không biết thứ gì là đáng quý; tuân theo ngoại vật chuyển dời, mà không biết về đâu; để

đục vọng thao túng bản thân, tư tưởng theo đó mà bại hoại, những người như vậy, thì có thể gọi là kẻ tầm thường".

Ai công nói: "Được! Trẫm hỏi khanh, người như thế nào thì gọi là kẻ sĩ?"

Khổng Tử đáp: "Kẻ sĩ là người tuy không thể truy cứu đến cùng đạo thuật, nhưng nhất định tuân theo nó; tuy không phải việc gì cũng làm được trọn vẹn mỹ mãn nhưng nhất định mọi việc đều có sự sắp xếp. Vì vậy, tri thức không nhất thiết phải nhiều, mà cốt ở chỗ cần hiểu rõ những tri thức đó; lời nói không cần nhiều, mà cần hiểu rõ mình đang nói gì; hành động không cần phải thật nhiều, mà cần nhận thức rõ những việc mình làm. Bởi vậy, những tri thức đã hiểu được, những lời đã nói ra, những hành động đã làm, nó cũng như sinh mệnh, như da thịt, không dễ gì thay đổi. Do đó, giàu sang không thể làm anh ta đầy đủ hơn, nghèo khó cũng không thể làm anh ta thấy thiếu thốn hơn. Những người như vậy có thể gọi là kẻ sĩ rồi".

Ai công tiếp: "Hay lắm! Vậy trẫm hỏi khanh thế nào là người quân tử?"

Khổng Tử đáp: "Quân tử là người mà lời nói thật thà ngay thẳng, nhưng trong lòng lại không tự cho mình có đức; làm việc nhân nghĩa, nhưng không phô trương mình; suy nghĩ thấu đáo, hiểu biết mà lời lẽ không hay tranh luận, vì thế vẫn ung dung điềm tĩnh, đến mức dường như mọi người đều có thể đuổi kịp anh ta, đó là người quân tử vậy".

Ai công nói: "Hay lắm! Trẫm lại hỏi, người như thế nào thì gọi là hiền nhân?"

Khổng Tử đáp: "Hiền nhân là người hành động phù hợp lễ nghĩa, pháp luật, quy củ mực thước mà không hề tổn hại đến bản tính; ngôn luận đủ làm cho người trong thiên hạ học theo, mà không tổn hại đến bản thân mình; nắm trong tay của cải thiên hạ mà không hề vun vén làm của riêng; ân huệ ban khắp thiên hạ, nhưng không lo lắng mình nghèo khó, những người như vậy có thể coi là hiền nhân vậy".

Ai công nói: "Hay lắm! Vậy, thế nào thì gọi là bậc đại thánh?"

Khổng Tử đáp: "Bậc đại thánh là người tinh thông đại đạo, có thể tùy cơ ứng biến, trí tuệ vô cùng, có thể phân biệt được tính và tình của vạn vật. Đại đạo chính là quy luật biến hóa của tự nhiên và sinh ra vạn vật; tính và tình là bản năng dùng để phán đoán sự vật như vậy hay không như vậy, thu nhận hay là vứt bỏ. Bởi thế, những việc mà người đó làm là phân biệt vạn vật, rộng lớn như trời đất; soi xét sự vật, sáng láng tựa mặt trăng mặt trời; thống lĩnh vạn vật, kịp thời như mưa gió. Chính xác và tỉ mỉ, hành vi xử sự của người đó không thể mô phỏng được, như trời là chúa tể của vạn vật, hành vi của người đó không ai có thể nhận thức được, tri thức của bậc thánh nông cạn, không thể lý giải được sự vật bên mình. Như vậy thì có thể coi là thánh nhân rồi".

Ai công nói: "Hay lắm!"

(Tuân Tử - Ai công)

LỜI BÌNH

Tuân Tử tên là Huống, tự Khanh, còn gọi là Tôn Khanh, người nước Triệu cuối thời Chiến quốc, không rõ năm sinh, năm mất. Tuân Tử đã tập hợp những cái hay của học thuyết bách gia làm thành hệ thống học thuyết của mình, là nhà văn, nhà chính trị, nhà tư tưởng tiên tiến kế sau Mạnh Tử. Ông từng du học ở Tắc Hạ nước Tề, ba lần đảm nhiệm chức học trưởng. Về sau, ông sang nước Sở làm chức Xuân thân quân Lan Lăng lệnh, viết sách, luận thuyết, khi mất được táng tại Lan Lăng. Trên đây là bốn đoạn văn của Tuân Tử, ông cho rằng: Trước hết, con người phải có chí hướng, nắm vững chân lý, có phẩm chất đạo đức tốt, trở thành người chân chính và hoàn mỹ.

Thứ hai, phải hiểu rõ và tôn trọng pháp luật, hiểu rõ lẽ tự nhiên của vạn vật, sau đó mới biết nhìn xa trông rộng, đối xử ôn hòa, nhân ái với mọi người, xử sự đúng mực.

Thứ ba, trong bất kỳ tình huống nào, cũng phải giữ vững nguyên tắc, thực sự cầu thị. Dù trong hoạn nạn, cũng không quên lời thề lúc bình sinh và niềm tin đúng đắn, mãi giữ khí tiết cao thượng và tính cách cương trực như cây tùng cây bách.

Thứ tư, nói rõ con người có năm loại, mục đích nhằm khơi dậy ý chí học tập của con người, tiến dần vào hàng thánh hiền.

Những điểm này cho đến nay vẫn còn tỏa sáng. Lập chí, tuân thủ pháp luật, cầu thực, kiên trì theo đuổi chân lý, nâng cao tu dưỡng đạo đức... tất cả chẳng phải đều có ý nghĩa hiện thực và tác dụng học tập hay sao?

GIỮ VỮNG CHÍ KHÍ

Ông Vương Hoan đời Tấn, tên tự là Quân Hậu, người Lạc Lãng. Thường ngày ông bằng lòng với cuộc sống thanh bản của mình, coi việc tuân thủ được chuẩn mực đạo đức làm niềm vui, ông chuyên tâm vào việc học, không biết cả vun vén của cải cho mình, trong nhà ông đến một đấu gạo cũng không có, thường xin ăn qua ngày, thế nhưng ông không hề bỏ bê việc đọc *Kinh thi*, vẫn ung dung tự tại, không để ý đến sự bần cùng. Vợ ông vì lo cho sinh kế của gia đình, bèn đốt hết sách vở của ông, và dọa sẽ bỏ ông mà tái giá, để buộc ông phải thay đổi chí hướng học hành đó. Vương Hoan cười mà nói với vợ rằng: "Nàng chẳng đã nghe chuyện Chu Mãi Thần⁽¹⁾ thời Hán, khi còn nghèo khổ, vợ ông ta đòi bỏ đi, sau này ông ta đỗ quan

1. Chu Mãi Thần: Tự là Ông Tử, người Cối Kê nước Ngô, không rõ năm sinh, mất năm Nguyên Định thứ hai thời Hán Vũ đế (115 TCN). Nhà nghèo, làm nghề bán củi sống qua ngày, nhưng ông vẫn đọc sách làm thơ. Lúc đầu vợ ông vẫn theo chồng còng cúi đi bán, về sau bà ta lấy đó làm xấu hổ, đòi bỏ đi. Ông nói mình 50 tuổi sẽ giàu có, lúc đó sẽ báo đáp công lao của bà, nhưng vợ ông nhất định không nghe, bỏ ông để lấy một anh chàng làm ruộng. Về sau, ông được Trang Trại tiến cử, làm chức Trung đại phu, rồi làm đến chức Thái thú Cối Kê. Khi đi đến đất Ngô, thấy vợ cũ cùng chồng ra đón quan, Chu Mãi Thần bao xe sau chở vợ chồng họ, đưa đến ở trong một khu vườn an dưỡng một tháng. người vợ cũ xấu hổ treo cổ tự vẫn. Chu Mãi Thần làm quan đến chức Thừa tướng trưởng sử. Tác phẩm có ba bài phú nhưng bị thất truyền.

vinh quy về làng làm Thái thú, vợ ông ta vì xấu hổ mà thất cố tự tử hay sao?"

Người đương thời nghe chuyện đó đều cười Vương Hoan không biết lượng sức mình, nhưng Vương Hoan không thêm để ý, càng giữ vững ý chí, tiếp tục không ngừng học tập, về sau ông trở thành một bậc đại Nho thông kim bác cổ, học vấn uyên thâm.

(Tân thư, quyển 91, Vương Hoan truyện)

LỜI BÌNH

Vương Hoan người đời Tấn, tuy gia cảnh bần hàn, thường phải đi ăn xin sống qua ngày, nhưng ông lại có một đạo đức cao thượng, một tính cách kiên định và chí hướng lớn lao. Ông đã dốc hết mọi tâm sức vào việc học hành, dù mài kinh sử để thực hiện lý tưởng của mình. Ông không vì sự ngăn trở của vợ bằng cách đốt sách hay dọa bỏ ông để tái giá mà lay chuyển ý chí, cũng không vì sự chế giễu của thiên hạ mà đổi chí hướng, ông vẫn đầy lạc quan và có chí tiến thủ, không ngừng tiến bước để cuối cùng trở thành một bậc "đại Nho thông thái". Môi trường sống và điều kiện học tập của Vương Hoan nếu so với thời hiện tại của chúng ta thì khác xa nhau một trời một vực, thế mà ông vẫn giữ vững được ý chí của mình, vững vàng tiến tới, cuối cùng trở thành một học giả lớn. Thanh niên ngày nay chẳng lẽ không phải là không thể vượt qua cổ nhân trăm ngàn lần hay sao? Nhưng tinh thần chịu khổ để học tập, ý chí ngoan cường bất chấp mọi sự ngăn cản đó, đối với đông đảo lớp trẻ ngày nay lẽ nào lại không đáng kế thừa và phát huy? Và chẳng lẽ lại không có tác dụng cổ vũ và khích lệ?

QUYẾT TÂM LÀM LẠI CUỘC ĐỜI

Khi còn trẻ, Chu Xứ là kẻ hung tàn bạo ngược, hấn trở thành một mối họa khiến dân chúng trong làng đều lo sợ. Ở Nghĩa Hưng quê hấn, dưới sông có một con giao long, trên núi có một con hổ tà tặc, chúng thi nhau làm hại dân lành, người dân ở Nghĩa Hưng gọi đó là "tam họa". Trong "tam họa" đó, cái họa hại dân lớn nhất lại là Chu Xứ. Có người xúi Chu Xứ đi giết hổ, diệt giao long, thực ra là muốn giấm bớt đi hai trong ba mối họa mà dân làng đang phải gánh chịu. Chu Xứ lập tức lên núi giết chết hổ, sau đó lại xuống nước độ sức với giao long. Con giao long này lúc nổi lên mặt nước, lúc lại lặn xuống đáy, vừa chống trả vừa trốn chạy, bơi xa hàng chục dặm. Chu Xứ cũng vừa bơi theo vừa đánh, ba ngày ba đêm vẫn chưa thấy lên bờ, dân làng đều nghĩ là hấn đã chết, nên gặp nhau ở đâu cũng vui mừng hể hả. Thế nhưng cuối cùng thì Chu Xứ đã giết chết giao long và trở về, hấn nghe nói dân làng ai cũng vui mừng khi tưởng hấn đã chết, mới biết là trước đây dân làng ai cũng căm ghét mình, bèn sinh lòng hối hận, quyết tâm cải tà quy chính. Thế là Chu Xứ bèn sang đất Ngô, tìm đến nhà hai anh em nhà thơ nổi tiếng họ Lục. Lúc đó Lục Cơ không có nhà, anh ta may mắn gặp được Lục Vân, liền kể hết sự tình của mình cho Lục Vân nghe, và nói rằng anh ta muốn sửa chữa những sai lầm của mình,

nhưng sai lầm đó đã kéo dài quá nhiều năm tháng, tuổi tác cũng đã quá nhiều, sợ rằng sẽ không thể nào sửa chữa nổi. Lục Vân liên nói: "Cố nhân rất đề cao tinh thần "buổi sáng biết được chân lý, dù buổi chiều có chết cũng vui lòng", hướng hồ tiền đồ của ngài còn sáng sủa lắm! Con người ta chỉ sợ không xác lập được chí hướng, chứ lo gì không lấy lại được thanh danh?" Thế là Chu Xứ quyết tâm làm lại cuộc đời, cuối cùng trở thành một bậc trung thần hiếu tử.

(Lưu Nghĩa Khanh: *Thế thuyết tân ngữ - Mục tào*)

LỜI BÌNH

Đoạn văn kể câu chuyện về Chu Xứ, con côi của viên Thái thú Phàn Dương, rằng thuở nhỏ Chu Xứ không được giáo dục, không có chí lớn, là một kẻ bất trị, ngang tàng, thậm chí làm hại dân làng, trở thành mối họa lớn trong dân, cùng với giao long, mãnh hổ trở thành "tam họa". Có người xúi anh ta giết hổ, diệt giao long là muốn đưa anh ta vào chỗ chết. Sau khi giết được hổ và giao long, lại nghe mọi người chúc mừng nhau vì tưởng anh ta đã chết, liền hối hận về những việc làm trước đây của mình, thế rồi dưới sự chỉ giáo của anh em họ Lục, anh ta đã có chí quyết sửa chữa lỗi lầm trước đây, quyết tâm làm lại cuộc đời, cuối cùng trở thành bậc trung thần hiếu tử. Câu chuyện trên nhắc nhở chúng ta hai điều: Một là, bậc làm cha làm mẹ phải giáo dục con cái một cách nghiêm khắc từ tấm bé, giúp con cái mình tạo lập một chí hướng lớn lao, về sau mới có thể trở thành trụ cột xã hội. Nếu như từ bé không có chí hướng, thì lớn lên sẽ trở nên buông thả, không có chí tiến thủ, lâu dần sẽ trở thành kẻ có hại cho cộng đồng. Điểm thứ hai là, một con người dẫu có lỡ sa chân vào vòng tội lỗi, chỉ cần bản thân anh

ta tỉnh ngộ, hạ quyết tâm, không nản chí buông trôi, quyết chí sửa chữa lỗi lầm để làm lại cuộc đời, thì vẫn còn hy vọng trở thành một con người tốt. Tuy nhiên, yêu cầu này cần một sự nỗ lực to lớn, hơn nữa phải kiên trì mãi mãi, và cần có chút tác động của ngoại cảnh nữa thì mới được.

THU DẠY CHÁU

Ta vừa bị giáng chức điều đi nơi khác, không biết bao giờ mới gặp lại các cháu, nay ta có mấy lời sơ lược muốn nhắn gửi cùng các cháu, coi như là lời dạy bảo của ta. Cho đến nay, các cháu vẫn chưa ai xác lập được chí hướng của mình, thế mà đã sắp trở thành những chàng trai hai mươi tuổi rồi. Cổ nhân từng cười chê Lỗ Chiêu công đã mười chín tuổi rồi mà còn như một đứa trẻ ham chơi; các cháu sao chẳng lấy đó làm sợ hãi? Chẳng nói đâu xa, ngay cả việc huynh trưởng ta giữ nếp nhà thế nào, chẳng lẽ các cháu cũng không biết? Gia đình ta nhiều đời nay đều rất nghèo khó mà tiết kiệm, tổ tiên truyền lại di huấn, thường lo rằng để lại nhiều gia sản thì sẽ khiến con cháu đời sau trở nên lười biếng, bởi thế mà trong nhà đến miếng đất cắm dùi cũng không có, đây là điều mà các cháu đều biết rõ cả. Ta tự thấy anh trai ta từ hai mươi năm nay, đã phải duy trì cuộc sống gia đình cực kỳ nghèo khó bằng bổng lộc thấp nhất, trong đó có một nửa thời gian phải bôn ba khắp chốn để bù đắp cho cuộc sống; thế nhưng, ta đã ba mươi hai tuổi rồi, đã biết rằng có được miếng cơm manh áo thật chẳng dễ. Khi phụng mệnh về Đồng đô Lạc Dương làm quan Giám sát Ngự sử, ta thường trộm nghĩ: Ta còn chưa từng phải chịu sự dạy bảo bằng vẻ mặt nghiêm khắc của huynh trưởng, nói chỉ đến việc bị đánh roi hay chửi

màng! Chao ôi! Ta sở dĩ có được vận may là nhờ huynh trưởng, cũng như các cháu có được may mắn là nhờ cha mình. Các cháu có được người cha tuyệt vời như vậy, còn chưa đủ để làm gương cho mình học tập hay sao?

Ta còn có một ý nghĩ thành thật tự đáy lòng muốn thổ lộ cùng các cháu: Ta ngày nhỏ cũng chẳng thông minh gì cho lắm, mười tuổi mới biết một chút về văn chương, lại không được nghe lấy một lời dạy nghiêm khắc của cha, cũng chẳng hề được thầy bạn giúp đỡ. Nhớ lại ngày mới bắt đầu đi học, chỉ vì một câu nói của mẹ đã khiến ta thấy buồn mà lập chí học hành. Khi đó, nhà còn ở huyện Phụng Tường, Thiểm Tây, ta thường đến nhà ông quan trông coi lương thực họ Tề mượn sách, rồi cầm sách đến chỗ chõng chị Lục xin thụ giáo, chăm chỉ cần mẫn. Khi mới đầu là vậy, đến năm mười lăm tuổi, ta đỗ kỳ thi minh kinh, vì vậy mà được cầm sách cũ của các bậc tiền bối học dưới Tây song, tìm tòi và nghiền cứu, chỉ có chuyên tâm khổ học, không hề bước ra ngoài. Cứ như thế trong mười năm, sau đó mới được nhận một chức quan nhỏ, cũng có một chút danh tiếng. Bây giờ nghĩ lại, trên thì chưa kịp phụng dưỡng cha mẹ để báo đáp ân sinh thành, dưới thì không giảm bớt được nỗi cơ hàn của người thân, mang tội phải ân hận suốt đời, sống tạm bợ cho đến ngày nay. Ông Lý Mật⁽¹⁾ người nước Tấn đã từng nói: "Sinh ra muốn làm anh cả, để được phụng dưỡng cha mẹ lâu dài". Ta hãy cứ nghĩ đến câu đó là rơi nước mắt. Các cháu còn thấy, ta từ khi nhậm chức Giám sát Ngự sử, lúc nào cũng lo phục vụ

1. Lý Mật (223-289): Tên là Kiền, tự Lệnh Bà, người Hán Dương đời Tây Tấn (nay thuộc phía đông huyện Bình Sơn, Tứ Xuyên).

hết mình vì công việc mà không có ý cố tránh những tai họa, khi gặp đại sự thì quyết hy sinh tính mạng của mình, còn nhớ đến việc đó chăng? Ý của ta, cho dù là giữa anh em, ta cũng không nỡ nói đến chuyện đó. Vì năm xưa ta thẹn là đã nhậm chức Gián quan, không chịu triều kiến riêng, tùy tiện can dự vào những việc của triều đình, vì thế mà bị biếm chức ở Đồng đô Lạc Dương, Hà Nam, than khóc mà trở về Tây, không biết rồi sống chết ra sao. May mà số ta chưa chết, lại được làm quan trở lại, thường tự thề với mình hết lòng tận trung với vua, để danh tiếng lại cho đời sau, để sau khi chết khỏi thẹn với tiền bối dưới cõi âm. Ôi! Đến lúc đó chẳng còn gì mà nghĩ nữa, chẳng còn gì mà nói nữa. Nay, cha mẹ các cháu còn khỏe mạnh, anh em đông đúc, lúc này mà không tranh thủ lo đuổi mài kinh sử, học nhuần nhuyễn thi thư để cầu địa vị cao sang hiển đạt, thì làm sao có thể ngẩng mặt lên làm người? Sao còn có thể gọi là người được nữa?"

Ta lại cho rằng, sự quen biết của anh ta dễ dẫn tới chỗ phải ân hận vậy. Các cháu cần thận trọng khi giao du. Quả thực là ta không nên nói đến chuyện này. Ta sinh trưởng trong kinh thành, bạn bè không ít, nhưng ta chưa từng bước vào nơi ca xướng, chưa từng ngó nghiêng chốn huyền ảo, các cháu có tin không? Ta cũng chẳng có chị em gái, những chàng trai nhà họ Lục, nghĩ lại thì đều hơn hẳn các cháu. Các cháu hãy sao bức thư này của ta gửi đi, mong các cháu có thể tự mình phấn đấu, hãy cố gắng, không được để phí thời gian, dù chỉ là một phút.

(Nguyên Chân: *Nguyên thị trưởng
khánh tập*)

LỜI BÌNH

Nguyên Chân (779-831), tự là Vi Chi, người vùng Nam Hà huyện Đường Hà. Ông tuy nhà nghèo nhưng chăm học, chín tuổi đã biết viết văn làm thơ, mười lăm tuổi nhờ thông kinh bác sử đã vượt qua kỳ thi khoa cử. Ông từng giữ nhiều chức quan như Hiệu thư lang, Giám sát Ngự sử... Sau vì đắc tội với quan Di và bọn quan liêu thủ cựu, bị giáng chức xuống làm Tham quân Giang Lăng, về sau thỏa hiệp với quan Di, làm quan đến chức Tế tướng. Lúc đầu làm quan Thứ sử Đồng Châu, về sau lại được điều đến làm Quan sát sứ Triết Đông, sau đó Đường Văn Tông triệu về kinh thành giao cho chức Tả thừa Thượng thư, rồi làm Tiết độ sứ Vũ Xương. Ông mất ở nhiệm sở vào năm Thái Hòa thứ 5 đời Đường Văn Tông. Nguyên Chân là một trong những người khởi xướng phong trào tân nhạc phủ đời Đường, là bạn thân của nhà thơ nổi tiếng Bạch Cư Dị, hai người thường làm thơ tặng nhau, người đương thời gọi chung hai người là "Nguyên Bạch", trong cung gọi là Nguyên tài tử. Tác phẩm của ông có *Nguyên Thị trường khánh tập* và tập văn *Loại tập* gồm 300 quyển. Trong *Thư gửi cháu*, bằng lối kể chuyện gia cảnh, bản thân lập chí học hành, làm quan luôn hết trách nhiệm, bị giáng chức rồi được phục chức..., ông đã ân cần dạy bảo các cháu của mình phải kế thừa gia phong, giữ nếp nhà, lập đại chí, phải biết quý thời gian, chăm chỉ học hành, cẩn thận trong giao thiệp, tu nhân tích đức để cầu ngày thành đạt. Trong việc dạy dỗ con cháu, gần thì lấy người nhà làm gương, xa thì có cổ điển làm mẫu, cụ thể mà thiết thực. Vừa khuyên nhủ, động viên, vừa nhắc nhở, dặn dò, tình chân ý thật, lời lẽ uyển chuyển, những cái đó đều là bài học cho chúng ta ngày nay.

THƯ GỬI CÁC CHÁU TỪ CÁN CHÂU

Gần đây, ta nghe nói các cháu học hành có nhiều tiến bộ. Đi thi, các cháu đều đỗ hàng đầu, ta nghe nói mà vui mừng đến không ngủ được, đây là tin tốt lành của gia đình ta. Thế là gia đình ta đã có người thừa kế truyền thống hiếu học, chính là các cháu đó! Hãy cố gắng lên, cố gắng nhiều lên nhé! Ta tịnh không chỉ mong các cháu giành được cao quan hiển tước, bản thân vinh hiển, gia đình có phúc, như những kẻ thế tục tôn sùng, để mà khoe khoang trước những người tầm thường ngoài phố chợ. Các cháu cần luôn giữ nhân ái, lễ nghĩa trong lòng, lấy đạo đức, lễ tiết làm trọng, lấy sự hiếu kính cha mẹ, thương yêu anh em làm gốc, lấy các bậc thánh hiền thuở trước làm ước mong của mình, nhất thiết làm rạng thêm cho đời trước, tạo phúc cho đời sau, có như vậy thì mới được. Ta thuở nhỏ chẳng lo học hành, hành vi bất hảo, lại chẳng được sự giúp đỡ của thầy giáo và bạn bè, cho tới nay đã trung niên mà chẳng làm nên trò trống gì; các cháu nên lấy quá khứ của ta mà làm gương, soi xét mình, để cố gắng kịp thời, đừng để sau này phải ân hận, như ta bây giờ có ân hận cũng đã muộn. Phong tục tập quán có thể làm thay đổi tính tình của con người, cũng như bột ngấm trong dầu vậy, dù là người có tài đức cũng khó mà tránh khỏi, hướng

hồ lớp hậu sinh bé bỏng như các cháu lại có thể tránh nhiệm phải nó chăng? Tuy nhiên, nếu quyết tâm ngăn chặn những ảnh hưởng xấu đến với mình thì mọi việc sẽ tốt thôi. Nhà Lý học cổ Tạ Lương Tá⁽¹⁾ từng nói rằng: "Nền xa lánh những kẻ tầm thường nông cạn, mà giao du với những người tài năng đức độ". Câu nói này xem ra có thể cảnh tỉnh con người, các cháu phải ghi nhớ trong lòng!

Ta từng có một đoạn văn ngắn tên là *Nhắc em lập chí*, ta viết cho chú Mười các cháu, các cháu có thể chép lại một phần, để lên bàn, thỉnh thoảng xem, cũng có thể nhắc nhở được đó. Bài thuốc có sẵn đủ truyền cho một thầy thuốc tồi, cũng có thể chữa được bệnh, các cháu chớ có bảo rằng bác các cháu chỉ là người bình thường, những lời ông ta nói chẳng đáng phải nghe theo; cũng đừng nghĩ rằng lời nói của bác tuy có vẻ có lý, nhưng chẳng qua cũng chỉ là những lý luận cổ hủ, xa rời thực tế, không phải là việc nước sôi lửa bỏng đối với chúng tôi. Nếu như vậy thì ta chẳng biết làm gì hơn nữa! Đọc sách, dạy học là công việc mà ta ưa thích nhất, nay dù đang trong thời buổi loạn lạc, nhưng người khắp bốn phương vẫn đến theo học rất đông, ta cũng chưa từng chối từ họ, ta chỉ hận một điều là tuy không có gì gửi gắm nơi trần thế, nhưng lại không thể giữ áo ra đi. Nay điều may mắn là nạn đạo tặc đã được dẹp yên, lấy cơ làm việc tạc trách mà xin được về hưu, sống ẩn dật chốn sơn lâm, diu dắt các cháu sớm tối học

1. Tạ Lương Tá: Tự là Hiến Đạo, người Thượng Thái, Thọ Xuân đời Tống (nay thuộc tỉnh An Huy), theo học phái Trình Di, là một trong "tứ tiên sinh" của "sân Trình".

hành, dùi mài kinh sử, rèn luyện phẩm hạnh và tiết tháo, ta còn có việc gì vui thú hơn thế nữa! Nhân dịp ngẫu nhiên này, ta báo trước với các cháu, các cháu hãy cố gắng nhiều hơn nữa! Đừng làm cho niềm hy vọng của ta tan thành mây khói!

(Vương Thủ Nhân: *Vương Dương Minh toàn tập*)

LỜI BÌNH

Vương Thủ Nhân (1472-1529), tự là Bá An, người Dư Diêu tỉnh Triết Giang, ông là nhà triết học, nhà giáo dục nổi tiếng đời Minh. Ông đỗ tiến sĩ vào khoảng năm niên hiệu Hoảng Trị, từng làm các chức quan: Tri huyện, Chủ sự bộ Hình, Chủ sự bộ Binh, Tà thiên đô ngự sử, Nam Kinh Thượng thư bộ Binh. Ông đã từng dẹp được cuộc khởi nghĩa nông dân, dẹp yên loạn Vũ vương Chu Thần Hào, tông thất nhà Minh; vì ông dạy học ở thư viện Dương Minh Động thuộc huyện Tu Văn tỉnh Quý Châu, nên người đời thường gọi ông là thầy Dương Minh. Tên thụy là Văn Thành. Tác phẩm có: *Vương Văn Thành công toàn tập*. Đoạn văn trên chọn từ cuốn *Vương Dương Minh toàn tập*. Trong thư nhắc nhở các cháu, trước hết ông bày tỏ sự vui mừng khi biết các cháu mình học hành tiến bộ, kịp thời động viên và khích lệ các cháu. Dạy họ phải kế thừa truyền thống hiếu học của gia đình, không nên coi mục đích của việc học hành là để thăng quan tiến chức, hưởng vinh hoa phú quý, để khoe khoang bản thân và gia đình; cần phải lập chí trọng đạo đức, hiếu lễ nghĩa, hiếu kính với cha mẹ, thương yêu anh em, noi gương thánh hiền, làm rạng danh tổ tiên, tạo phúc cho con cháu đời sau. Tiếp theo, ông lấy việc ngày bé mình thất học, không làm điều thiện, đến tuổi trung niên vẫn chẳng thành đạt, đến khi hối hận cũng chẳng kịp, nhằm cảnh tỉnh các cháu phải kịp thời cố gắng mà không nên rơi vào thói thường của con người. Ông mượn lời cổ

nhân để dạy cháu mình giao du với bạn bè phải có lựa chọn, sửa chữa những lỗi lầm để tốt hơn. Cuối cùng, ông bộc bạch nỗi lòng mình, rằng đọc sách, dạy học là sở thích của ông, ông lấy nghiên cứu học thuật làm niềm vui, muốn lui về ở ẩn, cùng cháu con đàm đạo văn chương, học vấn, nâng cao đạo đức, tiết tháo, không sống hoài sống phí. Ở đây, ngoài tư tưởng ở ẩn của ông không được lành mạnh lắm, còn những mặt khác đều có tác dụng gợi mở và là bài học cho các bạn trẻ ngày nay noi theo.

TIÊU SƠN CĂN DẶN HAI CON LÀ ÚNG VĨ VÀ ÚNG KỲ

Con người ta sống phải có chí hướng. Khỏi người thuở nhỏ lập chí làm người quân tử, nhưng lớn lên lại trở thành kẻ tiểu nhân. Nếu ban đầu không có một chí hướng, thì giữa chừng cũng chẳng có một hướng đi nhất định, sẽ chẳng có việc gì là không làm, trở thành kẻ tiểu nhân trong thiên hạ, ắt sẽ bị người đời căm ghét, coi khinh. Nếu như các con quyết tâm lập chí, thì nhất thiết phải lập chí làm người quân tử, cho dù có làm quan hay không, cũng phải khiến mọi người đều kính trọng, vậy việc đầu tiên ta yêu cầu các con là phải lập chí.

Cái tâm chi phối con người, cũng như cái gốc của cây, cái cuống của quả vậy. Bởi thế mà quyết không thể làm hỏng cái tâm của mình. Nếu trong tim mình luôn giữ đạo trời và lẽ công bằng, thì những việc mình làm đều là việc tốt, như thế đã là người quân tử rồi. Nếu trong lòng chỉ có những ý nghĩ mờ ám và ham muốn cá nhân, thì cho dù có làm việc tốt cũng chỉ có đầu mà chẳng có cuối, chẳng thể một lòng kiên trì đến cùng; cho dù bề ngoài tỏ ra là một người tốt, thì cũng có ngày bị người ta nhìn thấu. Nếu gốc mục nát, thì cây sẽ khô héo; cuống hỏng thì quả sẽ

rung, bởi thế, ta yêu cầu con không được làm hỏng cái tâm của mình.

Tâm là để kiểm soát ý nghĩ. Lúc ngồi yên tĩnh một mình, khi đêm khuya chưa ngủ, nếu có suy nghĩ, thì phải xem những ý nghĩ của mình là tốt hay xấu. Nếu là ý nghĩ tốt, thì mở rộng ra, và nhất định phải thực hiện; nếu là ý nghĩ xấu, thì không được nghĩ đến nữa. Muốn làm một việc gì, cần phải nghĩ xem việc làm đó có hợp đạo trời hay không, nếu như đó là việc làm trái với đạo trời thì quyết không nên làm; nếu thấy hợp đạo trời thì phải làm cho bằng được. Không may làm việc gì trái với lương tâm, làm tổn hại đạo lý làm người, như vậy thì trời đất sẽ bảo vệ các con, quỷ thần cũng sẽ phù hộ cho các con. Trái lại thì trời không dung, đất không tha. Các con đọc sách thánh hiền, nếu thi đỗ cử nhân, tiến sĩ, mà nghĩ đến nỗi khổ của ta, không ra làm quan cũng được, nhưng nếu các con ra làm quan, thì phải là những ông quan thanh liêm, chính trực, phải tận trung với nước, cố nhiên không được học thói ngông cuồng đại dốt của ta, cũng không được vì việc ta trung quân nên gặp tai họa mà thay tâm đổi ý hay bận tâm lo lắng, mà nhụt chí làm việc tốt, khiến người đời cười chê cha hiền mà con chẳng ra gì.

Nếu ta mất đi, mẹ con là người công bằng, chính trực nhất, anh em con phải hiếu thuận với mẹ.... Ta cầu khẩn hai con, dù thế nào cũng phải tăng thêm chí khí; nói trước với quan lão tiên sinh, nếu đọc được những dòng ta viết, may mà thương cho nỗi lòng đau khổ của ta, thường xuyên khuyên răn dạy bảo hai đứa con của ta, khiến chúng ngày càng hòa thuận với nhau, được như vậy thì dưới suối vàng,

ta sẽ ngậm vành kết cỏ mà báo đáp..... Khi đọc sách, thấy một việc tốt, thì phải nghĩ đến việc sau này nhất định mình phải làm; thấy có việc không hay, thì phải nhớ rằng sau này mình nhất định tránh xa nó. Gặp một người tốt, thì phải nghĩ làm thế nào để cũng tốt bằng anh ta; gặp kẻ xấu thì phải tâm niệm rằng mình quyết không theo dõi người đó; như vậy, cái tâm mình tự nhiên sẽ trong sáng, việc mình làm ắt sẽ không bao giờ đại khái qua loa, được như vậy thì đã là người bậc nhất trong thiên hạ rồi.

Học để đi thi thì chỉ cần nhớ nhiều, viết nhiều là đủ, đọc thuộc Tứ thư và nghìn bài văn ghi chép, đọc 100 bài "luận", 100 bài "sách", 15 tờ tấu biểu, 15 bài đoán ngữ, nếu còn thời gian thì đọc chính văn Ngũ kinh, đọc trăm bài cổ văn hay. Mỗi ngày viết một bài văn, mỗi tháng làm ba bài luận, hai đề văn sách. Phải nhớ cho kỹ rằng, không thể một ngày không có thầy, không có thầy thì không biết sợ, không tra cứu; dù là hết sức chăm chỉ thì cuối cùng cũng chỉ là qua loa xong chuyện, đó là bởi sự tự do tản mạn. Hơn nữa, cần phải chọn người thầy tốt, nếu có một người thầy mà cảm thấy không hài lòng thì phải từ chối mà tìm một người khác; không được kéo dài thời gian, mà để lỡ việc học; và nữa, phải chọn bạn tốt mà chơi, ngày ngày tụ tập nhau mà nghiên cứu bàn bạc, như vậy thì chẳng lo sự nghiệp không thành nữa.

Điều quan trọng trong nguyên tắc đối nhân xử thế trước hết là phải biết khiêm tốn nhún nhường, trung thực thật thà... Trong lúc gấp gáp, ta thấp đèn viết mấy dòng này, dù chẳng được mạch lạc, nhưng những nguyên tắc và cách làm người thì đều ở cả đây. Các con hãy đưa cho mẹ xem, rồi may một cái túi vải bỏ vào, đặt lên trên bàn thờ của

ta. Vào ngày rằm, mồng một hàng tháng, cả nhà đến trước bàn thờ cúng vái xong thì con mở tờ này ra đọc hết lượt cho cả nhà nghe, cho dù có việc gì gấp gáp chẳng nữa, cũng không được bỏ qua việc này.

(Dương Kế Thịnh: *Dương Trung*
Mẫn tập)

LỜI BÌNH

Dương Kế Thịnh (1516-1555), tự là Trọng Phương, hiệu Tiêu Sơn, người Dung Thành (nay là huyện Dung Thành tỉnh Hà Bắc) đời Minh. Ông đỗ tiến sĩ năm Gia Tĩnh thứ 26 đời Minh, từng giữ các chức quan: Tả thị lang bộ Binh ở Nam Kinh, Dịch đạo điển lịch, Viên ngoại lang bộ Hình. Khi làm quan ở bộ Binh, ông đã dâng biểu lên Hoàng thượng, vạch trần mười tội trạng chuyên quyền hại nước của Tể tướng Nghiêm Tung. Ông bị Nghiêm Tung âm mưu hãm hại, và đã bị tổng ngục, chịu cực hình nhưng vẫn không khuất phục, cuối cùng đã bị sát hại. Trước khi bị hành hình, ông đã viết lời di huấn để lại cho hai con. Khi vua Minh Mục Tôn lên ngôi, ông được truy phong là Thái thường tự khanh, tên thụy là Trung Mẫn. Tác phẩm có *Dương Trung Mẫn tập*, *Dương Tiêu Sơn tiên sinh di huấn*....

Dương Kế Thịnh là một con người nghĩa khí, không sợ quyền uy, ba năm ở trong ngục, cho đến lúc sắp mất, ông vẫn dạy con quyết tâm lập chí làm người tốt. Ông ân cần nhắc nhở hai con, trước tiên phải xác lập cho mình chí hướng trở thành một con người đức độ, có như thế mới được mọi người kính trọng. Nếu làm quan, cũng không thể vì cha "vì trung quân nên gặp họa" mà "thay tâm đổi ý hay bận tâm lo lắng", mà phải là người "ngay thẳng thật thà", luôn luôn làm một người tốt, phải "một lòng trung với nước". Ông căn dặn con phải nỗ lực học tập, đúc kết kinh nghiệm để đưa ra thực hành, phải luôn cảnh giác với những điều xấu; phải lựa thầy tốt, kết bạn hiền, tu dưỡng học

vấn cùng với việc trau dồi đạo đức; phải hiếu kính với mẹ, xử lý đúng mối quan hệ trong gia đình; đối xử với mọi người phải nhân hậu, khiêm nhường, thành kính, khoan dung. Tất cả những điều trên đều đáng để chúng ta kế thừa và phát huy. Tuy đã được cắt bỏ một phần, nhưng trong đoạn văn vẫn còn một số yếu tố tiêu cực như tin vào quỷ thần, chúng ta cần chú ý gạt bỏ.

LẬP CHÍ LÀM NGƯỜI CAO CẢ NHẤT TRONG THIÊN HẠ

Ông Vương Tăng đời Tống trong các kỳ thi Hương, thi Hội và thi Đình đều đỗ đầu, người ta đến chúc mừng ông rằng: Sĩ tử ba lần đi thi đều đỗ đầu cả ba, giờ thì có thể ăn sung mặc sướng cả đời rồi. Vương Tăng nghiêm mặt đáp rằng: Vương Tăng ta chí hướng không phải là ăn sung mặc sướng, vun vén cho riêng mình. Sau này ông ra làm quan, mọi việc trong triều, không hề tắc trách, ông có công lao to lớn với triều đình. Người thời nay chỉ mong sao ăn ngon mặc đẹp là được, bởi thế mà những người làm quan đa số là làm việc cầu thả, qua loa tắc trách, sự nghiệp thì mờ nhạt, chẳng mấy may để lại danh tiếng gì; thậm chí có kẻ còn làm những việc xấu xa đồi bại, để lại tiếng xấu cho đời, nhục nhã lây đến con cháu, khiến con cháu không buồn nhắc đến tên tuổi họ, không dám thừa nhận họ là tổ tiên của mình. Bởi thế, có thể nói rằng, phẩm chất của con người là do chí hướng quyết định, sự nghiệp chủ yếu lấy sự cố gắng suốt đời làm gốc.

(Minh Lý Ngung: *Tứ thư phản thân
lục - Luận ngữ*)

Con người ta nếu lập chí thì cần lập chí làm những việc lớn hàng đầu trong thiên hạ, trở thành người cao cả nhất trong thiên hạ. Nếu chí hướng không phải như vậy thì coi như không có chí hướng, nếu chí hướng không bằng như vậy thì cũng không là chí hướng. Nếu hỏi như thế nào mới là việc lớn hàng đầu trong thiên hạ, thì câu trả lời là: Phải dựng lên một tiêu chuẩn cho thế giới, giúp nhân dân tu thân dưỡng tính để phụng mệnh trời, kế thừa những học thuật còn dở dang của người đi trước, mở ra một thế giới thái bình cho muôn đời. Còn thế nào là người cao cả nhất trong thiên hạ? Xin thưa rằng, nếu làm được như trên thì đã là người cao cả nhất rồi.

(Tứ thư phản thân lục - Luận ngữ)

Muốn học hành thì trước tiên phải lập chí. Lập chí cần phải mong làm những việc đại sự trên đời, phải làm người cao cả nhất trong thiên hạ, phải ra sức gánh vác trách nhiệm nặng nề từ xưa đến nay; bản thân cần phải hăng hái nỗ lực, dù ở một nơi nhưng tư tưởng phải vượt ra ngoài nơi đó; ở giữa đời nhưng tâm suy nghĩ phải vượt lên đời. Lâu nay đạo thuật tối tăm mờ mịt, khiến con người mất đi cái trung tâm của đạo thuật, vì vậy việc làm cho đạo thuật được sáng tỏ là việc không thể trì hoãn được nữa. Nên cùng với những người đồng tâm, chung sức gánh vác công việc quan trọng này, góp phần giải thích, phát huy, mở rộng đạo thuật này đến khắp phương trời; cứu được nhân tâm lưu thiên cổ, công lao cao tựa núi Thái Sơn. Như

vậy thì việc giáo hóa bồi dưỡng, tham mưu giúp đỡ, không cần quyền bính thế lực, cũng có thể tạo dựng được.

(Lý Ngung: *Lý Nhị Khúc toàn tập - Truyền tân lục*)

LỜI BÌNH

Lý Ngung (1627-1705), tự là Trọng Phù, hiệu Nhị Khúc, người Châu Chí tỉnh Thiểm Tây, sống vào cuối đời Minh đầu đời Thanh. Ông là người hết sức hiếu thảo với cha mẹ. Cha ông chết trận, lúc đó ông mới mười chín tuổi, một mình lặn lội đến Tương Thành tìm di hài của cha. Cố Viêm Vũ đã làm bài thơ nổi tiếng *Tương Thành kỷ dị* ca ngợi ông. Lý Ngung không theo học thầy, nhưng thông hiểu kinh sử, tự học thành tài, từng dạy học ở nhà sách Quan Trung. Vào năm niên hiệu Khang Hy, hai lần được vời làm quan, nhưng ông đều kiên quyết chối từ. Tác phẩm để lại cho đời gồm *Nhị Khúc tập* và *Tứ thư phản thân lục*.

Trên đây chọn ba đoạn văn của Lý Ngung bàn về lập chí, nhắc đến chuyện ông Vương Tăng đời Tống ôm ấp chí lớn, "không để chí vào chỗ cơm áo gạo tiền", về sau làm việc trong triều, đã có công lao to lớn. Tiếp đó, tác giả chuyển sang phê phán tệ nạn đương thời, rằng quan lại chỉ lấy hưởng thụ làm chí, vì thế mà làm việc cầu thả, tắc trách, không có thanh danh; thậm chí có kẻ còn "gieo tội ác, để lại tiếng xấu", đến cả con cháu họ cũng thấy hổ thẹn khi nhắc đến họ, không dám thừa nhận họ là tổ tiên của mình.

Đoạn hai nói rằng, con người cần phải lập chí lớn, làm những việc lớn lao trong thiên hạ, trở thành người cao cả, mở ra một thế giới thái bình cho con cháu muôn đời. Cuối cùng, tác giả nhấn mạnh, theo đuổi việc học hành thì trước hết phải lập chí làm nên sự nghiệp, làm người cao thượng, phải "phấn đấu tự cường", tư tưởng phải đi trước thời đại. Những nhận xét này đều rất đáng để chúng ta suy ngẫm và tham khảo. Tuy nhiên, cũng

cần phải chỉ ra rằng: cái cảm giác "nay không bằng xưa" của tác giả, cần phải có sự phân tích cụ thể. "Học thuật" mà tác giả nói là chỉ học vấn và phương pháp trị nước của thời phong kiến, chứ không phải là vấn đề học thuật đơn thuần, cần chú ý hấp thu cái phần tinh hoa hợp lý của nó, để phục vụ cho xây dựng nền văn minh tinh thần ngày hôm nay.

TIẾT ỨNG KỲ BÀN VỀ LẬP CHÍ

Người quân tử sống ở trên đời, dù đi xa hay về gần, đảm nhiệm chức vụ hay không, đều không thành vấn đề, chỉ có việc phục tùng "đạo" là không thể thay đổi. Kẻ sĩ cam lòng ẩn nấu hành tung cốt để hoàn thành tiết tháo thanh cao; ẩn sĩ nhất định mai danh ẩn tích chỉ để trốn tránh tai họa; chí sĩ mang chí hướng và tiết tháo lớn lao, mong làm những việc hiểm nguy, là để tỏ rõ danh tiết của mình; nghĩa sĩ thích tỏ rõ uy dũng để bảo vệ chính nghĩa, mục đích là lưu truyền tiếng tăm của mình; hành vi của họ tuy khác nhau, nhưng họ giống nhau ở chỗ là làm trái đạo trung dung.

Lời nói phải suy tôn sự chân thành bộc trực, chứ không phải là nhằm vào sai lầm và những bí mật riêng tư của người khác mà công kích; bàn luận phải chính xác tường tận, chứ không phải là cãi chày cãi cối; việc làm phải quang minh chính đại, chứ không phải hung tàn bạo ngược; danh dự phải là do người ta tặng cho mình, chứ không phải tự mình giành lấy.

Không có thực chất mà có danh tiếng, thì (cái danh đó) là do đánh cắp mà có; có chút ít thực chất mà lại được danh tiếng lớn, thì đó là do gặp may. Khổng Tử vì chọn

việc đánh xe ngựa mà được nổi tiếng, người đời sau gọi ông là Thánh nhân, đó là câu thực vậy.

Tăng Tử bảo đệ tử xem chân tay của mình, ý nói rằng cơ thể vẫn còn nguyên vẹn; Tử Trương lúc lâm chung gọi con mình đến nói rằng số mệnh ông đã hết. Chỉ cần còn một hơi thở cuối cùng, làm sao có thể cho phép chí khí giảm sút.

(Tiết Ứng Kỳ: *Tiết Phương Sơn ký thuật*)

LỜI BÌNH

Tiết Ứng Kỳ, tự Trọng Trường, người Vũ Tiến, không rõ năm sinh năm mất. Đỗ tiến sĩ năm Gia Tĩnh thứ 14 đời Minh (1535), làm quan đến chức Khảo công lang trung Nam Kinh, vì chống đối lại gian tướng Nghiêm Tung, nên bị giáng chức làm Thông phán Kiến Xương, rồi giữ chức Đề học phó sứ Triết Giang, về sau bãi quan về quê. Học thuật của ông nằm giữa hai phái Chu Hy và Lục Cửu Uyên, tác phẩm có *Phương Sơn văn lục*, *Tử thư nhân vật khảo*, *Tiết Phương Sơn ký thuật* và *Tiết Tử dung ngữ*.

Về học thuật, Tiết Ứng Kỳ lấy những cái hay trong học thuyết của Chu Hy và Lục Cửu Uyên để hình thành nên tư tưởng của mình, bởi vậy, ông vừa coi trọng việc tu dưỡng tư tưởng của con người, vừa coi trọng hành động thực tế. Bốn đoạn văn chọn trên đây nói rõ con người cần lập chí làm người vừa có đạo đức vừa có học vấn. Tác giả chỉ rõ, người quân tử xử thế, cần phải có thái độ linh hoạt trong vấn đề tiến thoái, đến đi, nhưng trong việc tuân thủ "đạo", phục tùng chân lý, phải giữ đúng nguyên tắc, không dao động. Về mặt lời nói, tranh luận việc làm và danh dự, cũng đều có hai tình huống trái ngược nhau, xem anh chọn hướng nào thì có thể biết được chí hướng của anh đúng hay sai,

nó quyết định anh có phải là người đứng đắn hay không. Thứ ba, trên vấn đề danh và thực, tác giả chủ trương "danh tiếng phải đúng với thực tế", hoặc là thực phải lớn hơn danh, thì mới khiến người ta tôn trọng mình; ông phản đối "danh không phù hợp với thực" hoặc "hữu danh vô thực". Thứ tư, ông lấy việc Tăng Tử trước lúc chết cơ thể vẫn còn nguyên vẹn, Tử Trương chết một cái chết thanh thản để nói rằng cái chí khí của con người trước sau không được giảm sút, suốt đời làm việc phải cần trọng mới có kết quả tốt đẹp được. Bốn điểm nêu trên hết sức sâu sắc và cụ thể, có ý nghĩa hiện thực trực tiếp đối với mỗi người chúng ta, rất đáng để chúng ta tham khảo và học tập.

THU DẠY CON

Con đã gần hai mươi tuổi rồi mà vẫn còn rụt rè, thiếu mạnh dạn và yếu đuối, chưa có sự nghiệp gì, trong việc đối nhân xử thế lại không có một chút kinh nghiệm nào. Điều đó khiến mẹ vô cùng lo lắng. Đường đường một đáng nam nhi sống giữa trời đất mà không làm được như con chim ưng, sải cánh bay cao, sống an nhàn uống phí thời gian, không được dạy dỗ. Như vậy thì có khác gì với loài cầm thú? Và rồi tương lai sẽ như thế nào? Con đừng bao giờ để người thân phải thương hại, để kẻ ghét con hể hả! Con cần phải cẩn thận, tận tụy trong công việc, không được lười nhác, gặp việc gì cũng phải suy ngẫm, tính toán cẩn thận, thấu tình đạt lý, giải quyết thỏa đáng. Ngọn lửa lấy được từ đui gỗ có thể bùng lên thành đám lửa lớn mà đó là mặt trời; ngọn gió nhỏ có được từ đôi cánh có thể thành gió lớn mà đó là thần gió. Sự vật vốn đều là từ bé mà lớn dần lên, vậy con người sao lại không thể phát huy hết vai trò của mình chứ!

Khi nghiên cứu học vấn, phải tập trung tư tưởng, chuyên tâm nhất trí, đào sâu suy nghĩ, gạt bỏ những ý nghĩ hỗn tạp. Tấm lòng phải rộng mở, tâm thần phải hướng vào nơi cao xa rộng lớn; tư tưởng sâu sắc bắt nguồn từ khối óc thông minh linh hoạt, những lời nói trau chuốt tựa như

đóa hoa mùa xuân; ứng phó với sự đời thỏa đáng thì sợ gì không trở thành tấm gương tốt; sáng tạo vạn vật một cách thần kỳ huyền diệu thì lo gì chẳng thành nhân tài hữu dụng. Nếu con hoàn toàn làm theo phương pháp, nguyên tắc mà mẹ nói, lại nghe theo ý trời thì có lẽ sẽ không hổ với cha mẹ vợ con! Tuân theo nguyên tắc này thì suốt đời con sẽ không rơi vào cảnh khốn cùng, phiêu bạt tha hương; mẹ còn mong con cố phấn chấn tinh thần, coi đây là những lời châm ngôn của mẹ, chớ để trong lòng hồ đồ, chí hướng bất minh.

(Từ Viên: *Lục vĩ ngâm*)

LỜI BÌNH

Từ Viên, tự là Tiểu Thục, người Tô Châu, đời Minh, không rõ năm sinh năm mất, sống vào khoảng trước sau niên hiệu Vạn Lịch đời Minh Thần Tông. Bà là người thích ngâm vịnh thơ ca, danh tiếng ngang với Lục Khanh Tử - con gái của Lục Sư Đạo ở Trường Châu, phu nhân của Triệu Hoạn Quang. Bà lấy phó sứ Phạm Doãn Lâm, dựng nhà ở dưới chân núi Thiên Bình, ngày ngày vui với việc ca xướng, ngâm vịnh. Bà có tác phẩm để đời *Lục vĩ ngâm* gồm 12 quyển.

Trong *Thư dạy con*, Từ Viên ra sức khích lệ con mình xác lập chí hướng, chăm chỉ học hành, để sau khi lớn lên thành người có ích. Mở đầu, bà chỉ ra hai khuyết điểm lớn của con là sắp trưởng thành rồi mà vẫn yếu đuối rụt rè, chưa làm được việc gì; không hiểu nhân tình thế thái; nếu cứ tiếp tục an phận, không chịu học hành, thì sẽ chẳng khác loài cầm thú. Bà lấy đó làm lo lắng vô cùng cho con. Vì thế, bà khích lệ con cần "sải cánh bay cao", lập chí học hành, sớm chiều không lơ lửng. Xử sự cần có suy tính mà lại thấu tình đạt lý, chú ý bắt đầu từ việc nhỏ, dần dần đến việc lớn, phải luôn luôn phát huy hết tài trí

của mình. Tiến tới, bà chỉ bảo con tỉ mỉ về cách học. Không những cần tập trung tư tưởng, chuyên tâm nhất trí, mà còn phải có tấm lòng khoáng đạt, nhìn xa trông rộng, cần phải đào sâu suy nghĩ, dám sáng tạo, như thế mới có thể trở thành nhân tài, mới tránh khỏi rơi vào cảnh cùng quẫn, sa đọa, phiêu bạt bốn phương. Đoạn văn vừa phê bình, khuyên răn, nhắc nhở, vừa khích lệ, chỉ giáo, tình chân ý thật, là tấm gương sáng để đời sau học tập trong việc giáo dục con cái.

TRƯỜNG BÁ HÀNH BÀN VỀ TUÂN THEO LỄ TỰ NHIÊN VÀ LẬP CHÍ

Người quân tử làm việc tuân theo quy luật tự nhiên, ngẩng đầu lên nhìn trời, cúi xuống nhìn đất đều không hổ thẹn với lòng mình, hành động không bị gò bó, cản trở, bởi thế trong lòng luôn thanh thản. Còn kẻ tiểu nhân thì làm gì đều chạy theo ham muốn cá nhân, thấy người có thể lực thì chạy đến nhờ cậy, đâu có lợi thì vùi dập, vạ ngao mạn trở thành tính cách, bởi thế thường tự cao tự đại, ngạo mạn khinh người.

(Khốn học lục tập tủy, quyển 1)

Làm người cần phải thấu hiểu đạo lý một cách chân thực, chuẩn xác, có như thế thì khi rơi vào cảnh nghèo hèn, nguy nan mới có thể đứng vững được. Ngược lại, có đứng vững trong hoàn cảnh nghèo hèn, khó khăn thì mới có thể tuân thủ đạo lý một cách kiên quyết được.

(Khốn học lục tập tủy, quyển 2)

Con người ta sống trên đời đương nhiên phải có đạo lý làm người, lớn thì chuẩn mực đạo đức tam cương ngũ thường, nhỏ thì là việc ăn ở hàng ngày, có việc nào mà chẳng có phép tắc thích hợp bất biến? Tất cả đều cần ở

bản thân mình, phải tìm ra cái đạo lý của nó. Nếu như hoàn toàn không hiểu gì về đạo lý, mơ hồ như kẻ say rượu, như người nằm trong mộng, cam lòng chịu già nua khô héo cùng cỏ cây, như thế chẳng phải sống uống đời hay sao?

(Khôn học lục tập tủy, quyển 1)

Con người nhất định phải có tư tưởng không chịu an phận với những việc nhỏ trước mắt, sau đó mới có thể kỳ vọng vào những việc đại sự lâu dài; phải có tư tưởng không yên phận với những việc tầm thường, thì mới có thể kỳ vọng vào việc trở thành bậc thánh hiền. Nếu không kỳ vọng vào những việc đại sự, không mong mỏi trở thành bậc thánh hiền thì đều là người không có chí.

(Khôn học lục tập tủy, quyển 2)

Thiên, địa, nhân, gọi là tam tài, con người cần phải đầu đội trời chân đạp đất, không làm giảm sức mạnh của mình mới được. Sống ở trên đời cần phải giúp ích cho đời, trở thành người không thể thiếu được giữa trời đất; khi chết đi cần phải có cái để truyền lại cho đời sau, làm sao để trở thành kẻ sĩ muôn đời sau vẫn còn nhớ, có như vậy thì mới không phụ với tấm thân đường đường bảy thước, không đến nỗi tâm thường vô dụng mà già nua khô héo cùng cỏ cây.

(Khôn học lục tập tủy, quyển 2)

Con người không có chính kiến mà chạy theo trào lưu, chìm đắm trong thói tục tầm thường, đó là do họ chưa xác lập được chí hướng. Người nào lập chí phải thấu hiểu đạo

lý, mong mọi mưu cầu trau chuốt văn chương, thì tự nhiên sẽ có thể tự lập thân, giữa trời đất sẽ cảm thấy không thể thiếu người này nữa.

(*Khốn học lục tập tủy*, quyển 3)

LỜI BÌNH

Trương Bá Hành (1651-1725), tự là Hiếu Tiên, văn hiệu là Kính Am, người Nghi Phong tỉnh Hà Nam. Sinh năm Thuận Trị thứ 8 đời vua Thế Tổ đời Thanh, mất năm Ung Chính thứ 3 đời vua Thế Tông. Ông đỗ tiến sĩ năm Khang Hy thứ 24 (năm 1685), làm quan Thượng thư bộ Lễ, nổi tiếng là ông quan thanh liêm, cương trực. Lúc mất được phong tên thụy là Thanh Khác. Ông để lại cho đời một lượng tác phẩm đồ sộ, gồm *Chính Nghị đường tập*, *Tiểu học tập giải*, *Khốn học lục tập tủy*...

Trương Bá Hành có những kiến giải độc đáo về lập chí, tuân theo lẽ tự nhiên, hành đạo và đối nhân xử thế. Sáu đoạn văn của ông được giới thiệu ở đây đều đề cập đến vấn đề lập chí như thế nào, làm người như thế nào, yêu cầu con người phải lập chí làm người quân tử, chứ làm kẻ tiểu nhân, trước sau phải giữ gìn nguyên tắc.

Thứ nữa, con người phải tự thể nghiệm, nhận biết đạo lý làm người, chứ có sống tha hóa, hưởng lạc, khô héo cùng cỏ cây, sống uổng một đời. Cần lập chí làm bậc thánh hiền, làm nên sự nghiệp, phải làm người đội trời đạp đất, giúp ích cho đời, trở thành người không thể thiếu trong thiên hạ. Mấy đoạn văn trên chung quy muốn nói một điều, đã làm người thì phải lập chí lớn, làm việc lớn, có đạo đức, thấu hiểu đạo lý, có như vậy sau khi mất đi mới có cái để lại cho đời, mới xứng đáng đứng đầu trong vạn vật.

THIÊN KHUYẾN HỌC

...Tinh thần "say mê học đến quên ăn, vui vẻ đến quên cả u sầu, không biết cả tuổi già sắp đến với mình" của Khổng Tử đã có ảnh hưởng tích cực, sâu xa đối với hậu thế...

KHỔNG TỬ BÀN VỀ VIỆC HỌC

Khổng Tử nói rằng: "Không phải ta sinh ra đã am hiểu tri thức, chẳng qua là ta ham mê các tri thức văn hóa của các bậc thánh hiền cổ xưa, nên cố gắng tìm học".

(Luận ngữ - Thuật nhi)

Diệp Công hỏi Tử Lộ rằng: "Thầy Khổng Tử là người thế nào?" Tử Lộ không đáp. Hay được, Khổng Tử bảo với Tử Lộ rằng: "Sao con không đáp thế này: Con người thầy say mê học đến quên cả ăn, vui vẻ đến quên cả ưu sầu, không biết cả tuổi già sắp đến với mình. Chỉ có vậy thôi."

(Luận ngữ - Thuật nhi)

Khổng Tử nói rằng: "Ta đã từng suốt ngày không ăn, thâu đêm không ngủ, chỉ mãi trầm tư suy nghĩ, nhưng không đem lại kết quả. Mãi sau ta mới ngẫm ra một điều, chỉ bằng ta đi học".

(Luận ngữ - Vệ Linh công)

Khổng Tử nói rằng: "Chỉ học mà không suy nghĩ, sẽ rơi vào chỗ mê hoặc và không biết gì; chỉ khổ công suy nghĩ mà không học, thì sẽ đi nhầm vào con đường sai lệch."

(Luận ngữ - Vi chính)

Khổng Tử gọi tên cúng cơm của Tử Lộ ra mà nói rằng: "Do! Ta dạy cho con thế nào là "biết" nhé! Cái gì mình biết thì bảo là biết, cái gì không biết thì nhận là không biết. Như thế thì mới thật là "biết" vậy!"

(Luận ngữ - Vi chính)

Phải cố gắng phấn đấu học tập, không xấu hổ khi học hỏi người có địa vị, học thức thấp kém hơn mình.

(Luận ngữ - Công Dã Tráng)

LỜI BÌNH

Hai đoạn trích dẫn lời Khổng Tử ở trên đã nói lên thái độ tích cực của Khổng Tử đối với việc học, sự kiên quyết đeo đuổi tìm hiểu tri thức của ông. Khổng Tử là một học giả lớn của Trung Quốc thời cổ đại, một danh nhân văn hóa thế giới. Ông là người có kiến thức uyên bác, phẩm đức cao thượng. Vì lẽ gì mà ông có được thành tựu lớn như vậy? Nhiều người, ngoài việc bày tỏ sự tôn sùng, ngưỡng mộ đối với ông, còn cho rằng đó là do ông có thiên tài. Ở đây, trước hết ông khẳng định không phải sinh ra là cái gì ông cũng am hiểu, cũng không phải ông là thiên tài. Sở dĩ ông có học vấn, chính là vì ông không ngừng cố gắng học tập. Tinh thần "say mê học đến quên ăn, quên ngủ, vui vẻ đến quên cả u sầu, không biết tuổi già sắp đến với mình" của Khổng Tử đã có ảnh hưởng tích cực, sâu xa đối với người đời sau.

Đoạn văn thứ ba và thứ tư, Khổng Tử nói về quan hệ giữa học và suy nghĩ. Ông cho rằng học là nền tảng, là tiền đề. Suy nghĩ là sự tiêu hóa và tìm hiểu sâu thêm tri thức, cả hai cái thúc đẩy, bổ trợ, phối hợp lẫn nhau. Người biết cách học là phải biết kết hợp cả hai yếu tố đó. Tuy nhiên, trong quan hệ giữa học và suy nghĩ, cuối cùng Khổng Tử vẫn quy về việc học. Nếu gặp phải vấn đề gì không hiểu, mà chỉ có ra sức suy nghĩ, thì vẫn

không thể giải quyết được, chỉ có thông qua đọc sách, học tập, tìm tòi tri thức kinh nghiệm của người đi trước, thì mới có thể được gợi ý, mở ra hướng suy nghĩ mới và tìm ra đáp án. Cho nên, bất luận thế nào, đầu tiên vẫn là phải cố gắng học tập.

Hai đoạn cuối tỏ rõ thái độ thực sự cầu thị tìm hiểu tri thức và đức tính khiêm tốn học hỏi của Khổng Tử. Chỉ có thực sự cầu thị mới có thể đối xử đúng đắn với mình và mọi người, chỉ có khiêm tốn học hỏi, không xấu hổ khi học hỏi người thấp kém hơn mình, thì mới mong tiếp thu được cái hay cái tốt của người khác, bổ sung thiếu hụt của mình để không ngừng tiến bộ.

HỌC ĐÁNH CỜ

Ngày nay, đánh cờ được coi là một kỹ nghệ. Tuy chỉ là một kỹ nghệ, nhưng nếu không chuyên tâm, thì cũng chẳng học giỏi được. Dịch Thu là tay đánh cờ lừng danh trong thiên hạ. Nếu để ông ta cùng lúc dạy hai người đánh cờ. Một người thì chuyên tâm, chăm chú nghe lời dạy bảo của Dịch Thu. Còn người kia thì cũng nghe giảng, nhưng tư tưởng lại phân tán, để tâm trí vào con thiên nga sắp bay tới, muốn giương cung lên bắn. Tuy anh ta cùng học với người học tập chuyên tâm nọ, nhưng kết quả nhất định không thể bằng người đó. Có thể kết luận rằng anh ta không sáng dạ bằng người kia được không? Nên nói rằng: Không phải như vậy.

(Mạnh Tử - Cáo Tử thượng)

LỜI BÌNH

Câu chuyện nhỏ này chủ yếu nói rằng, học tập thì cần phải chuyên tâm, chăm chỉ, nếu không thì chẳng thể nào học tốt được. Trong cả quá trình học tập, bất luận là lúc nghe thầy giảng, hay khi tự mình nghiên cứu, đều phải tập trung tư tưởng, toàn tâm toàn ý, quyết không được phân tán tư tưởng, nghĩ lung tung. Đúng như cổ nhân từng nói: "Người chuyên tâm, khi nghe tiếng sấm không giật mình, không cảm thấy cái nóng lạnh của trời đất" (Tống - Lâm Bô: *Tĩnh tâm lục*). "Tâm trí mông lung,

thì nhìn cũng không thấy, nghe cũng chẳng hiểu, ăn mà không biết mùi vị" (*Liệt Tử - Thuyết phù*). Những lý lẽ này tuy đơn giản dễ hiểu, nhưng đối với thanh thiếu niên, làm được điều đó quả là không dễ dàng. Cho nên, cần giáo dục con em hiểu được, học tập cần phải chuyên tâm, việc bồi dưỡng, rèn luyện nghị lực và năng lực về mặt này là vô cùng quan trọng. Nếu không, ngay cả những nghề nhỏ cũng không học tốt được, chưa nói gì đến việc học những lý luận và tri thức khoa học uyên thâm, bước lên đỉnh cao của khoa học.

TỬ LỘ THỤ GIÁO

Khổng Tử hỏi Tử Lộ rằng: "Con thích cái gì?"

Tử Lộ đáp: "Thưa thầy, con thích kiếm dài".

Khổng Tử nói: "Ta không hỏi con về cái đó. Ta muốn nói là dựa vào tài năng của con, lại thêm sự chăm chỉ đọc sách học hỏi, thì còn ai có thể theo kịp nữa!"

Tử Lộ hỏi lại: "Đọc sách, học hỏi cũng có ích ư?"

Khổng Tử đáp: "Bạc quân chủ nếu không có bề tôi chính trực dám can ngăn, thì trị nước tất sẽ phạm sai lầm; Kẻ sĩ nếu không có người bạn có thể khuyên nhủ mình, thì phẩm hạnh tất sẽ có khiếm khuyết. Điều khiến con ngựa hăng, không thể vứt bỏ roi ngựa, khi bắn cung, không thể rời cái chỉnh cung. Gỗ được đo bằng dây mực rồi mới cưa, thì sẽ trở nên thẳng; con người tiếp thu những lời khuyên răn uốn nắn, thì sẽ trở nên nổi trội hơn người. Mong muốn học tập, năng học hỏi, cố sao lại không thành công? Chà đạp lên nhân nghĩa, ghét bỏ người hiền, thì chẳng xa cách việc phạm tội chịu hình là mấy. Bởi vậy, người có đạo đức không thể không học".

Tử Lộ lại hỏi: "Cây tre mọc ở Nam Sơn, không nhờ vào sức người, mà tự nó vẫn thẳng, chặt xuống vót thành

tên, khi bắn, vẫn có thể xuyên qua áo giáp làm bằng da tê giác. Từ đó suy ra, hà tất phải học?"

Khổng Tử trả lời: "Nếu như vót thêm cái đuôi tên, cắm thêm lông vũ vào, rồi lắp thêm mũi tên bằng kim loại, rồi mài cho thật sắc, thì có phải là tên cắm càng sâu không?"

Tử Lộ bái lạy thầy rồi nói: "Thưa thầy con đã nhớ lời chỉ dạy của thầy".

(Lưu Hưởng: *Thuyết uyển - Kiên bản*)

LỜI BÌNH

Đoạn văn trên thông qua mẫu đối thoại giữa Khổng Tử và Tử Lộ để nói rõ ý nghĩa quan trọng của việc học. Học và không học, khác nhau một trời một vực. Tử Lộ vốn là người hiếu dũng, ngông cuồng, không chịu học. Nhưng qua sự giảng giải khuyên bảo của Khổng Tử, đã nhận thức được đầy đủ tính quan trọng của việc học tập, cuối cùng Tử Lộ đã thật sự khâm phục và nhận sự giáo huấn của thầy. Từ đó, ông lập chí hướng lớn lao, khổ công theo học Khổng Tử, dũng cảm sửa chữa sai lầm, cuối cùng trở thành môn đệ nổi tiếng của Khổng Tử, trở thành một trong 72 người hiền trong Khổng môn. Đoạn văn viết rất hay về việc Khổng Tử đã thuyết phục Tử Lộ - người vốn nổi tiếng là hiếu dũng ngang tàng - như thế nào. Đoạn văn có hỏi có đáp, có phản bác, có tranh luận với lời phản bác, có lý lẽ, có chứng cứ, hình tượng sinh động, tiến dần từng bước, có lô-gíc mạnh mẽ. Cuối cùng đã thuyết phục được Tử Lộ nghe theo. Điều đó đã thể hiện đầy đủ phương pháp giáo dục bằng gợi ý khuyên giải, khéo dẫn dắt từng bước của Khổng Tử đối với học trò và tinh thần dạy người không biết mệt mỏi của Khổng Tử.

CÔNG MINH TUYỀN HỌC TĂNG TỬ

Công Minh Tuyền theo học thầy Tăng Tử, ba năm không đọc sách vở gì. Tăng Tử nói: "Tuyền à, con đến chỗ ta ba năm rồi, mà chẳng chịu học hành gì cả, như thế là làm sao?"

Công Minh Tuyền trả lời rằng: "Thưa thầy, con đâu dám không học ạ. Con thấy thầy ở trong nhà, vì cha mẹ còn sống khỏe mạnh, nên không dám to tiếng quát mắng chó ngựa (sợ làm kinh động cha mẹ), con thực sự lấy làm khâm phục, ra sức học theo thầy, có điều là chưa học tốt được; con thấy thầy tiếp đãi khách cung kính, tiết kiệm, mà không hề hời hợt, con vô cùng khâm phục, ra sức học theo thầy, có điều là chưa học tốt được; con thấy thầy thân là trọng quan của triều đình, đối với người dưới yêu cầu rất nghiêm khắc, nhưng không hề làm hại họ, con vô cùng khâm phục, ra sức học theo thầy, có điều là chưa học tốt được. Từ đáy lòng mình, con vô cùng khâm phục những phẩm đức đó của thầy, mặc dù con đã cố gắng học, nhưng chưa thể học tốt được. Chứ con đâu dám không chăm chỉ học tập, phí công làm học trò dưới cửa thầy được sao?"

Tăng Tử nghe xong, đứng dậy, tỏ ý xin lỗi rồi nói: "Ta vẫn không bằng con, quả là biết học !"

(Lưu Hưởng: *Thuyết uyển -
Phản chất*)

LỜI BÌNH

Câu chuyện nhỏ này, thông qua việc học trò của Tăng Tử là Công Minh Tuyên trả lời chất vấn của thầy, bằng sự thực rất sinh động và thực tế, đã nói lên rằng, học trong sách vở là học, mà học trong thực tế cũng là học. Hơn nữa, xét về một ý nghĩa nào đó, thì học trong thực tế sẽ trực quan hơn, ấn tượng hơn, dễ tiếp thu hơn và hiệu quả cũng tốt hơn. Công Minh Tuyên học người thầy mẫu mực là Tăng Tử trong cuộc sống hàng ngày về đạo hiếu, học cách đối nhân xử thế, học đạo làm quan, để có thể dùng cả đời. Vì lẽ đó, đối với việc học tập, chúng ta không nên hiểu theo nghĩa quá hạn hẹp, quá phiến diện. Đọc sách vở là học, học trong thực tế cũng là học, thậm chí còn là sự học quan trọng hơn.

Đương nhiên, mẫu chuyện nhỏ này cũng chỉ mới nói được một mặt của vấn đề. Xét về toàn diện, việc học những tri thức trong sách vở cũng là điều không thể thiếu được, nhất là đối với thanh thiếu niên, đối tượng của học tập chủ yếu phải là tri thức sách vở. Nếu như Công Minh Tuyên vừa học ở con người thầy Tăng Tử, vừa học những tác phẩm kinh điển đương thời, kết hợp cả hai, thì có phải là học được càng nhiều, tiến bộ càng nhanh hơn không?"

KHỔNG TỬ THEO THẦY SƯ TƯƠNG HỌC ĐÀN

Khổng Tử theo thầy Sư Tương Tử học đàn, học mười ngày liền vẫn chưa học bài mới. Sư Tương Tử nói: "Có thể học bài mới được rồi!" Khổng Tử thưa: "Tôi tuy đã thuộc khúc nhạc này, nhưng kỹ xảo của nó thì vẫn chưa nắm được". Một thời gian sau, Sư Tương Tử báo rằng: "Ông đã nắm được kỹ xảo rồi đó, có thể học bài mới được rồi!" Khổng Tử đáp rằng: "Tôi vẫn chưa hiểu được ý nghĩa chính của khúc nhạc". Lại một thời gian sau, Sư Tương Tử nói: "Ý nghĩa chính của khúc nhạc ông đã hiểu được rồi, có thể học bài mới rồi đó". Khổng Tử lại đáp: "Tôi còn chưa nhận ra người sáng tác khúc nhạc này là người thế nào?" Một thời gian sau, những lúc chơi đàn, Khổng Tử nhờ cảm nhận được khúc nhạc, lúc thì chìm đắm trong sự trầm tư suy nghĩ, lúc lại cảm thấy thanh thoi vui vẻ, tâm hồn khoáng đạt. Thế là bèn nói: "Tôi đã nhận biết được người làm ra khúc nhạc này rồi. Người ấy có nước da đen, vóc người thanh thoát, ánh mắt sáng mà nhìn xa trông rộng, dường như có khí phách của bậc đế vương thống trị thiên hạ. Ngoài Văn vương ra, còn ai có thể sáng tác được khúc nhạc như thế này?" Sư Tương Tử nghe xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, bái phục Khổng Tử và nói:

"Thầy tôi đã từng bảo tôi, đây chính là khúc *Tiết thảo Văn vương* do Văn vương soạn".

(*Tư Mã Thiên: Sử ký -
Khổng Tử thế gia*)

LỜI BÌNH

Câu chuyện này còn được ghi trong *Hàn thi ngoại truyện* quyển thượng, *Khổng Tử gia ngữ - Biện nhạc* và *Sơ học ký* quyển 16. Câu chuyện không những đã thể hiện tinh thần hiếu học của Khổng Tử, mà còn biểu hiện thái độ và phương pháp nghiên cứu học vấn của ông. Ông không chỉ ham học hỏi, mà còn chịu khó đào sâu suy nghĩ, đã giỏi còn muốn giỏi hơn, đồng thời ông luôn tuân theo nguyên tắc tuần tự nhi tiến, tiến từng bước vững chắc. Chính nhờ vậy, ông mới học sâu, hiểu kỹ, vượt xa người bình thường. Đây không chỉ là một tấm gương cho những người học hành qua loa xong chuyện, bằng lòng với kiến thức nửa vời của mình, mà ở góc độ rộng hơn, nó còn có ý nghĩa làm gương cho tất cả mọi người.

HAI MẪU CHUYỆN CHĂM HỌC CỦA NGƯỜI XUA

Khuông Hoành⁽¹⁾, tự là Trĩ Khuê, thuở nhỏ rất ham học, nhưng nhà nghèo, không có cả tiền mua nến. Hàng xóm cạnh nhà ông có nến, nhưng ánh sáng không lọt qua được. Thế là ông đục tường cho ánh sáng từ nhà hàng xóm lọt qua, để đọc sách. Gần đó có một trọc phú rất giàu không biết chữ, nhưng trong nhà lại chứa đầy sách. Khuông Hoành bèn đến nhà ông ta xin làm công mà không lấy tiền. Chủ nhà hết sức ngạc nhiên, hỏi ông tại sao, ông nói: "Tôi chỉ muốn được đọc tất cả số sách của ông". Chủ nhà lấy làm cảm động, liền dùng sách làm thù lao để trả công cho ông. Thế rồi Khuông Hoành đã học được rất nhiều tri thức, trở thành người có kiến thức uyên bác.

(Cát Hồng: *Tây Kinh tạp ký*)

1. Khuông Hoành: Tự là Trĩ Khuê, người Đông Hải thời Tây Hán (nay thuộc huyện Đàm Thành tỉnh Sơn Đông). Ông nhà nghèo, ham đọc sách, giỏi *Kinh thi*, từng giữ chức Bác sĩ, Thái tử thiếu phó, Ngự sử đại phu, cuối cùng làm đến chức Tế tướng, được phong Lạc An Hầu.

Ông Hồ Thuyên⁽¹⁾, danh thần thời Nam Tống, có một lần đến bái kiến Dương Thời⁽²⁾ tiên sinh - một học giả nổi tiếng đương thời. Dương Thời tiên sinh giơ hai khuỷu tay của mình lên nói với Hồ Thuyên rằng: "Hai cánh tay này của tôi đã 30 năm không rời khỏi án thư, sau này mới có tiến bộ về đạo đức, học vấn, đã có được những thành tựu nhất định". Ông Trương Cửu Thành⁽³⁾, bậc đại thần nổi tiếng, vì chống lại Tần Cối nên bị giáng chức, đến Hoành Phố Quảng Đông, ông sống tại chùa Bảo Giới ở Thành Tây, trong phòng ngủ của ông có một cửa sổ nhỏ. Hàng ngày, khi trời vừa rạng sáng, là ông lại cầm sách đến bên cửa sổ đứng dưới ánh sáng yếu ớt mãi mê đọc, cứ như thế ròng rã trong 14 năm trời. Đến khi Tần Cối chết, ông được phục chức quay trở về nơi cũ thì tảng đá dưới cửa sổ đã mòn đến độ có thể nhìn thấy dấu hai bàn chân của ông in lên đó, cho đến nay vẫn còn. Các bậc tiền bối học tập tích lũy kiến thức, cần mẫn, gian khổ như vậy đấy. Nhưng, chuyện của Dương Thời tiên sinh vẫn là chuyện của thời

1. Hồ Thuyên (1102 - 1180): Tự là Bang Hoành, hiệu là Đàm Am, người Lô Lãng (nay thuộc Cát An, Giang Tây), quan lại thời Nam Tống. Ông đỗ tiến sĩ năm Kiến Viêm thứ 2 (1129), từng giữ chức Biên tu Khu mật viện, Thị lang bộ Binh, Tư chính điện học sĩ. Tác phẩm có *Đàm Am văn tập*.

2. Dương Thời (1044 - 1130): Còn gọi Dương Mẫn Sơn, tự Trung Lập, nhà Lý học nổi tiếng thời Bắc Tống, người Tương Lạc, Nam Kiếm (nay là huyện Tương Lạc tỉnh Phúc Kiến). Ông đỗ tiến sĩ năm Hy Ninh thứ 9 (1077), được điều ra làm quan nhưng ông từ chối, ông theo học anh em nhà Lý học nổi tiếng là Trình Hiệu và Trình Di, được học giả Nam Tống tôn là "Chính tông họ Trình", tác phẩm của ông có *Mẫn Sơn tập* gồm 28 quyển.

3. Trương Cửu Thành (1092 - 1159): Còn gọi là Trương Vô Cấu, tự Tứ Thiệu, hiệu Vô Cấu cư sĩ, người Tiền Đường (nay thuộc Hàng Châu, tỉnh Triết Giang). Quan lại, học giả thời Nam Tống. Ban đầu theo học Dương Thời, từng giữ chức Thái thường Bác sĩ, Thị lang bộ Lễ kiêm Thị lang bộ Hình.

trai trẻ. Còn Trương Cửu Thành tiên sinh, khi đó đã về già rồi, mà vẫn làm được như vậy, thì quả là hiếm có và đáng quý.

(La Đại Kinh: *Học làm ngọc lộ*,
quyển 1)

LỜI BÌNH

Hai mẫu chuyện nhỏ trên đây, từ các khía cạnh khác nhau đã ghi lại câu chuyện chăm học, ham đọc của người xưa, hơn nữa đây là những câu chuyện khá chân thực, cảm động. Câu chuyện Khuông Hoành đọc tưởng lấy ánh sáng, đã phản ánh việc khắc phục khó khăn, nghèo nàn về điều kiện học tập, tìm mọi cách để được học, mình không có tiền mua nến thì phải dùng cách đọc tưởng lấy ánh sáng từ hàng xóm để đọc sách, không có tiền mua sách thì bán sức lao động của mình để có sách mà đọc, nên cuối cùng đã học được kiến thức uyên bác, trở thành người có ích cho xã hội. Mẫu chuyện thứ hai từ một thời gian đã phản ánh tinh thần kiên trì khổ học của người xưa. Học giả nổi tiếng thời Bắc Tống là Dương Thời "ba mươi năm không rời án thư", Trương Cửu Thành những năm cuối đời bị giáng chức, trong nghịch cảnh nơi vùng xa xôi hẻo lánh vẫn kiên trì học tập, đứng dưới cửa sổ khổ công đọc sách ròng rã 14 năm trời, đến mức "tàng đá dưới chân cửa sổ đường như in hình đôi bàn chân", quả thực khiến người ta khâm phục bội phần.

Từ đó có thể thấy rằng, điều kiện học tập, hoàn cảnh khách quan cố nhiên là quan trọng, nhưng suy cho cùng cũng không phải là nhân tố chủ yếu, mà nhân tố chủ yếu chính là con người, là việc cá nhân con người có lý tưởng, có hoài bão lớn lao hay không, có tinh thần gian khổ để phấn đấu và nghị lực vững vàng hay không, nếu không có những điều đó, thì cho dù điều kiện có tốt bao nhiêu chăng nữa, hoàn cảnh có ưu việt đến mấy cũng uống phí mà thôi.

ÂU DƯƠNG TUẦN XEM CHỮ VÀ DIÊM LẬP BẢN XEM TRANH

Âu Dương Tuần⁽¹⁾ đã từng làm quan Thái tử Soái canh lệnh, có một lần trên đường đi tuần thú, ông nhìn thấy một chiếc bia cổ, do nhà thư pháp đời Tấn là Sách Tĩnh⁽²⁾ viết. Ông lập tức dừng ngựa, xem một lúc lâu rồi mới cất bước đi. Đi được mấy trăm bước, ông liền quay lại, nhảy từ trên ngựa xuống, đứng hồi lâu trước bia rồi ngắm nghía, nghiên ngắm, tìm tòi kĩ lưỡng. Khi đã mệt, ông lại rải thảm ra đất ngồi xem, đến tối, ông nghỉ qua đêm ngay cạnh bia, xem xét, nghiên ngắm trọn ba ngày, sau đó mới lưu luyến ra đi.

(Lưu Túc: *Tùy Đường gia thoại*,
quyển trung)

1. Âu Dương Tuần (557-641): Tự là Tín Bản, người Lâm Tương, Đàm Châu (nay thuộc thành phố Trường Sa tỉnh Hồ Nam), nhà thư pháp nổi tiếng đời Đường. Thư pháp của ông hình thành một trường phái riêng gọi là Âu thể. Ông từng làm Thái thường bác sĩ triều Tùy, sau quay về Đường, làm quan đến chức Hoàng văn quán học sĩ, được phong Bội Hải Nam.

2. Sách Tĩnh (239-303): Tự là Âu An, người Đôn Hoàng (nay thuộc huyện Đôn Hoàng tỉnh Cam Túc), nhà thư pháp đời Tấn. Ông giỏi viết chữ thảo, từng giữ chức Thượng thư lang, được ban tặng Quan nội hầu.

Diêm Lập Bản⁽¹⁾ là nhà danh họa đời Đường, gia đình ông nhiều đời nổi tiếng về hội họa. Có lần ông đến Kinh Châu, nhìn thấy một bức tranh tường truyền là nguyên bản của Trương Tăng Dao⁽²⁾. Ông xem xong rồi nói: "Nhất định đây chỉ là tranh mạo danh của Trương Tăng Dao mà thôi". Ngày hôm sau, ông lại đến xem, sau khi xem xét kỹ lưỡng, ông nhận xét: "Đường như đây là tranh của một họa sĩ giỏi thời cận đại". Đến ngày thứ ba, ông đến xem lần nữa, sau khi quan sát, phân tích tỉ mỉ, ông mới nói: "Nhất định không phải là giả, đích thực là tranh của Trương Tăng Dao rồi". Từ lúc đó, ông đứng xem, rồi ngồi xem, xem liên tục 10 ngày không rời. Trương Tăng Dao đã từng vẽ bức *Tứ tăng đồ*, các đạo sĩ đưa bức tranh này ra giễu cợt các hòa thượng, những hòa thượng này coi đó là điều sỉ nhục. Họ muốn trả đũa mấy đạo sĩ, liền gom góp mấy vạn tiền "mua" Diêm Lập Bản, nhờ ông vẽ bức *Tứ đạo sĩ đồ*. Hai bức tranh này vẫn được lưu giữ đến ngày nay.

(Lưu Túc: *Tây Đường gia thoại*,
quyển trung)

LỜI BÌNH

Hai đoạn văn ngắn trên đây, qua việc xem chữ khắc trên bia và xem tranh đã nói rõ cùng một đạo lý, đó là quan sát sự vật

1. Diêm Lập Bản (?-673): Nhà danh họa đời Đường, người Vạn Niên, Ung Châu (nay thuộc thành phố Tây An tỉnh Thiểm Tây). Tranh của ông thuộc trường phái tả thực.

2. Trương Tăng Dao: Nhà danh họa triều Lương thời Nam triều, người đất Ngô (nay thuộc tỉnh Giang Tô), từng giữ chức Thái thú Ngô Hưng, giỏi vẽ mây, rồng, người. Thời đó vua Lương Vũ đế tôn sùng Phật giáo, những bức bích họa trong chùa Phật đương thời phần lớn là do ông phụ họa mệnh vua vẽ ra.

cần phải sâu sắc, kỹ lưỡng, phải xem đi xem lại, để tâm nghiền ngẫm, thì mới có thể hiểu sâu được bản chất của sự vật, nắm vững hàm ý và thực chất của nó. Âu Dương Tuấn là nhà thư pháp nổi tiếng đời Đường, Diêm Lập Bản là danh họa đời Đường, đều là những người có chuyên môn rất giỏi, có thể nói trình độ thưởng thức, phân định thư họa của họ rất cao. Mặc dù vậy, trong quá trình thưởng thức, họ vẫn có một quá trình nhận thức từ thô đến tinh, từ nông đến sâu, từ bề ngoài đến thực chất bên trong, họ cũng cần bỏ ra một thời gian khá dài, và tốn rất nhiều công sức, mới hiểu được sâu, xem được chuẩn, mà không bị hiện tượng bên ngoài đánh lừa. Những người chuyên môn giỏi, có tầm cỡ còn như vậy, huống hồ những người bình thường, muốn quan sát, nhận thức sự vật thì càng phải cố gắng bội phần. Từ đó có thể thấy, bất kì làm việc gì, học điều gì, điều cần thiết nhất là phải nghiêm túc, tỉ mỉ, chăm chỉ, cố gắng; đã làm thì làm đến nơi đến chốn, kị nhất là cưỡi ngựa xem hoa, qua loa đại khái. Bởi vậy, tinh thần xem chữ của Âu Dương Tuấn, xem tranh của Diêm Lập Bản rất đáng để chúng ta học tập và để xướng. Chỉ có như vậy học tập mới có thể đạt được kết quả, có được tri thức và bản lĩnh thực sự.

HÒM NGHIÊN MỤC THÙNG

Thời xưa, có một học trò theo thầy học thư pháp. Học được mấy năm, anh ta tưởng rằng đã học hết nghệ thuật thư pháp của thầy rồi, bèn đến từ biệt thầy về nhà. Thầy cũng không giữ, mà bảo anh ta rằng: "Thầy có một cái hòm nhỏ, khi con đi, tiện thể nhờ con đưa giúp để ở một chân núi nào đó. Việc này thầy muốn con tự làm, không nên nhờ người khác". Anh ta nhận hòm thì thấy bên trên có dán tờ niêm phong, nhưng không chặt lắm. Trên đường đi, anh ta hiếu kỳ muốn mở ra xem trong hòm có gì, bèn nhẹ nhàng bóc tờ niêm phong mở ra xem, thì thấy mấy chục chiếc nghiên mực đã bị mài thùng không thể dùng được nữa. Lúc này anh ta mới biết đây là những chiếc nghiên trước đây thầy dùng để luyện chữ. Xem xong, anh ta hết sức bàng hoàng, đoán được ngụ ý của thầy. Cuối cùng anh ta quay lại chỗ thầy tiếp tục học, càng thành tâm kính phục thầy hơn, không bao giờ nhắc đến việc học xong để về nữa, anh ta học đến bạc đầu cả mới học hết toàn bộ thư pháp của thầy.

(Tô Dịch Giản: *Nghiên phở*)

LỜI BÌNH

Câu chuyện tuy ngắn gọn nhưng ý nghĩa thật sâu xa, để lại cho người đọc nhiều điều suy ngẫm. Câu chuyện cho chúng ta

thấy rằng: Để học tốt một kiến thức, một nghề nào đó, không phải dễ dàng, cũng chẳng phải một sớm một chiều là có thể đạt được, người học cần phải cố gắng, kiên trì mãi mãi. Nhân vật trong chuyện theo thầy học thư pháp, học được mấy năm đã tự cho rằng mình thành công rồi. Nhưng sau khi nhìn thấy hòm nghiên mực thủng của thầy, anh ta mới giật mình và nhanh chóng tỉnh ngộ. Tục ngữ có câu: "Có công mài sắt có ngày nên kim". Chuyện mài sắt thành kim không phải dễ dàng. Tương truyền, ông Vương Hy Chi, nhà thư pháp nổi tiếng nhất trong lịch sử Trung Quốc, ngày ngày kiên trì luyện chữ, mỗi ngày sau khi luyện xong, ông đều ra ao rửa bút, lâu ngày nước trong ao biến thành màu đen. Câu chuyện này cũng đã chứng tỏ chân lý đó.

Đồng thời, câu chuyện cũng chứng tỏ một điều, giáo dục bằng hành động có hiệu quả hơn giáo dục bằng lời nói. Người thầy này đối với anh học trò tự mãn của mình không hề trách cứ mà cũng không hề phi lời, ông chỉ lấy mấy chục nghiên mực mà mình dùng bao nhiêu năm để giáo dục, thức tỉnh học trò, khiến anh ta thật lòng khâm phục, nhận ra sai lầm để sửa chữa. Từ đây có thể thấy sức mạnh làm gương, lấy mình làm gương là rất quan trọng.

ÂU DƯƠNG TU SÁNG TÁC TRONG LÚC "TAM THƯỢNG"

Ông Tiền Tư Công tuy sinh trưởng trong một gia đình giàu có, nhưng không hề có những sở thích và thói quen xấu như thường thấy ở những người giàu. Khi nhậm chức ở Tây Lạc, ông đã từng nói với các thuộc hạ của ông rằng: "Ta thường ngày chỉ thích đọc sách, khi quần áo chỉnh tề, ngồi nghiêm chỉnh thì đọc những sách kinh điển Nho gia và sách sử, khi nằm trên giường thì đọc tiểu thuyết, khi vào nhà vệ sinh thì đọc các loại từ, khúc; ta chưa lúc nào rời bỏ sách vở". Ông Tạ Hy Thâm cũng nói: "Ông Tống Công Thùy cùng làm ở Nhà soạn sử với tôi, mỗi lần vào nhà vệ sinh, ông ấy đều mang theo sách, tiếng đọc sách oang oang, vọng đến cả nơi rất xa, ông ta ham đọc sách như vậy đấy". Lúc đó, tôi cũng nói với ông Tạ Hy Thâm rằng: "Cuộc đời viết văn của tôi, phần lớn ý tưởng nảy sinh khi đang trong tư thế của "ba cái trên" (tam thượng): Trên lưng ngựa, trên giường và trên cầu tiêu". Có lẽ chỉ có những lúc như vậy mới có thể tập trung tư tưởng để tạo nên những ý tưởng sáng tác mà không bị gián đoạn.

(Âu Dương Tư: *Quy điển lục*, quyển 2)

LỜI BÌNH

Câu chuyện Âu Dương Tu viết văn, ý tưởng phần lớn nảy sinh ở "tam thượng" lưu truyền rộng rãi ở Trung Quốc, có ảnh hưởng rất lớn đối với người đời sau. Âu Dương Tu là nhà văn, nhà sử học nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc. Chỉ riêng về văn học, ông không những là nhà tản văn có tiếng, một trong "bát đại gia" đời Đường Tống, mà còn là một nhà thơ, nhà diễn từ nổi tiếng. Thơ, tử của ông có một vị trí quan trọng ở thời Bắc Tống. Sở dĩ ông có được thành tựu to lớn như vậy, chính là nhờ sự phấn đấu không ngừng suốt cuộc đời của ông. Chúng ta đều biết, trong cuộc đời ngắn ngủi của mỗi con người, quãng thời gian thực sự dành cho công việc rất có hạn, trong khoảng thời gian có hạn đó, muốn làm nên một điều gì đó thì không thể không tranh thủ từng giây từng phút, tận dụng tất cả mọi thời gian có thể tận dụng được. Có ai đó đã từng ví rất hay về việc tận dụng thời gian: Thời gian như một tấm xốp có nước, cần phải vắt thì nước mới ra được. Việc Âu Dương Tu tận dụng thời gian sáng tác "trên lưng ngựa", "trên giường" và "trên cầu tiêu" rất có ý nghĩa điển hình, rất đáng để chúng ta học tập; và là sự phản chiếu mạnh mẽ đối với những kẻ suốt ngày ăn không ngồi rồi, chẳng biết mình nên làm gì.

TRĂM HAY KHÔNG BẰNG TAY QUEN

Trần Nghiêu Tư tiên sinh (tự là Khang Túc) rất giỏi về bắn tên, tài bắn tên của ông ta đương thời không ai sánh nổi. Ông ta lấy đó làm hãnh diện lắm. Một hôm, ông đang bắn tên trong vườn nhà mình, có một ông lão bán dầu đi qua nhìn thấy, ông lão liền đặt gánh dầu trên vai xuống, đứng bên cạnh ngó nhìn hồi lâu, khi thấy Trần tiên sinh bắn liền mười mũi tên thì có đến tám chín mũi trúng đích, ông lão cũng chỉ hơi gật gật đầu, không lấy gì làm lạ. Thấy thế, Trần Nghiêu Tư liền hỏi ông: "Ông cũng hiểu về kỹ thuật bắn tên sao? Chẳng lẽ tài bắn tên của tôi chưa điều luyện hay sao?" Ông lão đáp: "Như thế thì có gì là tài giỏi, chẳng qua là nhờ luyện nhiều nên quen tay hay việc mà thôi". Trần Nghiêu Tư nghe xong, tức giận nói: "Sao ông lại dám coi thường tài bắn tên của tôi?"

Ông lão thùng thảng đáp: "Nhìn cái tài rót dầu của tôi thì có thể biết được tài bắn tên của ông, chứ có gì mà phải khoe khoang". Nói xong, ông lão liền cầm chiếc hồ lô dầu cổ rất bé, rồi đặt một đồng tiền lên miệng cổ, sau đó cầm chiếc muôi múc một muôi dầu, rồi giơ cao rót vào miệng hồ lô, dầu lập tức như một sợi dây chảy qua lỗ đồng tiền vào chiếc hồ lô. Rót xong, ông lão cầm đồng tiền lên đưa cho Trần Nghiêu Tư xem, trên miệng lỗ đồng tiền không hề dính một chút dầu nào. Thế rồi ông lão tiếp: "Thực ra

tôi cũng chẳng có gì là tài giỏi cả, chẳng qua là quen tay hay việc mà thôi". Trần Nghiêu Tư xem xong vừa kinh ngạc vừa khâm phục, cười rồi giục ông lão gánh dầu đi bán.

(Âu Dương Tu: *Quy điển lục*, quyển 1)

LỜI BÌNH

Mẩu chuyện nhỏ này nói rõ cho chúng ta một điều, bất luận làm việc gì, chỉ cần cần cù khổ luyện, trải qua thực tiễn nhiều thì nhất định sẽ làm tốt, sẽ đạt tới trình độ hoặc kỹ nghệ cao. Đây chính là cái gọi là "Trăm hay không bằng tay quen" mà chúng ta thường nói. Cái mấu chốt của "hay" là ở chỗ "quen", không "quen" thì không thể "hay" được, muốn quen thì phải học nhiều xem nhiều, qua thực tiễn nhiều, luyện tập nhiều. Tục ngữ có câu "trước lạ sau quen". Đương nhiên, việc học tập tri thức văn hóa và khoa học cũng phải như vậy.

Câu chuyện cho ta thấy, một khi ta đã học biết một việc hoặc một nghề nào đó, quyết không được tự mãn, càng không nên khoe khoang, khoác lác, không coi ai ra gì, coi trời bằng vung, chỉ có mình là nhất. Bởi vì, thế giới bao la, mỗi con người chỉ là một giọt nước trong biển cả. Nếu như tự kiêu tự mãn, xem thường người khác, thì không những ảnh hưởng đến sự không ngừng tiến bộ của mình, mà còn thường xuyên gặp phải những tổn thất, thậm chí là tai họa. Ông Trần Nghiêu Tư trong câu chuyện còn là người thông minh, sau khi nhìn thấy kỹ thuật rót dầu cao siêu của ông lão bán dầu, ông ta đã không còn ngênh ngang tự phụ, tự cho không ai bằng mình nữa. Chúng ta nên qua câu chuyện trên rút ra những bài học cho mình.

HỌC SĨ TẤT PHẢI CHU DU BỐN PHƯƠNG

Hồ Dục Chi tiên sinh⁽¹⁾ từng nói với học trò của ông là Đằng Chương Mân tiên sinh⁽²⁾ rằng: "Người theo nghiệp học nếu chỉ ru rú ở một nơi, thì tất sẽ bị mảnh đất hạn hẹp đó hạn chế, khiến anh không thể mở rộng tầm mắt, tiếp tục tiến lên, kiến thức sẽ nông cạn và tầm nhìn cũng sẽ hạn hẹp. Bởi vậy, cần đi khắp mọi nơi, nhìn khắp thiên hạ, tận dụng mọi cơ hội để lĩnh hội xem xét những chuyện nhân tình thế thái, tìm hiểu phong tục của trời nam bể bắc, chiêm ngưỡng phong cảnh non sông đất nước, mở rộng tầm mắt của mình, điều này vô cùng hữu ích cho những người theo đuổi nghiệp học."

Một hôm, ông dẫn theo mấy học trò từ Ngô Hưng đến vùng Quan Trung du ngoạn. Đi đến Đồng Quan, vì núi cao đường hiểm, đành phải xuống xe đi bộ. Khi lên đến Quan môn, mấy thầy trò cùng nhau ngồi nghỉ. Lúc này quay lại nhìn, chỉ thấy sông Hoàng Hà uốn lượn chảy qua

1. Hồ Dục Chi: Học giả thời Bắc Tống, người Hải Lăng (nay thuộc huyện Thái, tỉnh Giang Tô), đương thời được gọi là An Định tiên sinh. Ông từng dạy học cho trên nghìn người, trong đó có không ít người được triều đình tuyển dụng hoặc trở thành học giả nổi tiếng.

2. Đằng Chương Mân: Học trò của Hồ Dục Chi, về sau làm quan trong triều

Đồng Quan, cuộn cuộn đổ về phía đông, còn trước Đồng Quan là dãy núi Tây Nhạc Hoa và núi Trung Điều cao trùng điệp, mây trắng bao phủ. Giang sơn vạn dặm đều thu vào tầm mắt. Cảnh tượng núi sông hùng vĩ bao la khiến con người vô cùng cảm khái. Ông khẳng khái nói với Đằng tiên sinh rằng: "Được thấy cảnh tượng này thì đủ tư cách đàm luận về núi cao sông rộng rồi, người theo nghiệp học có thể không đi ra khỏi thư phòng mà lại mở rộng tầm nhìn được chăng?"

(Vương Trát: *Mặc ký*, quyển hạ)

LỜI BÌNH

Nhà thư họa nổi tiếng đời Minh Trung Quốc là Đồng Kỳ Xương đã từng có câu danh ngôn rằng: "Đọc vạn quyển sách, đi vạn dặm đường". Vốn muốn nói rằng, muốn vẽ tranh cần phải khổ công luyện tập, mặt khác phải thâm nhập thực tế, hòa mình vào thiên nhiên bao la, mở rộng tầm mắt, bồi bổ kiến thức. Về sau mọi người đều nhất trí cho rằng theo đuổi nghiệp học hành cũng như vậy, học phải đi đôi với thực tiễn, sao cho chúng kết hợp chặt chẽ với nhau. Đoạn văn trên của Vương Trát đã chứng tỏ chân lý này bằng một hình tượng sinh động. Chúng ta đều biết rằng, tất cả mọi tri thức đều bắt nguồn từ thực tiễn, những tri thức trong sách vở cũng đều là do người đi trước đúc rút từ thực tiễn. Việc học những tri thức sách vở đương nhiên là rất quan trọng, vậy nhưng, rời khỏi sách vở để thâm nhập vào đời sống thực tế có lẽ là quan trọng hơn. Bởi vì chỉ có thông qua thực tiễn thì mới có thể kiểm chứng được những điều anh học trong sách vở có đúng hay không, có ích hay không. Hơn nữa, thực tiễn cũng có thể giúp anh hiểu sâu hơn những kiến thức mình đã học. Thực tiễn, bản thân nó cũng là một hoạt động nhận thức, ở một góc độ nào đó, nó còn quan trọng hơn học tập. Đúng như bài văn đã nói, anh chưa tận mắt nhìn thấy núi

cao sông rộng, thì lấy tư cách gì để đàm luận về núi cao sông rộng? Câu chuyện về những nhân vật vĩ đại trong lịch sử cũng đã nói rõ điều này. Bởi vậy, người thanh niên không những cần học tốt những tri thức trong sách vở, mà còn cần phải hăng hái lao vào thực tiễn vốn rất vĩ đại; thể nghiệm, cọ xát với cuộc sống thực tế, thì mới có thể làm cho những tri thức học được càng hoàn chỉnh hơn, và cũng mới có thể đạt được mục đích thực sự của việc học.

SỬA MỘT CHỮ VÀ LÀM THẦY MỘT CHỮ

Tôi từng nghe các bậc tiền bối kể một giai thoại trên văn đàn như thế này: Phạm Trọng Yêm tiên sinh - bậc danh thần, nhà văn nổi tiếng thời Bắc Tống - đã từng viết bài thơ *Điều dài ký đề tặng Nghiêm Tử Lăng* - bậc cao sĩ thời Đông Hán. Viết xong, ông bảo mọi người rằng, nếu ai sửa được một chữ trong bài thơ, thì nhất định ông sẽ hậu thưởng cho người đó. Sau đó, có một thư sinh quả thực đã sửa được một chữ trong bài thơ của ông.

Nguyên văn bài thơ có hai câu thế này: "Vân sơn thương thương, giang thủy ương ương; tiên sinh chi đức, sơn cao thủy trường" (nghĩa là: Mây núi mênh mang, nước sông cuồn cuộn, đức của tiên sinh, như núi cao sông dài). Người thư sinh họ đã thay chữ "đức" bằng chữ "phong" (cốt cách). Phạm Trọng Yêm thấy anh ta sửa như vậy thì hết sức vui mừng, cho là hay hơn chữ của mình, bèn thưởng cho anh ta rất hậu. Sửa chữ "đức" thành chữ "phong", tuy chỉ thay một chữ, nhưng ý nghĩa của nó lại hết sức sâu xa, khiến văn điệu, ý tứ của câu thơ được nâng lên rất nhiều.

(Lý Như Trì: *Đông viên Tùng thuyết*, quyển hạ)

Theo ghi chép của Trần Nhạc - người đời Tống - trong *Ngũ đại sử bộ*: Tề Kỷ, nhà thơ đời Đường xuất gia làm hòa thượng, đã viết một bài thơ ca tụng cảnh mai nở sớm, sau đó đưa đến chỗ nhà thơ Trịnh Cốc nhờ chỉ giáo. Trong đó có hai câu ông viết: "Tiên thôn thâm tuyết lý, tác da sở chi khai" (Trong mưa tuyết ở thôn Tiên, đem qua mấy cành mai nở). Trịnh Cốc xem xong liền bảo Tề Kỷ rằng: "Nếu như đã nở mấy cành, thì còn gì là mai sớm nữa, chỉ băng sửa thành "một cành mai nở" là hay nhất, hoa vừa nở được một cành, đương nhiên là mai sớm". Tề Kỷ nghe xong hết sức thán phục, liền tôn Trịnh Cốc làm thầy.

(Đối Thực: *Thư Phác*, quyển thượng)

LỜI BÌNH

Hai giai thoại trong làng văn này đã kể lại câu chuyện thật cảm động của người xưa khi viết văn làm thơ, đã hay lại muốn hay hơn, khiêm tốn học hỏi người khác. Phạm Trọng Yêm là một nhân vật kiệt xuất của đời Tống, ông không những lập nhiều công tích trên quan trường, mà còn có nhiều đóng góp xuất sắc trong lĩnh vực văn học. Tề Kỷ là một hòa thượng, cũng là một nhà thơ nổi tiếng đời Đường. Sở dĩ hai ông có được những thành tựu xuất sắc chính là nhờ có thái độ khiêm tốn học hỏi. Một chữ sửa trong bài thơ, quả là một chữ đáng giá, ngàn vàng khó mua được. Chỉ thay chữ "mấy" bằng chữ "một" mà tính chất của sự vật và mức độ sinh động, hình tượng khác nhau một trời một vực. Hoa mai nở trước trăm hoa, đã là sớm rồi, nhưng "một cành" lại nở trước muôn cành thì quả thực càng toát lên cái sớm, như vậy mới thể hiện sâu sắc ý vị của "mai sớm". Lấy một chữ "phong" để thay cho chữ "đức", có thể nói sửa một chữ mà khiến câu thơ thướt tha nên nã bội phần. Chữ "phong" (cốt cách) không những bao hàm toàn bộ nội dung của "đức", mà còn phản ánh đầy đủ phong độ và cốt cách của một Nghiêm Tử Lăng

không màng danh lợi, chí hướng thanh cao, thật là một cốt cách cao thượng, lưu truyền thiên cổ.

Điều đáng quý hơn là, họ không phải nghe để che giấu khuyết điểm, mà là nghe xong rồi vui mừng. Họ là những người biết phục thiện, lòng dạ ngay thẳng, khao khát cầu hiền. Tuy chỉ được sửa cho một chữ, nhưng lại đem địa vị quyền quý của mình (phó Tể tướng) để bái phục một người áo vải bình thường. Dù chỉ thay một chữ, nhưng đã tự nguyện tôn người ta làm thầy. Thật là tấm lòng cao cả biết bao, độ lượng biết chừng nào! Khen cho câu "Thái sơn không chê đất nhúm nên mới thành cao, sông biển không từ dòng nhỏ nên mới thành rộng!" Chẳng trách hai mẫu chuyện này đã trở thành những giai thoại văn học được lưu truyền rộng rãi trong lịch sử văn học Trung Quốc.

TĂNG PHU NHÂN NÓI VỀ CON CỦA LÝ SOẠN

Lý Soạn, tự là Tử Ước, người Tỷ Lăng (nay thuộc huyện Vũ Tiến tỉnh Giang Tô, Trung Quốc). Khi Tăng Tử Tuyên⁽¹⁾ tiên sinh nhậm chức ở Chân Định, thì Lý Soạn cũng đang giữ chức giáo thụ (quan phụ trách giáo dục) ở đó. Nhà ông rất nghèo, sống vất vả tàn tiền. Có lần Tăng phu nhân làm cơm mời mẹ và vợ Lý Soạn đến nhà mình chơi, lúc đó có ông quan võ họ Tống, làm chức quan Đề điểm hình ngục, cũng đưa vợ tới dự tiệc. Khi đến đây, bà vợ quan họ Tống ăn mặc rất quý phái, vàng bạc châu báu đeo đầy người, trông thật lộng lẫy. Còn mẹ và vợ Lý Soạn thì mặc quần áo cũ, lại chẳng trang điểm gì. Cả hai nhà đều mang con đi theo. Con của Tống võ quan ăn mặc rất đẹp, áo quần bánh bao, trong khi đó con của Lý Soạn trông có phần vụng dại, thế nhưng đứa nào cũng thông thuộc thơ văn. Những người xung quanh thấy thế tỏ vẻ chế giễu. Thấy vậy, Tăng phu nhân mỉm cười rồi nói với họ rằng:

1. Tăng Tử Tuyên: Em trai Tăng Cung (nhà văn nổi tiếng thời Bắc Tống), tự là Tử Tuyên, người Nam Phong (nay thuộc Nam Phong, Giang Tây), đại thần thời Bắc Tống, đỗ tiến sĩ cùng khoa với anh là Tăng Cung, giữ chức Hàn lâm học sĩ kiêm Tam tư sử. Vua Huy Tông tức vị, được phong Tế tướng. Sau khi mất được phong tên thụy là Văn Túc.

"Lý giáo thụ nay nhà tuy rất nghèo, nhưng con ông ấy đứa nào cũng giỏi, tiền đồ tương lai chưa biết chừng đâu. Còn con của Tống võ quan tuy ăn mặc gọn gàng đẹp đẽ, nhưng ta xem sau này cũng chỉ có thể làm chân chạy cho người ta thôi". Quả nhiên về sau, trong 5 người con của Lý Soạn, có 4 người thi đỗ, trong đó có 3 người làm đến chức quan thị tòng, hai người làm quan lang (chức quan nhỏ bảo vệ cung điện nhà vua). Năm người đó là: Lý Di Luân, Lý Di Đại, Lý Di tích, Lý Di Tôn và Lý Di Chính. Còn con của Tống Võ quan là Tống Tuấn, chỉ được làm chức quan võ nhỏ truyền lệnh giữ cửa cung đình mà thôi. Quả như lời tiên đoán của Tăng phu nhân vậy.

(Dương Vạn Lý: *Huy trần lục hậu lục*, quyển 7)

LỜI BÌNH

Đoạn văn ngắn trên đây kể về câu chuyện Tăng Văn Túc phu nhân qua cách ăn mặc, lối sống, sở thích của hai nhà họ Lý và họ Tống, đã dự đoán về tương lai của con cái hai nhà, dự đoán của bà tương đối chính xác. Tăng phu nhân nói rằng, nhà họ Lý tuy cuộc sống thanh bần, ăn mặc có phần rách rưới, nhưng họ coi trọng việc giáo dục con cái. Trong khi đó, nhà họ Tống tuy cuộc sống giàu có, ăn mặc đẹp đẽ gọn gàng, bề ngoài toát lên vẻ giàu sang phú quý, nhưng lại không chăm lo đến việc giáo dục văn hóa cho con. Bởi vậy bà cho rằng, tiền đồ tương lai của con cái nhà họ Lý sẽ xán lạn, còn con cái nhà họ Tống thì tương lai cũng chỉ là những kẻ phạm phu tục tử để cho người sai khiến mà thôi. Sự thực về sau quả đã chứng minh lời phán đoán của Tăng phu nhân. Đây là điều đáng để chúng ta suy ngẫm. Có không ít gia đình cứ ngỡ rằng, chỉ cần cho con cái ăn ngon, mặc đẹp, được chơi bời, thì đã là quan tâm, yêu

thương con cái; còn việc giáo dục đạo đức, trí tuệ cho con thì họ lại không quan tâm tới. Kết quả chỉ có thể là tạo cho con cái thành những cậu ấm cô chiêu quần là áo lượt, chỉ biết vui chơi đàn đúm, chúng làm sao còn để tâm nghĩ tới chuyện học hành? Lại càng không thể chịu đựng gian khổ để làm nên sự nghiệp. Yêu con như vậy thì trên thực tế là đã làm hại con, chôn vùi tiền đồ của chúng.

Mặc khác, tác phong sống của người lớn cũng có ảnh hưởng rất lớn tới con trẻ, những người lớn nhà họ Lý ăn mặc rất giản dị, còn nhà họ Tống thì ăn mặc diêm dúa lộng lẫy, vàng bạc châu báu đầy mình. Nhà họ Lý tuy nghèo, nhưng có lẽ cũng không đến nỗi không có cả bộ quần áo mới để đi dự tiệc, điều mấu chốt là tư tưởng, tác phong lối sống của mỗi người khác nhau. Sự khác nhau này, vô hình chung ảnh hưởng đến những đứa trẻ, dẫn đến sự phát triển theo hướng khác nhau của chúng. Chính vì lẽ đó, không thể coi nhẹ vai trò làm gương của các bậc cha mẹ đối với con cái.

BA ĐIỀU CẦN ĐẠT ĐƯỢC KHI ĐỌC SÁCH

Phàm là đọc sách, nhất định phải đọc to từng chữ, không được đọc sai một chữ, không đọc thiếu, đọc thừa, đọc ngược một chữ, và phải tránh đọc không hiểu ý nghĩa của chữ mà vẫn tiếp thu miễn cưỡng. Đọc sách chỉ cần đọc nhiều lần, thì tự nhiên sẽ trôi chảy, lâu ngày cũng không quên. Cổ nhân từng nói: "Đọc sách nghìn lần thì sẽ tự thấy ý nghĩa của nó", ý nói là nếu đọc thuộc rồi thì không cần người giải thích cũng tự hiểu được ý nghĩa của cuốn sách. Tôi đã từng nói, khi đọc sách cần phải làm được ba điều (tam đáo): tâm phải chuyên, mắt phải thấu và lời phải rõ. Tâm trí không để vào sách thì nhìn không kỹ, tâm và mắt đã không tập trung mà cứ đọc một cách tự do, tùy tiện, lo là thì không thể nào nhớ kỹ được, và dù có cố gắng nhớ cũng không thể nhớ lâu được. Trong "tam đáo" (ba điều phải đạt được) thì "tâm đáo" (chuyên tâm) là quan trọng nhất, tâm đã đạt đến thì lẽ nào mắt và miệng lại chẳng đạt được?

(Chu Hy: *Huấn học trai quy*)

LỜI BÌNH

Bài *Huấn học trai quy* này của Chu Hy đã đưa ra hai yêu cầu cơ bản cho việc đọc sách, một là phải đọc kỹ, đọc nhiều,

hai là phải chuyên tâm, chăm chú. Việc gì cũng vậy, làm nhiều hóa giỏi. Khi đọc sách, chỉ có đọc thuộc, đọc kỹ thì mới lĩnh hội được sâu, hiểu được thấu ý nghĩa của cuốn sách, khi vận dụng mới thuần thục được. Có một câu nói rất có lý: "Đọc thuộc ba trăm bài thơ Đường, không biết làm thơ cũng biết ngâm". Tuy nhiên, muốn thuộc thì phải đọc nhiều, đọc đi đọc lại, không bỏ công sức ra không thể được. Gọi là "tam đáo", xét cho cùng chính là phải chăm chú, chuyên tâm, tập trung toàn bộ sức lực của mình, chỉ có như vậy thì mới đọc tốt, học tốt được. Trong "tam đáo", Chu Hy đặc biệt nhấn mạnh đến "tâm đáo" (sự chuyên tâm), đã chuyên tâm rồi thì tự nhiên mắt sẽ không nhìn nơi khác, tai sẽ không nghe ngóng xung quanh nữa. Chu Hy là một bậc đại sư về Nho học nổi tiếng, cách đọc sách mà ông nói đều là những kinh nghiệm của ông, là những điều hết sức sâu sắc, chúng ta cần ghi nhớ kỹ để làm bài học cho mình.

CÁCH ĐỌC SÁCH CỦA TRẦN TẤN CHI

Đọc sách chỉ cốt ở chỗ ghi nhớ cho kỹ, rồi biến nó thành cái của mình. Ghi nhớ kỹ, biến thành cái của mình rồi thì học thục, phẩm hạnh mới có thể dần dần tiến bộ. Có một người tên là Trần Tấn Chi, ông quy định cho mình rằng, mỗi ngày chỉ đọc một trăm hai mươi chữ, không tham đọc nhiều, nhưng những gì đã học thì nhất định phải nhớ thật chắc, tiếp thu kỹ hết. Về sau, dần dần chẳng có sách gì mà ông không đọc tới cả. Như thế có thể nói rằng, một ngày tính ra thì quả thực không nhiều, nhưng một năm cộng lại, thì số chữ đã là mênh mông như biển cả rồi. Còn như ngày nay, có ai mà chẳng đọc một ngày mấy nghìn chữ? Thoạt nghe thì thật khiến người ta vui mừng, nhưng vì đọc quá nhiều, nên đọc đâu quên đó, dù là đọc một năm, cũng chưa chắc đã nhớ được một trăm hai mươi chữ, vậy thì rốt cuộc mỗi ngày có thể nhớ được bao nhiêu chữ, điều đó không nói thì ai cũng biết. Lúc tôi còn bé, cũng có thói quen không tốt là tham đọc nhiều, bây giờ mỗi khi nghĩ tới sự trống rỗng của mình, mới biết rằng, phương pháp đọc sách của Trần Tấn Chi mới là phương pháp tốt nhất.

(Trần Thiện: *Môn Sát tán thoại*, tập
thượng, quyển 4)

LỜI BÌNH

Bất kể làm việc gì cũng cần coi trọng phương pháp. Phương pháp đúng thì mới có thể làm ít được nhiều, nếu không thì sẽ làm nhiều được ít, thậm chí tốn công vô ích mà thôi.

Phương pháp đọc sách của Trần Tấn Chi rất đáng để chúng ta học tập. Ông cho rằng, khi đọc sách cần nhớ kỹ thì mới có thể tiến bộ được. Vì vậy, ông đã đưa ra một quy định nghiêm khắc cho mình là mỗi ngày chỉ đọc một trăm hai mươi chữ. Xét về số lượng thì quả là không nhiều, nhưng nếu để nhớ cho kỹ và biến nó thành cái của mình thì cũng không phải là điều dễ dàng. Nếu như cứ theo thế mà đọc, thì ngày lại ngày, năm lại năm, kết quả sẽ rất khả quan. Ngược lại, nếu tham nhiều, muốn nhanh, thì đúng như tác giả nói, thoạt nghe thật đáng mừng, nhưng rồi đọc trước quên sau, đọc rồi cũng như chưa đọc. Thanh thiếu niên chúng ta khi đọc sách thường không tĩnh tâm, ham muốn cao xa, tham cầu tốc độ. Kết quả là muốn nhanh thì chẳng đạt, hiệu quả ngược lại. Bởi vậy, giữa nhiều và ít, nhanh và chậm, có mối quan hệ biện chứng, tham nhiều hóa ra được ít, muốn nhanh thành ra lại chậm, điều đó rất đáng để chúng ta suy ngẫm.

TƯ MÃ QUANG QUÝ TRỌNG SÁCH

Trong vườn hoa nhà ông Tư Mã Quang⁽¹⁾ có một gian nhà đọc sách, trong nhà chứa hơn vạn quyển sách về văn sử. Những quyển sách mà sáng chiều nào ông cũng đọc tuy đã dùng hàng mấy chục năm nhưng trông vẫn giống như những quyển sách mới chưa từng sờ tới bao giờ. Ông đã có lần nói với con trai là Công Hưu rằng: "Các nhà buôn thì cất giấu vàng bạc châu báu, còn người đọc sách (kẻ sĩ) thì chỉ có sách mà thôi. Nhưng với những cuốn sách này, phải biết yêu quý giữ gìn nó như thế nào. Hàng năm, vào khoảng từ ngày Sơ phục (ngày canh thứ 3 sau ngày Hạ chí) đến tết Trùng dương (ngày 9 tháng 9 âm lịch), thấy thời tiết nóng bức, không khí ẩm ướt, nên ta đều chọn những ngày nắng ráo, kê mấy cái bàn dài ở trong vườn hoa, dựng đứng sách lên bàn cho mặt trời chiếu vào gáy sách. Vì vậy, dù đã qua nhiều năm tháng, nhưng những cuốn sách của ta vẫn nguyên vẹn lành lặn. Còn khi muốn mở sách ra đọc, thì nhất định phải xem xem bàn có sạch không đã, hơn nữa phải lót đệm bằng phẳng, mềm mại lên trên, rồi sau đó mới ngồi ngay ngắn mà đọc. Có lúc muốn

1. Tư Mã Quang: Bậc đại thần, nhà sử học nổi tiếng thời Bắc Tống, từng chủ biên cuốn *Tư trị thông giám*. Sau khi mất được phong Thái sư, Ôn quốc công, vì thế cũng được gọi là Tư Mã Ôn Công.

vừa đi vừa xem sách, thì lấy một tấm ván hình vuông đỡ sách, chưa bao giờ dám lấy tay bẻ sách cả. Làm như vậy là vì không những sợ mồ hôi trên tay thấm vào sách, mà còn lo chạm hỏng mất gáy sách. Mỗi khi xem xong một trang, ta lại dùng ngón cái tay phải lần theo mép sách lật nhẹ, rồi dùng ngón trỏ về trang sách để giờ sang, làm thế thì sách mới không bị nhàu nát. Mỗi lần ta thấy các con đứa nào cũng lấy móng tay cào lên trang sách, thật không đúng với tâm ý của ta. Ngày nay, ngay cả các vị hòa thượng, đạo sĩ còn biết yêu quý, giữ gìn sách, lẽ nào các con, những người đọc thuộc kinh thư, lại không bằng họ ư? Các con phải ghi nhớ kỹ những lời dạy bảo của ta".

(Phí Cỗn: *Lương Khê mạn chí*,
quyển 3)

LỜI BÌNH

Đoạn văn ngắn trên đây của Phí Cỗn thuật lại việc vị học giả nổi tiếng thời Bắc Tống là Tư Mã Quang yêu quý, giữ gìn sách như thế nào. Bài văn thể hiện sinh động hình ảnh Tư Mã Quang cất sách, giữ gìn sách, đọc sách, rồi dùng tay giở sách như thế nào, lời khuyên nhủ, dạy dỗ ân cần của ông đối với con như hiện ra mồn một trước mắt. Nhà đại văn hào Mác-xim Gôóc-ki đã từng nói: "Sách là nấc thang của nhân loại tiến bộ". Những tri thức mà nhân loại tích lũy được, chủ yếu được lưu truyền qua các ghi chép bằng văn tự, và cũng nhờ vào các loại sách, muốn kế thừa những tri thức quý báu của tiền nhân, thì phải dựa vào những thư tịch này. Bởi vậy, yêu quý sách vở không chỉ đơn thuần là quý trọng thành quả lao động vất vả, cần cù sáng tạo của mọi người, mà còn thể hiện thái độ ham học hỏi, tìm tòi tri thức của mỗi người. Có thể thấy, một người không biết gì về sách, không đọc sách, không ham muốn tìm

tài trí thức, thì anh ta sẽ có thái độ như thế nào, có tình cảm gì đối với sách. Có thể nói, yêu quý sách đồng nghĩa với yêu quý trí thức, đồng nghĩa với sự ham muốn hiểu biết của một con người. Chính vì lẽ đó, Tư Mã Quang đã trở thành một học giả nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc, đã viết nên tác phẩm đồ sộ *Tư trị thông giám*. Đoạn văn này có ý nghĩa giáo dục hiện thực đối với thanh thiếu niên học sinh trong nhà trường.

VƯƠNG HẬU TRAI HỌC RỘNG BIẾT NHIỀU

Thượng thư Vương Hậu Trai⁽¹⁾, người vùng Tứ Minh, Triết Giang, là một người ham học hỏi, có kiến thức vô cùng uyên bác. Mỗi lần đến mật phủ, nơi cất giữ các loại sách quý hiếm của Hoàng cung, ông đều bỏ một quyển sổ nhỏ vào ống tay áo. Mỗi khi gặp những chuyện lạ, hay bí mật trong sách, ông liền lấy bút ghi lại, rồi sau đó lại cho sổ vào ống tay áo mang ra. Cứ như thế cho đến những năm cuối đời, ông dùng những tài liệu tích lũy được viết nên tác phẩm *Khôn học ký vấn* - một tác phẩm học thuật quan trọng (bằng thể loại bút ký, gồm 20 quyển). Có thể nói, tác phẩm này có giá trị học thuật rất cao và có ý nghĩa giáo dục quan trọng đối với các học giả và những người theo nghiệp học đời sau.

(Khổng Tể: *Chí chính trực ký*,
quyển 4)

1. Vương Hậu Trai: Tức Vương Ứng Lân (1223 - 1276), tự là Bá Hậu, Hậu Trai, hiệu Thâm Ninh cư sĩ, người phủ Khánh Nguyên thời Nam Tống (nay thuộc huyện Ninh Ba tỉnh Triết Giang). Ông là một học giả nổi tiếng, đỗ tiến sĩ vào khoảng niên hiệu Thuần Hựu, làm quan đến chức Thượng thư bộ Lễ.

LỜI BÌNH

Vương Ứng Lâm là một học giả nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc. Ông từ nhỏ đã thông minh hiếu học, 9 tuổi đọc thông lục kinh, 18 tuổi đỗ tiến sĩ, về sau làm quan đến chức Thượng thư bộ Lễ. Ông suốt đời ham mê đọc sách, biết rộng nhớ nhiều, kiến thức vô cùng uyên bác, các lĩnh vực nghiên cứu kinh điển, sử học, bách gia chư tử, thiên văn, địa lý, thơ từ... ông đều có nghiên cứu và trước thuật. Ngoài việc quan, ông không hề rời khỏi sách, cần mẫn viết lách, trước tác của ông có hơn ba, bốn chục loại. Chỉ trong tác phẩm *Khốn học ký văn* nhắc đến trong bài, đã bao gồm cả chú giải kinh điển, thiên văn, lịch số, địa lý, chư tử, khảo cứu lịch sử, bình thơ văn, kiến thức chung. Trong khi khảo chứng, đánh giá, ông có những kiến giải độc đáo về các lĩnh vực: sông ngòi, chế độ ruộng đất, vận chuyển đường thủy, rất có giá trị sử liệu. Ở đời Thanh đã có 7 học giả nổi tiếng như: Diêm Nhược Cư, Toàn Tổ Vọng, Hà Trác, Tiền Đại Hân... đều chú giải về bộ sách này, điều đó cho ta thấy *Khốn học ký văn* quan trọng đến mức nào, và cũng chứng tỏ Vương Ứng Lâm quả là một nhà bác học đa tài. Nhưng, cái giá của sự uyên bác ấy, là cả một cuộc đời tâm huyết mà ông đã bỏ ra để nghiên cứu và soạn sách. Cũng chính vì vậy, ông mới có được những đóng góp to lớn cho nền văn minh tinh thần, được người đời sau kính trọng, trở thành tấm gương cho hậu thế noi theo.

MỘT THÁNG CÓ 45 NGÀY

Trong quyển *Hậu Hán thư* của nhà văn Ban Cố thời Đông Hán có viết rằng: "Đến mùa đông, nông dân làm xong việc nông đều trở về nhà, các chị em phụ nữ lại không kể ngày đêm tham gia dệt vải, những người phụ nữ này mỗi tháng làm việc tới 45 ngày". Ông Phục Vân thời Đông Hán có chú thích rằng: "Mỗi ngày làm việc đến nửa đêm, như vậy tính cộng lại có nghĩa là mỗi tháng làm việc đến 45 ngày rồi". Những người nông dân có thể làm việc đến nửa đêm, vậy thì, việc người đọc sách (kẻ sĩ) thấp đèn đọc sách trong đêm, lẽ nào lại thiếu được?

(La Đại Kinh: *Lạc Lâm ngọc lộ*,
quyển 2)

LỜI BÌNH

"Một tháng có 45 ngày", thoát nghe người ta thấy có điều gì nghi hoặc khó hiểu, nhưng sau khi được giải thích, thì chẳng có gì là lạ. Tinh thần lấy đêm làm ngày, chạy đua với thời gian của cổ nhân thật đáng học tập, cách tính thời gian của họ cũng khiến người ta phải suy nghĩ và khâm phục. Thời gian, đối với con người, chính là cuộc sống, quả thực là quan trọng vô cùng. Bởi vậy mà cổ nhân có câu: "Một thước ngọc bích không quý, một tấc thời gian đáng giá ngàn vàng", "Thời gian là vàng bạc, vàng bạc không mua được thời gian". Thời gian quý báu, đối với

thanh thiếu niên lại càng có ý nghĩa đặc biệt, bởi vì thời kỳ thanh thiếu niên của một con người là thời kỳ đặt nền móng cho cả cuộc đời họ. Ở thời kỳ này, cái nền đặt tốt hay xấu có ảnh hưởng trực tiếp đến sự nghiệp và tiền đồ của một con người. Hơn nữa, quãng đời thanh thiếu niên có thể nói là mãnh liệt như mặt trời lúc tám, chín giờ sáng, sôi nổi trẻ trung, tràn đầy sức sống, trí lực sung mãn, là cơ hội tốt nhất để con người học tập, tích lũy kiến thức, phát triển tài năng. Vậy nhưng quãng đời này đối với mỗi người, lại quá ngắn ngủi, quá quý báu, nếu như không biết nắm lấy, chỉ hơi lơ là là nó sẽ trôi đi. Ta hãy lắng nghe câu từ nổi tiếng của Nhạc Phi - nhà yêu nước anh hùng nổi tiếng thời Nam Tống: "Đừng dễ dàng để bạc đi mái đầu niên thiếu".

BÀI HUẤN THỊ CON CHÁU HỌC HÀNH

Mọi việc trong thiên hạ có phân chia khó dễ không? Nếu bắt tay vào làm, thì việc khó cũng biến thành dễ; còn nếu không làm, thì việc dễ cũng trở thành khó vậy. Người ta khi học có phân biệt khó dễ không? Nếu học, thì cái khó cũng biến thành dễ, còn không học, thì cái dễ cũng thành khó vậy. Nếu như tư chất của ta ngu độn, không theo kịp người khác, tài năng của ta bình thường, không sánh nổi người khác, có thể ngày ngày học, học lâu dài, không lười biếng lơ là, học đến lúc thành tài, thì sẽ không còn là ngu độn, bình thường nữa. Nếu tư chất của ta thông minh, vượt xa người khác, tài năng của ta mãi tiếp, nổi trội hơn người, mà lại vứt bỏ không dùng, thì có gì khác với sự ngu độn, bình thường kia? Học thuyết của Khổng Tử cuối cùng cũng được truyền bởi ông Tăng Sâm tư chất trì độn. Nói như vậy, thì vai trò của sự ngu độn, bình thường và thông minh tài cán đối với mỗi con người lẽ nào là bất biến?

Ở đất Thục xa xôi, có hai vị hòa thượng, một người giàu, một người nghèo. Vị hòa thượng nghèo nói với vị hòa thượng giàu rằng: "Bần tăng muốn đi Nam Hải, ngài thấy thế nào?" Vị hòa thượng giàu bèn hỏi: "Ông đi bằng

gì?" Vị kia đáp: "Bần tăng chỉ cần một cái chai đựng nước và cái bát ăn cơm là đủ". Hòa thượng giàu nói: "Mấy năm nay tôi vẫn có ý định thuê thuyền đi, mà vẫn chưa thực hiện được, ông dựa vào cái gì mà đi được chứ?" Hai năm sau, vị hòa thượng nghèo từ Nam Hải trở về, đem chuyện kể với vị hòa thượng giàu. Hòa thượng giàu rất lấy làm xấu hổ. Từ Tây Thục đến Nam Hải, không biết xa mấy ngàn cây số, hòa thượng giàu không thể đến mà hòa thượng nghèo lại đến được. Chí hướng của mọi người lẽ nào lại không bằng vị hòa thượng nghèo đất Thục xa xôi đó sao?

Bởi vậy, sự thông minh và mắn tiếp, có thể dựa vào mà cũng không thể dựa vào. Chỉ dựa vào sự thông minh, mắn tiếp của mình mà không học tập, thì là người tự cam chịu thất bại. Sự ngu độn, bình thường có thể hạn chế mà cũng không thể hạn chế, người không bị sự ngu độn, bình thường hạn chế mà vươn lên học tập không biết mệt mỏi thì đó là người có chí cầu tiến bộ vậy.

(Bành Đoan Thúc: *Bạch học đường
thi văn tập*)

LỜI BÌNH

Bài văn chủ yếu trình bày về vấn đề học tập như thế nào, ở đây không đi vào phương pháp học tập cụ thể, mà bàn về thái độ đối với việc học, về việc phát huy tính năng động chủ quan của con người như thế nào. Tác giả lấy việc ông Tăng Sâm tri độn mà lại truyền được học thuyết của Khổng Tử và câu chuyện hai vị hòa thượng giàu và nghèo đi Nam Hải làm ví dụ, để chứng minh một cách sinh động và sâu sắc mối quan hệ biện chứng giữa khó và dễ, giữa ngu dốt và thông minh, cho rằng khó và dễ, ngu dốt và thông minh đều không phải là tuyệt đối, đó là cặp phạm trù có thể chuyển biến lẫn nhau, điều mấu chốt là ở

chỗ có thể phát huy tính năng động chủ quan của mỗi cá nhân hay không, có chịu khó phấn đấu hay không, có ý chí kiên định hay không. Đúng như tác giả đã nói: "Có làm thì việc khó cũng thành dễ, không làm thì dễ cũng thành khó vậy". Dù có thông minh đến mấy, mà "vứt bỏ không dùng, thì có khác gì với sự ngu độn, bình thường". Trong cuộc sống thường nhật, chúng ta cũng có thể thấy rằng, người thật thông minh và kẻ thật ngu dốt chỉ là thiếu sót, mấu chốt là ở chỗ anh ta có chịu khó học hay không, có chăm chỉ, cố gắng hay không. Có những người vốn rất thông minh, nhưng họ lại thường cậy vào trí thông minh của mình mà không chịu học hỏi, như vậy thì sự thông minh đó phỏng có ích gì? Hơn nữa, điều kiện khách quan cho việc học tập đương nhiên là quan trọng, song yếu tố quyết định vẫn là tính năng động chủ quan của con người, có những gia đình điều kiện rất tốt nhưng con cái của họ lại học không bằng con cái những gia đình nghèo khổ, cũng như vị hòa thượng giàu không bằng vị hòa thượng nghèo vậy. Cho nên, có thể nói, đây là một bài văn có ý nghĩa giáo dục rất lớn đối với thanh thiếu niên học sinh, rất đáng để chúng ta suy nghĩ và học tập.

CÓ LÀM THÌ MỚI BIẾT

Những người trẻ tuổi mỗi khi gặp phải việc gì, thường nói rằng: "Tôi không biết làm". Đây là điều hết sức sai lầm. Bởi bất kể việc gì, phải làm thì mới biết, không làm thì sao có thể học mà biết được? Còn nữa, lớp trẻ mỗi khi làm việc gì, thường nói rằng: "Để ngày mai làm vậy". Đây cũng là điều cực kỳ sai lầm. Bất kể làm việc gì, cũng phải làm ngay, không được để lại. Nếu việc gì cũng kéo dài mãi thì sẽ lỡ cả cuộc đời.

Ông Tiền Hạc Than đã viết bài *Bài ca ngày mai* vô cùng ý nghĩa, xin chép lại ở đây: "*Ngày mai lại ngày mai, sao lăm ngày mai thế? Ta sống đợi ngày mai, vạn sự thành lần nữa. Người đời nếu để ngày mai lụi, xuân đi thu đến tuổi già theo. Buổi sáng trông nước chảy về Đông, buổi chiều nhìn mặt trời lặn phía Tây. Trăm năm có được mấy ngày mai ? Xin hãy nghe Bài ca ngày mai của tôi*".

(Tiền Vịnh: *Lý Viên từng thoại -
Ức Luận*)

LỜI BÌNH

Luận điểm "có làm thì mới biết" mà tác giả nêu ra ở đây là một vấn đề quan trọng về mặt nhận thức luận, cũng là một chân lý không thể nào chối cãi. Đối với bất kỳ một sự vật nào, nếu

ta không tiếp xúc với nó, không trải qua thực tế mình làm, thì mãi mãi không hiểu, không biết, mãi mãi đứng ngoài cuộc. Bởi vậy, tác giả giáo dục thanh thiếu niên phải coi trọng thực tiễn, tích cực lao vào hoạt động thực tiễn. Đó là điều rất có lý.

Một vấn đề quan trọng khác mà tác giả nêu ra là giáo dục thanh thiếu niên phải biết quý trọng thời gian, bất kể làm việc gì cũng phải chạy đua với thời gian mà làm, không được kéo dài, không được qua loa xong chuyện, nếu không, thời gian quý báu sẽ trôi đi mất, đến lúc hối hận thì đã muộn. *Bài ca ngày mai* mà tác giả dẫn ra ở đây không những có dụng ý rõ rệt, mà còn có nhiều thu vị, đáng để chúng ta ghi nhớ trong lòng, để luôn luôn nhắc nhở chúng ta biết quý trọng thời gian vàng bạc của mình.

CHỊ DẠY EM ĐỌC SÁCH

Còn nhớ khi ta mới bảy tuổi, bố mẹ đều qua đời, ta phải đến nương nhờ chị ta, gặp đúng lúc chồng và con của chị cũng vừa mất, chị sống cô độc một mình, không người nương tựa. Đằng sau nhà chị có một mảnh vườn nhỏ, rộng chừng mấy trượng, cây cối mọc um tùm, bóng cây sum suê che khuất cả mảnh vườn; dưới bóng cây có hai gian phòng, chị đưa ta đến ở đó. Khi mười tuổi, ta theo học ở trường tư thục, sáng sớm đi học, chập tối mới trở về nhà. Đến đêm, chị thường ngồi thêu thùa may vá, chị thắp một ngọn đèn, bảo ta ngồi bên cạnh đọc sách. Mùa hè thời tiết nóng bức, buổi tối không phải đọc sách, nhưng trời vừa sáng là chị gọi ta dậy, bê chiếc bàn nhỏ ra vườn, bảo ta ngồi dưới gốc cây đọc sách. Dưới gốc cây đặt hai hòn đá to, một hòn để chị làm bàn giặt áo, còn hòn kia để ta ngồi đọc sách. Đến khi mặt trời mọc, chị mới giục ta đến trường. Chính vì vậy mà ta hồi nhỏ, mỗi buổi sáng đến trường, đều thuộc bài hơn chúng bạn. Có những hôm buổi tối ta đọc sách mệt quá, định nghỉ chơi một lát, thì chị vừa khóc vừa kể lể về nỗi vất vả nhọc nhằn đã khiến mẹ qua đời như thế nào, rồi chị còn nói với ta: "Ngày nay em không cố gắng học tập, mẹ ở dưới suối vàng mà biết thì sẽ rất đau lòng". Trong lòng ta lúc đó vừa buồn rầu vừa

lo sợ, và ta cũng khóc mà nói với chị rằng: "Từ nay em không dám làm như vậy nữa!".

(Vương Chương: *Tu chăm khóa tụng đồ tự*)

LỜI BÌNH

Tác giả bài văn là Vương Chương, từ nhỏ đã mồ côi cả cha lẫn mẹ (một tuổi mất cha, bảy tuổi mất mẹ), phải dựa vào sự yêu thương đùm bọc của người chị mà lớn lên thành tài. Người chị không chỉ chăm lo cho cuộc sống của ông, mà còn bảo ban, dạy dỗ ông một cách nghiêm khắc, chính điều đó đã giúp ông trưởng thành lành mạnh, và ông thi đỗ tiến sĩ năm 26 tuổi (năm Quang Đạo thứ 22 đời Thanh). Để ghi nhớ công lao nuôi dạy của người chị, ông đã vẽ bức tranh *Tu chăm khóa tụng đồ* (Chị giặt áo, em học bài): "Không thể nào quên công lao dạy dỗ của chị, nên vẽ bức tranh này để tự nhắc nhở mình", và ông viết một bài tựa, đoạn văn trên chính là một phần trong bài tựa ấy. Từ đoạn văn tự thuật này, ta có thể thấy rõ sự quan trọng trong giáo dục gia đình. Nếu như Vương Chương không có người chị hiền thực, hiểu biết, đã nghiêm khắc, nhẫn nại dạy dỗ ông từ tấm bé, đặt nền móng đạo đức và nghiệp học tốt đẹp từ thuở thiếu thời, thì khó có thể nói rằng Vương Chương sau này sẽ trở thành một nhân tài xuất chúng. Chị của Vương Chương là một người phụ nữ trong gia đình thời phong kiến, mà còn hiểu rõ sự quan trọng của việc giáo dục con trẻ từ bé, thế nhưng ngày nay, có những bậc cha mẹ chưa chắc đã hiểu được điều đó. Đoạn văn tái hiện hình ảnh hết sức cảm động về một người chị không quản thức khuya dậy sớm, vất vả cần cù, để bầu bạn, bảo ban em học hành. Lời văn tha thiết chân thành, tình cảm chị em tràn đầy trong mỗi câu chữ. Chính vì vậy, có thể nói đây là một giáo trình gia giáo rất hay, đáng để chúng ta lấy làm gương cho mình.

THIÊN TÔN SƯ

** Khổng Tử nói rằng: "Ôn lại những điều đã học, từ đó mà biết thêm những điều mới, thì có thể làm thầy thiên hạ được rồi".*

** Khổng Tử nói rằng: "Trong mấy người đi trên đường, nhất định có người có thể làm thầy ta. Ta chọn ưu điểm của người này để học cho mình; lấy khuyết điểm của người kia để làm gương mà sửa chữa lấy mình".*

KHỔNG TỬ BÀN VỀ TÔN SU

Khổng Tử nói rằng: "Ôn lại những điều đã học, từ đó mà biết thêm những điều mới, thì có thể làm thầy thiên hạ được rồi".

(Luận ngữ - Vi chính)

Khổng Tử nói rằng: "Trong mấy người cùng đi trên đường, nhất định có người có thể làm thầy ta. Ta chọn ưu điểm của người này để học cho mình; lấy khuyết điểm của người kia để làm gương mà sửa chữa lấy mình".

(Luận ngữ - Thuật nhi)

Khổng Tử nói rằng: "Gặp việc làm nhân đức, thì dù là thầy mình, ta cũng không nhường".

(Luận ngữ - Vệ Linh công)

Công Tôn Triều, đại phu nước Vệ, hỏi Tử Cống rằng: "Thầy ông là Trọng Ni học ai mà giỏi vậy?"

Tử Cống đáp: "Đạo của Chu Văn vương, Vũ vương chưa hề tan nát, thất truyền, mà còn rải rác ở nhân gian. Chỉ có điều là người hiền đức trên đời học nhớ được phần gốc của đạo, kẻ tầm thường chỉ nhớ được phần ngọn của

đạo, trên đời chẳng có ai là không hiểu được đạo của Văn vương Vũ vương cả. Vậy thì, thầy tôi học ở đâu mà chẳng được? Cứ gì phải nhất định có một ông thầy? "

(Luận ngữ - Tử Trương)

Khổng Tử nói rằng: "Trăm mặc suy nghĩ những điều tai nghe mắt thấy để ghi nhớ trong lòng, học đạo mà không biết buồn chán; dạy người không biết mệt mỏi, ba cái đức để làm thầy ấy đã có đủ nơi ta chẳng? "

(Luận ngữ - Thuật nhi)

Khổng Tử nói rằng: "Các trò ngớ ta có điều gì giấu giếm các trò chẳng ? Không, ta chẳng hề giấu giếm điều gì cả, ta đã đem mọi điều mình biết truyền thụ cho các trò cả rồi. Ta chẳng có làm điều gì mà không cho các trò hay, Khâu này là như vậy đó".

(Luận ngữ - Thuật nhi)

Khổng Tử nói rằng: "Ta dạy cho các học trò, chưa từng phân biệt người này với người kia".

(Luận ngữ - Vệ Linh công)

Khổng Tử nói rằng: "Chỉ cần người chủ động dâng chút lễ nhỏ mọn bằng mười chiếc nem thôi để tôn ta làm thầy, thì chẳng bao giờ ta (chê lễ mọn mà) không dạy".

(Luận ngữ - Thuật nhi)

LỜI BÌNH

Trên đây là mấy câu nói của Khổng Tử về tôn trọng thầy giáo, học thầy và bản thân ông làm thầy như thế nào, rút từ quyển *Luận ngữ*. Theo Khổng Tử, làm thầy phải có kiến thức uyên bác, biết học những sở trường và ưu điểm của người khác, biết biến những tri thức học được thành kiến thức của mình, khi ôn cái cũ thì biết được những kiến thức mới, người như vậy mới có thể làm thầy giáo, mới có thể được học trò tôn trọng. Bản thân Khổng Tử cũng là người như vậy, ông học ở mọi người, không lấy làm xấu hổ khi hỏi những người dưới mình, học không bao giờ biết chán, vì thế mà trở thành người thầy lớn của muôn đời. Trong quá trình dạy học của mình, Khổng Tử đã chiêu tập rộng rãi các môn đồ, dạy người không phân biệt kẻ này người kia, khéo léo dẫn dắt, quan tâm yêu mến học trò, truyền thụ cho học trò mọi tri thức của mình, nhờ đó mà được ba nghìn đệ tử thành tâm tôn kính, được người đời tôn trọng. Khổng Tử là nhà giáo dục xuất sắc nhất, vĩ đại nhất của Trung Quốc thời cổ, tinh thần tôn sư trọng đạo, học ở mọi người, học không biết chán, dạy không biết mệt của ông trở thành tấm gương cho người đời sau học tập, cho đến nay ông vẫn được mọi người tôn kính, ngưỡng mộ.

HỌC TRÒ KHỔNG TỬ TÔN SU

Ông Thúc Tôn Vô Thúc (Đại phu nước Lô, tên là Châu Thù) nói với các quan đại phu ở triều đình rằng: "Ông Tử Cống giỏi giang, hiền đức hơn thầy của ông ấy là Trọng Ni".

Ông Tử Phục Cảnh Bá (Đại phu nước Lô, tên là Hà) đem lời ấy kể lại với Tử Cống.

Tử Cống nói rằng: "Tôi xin đem vách tường ra để so sánh. Vách tường nhà tôi chỉ cao bằng vai người, đứng ngoài tường trông vào, người ta có thể thấy được những đồ vật tốt đẹp trong nhà. Còn vách tường nhà thầy tôi lại cao tới mấy trượng, nếu chẳng tìm đến cửa chính mà vào, thì chẳng thể nhìn thấy kiến trúc hùng vĩ của tông miếu cùng những vật hoa mỹ trong nhà. Nhưng người tìm được cửa chính mà vào ắt là hiếm lắm đó. Vậy thì lời nói của Thúc Tôn Vô Thúc tiên sinh chẳng phải cũng là chuyện thường tình sao?"

(Luận ngữ - Tử Trương)

Ông Thúc Tôn Vô Thúc nói xấu Trọng Ni.

Ông Tử Cống nói rằng: "Đừng có làm như vậy. Thầy Trọng Ni không phải là người có thể dùng lời nhạo báng mà làm tổn hại được đâu. Tài đức của kẻ khác chỉ cao

bằng cái gò nổi, còn có thể vượt qua được. Chứ thầy Trọng Ni thì ví như nhật nguyệt trên trời, chẳng ai vượt qua cho nổi đâu. Có người đâu muốn tự mình đoạn tuyệt với mặt trăng mặt trời, nhưng liệu có thể làm thương tổn gì đến mặt trăng mặt trời được không? Như vậy chỉ thấy rằng anh ta không biết tự lượng sức mình mà thôi".

(Luận ngữ - Tử Trọng)

Trần Tử Cầm (Học trò Tử Cống) nói với Tử Cống rằng: "Thầy khiêm tốn, lễ phép đó thôi. Chứ thầy Trọng Ni làm sao mà giỏi hơn thầy được?"

Tử Cống trách rằng: "Người quân tử nói ra một lời, có thể được người ta khen là thông minh, nhưng cũng có thể bị người ta chê là bất tài, vậy nên nói năng không thể không thận trọng. Thầy ta là người chẳng ai sánh kịp, cũng như chẳng ai có thể bắc thang mà lên trời xanh vậy. Thầy ta mà được làm vua chư hầu hoặc khanh đại phu, thì nếu thầy ta muốn muôn dân yên ổn thì dân sẽ yên ổn; dẫn đường cho dân, thì dân sẽ đi theo; làm yên lòng dân thì dân sẽ tự quy thuận, động viên muôn dân, thì dân sẽ đồng tâm hiệp lực. Bậc quân tử cai trị được như vậy, khi sống được dân tôn vinh, khi thác được dân thương tiếc. Như vậy thì còn ai theo kịp người?"

(Luận ngữ - Tử Trọng)

Tế Ngã, Tử Cống và Hữu Nhược, ba người ấy có đủ thông minh tài trí để nhận biết bậc thánh nhân. Dù thế nào họ cũng chẳng chịu hạ mình một cách ô nhục để a dua

theo người mà họ yêu thích. Ông Tế Ngã nói rằng: "Theo sở kiến của tôi, thầy ta (chỉ Khổng Tử) hơn vua Nghiêu vua Thuấn nhiều". Ông Tử Cống nói rằng: "Xem lễ tiết của một nước, thì biết được phép chính trị của nước đó, nghe âm nhạc của một nước, thì hiểu được đạo đức, giáo hóa của nước đó. Theo lý đó mà xét, thì dầu cho trăm đời sau đánh giá vua của cả trăm đời trước, thì cũng không có vị vua nào có thể rời khỏi đạo của thầy Khổng Tử. Từ khi có nhân loại đến giờ, chưa ai có thể sánh kịp thầy cả". Ông Hữu Nhược nói rằng: "Người ta lẽ nào chỉ có một hạng hay sao? Con kỳ lân đối với con thú chạy, con phượng hoàng đối với con chim bay, núi Thái Sơn đối với gò nổi, sông biển đối với ngòi lạch, đều là một loại cả. Cũng như vậy, thánh nhân đối với người đời, cũng là đồng loại. Nhưng bậc thánh nhân lại vượt xa khỏi đồng loại, cất mình lên trên xã hội người đời. Từ khi có nhân loại đến giờ, chưa có ai vĩ đại hơn thầy Khổng Tử cả".

(Mạnh Tử - Công Tôn Sửu thượng)

LỜI BÌNH

Trên đây là mấy mẩu chuyện nhỏ kể về các học trò Khổng Tử giữ gìn phép tôn sư trọng đạo, ca ngợi thầy giáo của mình. Khổng Tử được các học trò chân thành kính trọng và ngưỡng mộ là nhờ ông có chí hướng lớn lao và kiến thức uyên bác, đối với học trò thì dạy bảo theo khả năng của từng người, khéo léo dẫn dắt, cốt để học trò thành tài. Khi có người hạ thấp hoặc nhạo báng Khổng Tử, thì họ kiên quyết phản bác, giữ gìn hình tượng vĩ đại của thầy, ca tụng sự hơn người của thầy. Họ ví thầy như mặt trăng, mặt trời và trời xanh. Họ cho rằng từ khi có nhân loại, chẳng có ai vĩ đại hơn Khổng Tử, cũng chẳng có ai có thể

vượt qua ông, Khổng Tử là bậc thánh nhân xuất chúng. Sự ca tụng thầy giáo của các học trò Khổng Tử ở đây đương nhiên là hơi quá lời, song tấm lòng tôn kính thầy giáo của họ thì lại ngập tràn trong từng câu nói.

THẦY LẤY MÌNH LÀM GƯƠNG

Lễ là cái để chấn chỉnh hành vi của con người; thầy giáo là người để giải thích chính xác những quy định của lễ. Không có lễ, sao có thể chấn chỉnh được hành vi của con người? Không có thầy giáo, làm sao biết được lễ là thế nào? Lễ quy định như thế nào thì làm như thế ấy, đó là tính hình, thói quen dựa theo yêu cầu của lễ mà làm; thầy giáo nói thế nào thì nói theo như vậy, đó là tri thức giống như thầy giáo. Tính tình tập quán tuân theo quy định của lễ, tri thức giống như thầy giáo, thì là thánh nhân rồi. Bởi vậy, làm trái với lễ, thì không có pháp độ, làm trái sự dạy dỗ của thầy, thì là trong lòng không có thầy. Không tuân theo sự dạy dỗ của thầy và quy định của lễ pháp, mà thích tự làm theo ý mình, thì chẳng khác gì bảo người mù phân biệt màu sắc, bảo người điếc phân biệt âm thanh, ngoài những hành động hoang đường đó thì chẳng bao giờ làm được việc gì khác. Vì thế, học chính là học lễ pháp. Người thầy nên lấy mình làm gương, và điều quan trọng hơn là bản thân phải yên tâm mà làm như vậy. Trong *Kinh thi* có câu: "Bất tri bất giác, thuận theo phép tắc của thiên đê", chính là nói ý này.

(*Tuan Tử - Tu thân*)

Con người nếu không có sự dạy bảo của thầy, không học tập phép tắc, mà có trí tuệ, thì nhất định sẽ thành quân ăn cướp; có dũng cảm thì nhất định sẽ thành giặc; có tài năng thì nhất định sẽ làm loạn; có óc quan sát thì nhất định sẽ sinh ra những tư tưởng kỳ quái; giỏi biện luận thì nhất định sẽ nguy hiểm. Con người nếu có sự dạy bảo của thầy giáo, học tập lễ pháp, mà có trí tuệ thì sẽ nhanh chóng thông đạt sự lý; có dũng cảm thì sẽ nhanh chóng tạo lập uy phong; có tài năng thì sẽ nhanh chóng có thành tựu; có óc quan sát thì sẽ nhanh chóng hiểu thấu mọi sự việc, lý lẽ; giỏi biện luận thì có thể quyết đoán rất nhanh. Bởi thế, có được sự dạy bảo của người thầy và học được lễ phép, thì đó là thứ của cải lớn nhất của con người. Không có sự dạy bảo của người thầy mà lại không học lễ pháp, thì là tai họa lớn nhất của một con người. Con người nếu không có thầy giáo, không tuân theo lễ pháp thì sẽ buông trôi theo bản tính, tùy ý làm cần; nếu có thầy dạy và tuân theo lễ pháp, thì sẽ tôn sùng giáo dục và học tập lễ pháp. Thế nhưng thầy giáo và lễ pháp, cũng là nhờ sự giáo dục, học tập sau này tích lũy được, chứ không phải là tiếp nhận từ bản tính bẩm sinh, bản tính của con người là không chế ngự được bản thân. Bản tính, không phải là cái mà con người ta có thể tạo nên, nhưng lại có thể thay đổi nó; thói quen, không phải là cái mà chúng ta sinh ra đã có, nhưng lại có thể thông qua học tập mà có được nó. Hành vi tập tục, có thể thay đổi bản tính của con người; một lòng một dạ không buông lơi, có thể dần dần dưỡng thành thói quen của con người. Phong tục tập quán có thể làm thay đổi tư tưởng con người, thời gian có thể làm thay đổi bản chất của con người. Con người nếu một lòng một dạ không

buông lơi thì sẽ có thể đạt đến trí tuệ tối cao, có thể sánh ngang với trời đất.

(*Tuân Tử - Nho hiệu*)

LỜI BÌNH

Đây là hai đoạn văn trình bày và phân tích về chức năng giáo hóa của người thầy, trích trong tập *Tuân Tử*. Đoạn thứ nhất phân tích rõ: Người thầy có thể giải thích chính xác về lễ, chấn chỉnh hành vi của con người, người thầy trước khi dạy người phải lấy mình làm gương, theo lễ mà hành sự. Đoạn thứ hai là từ hai mặt phải trái nói rõ sự quan trọng của người thầy và lễ pháp đối với con người: Con người mà có thầy dạy, và học tập được lễ pháp thì sẽ khắc phục được bản lĩnh, tuân theo đức lễ; người mà không có thầy, không phép tắc, thì sẽ buông trôi, vô lễ vô đức mà thành đạo tặc. Đồng thời cũng nói rõ, người thầy biết lễ pháp cũng là thông qua học tập, tích lũy mà được, chứ không phải là thứ bẩm sinh của họ. Đương nhiên, "tính", "lễ" mà *Tuân Tử* nói ở đây có hàm nghĩa riêng của nó, cần phải nhìn nhận ở góc độ khác. Tuy vậy, việc ông nhấn mạnh vai trò quan trọng trong việc giáo hóa của người thầy trong quá trình trưởng thành của con người lại có ý nghĩa tích cực.

TÔN SU

Phàm là sự học, nhất định phải làm tăng thêm kiến thức cho mình, như vậy thì trong lòng không có gì nghi hoặc nữa. Hơn nữa, còn cần nỗ lực ôn luyện, chú ý tìm cơ hội để nghe lời dạy bảo của thầy, khi thầy vui vẻ thì xin thầy giảng cho những điều ghi trong sách vở, phải thuận theo hiểu biết của thầy, không làm trái tâm ý của thầy; khi về nhà phải nghiêm túc suy nghĩ, tìm tòi ý nghĩa trong những lời thầy giảng, phải thường xuyên nghiên cứu phân tích để làm sáng tỏ những lý lẽ mà thầy đưa ra, không nên ngại biện, phải hợp với quy luật; bản thân có thu hoạch được gì cũng không nên khoe khoang, có gì sai sót cũng không nên xấu hổ, nhất định phải cố gắng trở về với bản tính của mình.

Khi thầy còn sống, phải phụng dưỡng cẩn thận, cách phụng dưỡng cẩn thận cốt ở chỗ làm cho lòng thầy khoan khoái dễ chịu; sau khi thầy qua đời, phải cung kính thờ cúng, nguyên tắc cung kính thờ cúng là cần sao cho hợp thời tiết. Làm như thế là để tôn kính thầy giáo. Chăm sóc vườn tược cho thầy, phải chăm chỉ tưới nước, tích cực trồng rau quả; bện giầy gai, đan lưới bắt thú, dệt chiếu cho thầy; ra đến ruộng thì nỗ lực cày cấy, trồng trọt, chăm sóc tốt ngũ cốc; vào chôn sơn lâm đâm trạch thì bắt cá bắt tôm, săn bắt chim thú để phụng cấp thầy giáo. Làm như

thế là để tôn kính thầy. Kiểm tra xe ngựa kỹ lưỡng cho thầy, khi đánh xe phải cẩn thận; chú ý y phục của thầy được vừa vặn thoải mái, nhất định y phục phải nhẹ nhàng mà giữ được ấm; sửa soạn đồ ăn thức uống cho thầy, cần phải tinh khiết vệ sinh, phải sao cho điều hòa ngũ vị, đồ ăn thức uống phải ngon miệng, hợp khẩu vị của thầy; trước thầy phải luôn luôn cung kính, thái độ vui vẻ hòa nhã, nói năng phải giữ gìn thận trọng; đi đứng phải nhanh chậm đúng mực, trước mặt thầy phải hết sức nghiêm túc, trang trọng. Làm thế này cũng là để tôn kính thầy giáo.

Sự học của người quân tử là như thế này: Khi đàm luận đạo lý phải dẫn lời thầy ra để làm rõ hàm ý của đạo lý, nghe theo sự dạy bảo của thầy thì phải tận tâm tận lực phát huy làm rạng rỡ lên. Nghe theo sự dạy bảo của thầy mà không tận tâm tận lực phát huy thì loại hành vi này gọi là "bội", bàn luận đạo lý mà không dẫn lời thầy ra để làm sáng tỏ thì hành vi này gọi là "phản". Kẻ có hành vi bội phản với thầy thì các bậc hiền quân minh chủ sẽ không bao giờ tiếp nạp anh ta vào làm quan trong triều, người quân tử có đức cũng không ai thêm giao du kết bạn với anh ta.

(*Lã thị Xuân thu*, - *Tôn sư*)

LỜI BÌNH

Trên đây là một đoạn văn bản về việc tôn sư như thế nào rút từ sách *Lã thị Xuân thu*. Trong bài đã liệt kê mọi phương diện trong việc tôn sư của người học trò: Yêu cầu học trò phải có thái độ vui vẻ, hòa nhã, thuận theo tâm ý của thầy, học siêng nghĩ sâu, lúc nào thấy vui vẻ thì mới nêu những điều nghi hoặc của mình với thầy; khi thầy còn sống thì phải phụng dưỡng cẩn

thận, chăm lo việc ăn mặc ở, đi lại của thầy, tận tâm tận lực với việc nhà việc nông của thầy, làm sao cho lòng thầy khoan khoái dễ chịu; sau khi thầy mất rồi thì phải dựa theo thời tiết mà thờ cúng thầy; lời nói và việc làm không được trái với thầy, khi trò chuyện với mọi người thì phải ca tụng thầy, phản đối những kẻ có hành vi bội phản thầy. Điều này thể hiện truyền thống tôn sư nhất quán của Nho gia, đến nay vẫn nên giữ gìn. Nhưng việc ông chủ trương nhất nhất nghe theo lời thầy, nếu không là bội phản lại thầy, thì cần phải phân tích cụ thể. Tuân Tử từng nói: "Màu xanh có từ màu lam mà xanh hơn cả màu lam". Là người học trò, một mặt phải khiêm tốn học hỏi thầy, mặt khác phải lập chí vượt trên thầy, phát huy mở rộng những điều dạy bảo của thầy, đây cũng là một phương diện quan trọng của sự tôn kính thầy giáo.

TÔN SỰ TRỌNG ĐẠO

Người quân tử hiểu rõ thứ tự sâu nông trong quá trình cầu học và mặt tốt xấu trong tư chất người cầu học, sau đó mới có thể hiểu dụ giảng dạy một cách rộng rãi được. Khi có thể hiểu dụ giảng dạy quảng bác rồi thì mới có thể thành thầy được, thành thầy rồi mới có thể thành bậc quan trường, thành bậc quan trường rồi mới có thể làm vua một nước. Bởi vậy, theo học thầy chính là để học làm vua một nước như thế nào. Cũng chính vì thế mà khi chọn thầy không thể không thận trọng. Sách cổ Ký có chép: "Tam vương và Tứ đại⁽¹⁾ đều rất coi trọng thầy dạy của họ", đại thể cũng là ý này mà thôi.

Phàm là đạo cầu học, điều khó đạt nhất là lấy lễ để tôn kính thầy. Người thầy được tôn kính thì sau đó đạo học mới được tôn trọng, đạo học được tôn trọng rồi thì muôn dân mới biết cung kính, nghiêm túc với việc học. Bởi vậy, việc nhà vua không đối đãi với bề tôi bằng thái độ của người trên đối với kẻ dưới, chỉ có trong hai trường hợp: Một là khi kẻ bề tôi đó làm thi chủ (người ngồi thay vị trí người được cúng tế), hai là khi kẻ bề tôi đó là thầy giáo

1. Tam vương: Chỉ ba ông vua thời cổ Trung Quốc là Hạ Vũ, Thương Thang và Chu Văn vương. Tứ đại: Chỉ bốn triều đại cổ Trung Quốc là : Ngụy, Hạ, Thương, Chu.

của vua. Lễ chế trong trường Thái học thời cổ quy định, bề tôi khi dạy cho Thiên tử học cũng không cần ngồi quay mặt về hướng bắc⁽¹⁾, chính là muốn thể hiện sự tôn kính với thầy giáo.

(*Lễ ký - Học ký*)

LỜI BÌNH

Bài này là một đoạn phân tích, trình bày về vấn đề "tôn sư trọng đạo" tuyển chọn trong *Lễ ký* - kinh điển của Nho gia. Đoạn văn phân tích rõ, sở dĩ thời xưa yêu cầu chọn thầy dạy phải thật thận trọng là vì mục đích theo học thầy là để học cách làm quan, làm vua như thế nào, tức là như người xưa quan niệm: "Học nhi ưu tắc sĩ" (học mà giỏi thì được ra làm quan). Thiên tử sở dĩ cũng phải tôn sư là vì người thầy có được tôn kính thì đạo học mới được mọi người kính trọng, con người mới nghiêm túc với việc học, từ đó mới có lợi cho sự thống trị và giáo hóa của giai cấp thống trị. Học mà giỏi thì ra làm quan, học là để học làm quan trưởng hoặc làm quốc vương, đương nhiên là xuất phát từ yêu cầu của giai cấp thống trị phong kiến, điều này đáng phai phê phán. Tuy nhiên, vai trò ổn định sự thống trị chính trị - xã hội, dẫn đến sự thay đổi không khí xã hội của sự giáo hóa của người thầy, tức là ý nghĩa xã hội tích cực mà sự tôn kính người thầy, coi trọng giáo dục đem lại, cho đến hôm nay vẫn có ý nghĩa hiện thực và ý nghĩa làm gương của nó.

1. Thời xưa, Thiên tử ngồi quay mặt về hướng nam, bề tôi khi yết kiến vua thì quay mặt về hướng bắc, đối diện với vua.

HÁN QUANG ĐẾ, MINH ĐẾ TÔN SƯ

Hoàn Vinh tự là Xuân Khanh, là người Long Cang nước Bái.... Năm Kiến Vũ thứ 19 (năm 43 sau công nguyên), ông đã hơn 60 tuổi mới bắt đầu vào làm quan trong phủ Đại tư đồ. Đường thời, Hiến Tông Hoàng đế Lưu Trang (Hán Minh đế) vừa được lập làm Hoàng Thái tử, Quang Vũ Hoàng đế cần tuyển chọn người thông minh kinh học làm thầy dạy cho Thái tử, thế là bèn chọn người học trò của Hoàn Vinh là Hà Thang, người Dự Chương, đang làm Hồ bốn trung lang tướng (chức quan thống lĩnh thị vệ của Hoàng đế), dạy *Thượng thư* cho Thái tử. Một lần, Quang Vũ đế bất chợt hỏi Hà Thang thầy dạy trước kia của anh ta là ai, Hà Thang đáp: "Người thầy đầu tiên của thần là thầy Hoàn Vinh nước Bái". Quang Vũ đế nghe xong liền triệu Hoàn Vinh đến gặp, rồi đề nghị ông giảng cho nghe về *Thượng thư*. Quang Vũ đế thấy hết sức hài lòng, liền ban cho Hoàn Vinh chức quan Nhị lang (chức quan chương quản việc cố vấn ứng đối), còn ban thưởng cho ông 10 vạn tiền, vời ông vào cung dạy Thái tử. Mỗi khi triều kiến, Quang Vũ đế lại gọi Hoàn Vinh đến giảng giải kinh nghĩa trước mặt các công khanh đại thần. Hoàng đế hết lời khen ngợi, buột miệng thốt lên: "Trẫm có được khanh dường như quá muộn!".... Có một lần, Hoàn Vinh bị ốm, Thái tử sớm hôm không ngừng sai người trong cung

tới hỏi thăm bệnh tình, lại ban cho Hoàn Vinh rất nhiều đồ ăn ngon, chân mần và cá nỏ tỳ, còn bảo Hoàn Vinh rằng: "Nếu thầy chẳng may có điều gì bất trắc, thì xin thầy chớ lo lắng gì việc trong nhà". Về sau, Hoàn Vinh khỏi bệnh, ông lại vào cung dạy cho Thái tử....

Sau khi Hiến Tông Lưu Trang lên ngôi Hoàng đế, ông tôn sùng Hoàn Vinh theo lễ của một người trò dối với thầy, Hoàn Vinh được Hoàng đế hết sức tín nhiệm. Hoàng đế còn ban cho hai con trai của ông làm quan lang (quan thị tòng Hoàng đế). Lúc Hoàn Vinh đã ngoài 80 tuổi, ông tự thấy mình đã già yếu, nhiều lần dâng thư xin về nghỉ, những lúc như thế, Hoàng đế lại gia thưởng nhiều cho ông. Minh đế có lần đích thân đến phủ quan Thái thường (một trong cửu khanh, chương quán nghỉ lễ tông miếu, kiêm tuyển thi tiến sĩ), gọi Hoàn Vinh đến ngồi ở vị trí thầy giáo, ngoảnh mặt về hướng đông, trước mặt bày chiếc bàn nhỏ và gậy chống, tập hợp bách quan từ Phiêu kỵ tướng quân Đông Bình vương Lưu Thương (em trai của Minh đế) trở xuống và học trò của Hoàn Vinh có đến mấy trăm người. Thiên tử đích thân làm lễ đệ tử, mỗi khi phát ngôn đều nói trước rằng: "Thầy ở trên". Sau khi kết thúc buổi họp mặt này, Hoàng đế liền ban tặng cho Thái thường Hoàn Vinh các đồ lễ khí dùng trong buổi lễ. Ông được nhận ân sủng đãi ngộ của Hoàng đế như vậy, có thể nói là không ai được bằng.

Năm Vĩnh Bình thứ hai (năm 59 sau công nguyên), bước đầu xây xong ba cung điện Minh Đường, Linh Đài và Bích Ung, lại cho Hoàn Vinh làm quan Ngũ canh. Mỗi lần cử hành lễ "Đại xạ đường lão" xong, Hoàng đế lại dân Hoàn Vinh và đệ tử của ông lên giảng đường, tự tay cầm

kính sách giảng bài, dần dần về sau, phong tước cho Hoàn Vinh là Quan nội hầu, thực ấp có tới năm ngàn hộ.

Mỗi lần Hoàn Vinh lâm bệnh, Hoàng đế lại sai sứ giả đến thăm hỏi bệnh tình, các thái quan, thái y được phái đi nườm nượp không ngớt trên đường. Bệnh tình của Hoàn Vinh ngày càng nặng thêm, ông dâng thư tạ ơn, xin trả lại tước vị và đất đai. Hoàng đế liền đích thân đến nhà Hoàn Vinh thăm hỏi cuộc sống sinh hoạt của thầy, khi vào đến đường cái lớn gần nơi ở của Hoàn Vinh, vua liền xuống xe đi bộ, tay ôm kính sách đi vào, đến trước mặt thầy Hoàn Vinh, an ủi thầy mà chảy nước mắt, lại biểu thầy những vật dụng như gối đệm, chân màn, dao kiếm, áo quần; mãi lâu sau mới lưu luyến trở về. Từ đó về sau, các chư hầu, khanh tướng, đại phu đến thăm hỏi bệnh tình không bao giờ dám ngồi xe đến tận cửa nhà Hoàn Vinh mà đi bộ từ đằng xa lại, đều cung kính quỳ lạy trước giường ông. Khi Hoàn Vinh mất, Hoàng đế tự mình mặc tang phục để tang thầy, thân hành đưa tang, ban tặng Hoàn Vinh một khu đất làm mộ ở phía nam núi Thủ Sơn.

(Phạm Diệp: *Hậu Hán thư - Hoàn Vinh truyện*)

LỜI BÌNH

Đây là câu chuyện lịch sử có thật về vua Quang Vũ đế và vua Minh đế thời Đông Hán tôn sư là thầy Hoàn Vinh. Để dạy dỗ tốt Hoàng Thái tử, Quang Vũ đế đã tuyển chọn Hoàn Vinh làm thầy dạy cho Thái tử, dành cho ông sự quan tâm và tin tưởng chân thành. Còn Hán Minh đế thì mấy chục năm như một, luôn hết sức chăm sóc thầy chu đáo mọi bề; không chỉ thăng quan tiến chức cho thầy, mà còn bằng mọi cách quan tâm đến

cuộc sống sinh hoạt của thầy, của các thành viên trong gia đình thầy. Khi thầy lâm bệnh, ông rung rung nước mắt đến bên giường bệnh thăm hỏi; lúc thầy bệnh nặng qua đời, lại đích thân mặc đồ tang và đưa tang thầy. Là một vị Hoàng đế phong kiến mà kính trọng thầy giáo của mình như vậy, thật là một điều hiếm thấy trong lịch sử. Tôn sư là một phẩm chất truyền thống tốt đẹp của dân tộc Trung Hoa. Chúng ta cần phát huy truyền thống tốt đẹp đó của người xưa.

XẢ THÂN VÌ THẦY

Lý Cố, tự là Tử Kiên, người Nam Trịnh thời Hán... Thời bấy giờ, Lưu Vân người Cam Lăng và Lưu Vĩ người quận Ngụy âm mưu lập Thanh Hà vương Lưu Toán làm Thiên tử, Lương Dục nhân việc này vu cáo Lý Cố cấu kết với bọn Lưu Vân, Lưu Vĩ dùng luận điệu yêu tà để mê hoặc dân chúng, vì thế mà Lý Cố bị bắt tống giam vào ngục. Học trò của Lý Cố là Vương Điều người Bột Hải nghe nói thầy bị tống ngục, liền đeo gông cùm hình cụ đến dâng thư, kêu oan cho thầy; đệ tử của Lý Cố là bọn Triệu Thừa người Hà Nội có đến mấy chục người cũng lưng đeo hình cụ đến trước cửa Hoàng cung dâng thư kêu oan, Lương Thái hậu cũng biết rõ Lý Cố bị oan, liền miễn xá cho Lý Cố. Khi Lý Cố được ra tù, người trong kinh thành đều hô to vạn tuế. Lương Dục sau khi biết việc này, giật mình sợ hãi, lo sợ danh tiếng, đức hạnh của Lý Cố sau này sẽ trở thành tai họa của bản thân, lại dâng thư nói việc trước đó để chứng minh Lý Cố có tội, thế là liền sát hại Lý Cố, Lý Cố chết khi ông mới 54 tuổi.

Quan địa phương ở Châu Quận cũng bắt giam hai con trai của Lý Cố ở Yến Thành tên là Lý Cơ và Lý Tư, sau đó cả hai người đều chết ở trong ngục. Người con út là Lý Nhiếp trốn thoát được. Lương Dục liền phong quan tiến tước cho Hồ Quảng và Triệu Giới, rồi đem xác Lý Cố đặt

ở nơi đường cái thông suốt bốn ngã để thị chúng, lại hạ lệnh ai dám đến thu xác về sẽ bị xử tội. Học trò của Lý Cố là Quách Lượng người Nhữ Nam, tuổi mới 15, lúc đó đang theo học ở Lạc Dương, hay tin, anh ta tay trái cầm búa rìu, tay phải nắm chặt dao cầu, đến trước Hoàng cung dâng thư, yêu cầu được đem thi thể thầy về mai táng. Yêu cầu không được, anh ta liền đến bên xác thầy khóc lóc, kể lẽ tình thương xót của mình trước mặt thầy, tức trực bên thầy không rời. Quan Đình trưởng của Hạ Môn quát mắng anh ta rằng: "Lý Cố và Đồ Kiêu là đại thần của quốc gia, đã không an định được quốc gia, tiến kẻ trung, thu nạp người hiền, mà lại gây ra điều thị phi vô cớ. Người là kẻ thư sinh cổ hủ, đầu óc mê muội, sao dám công nhiên mạo phạm phép vua, hay là muốn để quan phủ trị tội người chăng?" Quách Lượng trả lời rằng: "Tôi tự khí ở âm dương trời đất mà sinh tồn, đầu đội trời xanh, chân đạp đất dày, theo nghĩa mà hành động, thấy việc hợp nghĩa thì làm, đâu có biết tính mệnh là gì, sao lại phải lấy cái chết ra mà dọa tôi?" Đình trưởng nghe xong thở dài mà rằng: "Sống ở thời buổi hỗn loạn này, trời tuy cao như thế mà đi đường không dám không khom lưng, đất tuy dày là vậy mà đi đường không dám không đi chậm bước khẽ. Tai chỉ có thể dùng để nghe, mắt chỉ thích nghỉ với việc nhìn, mồm không thể nói năng tùy tiện". Lượng Thái hậu nghe chuyện Quách Lượng, nhưng không sai giết anh ta. Đồng Ban người Nam Dương cũng đến khóc thầy Lý Cố, canh giữ bên xác thầy không muốn rời. Lương Thái hậu động lòng thương xót liền đồng ý cho họ thu xác Lý Cố về an táng. Quách Lượng và Đồng Ban nhờ chuyện này mà tiếng tăm lừng lẫy, Tam công (Thái úy, Tư đồ, Tư không) đều vời họ ra

làm quan, nhưng Đồng Ban quay về ở ẩn trong rừng núi, không ai biết ông ở đâu.

(Phạm Đức: *Hậu Hán thư - Lý Cố*
truyện)

LỜI BÌNH

Đây là câu chuyện lịch sử kể về việc các học trò của Lý Cố tìm cách cứu thầy trong hoạn nạn trích trong *Hậu Hán thư*. Câu chuyện kể về Lý Cố, vì bất hòa chính kiến với quyền thần Lương Dục, nên bị quyền thần bức hại, bị tống giam vào ngục. Học trò của ông bất chấp mọi nguy hiểm của tội mạo phạm quyền quý, dâng thư khiếu nại, nói rõ sự thanh bạch vô tội của thầy để tìm cách cứu thầy. Sau khi Lý Cố bị hại, lại bị bỏ thầy đầu đường, bị cấm không cho người nhặt xác, học trò của ông là Quách Lượng và Đồng Ban đã quên cả nguy cơ bị chặt đầu theo vương pháp, dâng thư xin được chôn cất thầy, khi lời yêu cầu không được đáp ứng, họ liền canh giữ bên xác thầy, cho đến khi được phép mang xác về chôn cất mới thôi. Các học trò của Lý Cố trong hoàn cảnh thầy bị bức hại, đã không nghĩ đến sự yên nguy của bản thân mình, tìm mọi cách cứu thầy, chôn cất thầy, điều đó không chỉ biểu hiện lòng chính nghĩa của họ, mà còn thể hiện đầy đủ sự tôn trọng và yêu kính của họ đối với thầy giáo. Tinh thần và hành động xả thân vì nghĩa này thật đáng quý và đáng được biểu dương ca ngợi.

THẦY GIÁO HIẾU HỌC

Trương Ngô Quý, tự là Ngô Tử, là người Trung Sơn thời Bắc Ngụy. Thời trẻ, ông thông minh, tài trí, nói năng lưu loát, thân cao tám thước, dung mạo đẹp dễ, cử chỉ khoáng đạt. Khi ông 18 tuổi, được trong quận tiến cử làm Thái học Bác sĩ. Trương Ngô Quý lúc đầu chưa hề học hành một cách nghiêm túc, sâu rộng; mà ông chỉ mới theo học *Lễ* thầy Lê Thuyên, theo học *Dịch* thầy Ngưu Thiên Tộ. Hai thầy Lê Thuyên và Ngưu Thiên Tộ chỉ cần giảng qua cho ông một lần, sau đó ông xem lướt qua kinh sách một lượt nữa là lập tức lập môn phái riêng, mở trường dạy học. Người thập phương đua nhau đến xin làm học trò ông. Có một năm, vào mùa hè, Trương Ngô Quý chiêu tập hơn 1000 học trò, giảng kinh sách cho họ, nhưng lại không giảng *Tả truyện*, học trò nói trộm với nhau rằng: Thầy Trương chưa học *Tả truyện* cho nên không dạy được. Không ngờ câu nói đến tai Trương Ngô Quý, ông bèn nói với học trò: "Đợt dạy mùa hè năm nay của ta tạm thời kết thúc, lần sau ta sẽ giảng *Tả truyện*, khi các con đến nghe ta giảng, mỗi người phải mang theo một bộ sách *Tả truyện*. Các học trò nghe thấy thế đều lấy làm lạ. Thế rồi Trương Ngô Quý liền đến chỗ thầy Lưu Lan, nói: "Thầy tình thông *Tả truyện*, xin thầy giảng cho con một chút". Lưu Lan nhận ông làm học trò, giảng *Tả truyện* cho ông. Trong

vòng một tháng, Trương Ngô Quý đồng thời khổ công đọc những trước tác của Đồ Dư và Phục Kiền, nghiền cứu tỉ mỉ cách giải thích của hai người, rút ra những điểm dị đồng giữa chúng, cuối cùng nghiệp học đã thành. Sau đó, Trương Ngô Quý chiêu tập học trò lại, giảng *Tá truyện* cho họ, trong quá trình giảng giải, ông đưa ra rất nhiều phạm lệ của kinh nghĩa, nhiều lúc ông nêu ra những ý kiến rất mới mẻ. Thầy Lưu Lan cũng lên đến nghe. Các học giả đương thời càng thêm kính lạ trước sự thông minh tài trí của Trương Ngô Quý.

(Ngụy Thư: *Ngụy thư - Trương Ngô Quý truyện*)

LỜI BÌNH

Đây là câu chuyện lịch sử kể về Trương Ngô Quý làm thầy giáo mà vẫn coi trọng việc học, không hổ thẹn khi phải học. Trương Ngô Quý làm thầy giáo dựa vào trí thông minh và tài năng của mình, chỉ dạy học trò những tri thức mà bản thân nắm vững, còn những kiến thức học trò muốn biết nhưng bản thân thầy lại không biết thì không dạy, bởi thế gây nên sự không vừa ý ở học trò. Sau khi hiểu được lý do khiến học trò chưa thỏa mãn, ông đã nhận ra chỗ bất cập của mình, không làm trò không biết giả vờ biết để lừa học trò, mà quyết tâm tìm thầy lần nữa, học lại để bổ sung đủ kiến thức cho mình rồi mới dạy học trò. Điều này không những biểu hiện phẩm chất đáng quý cần mẫn, hiếu học và không hổ thẹn trong việc học của Trương Ngô Quý, mà còn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao độ "hối nhân bất quyện" (dạy người không biết mệt mỏi) của ông với học trò. Phẩm chất và tinh thần này cho đến ngày hôm nay vẫn đáng để cho những người làm thầy học tập và noi theo.

ĐƯỜNG THÁI TÔNG DẠY CON EM TÔN SU

Năm Trính Quan thứ ba (niên hiệu Đường Thái Tông, năm 629), thầy dạy Thái tử là Lý Cương bị đau chân, không đi được. Thái Tông Hoàng đế⁽¹⁾ liền ban cho ông được ngồi xe vào Đông cung, lệnh cho Hoàng Thái tử điu ông lên điện và đích thân bái kiến, tỏ ra hết sức tôn kính. Lý Cương giảng cho Thái tử về luân thường đạo lý giữa vua tôi, cha con, đến những lễ tiết ăn uống nghỉ ngơi, ông giảng bằng những lý lẽ xác đáng, ngôn từ tha thiết, khiến người nghe quên cả mệt mỏi. Thái tử đã từng cùng ông đàm luận về những nguyên tắc mà xưa nay vua tôi cần phải tuân theo, đến những việc tận trung tận tiết. Lý Cương nghiêm túc nói: "Nhận chăm nom, phò tá ấu quân, thay mặt xử lý quốc chính, cổ nhân cho rằng đó là việc rất khó làm, nhưng ta lại cho là rất dễ". Mỗi khi ông nói chuyện hay đàm luận, lời lẽ, thái độ đều đều đặn hùng hồn, có cái khí phách mà ít người có được, Thái tử chưa bao giờ dám tỏ ra bất kính với thầy.

1 Thái Tông: Đường Thái Tông Lý Thế Dân (599-649), ở ngôi vua từ năm 626 đến 649, là một ông vua hiền minh có tiếng trong lịch sử Trung Quốc

Năm Trinh Quan thứ 11, Đường Thái Tông ra lệnh bổ nhiệm Thượng thư bộ Lễ Vương Khuê⁽¹⁾ kiêm chức sư phụ của Ngụy vương Lý Thái (con thứ tư của Đường Thái Tông). Thái Tông nói với quan Thượng thư tả bộc xạ là Phòng Huyền Linh⁽²⁾ rằng: "Từ xưa đến nay, con em các bậc đế vương lớn lên trong thâm cung, đến khi trưởng thành, chẳng ai là không kiêu căng xa xỉ, cho nên họ nổi tiếp nhau mà diệt vong, rất ít người đủ khả năng cứu được mình. Ngày nay, trẫm muốn dạy dỗ con em trẫm một cách nghiêm khắc, mong sao chúng đều được an toàn. Vương Khuê là người trẫm bổ nhiệm đã lâu, trẫm biết rất rõ ông ta là người cương nghị thẳng thắn, có lòng trung hiếu, cho nên trẫm chọn ông ta làm thầy dạy của Lý Thái. Khanh nên nói với Lý Thái, bảo nó mỗi khi bái kiến Vương Khuê thì cũng như bái kiến trẫm, phải tôn kính sư phụ, không được lơ lửng". Vương Khuê cũng đã theo phép tắc của người thầy, nghiêm khắc đòi hỏi ở bản thân, vì vậy người đương thời đều hết lời ca ngợi ông.

Năm Trinh Quan thứ 17, Đường Thái Tông nói với quan Tư đồ là Trương Tôn Vô Kị⁽³⁾ và quan Tư không là Phòng Huyền Linh rằng: "Tam sư (Thái sư, Thái phó và Thái bảo) là ba người thầy lấy đức hạnh để dạy dỗ Thái tử. Nếu như thân phận của Tam sư quá thấp, thì Thái tử sẽ không có tấm gương để mà học tập, noi theo". Thế rồi,

1. Vương Khuê (571-639): Tự là Thúc Giới, người huyện Kỳ, Thái Nguyên.

2. Phòng Huyền Linh (579-648): Tự là Kiêu, người Lâm Tri, Tế Châu (nay thuộc thành phố Tri Bắc, Sơn Đông), làm quan đến chức Thượng thư tả bộc xạ, được phong Lương Quốc công.

3. Trương Tôn Vô Kị (? -659): Tự là Phụ Cơ, người Lạc Dương, làm quan đến chức Thái úy, được phong Triệu Quốc công.

Thái Tông hạ lệnh chế định lễ Thái tử tiếp đãi Tam sư: Khi Thái tử ra cửa điện nghênh tiếp, phải làm lễ bái kiến Tam sư trước, khi Tam sư hành lễ thì Thái tử phải đáp lễ, mỗi khi ra cửa vào cửa, Thái tử phải nhường Tam sư đi trước; Tam sư ngồi xong, Thái tử mới được ngồi; khi Thái tử viết thư gửi Tam sư, đầu thư phải xưng "Hoàng khủng" (Kính sợ), cuối thư phải xưng "Hoàng khủng tái bái" (Kính thư).

(Ngô Hách: *Trình Quan chính yếu -
Tôn kính sư truyền*)

LỜI BÌNH

Đây là câu chuyện Đường Thái Tông chọn thầy dạy cho con, yêu cầu con phải tôn kính thầy giáo. Khi thầy dạy của Thái tử là Lý Cương bị đau chân, Đường Thái Tông liền ban cho ông được ngồi xe vào cung, lại yêu cầu Thái tử đích thân dìu thầy lên Điện, làm lễ bái kiến thầy. Để khiến người thầy thực sự là tấm gương cho Thái tử noi theo, Đường Thái Tông đã hạ lệnh chế định lễ tiết cụ thể để Thái tử đối xử với thầy, và yêu cầu Thái tử nghiêm túc tuân theo, lấy lễ để tôn kính thầy, từ đó đề cao thân phận, địa vị của người thầy. Ông còn yêu cầu các con tôn kính thầy như tôn kính bản thân ông, thầy thầy cũng như thầy cha. Đường Thái Tông là vị Hoàng đế anh minh nổi tiếng trong lịch sử, ông đòi hỏi các con tôn kính thầy giáo, đương nhiên là xuất phát từ yêu cầu duy trì sự thống trị lâu dài của vương triều phong kiến, thế nhưng, chủ trương tôn sư trọng đạo của ông, cùng với tinh thần tôn kính thầy giáo của con em Hoàng thất cho đến hôm nay vẫn có ý nghĩa tích cực.

BÀN VỀ NGƯỜI THẦY

Thời xưa, người đi học nhất thiết phải có thầy. Thầy giáo là người truyền thụ đạo lý, giảng dạy những điều cần học, giải đáp những điều nghi vấn cho mọi người. Con người không phải sinh ra là cái gì cũng đã biết. Chẳng ai lại có không có điều gì nghi vấn, khó giải cả. Có điều nghi hoặc, khó hiểu mà lại không học thầy thì cái sự nghi hoặc đó mãi mãi không thể giải quyết được. Có người sinh ra trước ta, người đó hiểu được đạo lý tự nhiên sớm hơn ta, thì ta sẽ theo học; người sinh sau ta, nhưng nếu cũng hiểu đạo lý sớm hơn ta, thì ta cũng phải học anh ta. Ta theo học đạo lý, chẳng nhẽ lại còn để ý xem anh ta sinh trước hay sinh sau ta ư? Bởi thế, bất luận là người cao quý hay kẻ thấp hèn, bất luận là người cao tuổi hay người trẻ tuổi, nơi đâu có đạo lý thì chính nơi đó có người thầy.

Than ôi! Cái phong tục thời thượng cầu sư hiếu học đã thất truyền từ lâu lắm rồi, muốn tìm người không có điều nghi vấn quả thực là khó. Thánh nhân thời xưa, họ vượt lên hẳn những người bình thường, mà vẫn tìm thầy để thỉnh giáo học hỏi; những người bình thường thời nay, họ kém xa thánh nhân thời xưa, nhưng lại xấu hổ khi học thầy. Vì thế mà thánh nhân càng thêm sáng suốt, còn người ngu lại càng thêm tối. Thánh nhân sở dĩ

trở thành thánh nhân, người ngu sở dĩ vẫn là người ngu, có lẽ bởi tại điều này.

Một người yêu thương đứa con của mình, chọn thầy giáo để dạy cho nó, nhưng bản thân mình lại xấu hổ khi học thầy, thì thật là điều quá hồ đồ! Những người thầy dạy trẻ nhỏ đó, là dạy trẻ cách viết chữ, đọc sách ngắt câu như thế nào, chứ không phải là người thầy truyền thụ đạo lý, giải trừ những nghi vấn như ta đã nói ở trên. Đọc sách mà không biết ngắt câu, có nghi vấn mà không được giải đáp, việc này thì đi học thầy, việc kia lại không học thầy, việc nhỏ thì học mà việc lớn lại bỏ đi, ta không nghĩ rằng đây là cách làm sáng suốt. Những thầy mo thầy lang, nhạc sư và những người làm nghề thủ công không xấu hổ làm thầy của nhau, học tập lẫn nhau; loại người đọc sách biết lễ nghĩa như sĩ đại phu, hễ ai nói đến câu "thầy giáo học trò", thì có rất nhiều người xúm lại cười giễu anh ta. Hỏi vì sao lại cười giễu người khác thì họ bảo: "Người này và người kia tuổi tác tương đương nhau, hiểu đạo lý cũng ngang bằng nhau, nếu như gọi người có địa vị thấp hơn mình là thầy thì thật là xấu hổ, gọi người có quan chức cao hơn mình là thầy thì khác gì là xu nịnh". Ôi! Như thế mới biết rằng cái phong tục cầu sư hiểu học không bao giờ khỏi phục được nữa rồi! Thầy mo thầy lang, nhạc sư và những người thợ thủ công là hạng người hạ đẳng mà những người quân tử coi thường. Vậy mà ngày nay, trí tuệ của các bậc quân tử đó lại không bằng họ, đây quả thực là một điều kỳ lạ!

(Hàn Dũ: *Xương Lê tiên sinh tập*,
quyển 12, *Sư thuyết*)

LỜI BÌNH

Hàn Dũ (768-824), tự là Thoái Chi, người Nam Dương, Đặng Châu (nay thuộc huyện Mạnh tỉnh Hà Nam, Trung Quốc), là một trong tám nhà tản văn lớn thời Đường Tống, là nhà văn, nhà triết học nổi tiếng, tác phẩm có *Xương Lê tiên sinh tập*. Đoạn văn trên trích trong thiên *Sư thuyết* (Bàn về người thầy), phân tích vì sao lại phải theo học thầy, nên tôn người như thế nào làm thầy. Tác giả trình bày rõ vai trò của người thầy là truyền thụ đạo lý, dạy những điều cần học, giải đáp thắc mắc, nghi vấn; yêu cầu không quan tâm đến địa vị cao thấp, tuổi tác nhiều ít, chỉ cần có sở trường về đạo học thì nên tôn làm thầy. Đồng thời, đoạn văn cũng ca ngợi tinh thần rất đáng quý là biết làm thầy của nhau, học tập lẫn nhau của thầy mo, thầy lang, nhạc sư, thợ thủ công - những người thường bị kẻ có học coi thường, mà phê phán cái xu thế xã hội không tốt đẹp xấu hổ khi phải học thầy của những kẻ sĩ đại phu. Vì vậy, sự khẳng định đối với việc tôn sư trọng đạo, thái độ khiêm tốn học hỏi trong bài này vẫn có ý nghĩa tích cực đối với ngày nay. Tuy nhiên, việc coi thầy mo, thầy lang, nhạc sư và thợ thủ công là những người mà quân tử không thèm đếm xỉa đến thể hiện trong bài văn cũng đã phản ánh quan niệm đẳng cấp phong kiến của Hàn Dũ, đây cũng là điểm cần phê phán.

ĐỨNG DƯỚI MƯA TUYẾT TRƯỚC CỦA TRÌNH

Dương Thời⁽¹⁾, tự Lập Trung, là người Tương Lạc châu Nam Kiếm. Thuở nhỏ, ông thông minh hơn người, biết làm văn làm thơ, lớn lên rất nhiệt tâm với việc nghiên cứu điển kinh và sử học. Vào năm Hy Ninh thứ chín, niên hiệu Tống Thần Tông (1076), Dương Thời đi thi, đỗ tiến sĩ. Thời đó đang vào những năm niên hiệu Hy Ninh, Nguyên Phong, Trình Hạo người Lạc Dương, Hà Nam cùng em trai là Trình Di⁽²⁾ đang thuyết giảng cho người đời về học thuyết vĩ đại, độc đáo của Khổng Tử và Mạnh Tử, nhân sĩ vùng Hà, Lạc đều tôn hai anh em họ Trình làm thầy. Lúc này, Dương Thời vừa được điều nhậm chức quan mới, nhưng ông không đi nhậm chức mà theo học Trình Hạo ở Đĩnh Xương, hai thầy trò sống với nhau rất hòa hợp, vui

1. Dương Thời (1053 - 1135): Nhà Lý học thời Bắc Tống, học trò xuất sắc của Trình Hạo và Trình Di.

2. Trình Hạo (1032 - 1085): Tự là Bá Thuần, học giả gọi ông là Minh Đạo tiên sinh, người Lạc Dương, nhà Lý học nổi tiếng thời Bắc Tống.

Trình Di (1033 - 1107): Tự là Chính Thúc, học giả gọi là Y Xuyên tiên sinh, nhà Lý học nổi tiếng thời Bắc Tống.

Hai anh em ông là người đặt cơ sở cho nền Lý học thời Bắc Tống, người đời gọi là "Nhị Trình". Tác phẩm của họ về sau tập hợp thành *Nhị Trình tập*.

về. Khi Dương Thời học xong trở về nhà, Trình Hạo đích thân tiễn ông, rồi nói: "Học thuyết tư tưởng của ta sắp được truyền bá đến phương Nam rồi". Bốn năm sau, Trình Hạo mất, Dương Thời nghe tin thầy qua đời, liền lập bài vị Trình Hạo, khóc tế thầy, đồng thời, ông lại viết thư cho bạn đồng môn báo tin thầy qua đời. Sau một thời gian, Dương Thời lại đến Lạc Dương bái kiến Trình Di, nhận Trình Di làm thầy, lúc này ông đã khoảng 40 tuổi. Một hôm, ông và Du Tạc ⁽¹⁾ đến bái kiến Trình Di, thấy thầy đang ngồi ngủ, hai người liền đứng cạnh thầy không dám rời, lúc sau Trình Di tỉnh dậy, thì tuyết ngoài cửa đã rơi dày hơn một thước rồi.

(Thoát Thoát: *Tống sử - Dương Thời truyện*)

LỜI BÌNH

Đây là câu chuyện lịch sử kể về Dương Thời tôn thờ thầy giáo. Để được tôn Trình Hạo làm thầy, được theo học ông ta, Dương Thời đã bỏ cả chức quan mới được giao. Dương Thời đã cố gắng học tập, tôn kính thầy giáo, được thầy hết sức hài lòng và khen ngợi. Sau khi Trình Hạo mất, Dương Thời lại theo học Trình Di, có lần ông đến bên thầy, thấy thầy đang ngủ, để khỏi làm phiền đến giấc ngủ của thầy, ông liền đứng yên ở đó đợi thầy, khi thầy tỉnh dậy, tuyết ngoài cửa đã phủ dày hơn một thước. Hành động yêu thương, tôn kính thầy của Dương Thời được người đời ca ngợi; cũng chính vì ông yêu kính thầy, khiêm

1. Du Tạc (1053 - 1123): Tự là Định Phu, người Kiến Dương, Kiến Châu (nay thuộc huyện Kiến Dương tỉnh Phúc Kiến), nhà Lý học thời Bắc Tống, cùng Dương Thời là hai trong bốn đệ tử lớn của cửa Trình.

tốt học hỏi, nên mới trở thành một trong bốn học trò xuất sắc nhất của Trình môn, trở thành nhà Lý học nổi danh thời Tống. Điển cố "Trình môn lập tuyết" (Đứng dưới mưa tuyết trước cửa Trình) cũng trở thành câu chuyện điển hình về tôn sư quen thuộc với mọi người.

ĐỒNG VÂN TÌM THẦY Ở TUỔI BẢY MƯƠI

Đồng Vân (1457-1533), tự Phục Tông, hiệu La Thạch, văn hiệu là Tông Ngô Đạo Nhân, người huyện Hải Diêm. Ông nổi tiếng ở vùng Trường Giang, Thái Hồ về tài thơ phú. Năm Giáp Thân niên hiệu Gia Tĩnh (1524), ông đã 68 tuổi, đi chu du sơn thủy vùng Cối Kê, nghe tin Vương Dương Minh tiên sinh ⁽¹⁾ đang dạy học trong thư viện Kê Sơn, ông liền đến nghe Vương Dương Minh giảng. Sau đó Đồng Vân đến thăm viếng Vương Dương Minh, cùng ông đàm đạo mấy ngày liền. Chuyện trò xong, Đồng Vân thở dài một tiếng mà rằng: "Những người được người đời gọi là nhà Nho mà tôi đã từng gặp, học vấn tán loạn, chẳng có điều lý gì, lại nhỏ nhặt vụn vỡ, chẳng thành hệ thống, họ khoắc lên cái mã chải chuốt đẹp đẽ một dáng vẻ an nhiên đạo mạo, mà thực tế thì chỉ như những con rối gỗ. Một số kẻ thấp kém hơn thì tham lam danh lợi, tới mức không còn biết chán, biết đủ, tranh quyền đoạt lợi với nhau mà dục vọng vô cùng, họ làm như vậy, chẳng nhẽ lại có

1. Vương Dương Minh (1472-1529): Tức Vương Thủ Nhân, nhà Lý học nổi tiếng đời Minh, từ giữa đời Minh, thuyết Tâm học của ông có ảnh hưởng rất lớn.

thể phát huy đạo học của thánh hiền Khổng Mạnh hay sao? Tôi hôm nay được nghe ngài thuyết giáo về lương tri, quả thật là như tỉnh dậy từ trong mộng, nếu như tôi không được đến làm học trò dưới cửa ngài, thì coi như sống phí cuộc đời này rồi". Thế rồi Đồng Văn bèn thông qua học trò của Vương Dương Minh là Hà Tân⁽¹⁾ xin được nhận làm đệ tử. Vương Dương Minh không nhận lời, và bảo "Làm gì có chuyện học trò nhiều tuổi hơn thầy bao giờ?" Đồng Văn nhiều hơn Vương Dương Minh 15 tuổi. Thế nhưng, ông vẫn kiên trì nhiều lần xin được làm học trò của Vương Dương Minh, ông còn mang cả lễ bái sư đến. Vương Dương Minh không từ chối được nữa, đành nhận ông làm đệ tử. Bạn bè cùng nhóm thơ với Đồng Văn khi biết chuyện liền bảo ông: "Ông ngần ấy tuổi rồi, hà tất phải chuốc khổ vào thân?" Đồng Văn nghe xong, cười mà rằng: "Tôi từ nay đã có thể thoát khỏi bể khổ của thế gian này rồi, tôi đang theo người thầy kính yêu để đi tìm chân lý mà tôi hướng tới". Vì vậy, ông đặt cho mình tên hiệu là Tông Ngô Đạo Nhân. Mùa đông năm Bính Tuất có tuyết lớn, khi đó Đồng Văn đã 70 tuổi, ông quyết định mang chăn áo đến chỗ thầy để bầu bạn với thầy, người nhà không ai ngăn được ông.

Tết năm đó, Đồng Văn và Vương Dương Minh cùng thức chờ giao thừa trong thư phòng, họ đón một cái tết đầy ý nghĩa. Đồng Văn qua đời năm 77 tuổi. Đến cuối

1. Hà Tân (1486-1551): Tử Hà Đình Nhân, tự là Tích Chi, hiệu Thiện Sơn, người huyện Vu, Giang Tây, học trò của Vương Thù Nhân

dời, ông mới bắt đầu đi học, và cuối cùng ông cũng đã hiểu rõ thế nào là "đạo",

(Hoàng Tôn Hy: *Minh Nho học án - Chiết Trung Vương môn học án tứ*)

LỜI BÌNH

Trên đây là câu chuyện kể về Đồng Văn khi về già mới tìm thấy học là Vương Thủ Nhân, kẹm mình 15 tuổi. Câu chuyện ít nhất cũng làm sáng tỏ hai điểm:

Thứ nhất, người giỏi thì làm thầy. Đồng Văn tuy hơn Vương Thủ Nhân mười mấy tuổi, nhưng theo nhìn nhận của ông, Vương Thủ Nhân là bậc đại sư về Nho học, có kiến thức uyên bác thực sự, học thức của ông ta vượt xa mình, vì vậy, ông không vì mình tuổi cao, cũng không vì sự cười nhạo của người khác mà thay đổi chí hướng, ngược lại, ông thực lòng thực ý đến bái lạy dưới cửa Vương Thủ Nhân, cam làm học trò nhỏ. Cho đến đây, thì tinh thần hiếu học "Không phân biệt sang hèn, không phân biệt già trẻ, nơi nào có đạo lý thì ở đó có người thầy" mà Hán Dũ đề xướng đã trở thành hiện thực.

Thứ hai, sống đến già, học đến già. Để truy cầu cái "đạo" mà mình hướng tới, Đồng Văn mặc dù đã ở vào tuổi "thất thập cổ lai hy" vẫn tìm thầy theo học, hơn nữa, trong ngày cuối năm tuyết bay là tả, lại đem tấm thân già nua 70 tuổi đến bái bạn với thầy để đón giao thừa, thỉnh giáo học hỏi, thật là có chút ý vị của "tráng sĩ về già chí khí không giảm". Tóm lại, phẩm cách tốt đẹp coi người giỏi là thầy, sống đến già học đến già thể hiện ở con người Đồng Văn chính là truyền thống tốt đẹp của người xưa, cho đến ngày nay vẫn đáng để chúng ta phát huy và học tập.

LA NHỮ PHƯƠNG VỀ GIÀ VẪN TÔN KÍNH THẦY

La Nhữ Phương⁽¹⁾, tự Duy Đức, hiệu Cẩn Khê, người Nam Thành, Giang Tây.... Thời trẻ, ông từng đọc ngữ lục của Tiết Văn Thanh tiên sinh⁽²⁾, trong đó có đoạn nói rằng: "Rất nhiều những ý nghĩ tư lợi thoát nổi lên thoát tất đi kia đã quấy nhiễu lòng ta lâu quá rồi, bây giờ cần phải tẩy bỏ hết những ý nghĩ tư lợi này đi để bảo toàn tâm lòng vốn trong sạch vô tã của ta". La Nhữ Phương vì thế mà hạ quyết tâm làm theo câu nói đó. Ông liền vào chùa Lâm Điền, đóng cửa không giao tiếp với người ngoài, ông đặt chậu nước lên một chiếc bàn nhỏ, ngày ngày lắng lẽ tinh tóa soi vào gương nước, hy vọng lòng mình sẽ thanh khiết như nước. Ông làm như thế trong một thời gian rất dài, rồi mắc bệnh tâm hỏa, sinh ra lo lắng phiền muộn. Một hôm, La Nhữ Phương tình cờ đi qua một ngôi chùa, thấy trên tường chùa có dán một bức cáo thị rằng có thể chữa khỏi

1. La Nhữ Phương (1515-1588): Làm quan đến chức Tham chính, là một trong những nhân vật tiêu biểu của học phái Thái Châu đời Minh.

2. Tiết Văn Thanh (1389-1464): Tức Tiết Tuyên, tự là Đức Ôn, hiệu Kính Hiên, tên thụy là Văn Thanh, người Hà Tân, Sơn Tây, làm quan đến chức Hữu thị lang bộ Lễ. Về học thuật, ông tôn sùng Trình-Chu, là nhà lý học nổi tiếng đời Minh.

ngay bệnh tâm hỏa, ông nghĩ đây hẳn là cáo thị của một danh y, liền thăm dò xung quanh, thì hóa ra lại là một tiên sinh dạy học đang chiêu tập môn đồ. La Nhữ Phương cũng trà trộn vào trong đám người, nghe ông ta giảng một lúc, nghe xong thì vui mừng nói: "Học vấn của vị này nhất định chữa khỏi bệnh tâm hỏa của ta". La Nhữ Phương lại hỏi mọi người ông thầy này là ai, thì được biết đó là Nhan Sơn Nông⁽¹⁾. Ông tên thật là Tổ Quân, người Cát An. Nhan Sơn Nông từng được chân truyền của Vương Căn tiên sinh⁽²⁾, người sáng lập ra học phái Thái Châu. La Nhữ Phương liền đến bái kiến Nhan Sơn Nông tiên sinh, kể cho ông ta nghe về lý do mình không quan tâm đến vấn đề sinh tử, được mất. Nhan Sơn Nông nghe xong liền bảo: "Như vậy là ông đang kìm nén dục vọng của mình chứ không phải là thể nghiệm chữ nhân". La Nhữ Phương tiếp lời: "Kiềm chế dục vọng của bản thân rồi vứt bỏ nó đi, thì mới khôi phục được thiên lý, nếu không kìm nén tư tâm dục vọng, thì sao có thể thể nghiệm, xem xét được đến chữ nhân?". Nhan Sơn Nông đáp: "Chẳng lẽ ông lại chưa đọc lời Mạnh Tử phân tích về bốn mối nhân, nghĩa, lễ, trí ư? Nếu biết mở rộng bốn mối này lên thì sẽ giống như đám lửa vừa bùng cháy, khó lòng mà dập tắt được, cũng giống như dòng suối vừa từ dưới đất phun lên, tắt sẽ đổ về sông biển. Nếu cứ như thế mà xem xét, thể nghiệm chữ

1. Nhan Sơn Nông: Tức Nhan Quân, tự Sơn Nông, người Cát An (nay thuộc Cát An, Giang Tây), là một trong những nhân vật tiêu biểu của học phái Thái Châu, học trò của Vương Căn.

2. Vương Căn (1482-1540): Tự là Nhữ Chí, hiệu Tâm Trai, người Phong Trường, Thái An. Ông là người sáng lập học phái Thái Châu, là một trong những học trò xuất sắc của Vương Thủ Nhân.

"nhân" là gì, thì dứt khoát là rất đáng làm. Cho nên có thể nói, căn bệnh của ông là ở chỗ những cái sử dụng hàng ngày chính là Đạo mà ông lại không biết đó là Đạo, xin chớ nghi ngờ tùy tiện rằng đạo trời sinh sôi không ngừng đó cũng có lúc dừng". La Nhữ Phương nghe xong, liền như bưng tỉnh cơn mê. Sáng sớm hôm sau, La Nhữ Phương đến trước mặt Nhan Sơn Nông làm lễ tự xưng đệ tử, tôn ông ta làm thầy, và xin được tiếp thu toàn bộ học thuyết của Nhan Sơn Nông. Nhan Sơn Nông lại bảo La Nhữ Phương rằng: "Từ nay về sau, bệnh tâm hỏa của ông phải tự khỏi dần, văn chương của ông cũng cần tự tỉnh xáo lên, dự thi khoa cử cũng cần phải được tuyển dụng. Nếu ông không làm được những việc này, thì không phải là học trò của tôi". Không lâu sau, bệnh tâm hỏa của La Nhữ Phương quả nhiên khỏi hẳn. Về sau, Nhan Sơn Nông vì liên lụy đến việc khác nên bị bắt, bị giam vào ngục ở Nam Kinh, La Nhữ Phương bèn bán cả ruộng đất gia sản của mình để cứu thầy. Ông còn vào trong ngục để phụng dưỡng thầy, thời gian đó kéo dài tới sáu năm, và cũng vì thế mà ông không dự thi Đình. Về sau, La Nhữ Phương nghỉ hưu về nhà, lúc đó ông tuổi đã rất cao, nhưng chỉ cần Nhan Sơn Nông tiên sinh đến là ông không rời thầy một bước, mỗi ấm chè Nhan Sơn Nông uống, mỗi quả tươi Nhan Sơn Nông ăn, La Nhữ Phương nhất định phải tự tay mình mang đến cho thầy. Con cháu ông đều bảo ông phụng sự thầy như thế vất vả quá, nhưng ông lại nói: "Thầy của ta không phải là người mà các con có thể thờ phụng được".

(Hoàng Tôn Hy: *Minh Nho học
án-Thái Châu học án tam*)

LỜI BÌNH

Trên đây là câu chuyện ông La Nhữ Phương phụng sự thầy đến tận tuổi già. Câu chuyện kể rằng, La Nhữ Phương vì nóng lòng tìm tòi học vấn mà mắc bệnh tâm hỏa, tình cờ gặp được Nhan Sơn Nông, sau khi nghe Nhan Sơn Nông dạy học, liền tôn ông làm thầy, làm theo lời thầy chữa khỏi bệnh của mình, đồng thời cũng tiến bộ trong học nghiệp. Về sau, thầy bị bắt vào ngục, ông lại bán cả gia sản của mình nhiều lần tìm cách cứu thầy, hơn nữa lại ở trong ngục phụng dưỡng thầy tới 6 năm trời, cũng vì thế mà bỏ mất cơ hội dự thi khoa cử. Sau khi tuổi cao về hưu, La Nhữ Phương vẫn thành tâm làm hết trách nhiệm của người trò đối với thầy; cung kính phụng dưỡng thầy, đến cả con cháu cũng cho rằng ông tự mình phụng dưỡng thầy như thế quá vất vả, nhưng La Nhữ Phương lại cho rằng, thầy mãi mãi là thầy, không thể vì mình tuổi cao sức yếu mà mất đi sự tôn kính và phụng dưỡng thầy. Phẩm chất đáng quý kính thầy suốt đời, già vẫn dưỡng thầy này thật đáng ca ngợi!

ĐOÀN NGỌC TÀI SUỐT ĐỜI TÔN SU

Đoàn Ngọc Tài⁽¹⁾, tự Nhược Ứng, là người Kim Đàn, Giang Tô. Ông từ nhỏ đã tỏ ra thông minh khác thường, trí tuệ hơn người. Năm Càn Long thứ 25 (1760) thi đỗ cử nhân. Khi đến Bắc Kinh, ông gặp Đới Chấn người Hưu Ninh. Đới Chấn là nhà kinh điển học, nhà tư tưởng có tiếng, là người có kiến thức uyên bác. Đoàn Ngọc Tài rất quý thái độ và phương pháp nghiên cứu học thuật của ông, bèn tôn ông làm thầy...

Buổi đầu, Đoàn Ngọc Tài và Vương Niệm Tôn⁽²⁾ cùng theo học Đới Chấn về huấn hỏ âm vận văn tự, vì vậy, thành tựu học thuật về phương diện tiểu học của Đới Chấn được hai người kế thừa và phát huy. Đoàn Ngọc Tài tuy chỉ ít hơn thầy Đới Chấn 11 tuổi, nhưng ông hết sức khiêm nhường lễ phép, lúc nào cũng làm tròn chức phận của người trò đối với thầy. Dù khi ông đã về già, và Đới Chấn cũng đã qua đời nhiều năm, nhưng hễ nghe thấy ai nhắc đến tên thầy, là ông rất cung kính hướng về thầy hành lễ,

1. Đoàn Ngọc Tài (1735-1815): Hiệu là Mậu Đường, làm quan đến chức tri huyện huyện Vu Sơn, Tứ Xuyên, nhà huấn hỏ văn tự học, nhà kinh điển học nổi tiếng đời Thanh.

2. Vương Niệm Tôn (1744-1832): Tự là Hối Tổ, người Cao Bưu, Giang Tô, nhà huấn hỏ âm vận học, nhà kinh điển học nổi tiếng đời Thanh.

như thể thầy đang đứng trước mặt vậy. Vào ngày rằm, mồng một hàng tháng, bao giờ ông cũng mang bức thư do chính tay thầy viết cho mình ra đọc lên một cách trang trọng. Ông luôn luôn ghi nhớ lời dạy của thầy đối với mình. Sau khi Đoàn Ngọc Tài qua đời, Vương Niệm Tôn bảo với học trò của Ngọc Tài là Trần Hoán⁽¹⁾ rằng: "Đoàn Nhược Ung tiên sinh thầy người qua đời, thiên hạ không còn người chăm đọc sách nữa".

(Triệu Nhĩ Soạn: *Thanh sử cảo-Đoàn Ngọc Tài truyện*)

LỜI BÌNH

Đây là câu chuyện kể về Đoàn Ngọc Tài tôn kính thầy dạy của ông là Đới Chấn. Đoàn Ngọc Tài sau khi thi đỗ cử nhân, đã gặp Đới Chấn ở Bắc Kinh, vì ngưỡng mộ tư cách làm người của Đới Chấn và kiến thức uyên thâm của ông, nên đã quyết tâm tôn ông làm thầy. Đoàn Ngọc Tài luôn tôn kính thầy giáo, dày công học tập, kế thừa được học nghiệp của Đới Chấn về phương diện huấn hủ văn tự. Cho dù tuổi đã già nhưng tình cảm kính trọng đối với người thầy qua đời đã nhiều năm vẫn không mấy may giảm sút, ngày rằm, mồng một hàng tháng lại đem thư của thầy ra đọc, gủi gắm lòng nhớ thương thầy. Phẩm chất suốt đời tôn sư đó của Đoàn Ngọc Tài làm chúng ta kính trọng và khâm phục. Hơn nữa, Đới Chấn và Đoàn Ngọc Tài đều là những nhà kinh điển học nổi tiếng được lưu truyền trong sử sách Trung Hoa, từ quan hệ kế nghiệp thầy của họ có thể thấy, nếu muốn thành đạt trong nghiệp học thì việc chọn thầy, tôn thầy và nghiên cứu học vấn có phương pháp là hết sức quan trọng.

1. Trần Hoán (1786-1863): Tự là Trúc Vân, hiệu là Thạc Phủ, người Trường Châu (nay thuộc huyện Ngô, Giang Tô), học trò của Đoàn Ngọc Tài, nhà kinh điển học đời Thanh.

TRẦN LÝ HÒA IN SÁCH TÔN SƯ

Mùa thu năm Nhâm Tý (1792), tôi đến Kinh sư. Lúc đó Trần Lý Hòa⁽¹⁾ tôi vì nhiều lần dự thi khoa cử không đỗ mà phải lưu lại kinh đô, tôi vì tính tình cố chấp, nông cạn, nên không tùy tiện giao du với người khác. Tình cờ gặp được Thôi Thuật tiên sinh⁽²⁾ tại quán trọ trong kinh thành, được đọc các trước tác của tiên sinh, liền xin được tôn Thôi Thuật tiên sinh làm thầy. Học dưới cửa Thôi tiên sinh được hơn 2 tháng, thầy trò coi nhau như cha con. Đến tháng 12 năm đó, tiên sinh trở về quê cũ Đại Minh, còn Trần Lý Hòa tôi từ đó về sau không được gặp lại tiên sinh nữa....

Đương thời khi Trần Lý Hòa tôi phụng sự tiên sinh tại quan phủ ở kinh đô, được tiếp nhận rất nhiều trước tác của tiên sinh. Bốn năm sau, tôi theo cha về Quảng Phong Giang Tây, vùng lân cận với Phúc Kiến, Thôi tiên sinh lại gửi trước tác của ông tôi, tôi đều đem in khắc chúng; nhưng những trước tác đó đều không phải là bản thảo cuối

1. Trần Lý Hòa (1761-1825): Tự là Giới Tôn, người Thạch Bình, Vân Nam, học trò của Thôi Thuật.

2. Thôi Thuật (1740-1816): Tự là Vũ Thừa, hiệu Đông Bích, một bậc danh nhân, cử nhân thời Càn Long, từng làm tri huyện các huyện La Nguyên, Thượng Hàng thuộc Phúc Kiến.

cùng của Thôi tiên sinh. Cho đến khi Thôi tiên sinh chính lý toàn bộ trước tác của tiên sinh thành định bản thì tôi đã trở về Vân Nam phụng sự cha rồi, Nam Bắc cách trở hàng ngàn dặm, không có cơ hội để gặp mặt tiên sinh. Mà Thôi tiên sinh tuổi đã ngoài 70 rồi, lại chẳng có con cái. Đệ tử của Thôi tiên sinh là Thôi Bá Long thì lại phụng dưỡng mẹ ông ở Đại Minh, cũng chẳng thể thường xuyên gặp mặt tiên sinh được. Người đời không có ai thích trước tác của Thôi tiên sinh, chỉ có Thành nhụ nhân - người vợ, người bạn già của tiên sinh - là biết rõ nhất việc cá đời sáng tác của tiên sinh mà thôi. Tháng 4 năm Giáp Tuất (1814), Thành nhụ nhân qua đời, trong nhà chỉ còn một người thiếp bầu bạn với tiên sinh, Thôi tiên sinh càng thêm cô quạnh, không có gì để hướng tới. Thôi tiên sinh tự cảm thấy ngày một già yếu đi, bệnh tình càng nặng thêm, bèn đem toàn bộ trước tác tập hợp thành 9 bộ, rồi lập di chúc đưa người thiếp cất giữ đợi Trần Lý Hòa tôi tới, lúc đó là ngày 22 tháng 9 năm Ất Hợi (1815). Cho đến lúc này, thầy giáo và đệ tử là tôi nhớ thương nhau đã 23 năm trời. Ngày 16 tháng 6 nhuận năm sau, tôi mới tới nhà tiên sinh, nhưng Thôi tiên sinh mất đã sáu tháng rồi. Tôi cung kính khấu đầu trước linh cữu tiên sinh rồi nhận di thư của tiên sinh. Nét chữ trong di thư của tiên sinh dường như còn chưa khô, làm tôi không dám đối mặt. Ở lại 10 hôm, bàn bạc với Thôi Bá Long về việc tang của tiên sinh xong, tôi liền vào kinh thành yết tuyển quan. Tháng 2 năm Đinh Sửu (1817), Lý Hòa tôi đem khắc in trước tác để lại của tiên sinh tại huyện phủ huyện Thái Cốc, trước tiên khắc in bản *Tam đại khảo tín lục*. Tháng 3, cử người đến Bành Đức dự lễ tang tiên sinh, nhưng lễ tang đã hoàn tất, người tôi cử đi vì chậm chạp nên không đến kịp, đây thực là tội của

Lý Hòa tôi. Người xưa phụng sự thầy, có người ngày ngày bên thầy, có người thì công sách theo thầy hàng mấy trăm dặm, có người không quản đường xa ngàn dặm lao đến lo việc tang thầy, có người bỏ cả chức quan đang làm để chịu tang thầy; bây giờ tôi lại đều không làm được như thế, tự nghĩ rằng chỉ có in khắc toàn bộ trước tác của thầy một cách nhanh nhất để công bố với toàn thiên hạ, thì mới mong làm được chút nào chức phận làm trò của tôi.

(Trần Lý Hòa: *Thôi Đông Bích tiên sinh hành lục*)

Tôi nghĩ, những trước tác lao tâm khổ tứ ròng rã bao năm của thầy tôi tịnh không chỉ thuộc về luận thuyết cá nhân của một người một thời, vậy mà trên đời còn chưa có người được đọc những trước tác này. Người xưa, thầy trò coi nhau như cha con, hoàn thành sự nghiệp của thầy, khảo đính trước tác của thầy, trách nhiệm này phải thuộc về ai đó. Vì vậy, tôi muốn thu thập toàn bộ trước tác của thầy, giữ gìn những trước tác này cho thầy tôi, cho người đời sau trong thiên hạ, đây là cách nghĩ của cá nhân Trần Lý Hòa tôi, mà không dám không xin phép thầy tôi một lần nữa...

Tôi đã không hề còn hứng thú với công danh phú quý nữa; chỉ có bước vào lâu đài học thuật uyên bác của Thôi tiên sinh, in khắc ra toàn bộ trước tác của tiên sinh, ý nguyện này, tôi muốn dành trọn cuộc đời để thực hiện. Một khi thực hiện được điều đó thì cả đời tôi không còn gì phải ân hận nữa.

(*Thôi Đông Bích di thư - Khảo tín phụ lục quyển 2*)

LỜI BÌNH

Đây là mấy mẩu chuyện nhỏ kể về chuyện học trò của Thôi Thuật là Trần Lý Hòa in các tác phẩm của thầy, chọn từ sách *Thôi Đông Bích di thư*. Chuyện kể rằng, Trần Lý Hòa tuy chỉ theo học thầy Thôi Thuật có hơn 2 tháng, nhưng tình nghĩa thầy trò của họ đã như cha với con. Trong khoảng thời gian hơn 20 năm sau đó, hai thầy trò tuy không bao giờ được gặp lại nhau, nhưng tấm lòng tôn sư của Trần Lý Hòa không hề máy may thay đổi. Khi Thôi Thuật còn sống, Trần Lý Hòa đã hết sức cố gắng đem in những sáng tác của thầy, sau khi Thôi Thuật qua đời, ông càng coi việc in ấn toàn bộ tác phẩm của thầy là nhiệm vụ của cả đời mình. Người xưa phụng sự thầy, tôn sùng thầy, có người đích thân phụng dưỡng bên thầy, có người mang tráp theo thầy nghìn dặm, có người vượt đường xa vạn dặm đến lo việc tang thầy, có người bỏ quan để chịu tang thầy; còn Trần Lý Hòa thì lại coi trọng hơn việc phát huy sức sống học thuật của thầy. Vì thế, ông tự mình gắng làm, suốt đời nỗ lực cho việc in ấn tác phẩm của thầy. Việc làm này không chỉ làm rạng rỡ vinh quang ảnh hưởng học thuật của người thầy, mà còn lưu giữ lại cho hậu thế một của cải tinh thần quý báu. Hành động tôn sư này trở thành một truyền thống tốt đẹp của Trung Quốc thời xưa cho đến ngày nay vẫn có ý nghĩa và đáng được phát huy.

THIÊN TU ĐỨC

... Cái gọi là nhân, chính là mình muốn nên người thì cũng nên gây dựng cho người, mình muốn thành đạt thì cũng nên giúp người thành đạt...

KHỔNG TỬ BÀN VỀ TU ĐỨC

Khổng Tử nói rằng: "Đối với đức hạnh chẳng chịu trau dồi, với học vấn chẳng chịu tìm hiểu cho tường tận, nghe biết đạo nghĩa mà chẳng làm theo, tự mình có điều chưa phải mà chẳng sửa đổi. Đó là những điều mà ta lấy làm lo lắng vậy".

(Luận ngữ - Thuật nhi)

Khổng Tử nói rằng: "Khắc kỷ, phục lễ (khắc chế dục vọng bản thân, làm theo yêu cầu của lễ), đó chính là nhân. Một khi đã làm được điều đó thì thiên hạ sẽ theo về điều nhân. Vậy, làm điều nhân là do mình chứ còn do ai? " Nhan Uyên nói: "Xin hỏi thầy điều mục cụ thể của thực hành nhân đức?" Khổng Tử đáp: "Điều gì chẳng hợp lễ thì chớ nên nhìn, tiếng gì chẳng hợp lễ thì chớ nên nghe, lời gì chẳng hợp lễ thì chớ nên nói, việc gì chẳng hợp lễ thì chớ nên làm".

(Luận ngữ-Nhan Uyên)

Tử Cống hỏi rằng: "Có một chữ nào để có thể suốt đời tuân theo chẳng?" Khổng Tử đáp: "Phải chăng là chữ

"Thứ"! Điều gì mình không muốn thì đừng đem nó cho người khác".

(Luận ngữ-Vệ Linh công)

Cái gọi là nhân, chính là mình muốn nên người thì cũng nên gây dựng cho người, mình muốn thành đạt thì cũng nên giúp người thành đạt.

(Luận ngữ-Ung dã)

Khổng Tử nói rằng: "Thấy người hiền đức thì nghĩ cách làm thế nào để bằng được anh ta; thấy kẻ bất hiền thì nên tự xét xem mình có khuyết điểm giống vậy không".

(Luận ngữ - Lý nhân)

LỜI BÌNH

Khổng Tử hết sức coi trọng việc tu dưỡng đạo đức, dù là học hay dạy, đều đặt đạo đức lên hàng đầu. Khi nói đến việc tu dưỡng đạo đức của lớp trẻ, ông nói: "Đệ tử về nhà thì hiếu, ra ngoài thì lễ, cẩn thận mà tín thực, yêu thương quảng đại mọi người mà thân với người có nhân, làm việc còn dư sức thì để học văn". Ở đây, ông nhấn mạnh việc trau dồi đạo đức, mà xếp việc "học văn" ở vị trí thứ yếu. Mấu chốt của tu đức là ở chỗ "khắc kỷ, phục lễ", chỉ có từ trong tư tưởng lấy ý thức quan niệm của luân lý đạo đức để khắc chế bản thân mới có thể làm cho lời nói, hành động của mình theo đúng yêu cầu của đức, mới có thể theo về nhân. "Nhân" là chuẩn mực đạo đức tối cao của Khổng Tử, là cốt lõi trong hệ thống tư tưởng của ông. "Nhân" gồm chữ "nhân" (người) và chữ "nhị" (hai), có nghĩa rằng hãy xử lý tốt mối quan hệ giữa người với người. Bản chất của "nhân" chính là "ái nhân" (yêu người). "Ái nhân" thể hiện ở hai khía

cạnh. Khía cạnh thứ nhất là "Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân", tức là điều gì mình không muốn thì cũng không nên đem đến cho người khác. Khía cạnh thứ hai là "Kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân", tức là mình muốn sống hạnh phúc thì cũng nên làm cho người khác hạnh phúc, mình muốn thành đạt thì cũng nên giúp người khác thành đạt. Nếu như ai cũng làm được hai điều này thì quan hệ giữa người với người, không khí xã hội tự nhiên sẽ tốt đẹp, lành mạnh. Tư tưởng tu đức của Khổng Tử đòi hỏi con người phải nghiêm khắc với mình, khoan dung đôn hậu với người. Yêu cầu phải thực hiện từ bản thân, phải thường xuyên tự xét mình, thấy người hiền thì phải nghĩ cách để bằng người ta, "chọn cái tốt của họ để theo, lấy cái xấu của họ để sửa mình". Tư tưởng tu đức của Khổng Tử thực sự là một tư tưởng toàn diện, có hệ thống, có đạo lý, cho đến nay vẫn còn nhiều điều đáng để noi theo.

MẠNH TỬ BÀN VỀ TU ĐỨC

Manh Tử nói rằng: "Tám lòng trắc ẩn, ai ai cũng có; tác lòng hổ thẹn, chẳng có ai không; nổi lòng cung kính, mọi người đều sẵn; tám lòng phân biệt thị phi (biết phải biết trái), không người nào thiếu. Lòng trắc ẩn thuộc về nhân, lòng hổ thẹn thuộc về nghĩa, lòng cung kính thuộc về lễ, lòng phân biệt thị phi thuộc về trí. Nhân nghĩa lễ trí này chẳng phải người nào đem đến cho ta, mà là có sẵn ở nơi bản tính của mình vậy. Chẳng qua là ta không tưởng nghĩ đến nó mà thôi. Cho nên mới nói: "Ai cầu thì được, ai bỏ thì mất".

(Manh Tử-Cáo Tử thượng)

Ta biết cách dưỡng khí hào nhiên của ta.

(Manh Tử-Công Tôn Sửu thượng)

Người quân tử cốt giữ tiết tháo, bắt đầu từ tu dưỡng bản thân mình, sau đó gây ảnh hưởng đến người khác, từ đó, làm cho thiên hạ thái bình.

(Manh Tử-Tận tâm hạ)

LỜI BÌNH

Mạnh Tử bàn về tu đức, chủ yếu nhấn mạnh tu dưỡng bản thân, đó chính là "lập tâm", "dưỡng tính", "dưỡng khí hạo nhiên" mà ông đề cập. Ông xuất phát từ nhân tính trong thuyết "tính thiện" của ông, cho rằng con người sinh ra vốn có tính thiện, vốn có lòng trắc ẩn, lòng hổ thẹn, lòng cung kính, lòng phân biệt thị phi. Bốn tâm tính đó được coi là bốn mối của nhân, nghĩa, lễ, trí, bốn mối này chính là sự mạnh mẽ, là cơ sở tâm lý của nhân nghĩa lễ trí, đòi hỏi con người để tâm nuôi dưỡng nó, làm cho nó phát triển lớn mạnh, như vậy sẽ có thể tu dưỡng mình thành bậc quân tử nhân đức.

Mạnh Tử rất coi trọng trau dồi khí chất cá nhân, khí chất đó là chính khí hạo nhiên mà ông thường nói đến. Cái chính khí hạo nhiên này to lớn, rắn rỏi vô cùng, có được nó thì sẽ khiến người ta "giàu sang không mê hoặc được, nghèo hèn không thay đổi được, uy vũ không khuất phục được". Mạnh Tử còn liên hệ giữa việc tu dưỡng đạo đức và tác dụng của nó. Mục đích của tu dưỡng đạo đức không phải tu dưỡng để mà tu dưỡng, mà là vì sự yên định và phát triển xã hội, làm cho thiên hạ thái bình. Mặc dù thuyết tu đức của Mạnh Tử xuất phát từ chủ nghĩa duy tâm, nhưng vẫn có mặt hợp lý của nó. Từ xưa tới nay, nó đã cổ vũ rất nhiều cho những bậc chí sĩ quân tử anh dũng xả thân vì dân tộc, vì sự nghiệp chính nghĩa.

TUÂN TỬ BÀN VỀ TU ĐỨC

Người quân tử biết tích lũy kiến thức một cách rộng rãi, lại thường xuyên tự kiểm điểm bản thân, vì thế mà anh ta trở nên thông minh, và không phạm sai lầm khi hành động.

(Tuân Tử - Khuyến học)

Một người nếu không bị vinh quang mê hoặc, không bị sự phi báng của người đời làm khiếp sợ, nghiêm túc sửa nắn lời nói và hành động của bản thân, không dao động bởi những tác động của sự vật ở thế giới bên ngoài, thì đó chính là người quân tử theo đúng ý nghĩa của từ này.

(Tuân Tử - Phỉ thạp nhị tử)

LỜI BÌNH

Nói về tu dưỡng đạo đức, Tuân Tử nhấn mạnh việc "học rộng và luôn kiểm điểm bản thân", "nghiêm túc sửa nắn lời nói và hành động của bản thân". Có nghĩa là, khi tri thức mà anh học được đã quáng bác rồi, đạo lý mà anh biết được đã nhiều rồi, thì anh sẽ trở nên thông minh, trí tuệ. Như thế sẽ giúp anh phân biệt được thế nào là đúng - sai, cong - thẳng, biết được việc gì nên làm, việc gì không nên làm. Lại thêm sự đòi hỏi nghiêm khắc ở bản thân, mọi việc đều theo đạo mà làm, không hề dao động. Được vậy, thì dù cho danh lợi của thế giới bên ngoài có hấp dẫn đến đâu, sự nhục báng của người đời có ác ý đến đâu,

cũng không mấy may có tác động gì đến anh. Đạo đức mà được tu dưỡng đến mức như vậy, thì đã là bậc quân tử thực sự có đức độ, có lý tưởng rồi.

TỰ KHINH MÌNH TRƯỚC RỒI NGƯỜI MỚI COI KHINH

Có đứa trẻ hát rằng: "Nước sông Thương Lãng trong, thì ta giặt giải mũ của ta, nước sông Thương Lãng đục, thì ta rửa bàn chân ta".

Khổng Tử bảo với môn đệ của mình rằng: "Các trò nghe kia! Nước trong thì người ta giặt giải mũ, còn nước đục thì người ta rửa chân. Đó đều là do sự trong hay đục quyết định vậy".

Bởi vậy, một người chắc chắn là có hành vi tự chuốc lấy khinh nhờn trước rồi sau đó người khác mới coi khinh anh ta; một gia đình chắc chắn là đã có nhân tố tự hủy hoại rồi sau đó người khác mới hủy hoại nó; một quốc gia chắc chắn là có nguyên do dẫn đến bị đánh dẹp rồi sau đó người khác mới đánh dẹp nó. Thiên *Thái giáp* sách *Thượng thư* nói rằng: "Trời gây tai họa thì ta còn tu tính để mà tránh. Tự mình gây tai họa thì mình làm mình chịu, chẳng có cách nào tránh được", chính là nói ý này.

(*Mạnh Tử - Lý lâu thượng*)

LỜI BÌNH

Bài ca đứa trẻ hát trong bài này có lẽ là bài dân ca lưu truyền ở nước Sở thời kỳ Xuân thu Chiến quốc. Khổng Tử dùng nó để giáo dục học trò của mình, chứng tỏ nó được lưu truyền rộng rãi và có ý nghĩa sâu xa. Lời bàn của Mạnh Tử cũng thật là sâu sắc, nó chứng minh rằng, dù là một cá nhân, một gia đình hay một quốc gia, sở dĩ không được tôn trọng, thậm chí bị khinh thường, bị xúc phạm, thường là do cá nhân, gia đình hay quốc gia đó tự gây ra trước, nguyên nhân nội bộ giữ vai trò chủ yếu. Vì vậy, một cá nhân cũng như một gia đình, một quốc gia muốn đứng vững, muốn được tôn trọng, tin tưởng thì phải tăng cường tu dưỡng, nâng cao trình độ, tự tôn trọng mình, không ngừng vươn lên.

ĐỒ ĐỰNG NGHIÊNG

Khổng Tử vào thăm miếu thờ Lỗ Hoàn công, trông thấy một loại đồ đựng nghiêng. Khổng Tử bèn hỏi người trông miếu: "Đây là đồ gì vậy?" Người trông miếu đáp: "Đây là đồ chuyên để bên phải chỗ ngồi" (dùng để nhắc nhở mình). Khổng Tử bảo: "Tôi nghe nói, loại đồ đựng để bên phải chỗ ngồi này, khi rỗng thì nghiêng, đổ lưng chừng nước thì đứng thẳng, cho đầy nước vào thì sẽ đổ lật". Khổng Tử quay lại bảo các học trò: "Hãy đổ nước vào". Các học trò múc nước đổ vào, quả nhiên, khi nước vừa đến nửa, thì nó đứng thẳng lên; khi nước đầy tràn, lập tức nó đổ lật xuống; khi nước chảy ra hết, nó lại nghiêng như ban đầu.

Khổng Tử nặng nề thở dài một tiếng mà rằng: "Ôi! Trên đời làm gì có cái gì đầy mà không đổ đâu".

Tử Lộ hỏi: "Dám xin hỏi thầy, có cách gì để vĩnh viễn giữ được trạng thái đầy đủ sung túc mà không bị trở ngại, thất bại không?" Khổng Tử đáp: "Thông minh sáng suốt nhưng lại giữ vẻ ngu đần vụng về; gây dựng công lao sự nghiệp, đem lại lợi ích cho thiên hạ, nhưng vẫn giữ thái độ khiêm nhường; dũng lực không ai bì nổi nhưng vẫn giữ được sự thận trọng, coi chừng; có cả thiên hạ mà vẫn giữ tác phong khiêm tốn. Những cái đó chính là cách để tự áp

chế bản thân, tự đánh giá thấp mình để tránh được sự cản trở, thất bại, mà mãi mãi giữ được sự đầy đủ, sung túc vậy".

(Tuân Tử - Hữu tọa)

LỜI BÌNH

Câu chuyện được ghi chép trong nhiều sách cổ Trung Quốc như *Hàn thi ngoại truyện* quyển 3, *Hoài Nam Tử - Đạo Ứng huấn*, *Thuyết uyển - Kinh Thân*, *Khổng Tử gia huấn - Tam thư*, tuy nội dung hơi khác nhau. Điều đó chứng tỏ người xưa rất coi trọng câu chuyện này.

Câu chuyện chủ yếu thông qua loại đồ vật đặc chế, gọi là "khinh khí" (đồ đựng nghiêng) để chứng minh một cách hình tượng đạo lý "đầy" thì "đổ" mà khiêm tốn thì đủ đầy. Khổng Tử lấy đó để giáo dục học trò phải biết khiêm tốn, cẩn thận.

Khiêm tốn cẩn thận là một đức tính tốt đẹp trong cách xử thế làm người. Đức tính tốt đẹp này dù là đối với bản thân, đối với mọi người, hay đối với sự nghiệp, cũng đều có lợi. Cũng như một loại đồ đựng, chỉ khi nó trống rỗng thì mới đựng được đồ vật, một khi nó đã đầy, thì chẳng còn cách gì mà chứa thêm được nữa. Làm một con người cũng vậy, nếu tự mãn, tự cho là đủ, thì sẽ không bao giờ tiếp thu được những tri thức và sự vật mới nữa, lại càng không tiếp thu được những ý kiến và sự phê bình của người khác, và đương nhiên, cũng không bao giờ tiến bộ được. Không chỉ có vậy, tự mãn, tự đủ thì ắt sinh tự kiêu tự ngạo, tự cho mình là giỏi, coi người chẳng ra gì, dẫn đến coi thường người ta. Nếu như vậy, mà chung sống với người khác, thì tất sẽ không thể dung hòa, sẽ nảy sinh mâu thuẫn; với việc học hành và sự nghiệp của bản thân, thì chắc chắn là không nỗ lực, không cầu tiến, cuối cùng sẽ gặp phải thất bại. Chính vì lẽ đó, tự mãn thì chuốc lấy thất bại, khiêm tốn sẽ được đủ đầy, đó là một chân lý cực kỳ đích xác.

CHẾT VÌ THAM

Tử Tư⁽¹⁾ làm quan ở nước Vệ. Có một người nước Vệ câu cá ở sông Hoàng Hà, câu được một con cá quan rất to, to tới mức chất đầy một xe. Tử Tư hỏi anh ta rằng: "Cá quan là loại cá rất khó bắt, anh làm thế nào mà bắt được nó?" Người kia trả lời: "Khi bắt đầu hạ cần câu, tôi chỉ buông một con cá mè làm mồi nhử, cá quan phớt lờ bơi qua, sau đó tôi thay mồi bằng nửa con lợn sữa, nó liền đớp câu ngay".

Tử Tư thở dài một tiếng, than rằng: "Con cá quan tuy rằng khó bắt, nhưng vì tham lam mà chết bởi mồi câu, có một số kẻ sĩ tuy lòng ôm ấp đạo lớn, song vì tham lam mà chết trên lợi lộc".

(Không Phụ: *Không Tùng Tử -
Kháng chí*)

LỜI BÌNH

Đoạn văn ngắn trên đây dùng câu chuyện sinh động về con cá quan vì tham mồi béo mà bị bắt, để nói rõ rằng, con người không thể mang lòng tham vô đáy, mưu cầu cái lợi bất nghĩa,

1. Tử Tư: Tên là Cấp, tư Tử Tư, cháu của Không Tử

nếu không cuối cùng tất sẽ đi theo vết con cá quan, dẫn đến kết cục thân bại danh liệt. Các nhà Nho thời xưa rất coi trọng chữ "nghĩa". Cái gọi là nghĩa, đúng như sách *Trung dung* viết: "Nghĩa là những cái thích hợp" (nghĩa giả, nghi dã). Bất kể làm việc gì, đều phải cân nhắc đến những chuẩn mực đạo đức đã được ước định trong xã hội, xem có nên hay không, có hợp lý hay không. Việc gì thấy hợp lý thì làm, không hợp lý thì quyết không làm. Đứng trước của cải vật chất, cũng cần nghĩ đến chữ "nghĩa", sao cho "của cải bất nghĩa thì không lấy". Trong dân gian có câu "chớ tham của bất nghĩa". Nếu như làm được điều đó, thì nếu làm quan, có quyền lực, sẽ không tham ô, ăn hối lộ; làm một người dân thường, sẽ không hưởng lợi của người khác, không trộm cắp, cướp giết. Ngoài ra, với cuộc sống vật chất cũng nên dựa theo tình hình cụ thể của đất nước, xã hội và cá nhân mà dừng lại ở mức thích hợp, không thể chăm chăm theo đuổi hưởng thụ vật chất. Trong cuộc sống phải luôn luôn so sánh với những người dân bình thường, tầng lớp đông đảo nhất trong xã hội, trong lòng luôn nghĩ tới quảng đại quần chúng nhân dân, nghĩ đến dân tộc và quốc gia. Được như vậy sẽ không nhất mực theo đuổi cái tư lợi cá nhân, thậm chí dẫn đến con đường bất chính hủ hóa, đồi bại.

NGĂN LỜI ĐOM ĐẶT CHẴNG GÌ BẰNG TU DƯƠNG BẢN THÂN

Khi có người nói xấu mình, nên trước tiên lùi một bước, để tìm xét căn nguyên ở bản thân mình. Nếu như mình có hành vi có thể khiến người ta chỉ trích, dị nghị, thì những điều người ta nói là đúng. Nếu quả là việc làm của mình không có gì để người ta có thể chỉ trích, dị nghị, thì lời nói của họ là không chân thực. Người ta nói đúng, thì không được oán giận người ta, nếu họ nói không đúng, tự dung dộng chuyện, thì chỉ cần mình ngay thẳng, là chẳng có gì đáng lo sợ cả. Việc gì phải trả đũa lại họ? Vả lại, nếu anh nghe người ta nhạo báng mình, thì chắc chắn anh sẽ nổi giận, bởi chẳng ai thích người khác đặt điều xấu cho mình, nhưng làm thế họ lại nói xấu anh nhiều hơn. Như thế chẳng bằng mình dần lòng xuống, chăm lo tu dưỡng bản thân. Có câu ngạn ngữ rằng: "Chống rét không gì tốt bằng áo da, áo lông, ngăn lời đom đặt không gì bằng tu dưỡng bản thân". Câu ngạn ngữ này thật hay biết bao!

(Vương Suồng: Giới tử chí thư)

LỜI BÌNH

Ý nghĩa trung tâm của bài này là lấy thái độ đúng đắn để xử sự với lời chỉ trích, dị nghị, thậm chí phỉ báng của người khác đối với mình.

Tác giả lấy việc nghiêm khắc với mình, khoan hậu với người làm xuất phát điểm để biện luận, ngõ hầu giáo dục con cháu. Thái độ cao thượng, lòng bao dung độ lượng của tác giả thật đáng trân trọng. Tục ngữ có câu: Thân thẳng chẳng sợ giầy lệch, cây ngay không sợ chết đứng. Sự thật bao giờ cũng là sự thật, chân lý cuối cùng vẫn là chân lý, sự thật mạnh hơn mọi lời hùng biện, vàng mười không sợ lửa luyện. Chỉ cần mình hành động chính đáng, lập thân ngay thẳng thì chẳng có gì đáng sợ. Muốn vậy, phải không ngừng học tập, tu dưỡng đạo đức, nghiêm khắc đòi hỏi bản thân. Như vậy thì mọi lời đơm đặt sẽ trở nên vô nghĩa. Đương nhiên, xét từ khía cạnh khác, tự dung dục chuyện, phỉ báng người lại là một hành vi vô đạo đức và không thể dung thứ.

GIA CÁT LƯỢNG TỰ GIÁNG QUAN BA CẤP

Thần tài hèn sức mọn, mà lại giữ chức vụ mà lẽ ra thần không nên giữ, đó là đích thân nắm giữ quân quyền, thống soái ba quân Bắc phạt, chưa nắm rõ quy tắc điều lệ, làm nghiêm minh kỷ cương phép nước, xử lý công việc không thận trọng, đến nỗi để cho Mã Tốc trái lệnh, khiến Nhai Đình thất thủ, để mất Ky Cốc, gây ra tổn thất to lớn. Sai lầm này tất cả là bởi ngu thần không biết dùng người. Thần đã không biết tìm hiểu kỹ lưỡng khi dùng người, giải quyết công việc hồ đồ, không biết nhìn xa trông rộng. Sách *Xuân thu* có nói: Sự thất bại trong chiến tranh, trách nhiệm thuộc về người chủ tướng. Thần đáng phải chịu trừng phạt. Thần xin được giảng quan ba cấp, để dốc sát tội lỗi của thần.

(Trần Thọ: *Tam Quốc chí* - Thục thư - Gia Cát Lượng truyện)

LỜI BÌNH

Năm Kiến Hưng thứ 6 (181-234), Gia Cát Lượng lần đầu tiên xuất binh ở Kỳ Sơn, Bắc phạt Trung Nguyên, sai Mã Tốc làm tiên phong. Mã Tốc vốn là người thích bàn luận binh pháp, lúc nào cũng thao thao bất tuyệt. Lưu Bị đã sớm nhắc nhở rằng: "Mã Tốc nói năng khoác lác, không nên quá tin dùng". Thế

nhưng Gia Cát Lượng không lấy đó làm điều răn, vẫn bổ nhiệm anh ta làm tiên phong. Mã Tốc tiến đóng Nhai Đình, tự cho mình là bậc cao nhân, không tuân theo kế hoạch sắp xếp của Gia Cát Lượng, và cũng bỏ ngoài tai lời can ngăn của Phó tướng Vương Bình, bỏ thành không canh giữ, bỏ sông lên núi. Kết quả bị quân Ngụy đánh bại, Nhai Đình - trấn thành chiến lược trọng yếu - bị thất thủ. Thêm vào đó, Triệu Vân tiến binh Ky Cốc cũng xuất quân không thắng lợi, vì thế mà kế hoạch Bắc phạt Trung Nguyên của Gia Cát Lượng bị phá sản.

Gia Cát Lượng sau khi rút về Hán Trung, đã nghiêm túc truy cứu trách nhiệm trong việc thất thủ Nhai Đình, đánh đập Mã Tốc ra chém đầu. Gia Cát Lượng bất đắc dĩ phải gạt nước mắt chém Mã Tốc, tình cảm của ông cũng bị giằng xé rất nhiều. Một mặt, ông nhận thấy Mã Tốc quả là người có tài, đã từng có công lao rất lớn. Ví như sách lược "đánh vào lòng người" mà Gia Cát Lượng lựa chọn trong "bảy lần bắt Mạnh Hoạch" chính là do Mã Tốc đề xuất. Mặt khác, giữa họ cũng có tình hữu hảo rất sâu sắc. Trong tình huống này, Gia Cát Lượng vẫn đem chém đầu Mã Tốc, rồi lại dâng thư tự giáng quan 3 cấp, điều đó chứng tỏ tinh thần đặt việc công lên trên việc tư, coi pháp luật hơn tư tình của Gia Cát Lượng. Đồng thời cũng thể hiện phẩm chất cao quý quang minh chính đại, dám làm dám chịu của ông.

"ĐẠI THỤ TƯỚNG QUÂN" PHÙNG DỊ

Phùng Dị tướng quân là người khiêm nhường, thận trọng, không hề tự kiêu tự đại. Đang trên đường hành quân, nếu gặp các tướng lĩnh khác thì bao giờ ông cũng để xa mã của mình tránh sang một bên, nhường họ đi trước. Ông chỉ huy quân lính bằng một kỷ luật nghiêm minh và một bộ tiêu chí hiệu lệnh. Vì vậy mà ông phát mệnh lệnh, điều động quân lính nhanh chóng mà chỉnh tề. Mỗi khi quân lính đóng trại, dùng chân nghỉ ngơi, các vị tướng quân đều xúm lại tranh nhau khoe khoang chiến công chiến tích của mình, duy chỉ có ông bao giờ cũng ẩn tránh dưới gốc cây to, không xuất đầu lộ diện để phô bày về mình, vì thế mà trong quân đều gọi ông là "Đại thụ tướng quân". Sau khi phá xong Hàm Đan, quân đội tiến hành điều chỉnh lại, một bộ phận quân lính phải chuyển sang đơn vị trực thuộc, rất nhiều tướng sĩ đều muốn quy thuộc về sự chỉ huy của Đại thụ tướng quân. Chính vậy mà Quang Vũ hoàng đế hết sức tín nhiệm và trọng dụng ông.

(Phạm Diệp: *Hậu Hán thư - Phùng Dị truyện*)

LỜI BÌNH

Đoạn văn trên đã nêu bật phẩm chất tốt đẹp khiêm tốn, nhún nhường, không công thần tự mãn của tướng quân Phùng Dị. Phùng Dị tinh thông lịch sử và binh pháp, văn thao võ lược, tài cán nổi trội. Trong những năm đầu của triều Đông Hán, ông từng thống soái đại quân nhiều lần lập chiến công, công lao hiển hách. Vì vậy mà chức vụ ngày càng cao, trở thành bậc nguyên huan khai quốc của triều Đông Hán. Ông được Quang Vũ đế hết sức kính trọng. Tuy vậy, Phùng Dị vẫn trước sau giữ đầu óc tỉnh táo, khiêm tốn cẩn thận, trung trinh đôn hậu, không vì công lao mà kiêu ngạo, chức cao mà vinh vang. Càng không vì được yêu chiều mà quên mất vị trí của mình, ngược lại, đòi hỏi nghiêm khắc hơn ở bản thân, đối với người thì càng khoan hậu hơn. Cũng chính nhờ phẩm chất khiêm nhường đôn hậu đó, ông mới chiếm được lòng kính phục và yêu mến của các tướng sĩ, để rồi họ vui vẻ nghe theo sự điều khiển, chỉ huy của ông, mới giúp ông giành được hết thắng lợi này đến thắng lợi khác trên chiến trường. Điều đó cho thấy, phẩm chất khiêm tốn cẩn thận, khoan hậu giản dị đối với sự trưởng thành lành mạnh của một con người, đối với việc hoàn thành sự nghiệp của một con người là quan trọng biết bao.

HY SIÊU BẤT HÒA VỚI TẠ HUYỀN

Quan hệ giữa Hy Siêu⁽¹⁾ và Tạ Huyền⁽²⁾ có bất hòa. Thời đó, Hoàng đế nước Tiền Tần là Phù Kiên⁽³⁾ muốn tiêu diệt Đông Tấn, đã xâm chiếm Lương Châu và Kỳ Châu, tiến tới rình cơ hội dòm ngó Hoài Dương. Vì thế, triều đình nghị bàn quyết định cử Tạ Huyền cầm quân chống giặc. Mọi người có nhiều ý kiến bất đồng về việc này. Chỉ có Hy Siêu nói: "Tạ Huyền nhất định sẽ thành công. Trước đây tôi đã từng làm việc cùng ông ta ở phủ Hoàn Tuyên Vũ (4), tôi thấy ông ta dùng người đều biết phát huy hết tài năng của họ, ông ta làm tốt mọi việc, cho dù là những việc nhỏ nhất nhất. Vì thế, tôi dám chắc ông

1. Hy Siêu: Tự là Cảnh Hưng, người Cao Bình đời Đông Tấn (nay thuộc huyện Cự Đà tỉnh Sơn Đông), từng giữ chức Tham quân của tướng Hoàn Ôn, rất được trọng dụng.

2. Tạ Huyền (343 - 388): Tự là Ấu Độ, người Hạ Dương quận Trần thời Đông Tấn (nay thuộc huyện Thái Khang tỉnh Hà Nam), từng giữ chức Thứ sử Duyên Châu. Trong trận chiến ở Phi Thủy, ông dẫn 8000 quân phá tan 90 vạn quân địch của vua Phù Kiên nước Tiền Tần, về sau được phong Đô đốc.

3. Phù Kiên: Tên tự là Vĩnh Cố, còn có tên là Văn Ngọc, là Hoàng đế Tiền Tần thời Thập lục quốc (16 nước). Năm Kiến Nguyên thứ 19 (năm 383), ông điều động 90 vạn quân tiến công nước Tấn, bị thất bại ở Phi Thủy, về sau bị Diêu Trường giết.

4. Hoàn Tuyên Vũ: Tức Hoàn Ôn (312 - 373), tự là Nguyên Tử, Đại tướng thời Đông Tấn, làm quan đến chức Đại tư mã, sau khi mất được phong tên thụy là Tuyên Vũ.

ta sẽ đạt được công trạng lớn". Sau khi Tạ Huyền lập công lớn, người đương thời thường tấm tắc khen Hy Siêu sáng suốt biết người, lại kính trọng ông đã không vì hiềm khích cá nhân mà vui đập sở trường người khác.

(Lưu Nghĩa Khánh: *Thế thuyết tân ngữ* - Đức hạnh)

LỜI BÌNH

Chuyện kể rằng, Hy Siêu và Tạ Huyền thường ngày tuy bất hòa, giữa họ có hiềm khích cá nhân. Song, khi Phù Kiên xâm phạm Đông Tấn, trước mặt là kẻ thù hùng mạnh, thì Hy Siêu bằng sự hiểu biết của mình về Tạ Huyền đã phán đoán Tạ Huyền chắc chắn đánh bại được quân địch, lập công cho nước, bèn ra sức tiến cử Tạ Huyền nắm giữ ấn soái Bắc tiến đánh dẹp Phù Kiên. Sau đó quả nhiên không nằm ngoài dự đoán của Hy Siêu, trong trận Phì Thủy nổi tiếng, Tạ Huyền chỉ một lần cất quân đã đánh bại đại quân 90 vạn của Phù Kiên, cứu vãn quốc gia thoát khỏi nguy vong. Câu chuyện ca ngợi phẩm đức và hành vi chính trực của Hy Siêu, biết lấy lợi ích quốc gia làm trọng, không vì hiềm khích cá nhân mà vui đập một nhân tài. Câu chuyện giáo dục người đời sau, khi xử lý vấn đề gì, hay trong đối xử với người, đừng nên vì những ân oán, lợi ích cá nhân, mà nên lấy lợi ích chung, lợi ích quốc gia làm trọng. Suy nghĩ sự việc, nhìn nhận vấn đề cần bỏ qua những thành kiến cá nhân, thực sự cầu thị, không kèn cựa, không che lấp ưu điểm của người khác, đó mới là biểu hiện của tấm lòng cao thượng.

TUẦN CỰ BÁ ĐI THĂM BẠN

Tuần Cự Bá⁽¹⁾ tới phương xa thăm người bạn ốm, vừa lúc gặp bọn đạo tặc ngoại tộc công phá Quận thành. Người bạn mới bảo Cự Bá rằng: "Tôi hôm nay không sống nổi được nữa rồi, ông mau rời khỏi đây thôi!" Cự Bá đáp: "Tôi lặn lội đường xa tới đây thăm ông, thế mà ông bảo tôi đi, bỏ đạo nghĩa để cầu mạng sống, đây chẳng lẽ là điều mà Tuần Cự Bá tôi có thể làm ư?" Giặc cướp sau khi đến Quận thành, hỏi Cự Bá rằng: "Đại quân đã tới, người Quận thành đều chạy hết, người là người nào mà dám đơn độc ở lại?" Cự Bá đáp: "Bạn ta bệnh trọng, ta không nỡ bỏ mặc ông ấy, ta thà ở đây chết thay cho bạn". Nghe thế, bọn giặc cướp bàn tán với nhau: "Những kẻ không có đạo nghĩa như bọn ta sao lại xâm chiếm nơi có những người đạo nghĩa". Thế là chúng liền rút quân, trả lại sự bình yên cho Quận thành.

(Lưu Nghĩa Khánh: *Thế thuyết tân ngữ* - *Đức hạnh*)

1. Tuần Cự Bá: Người Hứa Châu thời Hán Hoàn đế (nay là thành phố Hứa Xương tỉnh Hà Nam Trung Quốc)

LỜI BÌNH

Mẫu chuyện tuy nhỏ nhưng đã nêu bật một tinh tiết cảm động: Tuấn Cự Bá đã vì tình nghĩa bạn bè, vì người bạn ốm đau mà quên cả sinh mệnh mình, không nỡ bỏ bạn trong cơn hoạn nạn, điều đó đã thể hiện tình cảm chân thành tha thiết giữa con người với con người. Con người là của xã hội, giữa con người với nhau bao giờ cũng phải nảy sinh các mối quan hệ, quan hệ bạn bè là một loại trong quan hệ giữa người với người, và cũng là một quan hệ rộng lớn nhất, phổ biến nhất. Ở Trung Quốc từ xa xưa đã sớm coi trọng hết sức quan hệ bạn bè, xếp nó vào một trong "ngũ luân" (5 quan hệ thời phong kiến: vua - tôi, cha - con, vợ - chồng, anh - em, bạn bè). Chủ trương giao kết bạn bè cần giữ thái độ trân trọng, chọn lựa trước kết bạn sau. Nhấn mạnh giao kết bạn bè cần lấy đạo nghĩa tương đồng, chí khí tương hợp làm nền tảng, trọng ở tri âm, quý ở hợp nghĩa. Chỉ có tình bạn lấy nghĩa tương hợp, quý nghĩa trọng đạo mới có thể giúp đỡ lẫn nhau, cùng bổ sung cho nhau hoàn thiện hơn. Giữa bạn bè cần hiểu nhau, tin nhau, giữ tín nghĩa, lấy việc cùng phát triển sự nghiệp làm gốc, không lấy vui chơi yến tiệc làm khuây. Còn bạn bè mà xây dựng trên cơ sở quyền thế, rước thù thì sẽ không bền vững lâu dài. Giữa bạn bè với nhau còn phải đồng cam cộng khổ, chia sẻ hoạn nạn, động viên, giúp đỡ lẫn nhau. Đặc biệt trong hoàn cảnh khó khăn mới có thể khảo nghiệm tình cảm chân chính giữa con người với con người. Như thái độ đối với bạn bè của Tuấn Cự Bá đã nêu tấm gương tốt cho hậu thế, thật đáng để ca ngợi và học tập.

CON NGỰA LANG TRÁN CỦA DỮ LƯỢNG

Dữ Lượng⁽¹⁾ nuôi một con ngựa lang trán, có người khuyên ông bán nó đi. Dữ Lượng nói: "Nếu tôi bán nó, tất sẽ có người mua về, như thế là lại hại tính mạng của người ta rồi. Sao có thể vì nó không có lợi cho mình mà chuyển sang cho người khác được? Xưa kia, Tôn Thúc Ngao đã giết chết con rắn hai đầu⁽²⁾ để cho người đến sau không vì nhìn thấy nó mà chết. Việc này trở thành câu chuyện ngàn đời ca tụng. Tôi bắt chước ông ta, chẳng phải cũng là việc thấu tình đạt lý, thật đáng nên làm sao?"

(Lưu Nghĩa Khánh: *Thế thuyết tân ngữ* - Đức hạnh)

1. Dữ Lượng (289 - 340): Tự là Nguyên Quy, người Yên Lang thời Đông Tấn (nay thuộc huyện Yên Lăng tỉnh Hà Nam). Ông là người nghiêm nghị, đức độ, từng giữ chức Trung thư lang, Đô đốc và Thứ sử nhiều châu quận. Ông dốc sức cho việc khôi phục Trung Nguyên, nhưng sự nghiệp chưa thành thì mất.

2. Tôn Thúc Ngao, quan Lệnh đoàn (Tể tướng) nước Sở thời Xuân thu, phò tá Sở Trang vương xưng bá các nước chư hầu. Thuở nhỏ, ông đi đường gặp con rắn hai đầu, bèn quay về khoe nói với mẹ rằng: "Con nghe nói ai nhìn thấy rắn hai đầu thì nhất định sẽ chết. Hôm nay con không may gặp phải nó rồi". Mẹ ông hỏi: "Con rắn hiện ở đâu?" Tôn Thúc Ngao nói: "Con sợ người đến sau lại gặp phải, nên con giết nó rồi". Mẹ ông bèn an ủi: "Con đã có lòng tốt như vậy thì không việc gì phải lo buồn nữa".

(Giả Nghị: *Tân thư*)

LỜI BÌNH

Mẫu chuyện ca ngợi phẩm chất cao quý của Dữu Lượng qua việc ông không chịu bán con ngựa có hại của mình (theo quan niệm mê tín của người xưa), tức là không muốn đùn đẩy tai họa cho người khác. Trong xã hội phong kiến "nhân bất vị kỷ, thiên tru địa diệt" (ai không vị kỷ thì trời tru đất diệt), có những người suy xét vấn đề, giải quyết sự việc thường lấy cá nhân mình làm trung tâm, lấy cái lợi cho mình làm chuẩn mực, chứ không lo nghĩ cho người khác. Trong thời đại như vậy, có được phẩm chất, tư tưởng như Dữu Lượng quả là hiếm hoi và đáng quý, nếu không có sự tu dưỡng cao và đạo đức cao thượng thì khó mà làm được điều đó. Tất nhiên, trong xã hội cũ không thể có tâm cao tư tưởng làm việc phải công tâm, mình vì mọi người như ngày nay, nhưng họ lại lấy phương châm "kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân" (Điều gì mình không muốn thì chớ đem đến cho người khác) làm tín điều cho mình. Việc làm của Dữu Lượng đã tuân thủ nguyên tắc đạo đức đó của Khổng Tử. Đó cũng là nguyên tắc có giá trị vĩnh cửu đối với con người.

MẪN TỬ KHIÊN - NGƯỜI CON HIẾU THẢO

Mẫn Tử Khiên⁽¹⁾, tên là Tồn, người nước Lỗ. Phụ thân lấy vợ kế, sinh thêm được hai con trai, ông hết lòng phụng dưỡng phụ mẫu, cố gắng làm trọn đạo hiếu, không hề lơ lỏng. Thế nhưng, người mẹ kế lại ghét bỏ ông, đối với con đẻ mình thì thương yêu chăm sóc mọi bề, cho chúng mặc áo tơ quần lụa, còn ông thì cho mặc quần áo đệm bằng bông lau. Những chuyện này phụ thân ông không hề hay biết. Đến mùa đông năm nọ, phụ thân bảo ông đánh xe cho mình, Mẫn Tử Khiên lạnh cóng cả tay, không điều khiển được, dây cương mấy lần tuột khỏi tay. Phụ thân trách mắng, ông cũng không hề biện bạch. Đến khi phụ thân ông quan sát kỹ, mới biết là do ông bị lạnh, lấy tay sờ, thấy áo ông rất mỏng, bèn cởi áo ông ra xem, thì thấy bên trong toàn là bông lau. Trong khi đó, hai đứa con đẻ của người vợ kế thì được mặc quần là áo lụa. Phụ thân vừa thương xót vừa tức giận, quyết định đuổi người vợ đi. Mẫn Tử Khiên nước mắt hai hàng đến trước mặt phụ thân

1. Mẫn Tử Khiên: Tên là Tồn, tự là Tử Khiên, người nước Lỗ cuối thời Xuân thu, một trong những học trò xuất sắc của Khổng Tử, kém Khổng Tử 15 tuổi, nổi tiếng là người hiếu thuận, đức độ.

van nài: "Nếu cha không bỏ mẹ thì chỉ mình con phải chịu rét, nếu cha bỏ mẹ thì cả ba anh em con đều phải chịu rét. Xin cha hãy nghĩ lại". Cảm động trước lời nói của ông, người cha không đuổi vợ nữa. Còn người mẹ kể từ đó cũng ra sức sửa chữa sai lầm trước kia, đối xử với 3 đứa con như nhau, mọi thứ ăn mặc đều được như nhau, cuối cùng cũng trở thành một người mẹ hiền. Từ đó, cái tên "người con hiếu thảo" của Mẫn Tử Khiên được lưu truyền khắp thiên hạ.

(Đón Hoàng biến văn tập -
Hiếu tử truyện)

LỜI BÌNH

Câu chuyện Mẫn Tử Khiên hiếu thảo lưu truyền rất rộng, được ghi chép trong nhiều sách cổ của Trung Quốc, về sau còn được soạn thành kịch như *Lô hoa ký*, *Y lô ngự xa*, *Đả lô hoa*. Có thể nói, sự hiếu hạnh của Mẫn Tử Khiên đã làm xúc động lòng người, được người đời sau yêu mến và truyền tụng. Con cái hiếu thuận với cha mẹ, đó là nghĩa vụ về mặt đạo lý, không thể chối từ, đó cũng là truyền thống tốt đẹp của người phương Đông. Tuy nhiên, trong quan hệ giữa mẹ ghẻ và con chồng, xưa nay vẫn là mối quan hệ phức tạp, khó giải quyết. Nhưng với Mẫn Tử Khiên thì ngược lại, ông đã giải quyết vấn đề này một cách cao thượng và chu toàn, mà không phải là lấy oán báo oán. Ông đã vượt ra khỏi cái vòng nhỏ hẹp của ân oán cá nhân. Đương nhiên, nếu như người mẹ kể bị bỏ rơi, thì đó hoàn toàn do lỗi của bà ta, và như thế Mẫn Tử Khiên cũng trả được món nợ cá nhân của ông. Song, với tấm lòng độ lượng, bao dung, ông lại nghĩ tới cảnh ngộ của hai đứa em khi thiếu vắng bàn tay chăm sóc của người mẹ, bèn khuyên phụ thân không nên bỏ người mẹ kể đó. Chính vì tấm lòng cao thượng, lời lẽ có lý có tình, ông đã thuyết phục được người cha, lại cảm hóa được

mẹ kế, khiến gia đình đang đứng trước sự đổ vỡ được đoàn tụ trở lại với những mối quan hệ tốt đẹp hơn. Hành vi tư tưởng của Mẫn Tử Khiên thật đáng ca ngợi và noi gương. Tất nhiên, việc người mẹ kế biết sửa chữa lỗi lầm, yêu thương Mẫn Tử Khiên như con đẻ của mình, cũng là một việc làm đáng ghi nhận.

DẠY CON COI TRỌNG SỰ THANH BẠCH

Phòng Ngạn Khiêm người đời Tùy, từng làm quan Thứ sử bộ Hiệu úy tư lệ, mọi người gọi ông là Phòng Tư lệ. Ông tính tình ngay thẳng, cương trực. Ông từng nói với con cái rằng: "Người ta vinh hoa phú quý đều nhờ bổng lộc ở chốn quan trường, duy chỉ có mình ta làm quan mà vẫn một đời thanh bạch. Gia tài mà ta để lại cho con cháu chính là một đời thanh bạch, không một vết nhơ vậy!"

(Tư Huyền: *Ngũ đại tân thuyết*)

Tổ phụ của tôi là Nghi Thủy tiên sinh thường dạy lũ con cháu chúng tôi rằng: "Kẻ sĩ thông hiểu kinh sách, lý lẽ, đối nhân xử thế phải giống như sợi tơ trắng muốt. Phải nghiêm khắc đòi hỏi bản thân, cẩn thận hành sự, quyết không để mình dính phải một vết nhơ. Bởi vì, một khi đã có vết nhơ, thì bản thân mình không thể trở thành người hoàn mỹ được". Bình Sơn tiên sinh đánh giá rất cao những lời nói này của Tổ phụ tôi, cho rằng đó là danh ngôn chí lý. Hơn thế, ông còn đem toàn bộ lời nói đó viết lên bia mộ Tổ phụ tôi.

(Lưu Kỳ: *Quy Tiềm Chí*, quyển 13)

LỜI BÌNH

Hai mẫu văn ngắn trên đều ghi lại câu chuyện cổ nhân chú trọng lập thân hành sự, giáo dục con cháu coi trọng sự thanh bạch. Đó là biết giữ mình trong sạch, biết quý trọng bản thân, không để lại vết nhơ cho mình. Họ không chỉ quý trọng bản thân, mà còn quý trọng gia đình, giữ gìn gia phong tốt đẹp của mình. Rõ ràng tư tưởng này là rất đáng quý, đặc biệt đối với kẻ sĩ làm quan, việc giữ gìn sự thanh bạch hết sức quan trọng. Chỉ có người ngay thẳng, thanh liêm, không vướng bụi trần, mới có thể một lòng tận tâm tận lực vì quốc gia, vì nhân dân, mới làm nên sự nghiệp, đem lại hạnh phúc cho nhân dân; chỉ có mình lập thân hành sự một cách quang minh chính đại, phẩm hạnh trong sạch, thì mới lãnh đạo được người khác. Lịch sử của mỗi cá nhân là do bản thân người đó viết nên. Lịch sử của mình trong sạch, huy hoàng, hay bẩn thỉu, xấu xa đều là do bản thân mình quyết định. Lịch sử chói ngời của những người như Bao Công, Nhạc Phi, Văn Thiên Tường... là do họ viết nên. Lịch sử nhơ bẩn của những kẻ như Tần Cối, Nghiêm Cao, Ngụy Trung Hiền... cũng là tự họ mà có. Một đảng thì sáng chói, cao thượng, lưu danh thiên cổ; một đảng thì gian ác xấu xa, để tiếng xấu muôn đời. Mỗi chúng ta ngày nay đều nên khắc ghi sự dạy bảo của tiên hiền, tiếp thu bài học của lịch sử, quý trọng mình để viết nên trang sử chói ngời cho bản thân.

COI QUYỀN THẾ TỰA BĂNG SƠN

Quyền thân Dương Quốc Trung⁽¹⁾ dời Đường dựa vào người em họ là Dương Quý Phi, từng lũng lây một thời, quyền thế áp đảo thiên hạ, người trong thiên hạ không ngớt ra vào thăm hỏi, cầu cạnh anh ta. Đường thời, có một tiến sĩ⁽²⁾ tên là Trương Huệ, người Thiểm Châu. Ông là người cô học vấn, có danh tiếng và có khí phách, chưa từng khom lưng cúi đầu trước bọn quyền quý. Đường thời, có người khuyên ông nên đến bái kiến, kết giao với Dương Quốc Trung để dễ bề kiếm một chức quan hiển đạt. Nhưng Trương Huệ nói: "Các ông tưởng dựa vào quyền thế của Dương Quốc Trung thì vững chắc như tựa vào núi Thái Sơn ư? Theo tôi biết, anh ta chẳng qua cũng chỉ là một ngọn núi băng mà thôi. Rồi một ngày kia, khi mặt trời hiện ra, chiếu rọi vào, ngọn núi băng đó sẽ tan ra, những người dựa dẫm vào nó sẽ theo đó mà đổ gục xuống". Về sau, sự thực quả như lời Trương Huệ nói.

(Vương Nhân Dục: *Thiên Bảo di sự*,
quyển thượng)

(1) Dương Quốc Trung: Quyền thân đời Đường, tên là Chiêu, người Vĩnh Lạc, Bồ Châu (nay thuộc tây nam Huế Thành, Sơn Tây), anh họ Dương Quý Phi. Từng làm Hữu tướng, kiêm Thượng thư bộ Lại, kiêm thống lĩnh 40 sứ quân. Trong loạn An Sử, bị quân lính giết chết tại dốc Mã Ngụy.

2. Thời Đường, Tống, phẩm là những cư nhân ứng thu ở bộ Lễ đều gọi là tiến sĩ.

LỜI BÌNH

Trong xã hội, phạm những kẻ tiểu nhân thế lợi, do thiếu tu dưỡng, nặng về tư tâm, nên thường vì sự thôi thúc của danh lợi địa vị mà quỳ gối khom lưng, kết thân với người có địa vị cao hơn mình, dựa dẫm vào kẻ có quyền thế. Hơn nữa, họ không lấy đó làm xấu hổ, mà coi là điều vinh dự, tự thấy đắc ý, thậm chí cáo mượn oai hùm, kiêu căng ngang ngược, coi trời bằng vung. Trong tâm tưởng của những kẻ này, không thể có sự nghiệp của quốc gia dân tộc, chính khí của đạo đức nhân nghĩa, cái mà họ cầu mong chỉ là cái lợi cho cá nhân mình mà thôi. Chỉ cần có lợi cho mình, thì những kẻ đó bất kể đến nhân cách, không từ mọi thủ đoạn, tìm mọi cách cầu cạnh nhằm đạt mục đích thấp hèn của họ. Loại người này thực ra cũng có thể đắc thế một thời, nhưng có mấy kẻ được lâu bền. Cái kết cục của họ thường là bi đát. Những trường hợp như vậy nhiều không kể xiết. Đúng như Trương Huệ nói, có những người coi quyền thế như núi Thái Sơn, nhưng thực tế đó chỉ là ngọn núi băng mà thôi.

TỔNG CẢNH LIỀU CHẾT CỨU NGƯỜI NGAY

Tổng Cảnh⁽¹⁾ là người cương trực, có tiết tháo, không hề run sợ trước khó khăn, nguy hiểm, là ông quan ngay thẳng, không a dua, tài năng của ông được Võ Tắc Thiên trọng vọng. Hồi đó, Trương Dịch Chi⁽²⁾ vu cáo quan Ngự sử đại phu Ngụy Nguyên Trung⁽³⁾ có lời nói bất trung với vua, ông ta kéo Trương Duyệt⁽⁴⁾ đi làm chứng. Khi sắp phải đến triều đình làm chứng, Trương Duyệt lo sợ không yên. Tổng Cảnh liền nói với Trương Duyệt rằng: "Danh dự và đạo nghĩa của con người là quan trọng nhất, không

1. Tổng Cảnh: Đại thần đời Đường, người Nam Hòa châu Hinh (nay thuộc Nam Hòa tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc). Ông làm quan qua 4 triều vua: Võ Tắc Thiên, Trung Tông, Duệ Tông và Huyền Tông, dưới thời Huyền Tông làm đến chức Thượng thư Hữu thừa tướng, là một trong những danh tướng đời Đường.

2. Trương Dịch Chi: Sủng thần của Võ Tắc Thiên.

3. Ngụy Nguyên Trung: Làm quan Túc chính đài Ngự sử đại phu dưới thời Võ Tắc Thiên. Đường thời, Trương Dịch Chi và em ông ta là Trương Xương Tôn cậy thế được sủng ái mà chuyên quyền, ngang ngược. Ngụy Nguyên Trung tấu trình lên Võ Tắc Thiên, hai anh em ông ta ôm hận trong lòng, vu cáo Ngụy Nguyên Trung kéo bè kéo cánh, mưu đồ làm loạn, sau đó ông bị giam vào ngục.

4. Trương Duyệt: Đại thần đời Đường, tự là Đạo Tế, người Lạc Dương. Thời vua Huyền Tông làm đến chức Trung thư lệnh (Tể tướng), thời Võ Tắc Thiên giữ chức Phụng dưỡng các xá nhân.

nên hãm hại người tốt để cầu sự yên ổn cho mình. Nếu vì chuyện đó mà bị giáng chức, thì sẽ khiến phẩm đức và danh dự của mình tốt đẹp hơn. Nếu xảy ra chuyện gì, tôi sẽ vào cung cầu kiến, tôi sẽ chết cùng ông". Trương Duyệt nghe thế lấy làm cảm động, liền theo đúng sự thực mà trả lời Hoàng đế, vì thế Ngụy Nguyên Trung tránh được tội chết.

(Âu Dương Tu: *Tàn Đường thư -
Tống Cảnh truyện*)

LỜI BÌNH

Câu chuyện viết về Tống Cảnh xuất phát từ chính nghĩa, để giải nguy cho người khác, đã bất chấp nguy hiểm, khuyên Trương Duyệt không nên làm ngụy chứng. Vì kẻ vu cáo là sủng thần của Võ Tắc Thiên, rất có quyền thế, nội dung vu cáo lại trực tiếp liên quan đến lợi ích tối cao của kẻ thống trị. Cho nên nếu không can thận sẽ bị vu là đồng mưu kết đảng, tội đáng tru di chín họ. Huống hồ, việc này không hề liên quan đến Tống Cảnh, ông hoàn toàn có thể khoanh tay đứng nhìn, ngoảnh mặt làm ngơ. Song, bằng tấm lòng yêu chính nghĩa, sự đồng cảm và yêu mến con người lương thiện, ông đã bất chấp cả tính mạng của mình, dũng cảm đứng ra can thiệp với mong muốn tránh được tai họa cho người khác. Đây quả là một nghĩa cử cao thượng. Ông cho rằng danh dự và đạo nghĩa của con người là quan trọng nhất, không nên hãm hại người tốt để cầu an cho mình. Ông còn cho rằng, vì chính nghĩa, dù có bị thua thiệt cũng vinh dự, thậm chí dù phải chết cũng không từ. Tinh thần đó ở bất cứ thời đại nào cũng đáng được khẳng định và ca ngợi. Chính vì có quan niệm như vậy mà suốt đời ông là người cương trực, không sợ quyền quý, làm quan thanh liêm, dám sống cho lẽ công bằng, trở thành một danh tướng của đời Đường, được người đời sau ngưỡng mộ.

LƯU ĐÌNH THỨC TRỌNG TÍN NGHĨA, KHÔNG PHỤ NGƯỜI CON GÁI MÙ

Sĩ tử trong triều là Lưu Đình Thức, vốn xuất thân từ nông dân. Anh ta ở cạnh nhà một ông lão rất nghèo. Ông có một cô con gái, đã hứa gả cho anh ta. Sau này ly biệt nhiều năm, Lưu Đình Thức học hành đỗ đạt, trở về làng thăm hỏi ông lão lưng giềng, lúc đó ông lão đã qua đời, cô con gái của ông vì mắc bệnh đã mù cả hai mắt, gia cảnh hết sức bần hàn. Lưu Đình Thức cho người đến nhà cô gái nhắc lại chuyện hôn ước xưa, nhưng cô gái nghĩ mình thân phận nghèo hèn, không dám với cao, bèn lấy cớ bệnh tật một mực chối từ, Đình Thức kiên quyết không chịu, nói rằng: "Ta và cha nàng đã có hôn ước từ lâu, lẽ nào chỉ vì cha nàng mất, nàng bệnh tật mà hủy bỏ ư?" Cuối cùng hai người đã thành hôn, vợ chồng tình cảm mặn mà, sống hòa thuận, người vợ đi đâu phải có chồng dắt, họ sinh được mấy mặt con. Về sau, Lưu Đình Thức có phạm một sai lầm nhỏ, quan Giám ty vốn định cách chức ông, nhưng vì cảm cái đức độ của ông nên đã bỏ qua cho ông. Về sau, khi Lưu Đình Thức cai quản cung Thái Bình ở Giang Châu, vợ ông qua đời, ông gào khóc thảm thiết. Tô Thức rất kính phục đức độ của ông, đã từng viết một bài văn ca ngợi ông.

(Thẩm Quát: *Mộng Khê bút đàm* -
Nhân sự)

LỜI BÌNH

Trong thời đại phong kiến với quan niệm đẳng cấp nghiêm ngặt, hôn nhân nam nữ chú trọng môn đăng hộ đối, quan hệ hôn nhân tịnh không phải là xây dựng trên cơ sở tình yêu, mà là lấy kinh tế làm cơ sở, lấy quan hệ xã hội và địa vị của hai bên làm tiền đề, càng không biết đến tín nghĩa và trách nhiệm là gì. Có những cuộc hôn nhân, tuy ban đầu tình cảm rất thắm thiết, thậm chí đã có với nhau mấy mặt con, nhưng vì tình hình kinh tế và địa vị xã hội của một bên thay đổi, quan hệ hôn nhân cũng theo đó mà thay đổi, tan vỡ theo. Hiện tượng "Giàu thay bạn, sang thay vợ" khá phổ biến. Nhưng với Lưu Đình Thúc, sau khi thi đỗ bảng vàng, ông vẫn không phụ lời hôn ước cũ, quyết tâm lấy cô gái quê vừa nghèo, vừa bị mù, lại đã chủ động yêu cầu thoái hôn làm vợ, sau khi lấy nhau thì tình cảm rất đầm thắm, mặn mà, đó là điều hiếm thấy và đáng quý. Phẩm chất đạo đức coi trọng tín nghĩa, trước sau như một đó quả là cao thượng, cũng thật đáng khâm phục và trân trọng. Tinh thần cao thượng này đối chọi gay gắt với những kẻ có mối nối cũ, đứng núi này trông núi nọ.

CHU THỪA DẬT TRẢ NỢ THAY NGƯỜI KHÁC

Chu Thừa Dật sống ở gần cửa Đông thành Ngô Hưng, làm quan Khổng mục (quan chương quản văn thư, sổ sách) châu đó. Ông tốt bụng, hay giúp người. Một hôm, đang canh năm, trên đường tới quận phủ làm việc, khi qua cầu Lạc Đà, bỗng nghe có tiếng người khóc dưới chân cầu, tiếng khóc nghe mới nào nùng làm sao. Ông bèn sai thuộc hạ xuống xem, thì ra là một người đàn ông dất dứ theo vợ con đang khóc lóc ở đó. Hỏi họ nguyên cớ vì sao, thì người đàn ông nói là anh ta mắc nợ một nhà rất có thế lực ba trăm quan tiền, cộng thêm lãi gấp mấy lần nữa, bây giờ người ta thúc nợ mà không trả nổi, vì thế cả nhà định ra sông tự vẫn. Chu Thừa Dật nghe xong thì lấy làm thương cảm, bảo sai dịch đưa họ về nhà, còn mình cũng đích thân đi theo. Về đến nhà anh ta thì thấy một đám nô bộc mặt bưng bưng sát khí đang ngồi đợi ở đấy. Chu Thừa Dật bèn nói với chúng: "Chủ nhân của các người vì ba trăm quan tiền mà bức bách người ta đến mức cả nhà bốn người định nhảy xuống sông tự tử, chẳng lẽ các người nữ nhân tâm như vậy ư? May mà ta bắt gặp, không thì cả nhà họ đã chết oan rồi. Các người mau về báo với chủ các người, bây giờ họ đã không đủ sức trả nợ, mà bức bách họ thì cũng có được gì đâu? Ta có thể thay họ trả món tiền đó,

hãy mau về mang biên lai nợ đến đây!" Chủ nợ sau khi nghe chuyện, vừa xấu hổ, vừa sợ hãi, chỉ biết làm theo lời của Chu Thừa Dật. Chu Thừa Dật trả cho ông ta đủ số tiền mà gia đình kia đã nợ. Cả nhà người nợ tiền cảm động đến khóc ròng, nguyện suốt đời làm nô bộc cho nhà họ Chu để đền ơn cứu giúp. Nhưng Chu Thừa Dật không nhận lời, mà còn biếu họ hai trăm quan để sống qua ngày, rồi ra đi.

(Tô Thúc: *Tế Động dã ngữ*)

LỜI BÌNH

Trong xã hội cũ, cho vay nặng lãi là một trong những hình thức bóc lột chủ yếu, cũng là một thủ đoạn bóc lột rất tàn bạo. Một số kẻ bóc lột chỉ nhằm vào lúc người dân khốn khổ bỏ tiền ra cho vay nặng lãi, mà lãi suất thường là cao tới mức khó tưởng tượng, đến nỗi nhiều gia đình vì chủ nợ thúc ép quá mà nhà tan cửa nát, cha mẹ vợ con xẻ dần tan nát. Câu chuyện trên chính là một ví dụ điển hình. Là một viên quan cấp thấp trong xã hội cũ, trong lúc nguy nan, Chu Thừa Dật đã dũng cảm ra tay, khẳng khái mở hầu bao của mình giúp đỡ, cứu sống sinh mạng của bốn con người, đó quả là điều không dễ gì mà làm được. Đặc biệt khi người được cứu ngỏ ý muốn làm nô bộc suốt đời cho ông để đền ơn cứu mạng, ông không những dứt khoát chối từ, mà còn lấy tiền ra giúp họ, thì đó càng là một việc khó làm. Điều đó cũng đủ để thấy rằng ông cứu giúp người chính xuất phát từ tấm lòng cao thượng và mục đích trong sáng. Trong thời đại cũ, có được nghĩa cử như Chu Thừa Dật đáng quý biết bao!

THÔI KHU GIÚP NGƯỜI KHÔNG CẦN BÁO ĐÁP

Khi Thôi Khu đi thi tiến sĩ, trọ ở Biện Châu hơn nửa năm, ở cùng một thương nhân chuyên vượt biển đi buôn. Người lái buôn đó bị ốm, khi bệnh đã quá nặng, ông ta nói với Thôi Khu rằng: "Ông ngài đã chăm sóc tôi, không vì tôi là người ngoại tộc mà coi thường. Nay bệnh tình của tôi khó qua khỏi, dân tộc tôi coi trọng việc thổ táng, nếu như tôi chết, ngài có thể đối xử với tôi trước sau như một được không?" Thôi Khu nhận lời. Người lái buôn đó bảo: "Tôi có một viên ngọc, giá đáng vạn quan tiền, cứ nó thì có thể vào nơi nước sôi lửa bỏng, thực sự là một bảo vật hết sức quý hiếm. Xin ngài hãy cho phép tôi được tặng nó cho ngài". Thôi Khu nhận lấy rồi nói: "Tôi là một tiến sĩ⁽¹⁾, bốn ba các châu huyện để sinh sống, làm sao có thể bỗng dưng giữ lấy báu vật kỳ lạ này?" Thế rồi nhân lúc không ai để ý, ông bỏ viên ngọc vào quan tài người lái buôn, chôn cùng người lái buôn ở ngoài đồng. Một năm sau, Thôi Khu đến Bạc Châu khát thực, nghe nói có người đàn bà ngoại tộc từ phương Nam đến tìm người chồng đã quá cố và điều tra xem viên ngọc ở đâu, bà ta đã báo quan

1. Thời Đường, Tống, những cử nhân đến bộ Lễ dự thi đều được gọi là tiến sĩ.

và còn khẳng định chỉ có tú tài Thôi mới là người giữ viên ngọc đó. Quan phủ liền sai người đến Bạc Châu truy bắt Thôi Khu. Thôi Khu nói: "Nếu như ngôi mộ đó không bị trộm đào, thì viên ngọc nhất định không ở đâu khác". Quả nhiên người ta cho khai quật ngôi mộ và tìm thấy viên ngọc ở đó.

Chủ tướng Biện Châu tên là Vương Ngạn Mô thấy Thôi Khu là người tiết tháo hơn người, muốn bổ nhiệm ông làm Mộ liêu, nhưng ông từ chối. Năm sau, ông thi đỗ, cuối cùng làm đến chức Bí thư giám, chương quản văn quyền, nổi tiếng là quan thanh liêm.

(Vương Đãng: *Đường ngũ lâm - Đức hạnh*)

LỜI BÌNH

Vui lòng giúp đỡ người mà không ham cầu được báo đáp, đó là câu chuyện cảm động về Thôi Khu. Thấy người khác hoạn nạn, không nhân lúc người ta nguy cấp để cầu cái lợi cho mình, mà hăng hái giúp đỡ bằng tấm lòng chân thành không tính toán, đó quả là phẩm chất đáng trân trọng. Việc người được giúp đỡ xuất phát từ ý nghĩ trả ơn mà báo đáp thì đó cũng là lẽ thường tình và có thể lý giải được. Như người ta thường nói: "Cái ơn chỉ bằng giọt nước, cũng nên lấy dòng suối mà báo đáp". Thế nhưng, bằng hành động cao thượng hơn, Thôi Khu đã phá vỡ cái lẽ thường ơn đến oán trả ấy. Ông chỉ nghĩ rằng cứu giúp người trong cơn hoạn nạn là việc mình nên làm, chứ không hề mong cầu được báo đáp. Vì thế, khi người chịu ơn ông đem cả vật báu trị giá vạn quan tiền để trả ơn, ông cũng dửng dưng như không. Hơn thế, để vui lòng người sắp chết, ông vờ nhận lấy, nhưng rồi lại ngấm trả lại bằng cách cho vào quan tài chôn cùng người chết. Đây đúng là một phẩm chất cao quý đến tột

bạc! Càng đáng khâm phục hơn khi bản thân ông vốn chẳng giàu có gì, phải bôn ba khắp các châu quận để sinh sống, thậm chí còn phải đi ăn xin. Ở vào hoàn cảnh túng quẫn như vậy, nếu không có sự tu dưỡng đạo đức cao độ, một quan niệm đạo đức vững chắc, thì tuyệt đối không thể làm được điều đó. Quan niệm tư tưởng chi phối hành động của con người, chỉ khi có ý thức tư tưởng cao thượng mới có việc làm cao thượng. Từ đó để thấy sự tu dưỡng đạo đức quan trọng đến mức nào.

THOÁT THOÁT TRẢ ĐÀO

Khi Thái sư Mã Trát Nhĩ (bậc đại thần nhà Nguyên) đang làm chức quan nhỏ, từng ở tại một ngôi nhà thuê. Lúc đó trước sân nhà có một cây đào chưa ra quả. Đến khi cây đào ra hoa kết quả rồi chín, Thoát Thoát (con trai Mã Trát Nhĩ) vẫn còn là một đứa trẻ. Một hôm, Thoát Thoát ở nhà hái hết đào chín xuống, cất vào trong một cái hòm nhỏ. Mã Trát Nhĩ về đến nhà, thấy trên cây không còn đào nữa, rất lấy làm lạ, bèn hỏi con: "Quả đào trên cây đâu hết rồi?" Thoát Thoát từ tốn trả lời: "Lúc nhà ta mới thuê ngôi nhà này, không hề nói rằng đào ra quả thì quả cũng thuộc về nhà ta, cho nên theo lý thì nhà ta nên đem đào trả lại cho chủ nhà". Thái sư Mã Trát Nhĩ nghe vậy rất vui mừng vì có đứa con nhỏ tuổi mà đã thấu tình đạt lý đến như vậy. Về sau lớn lên, Thoát Thoát trở thành một con người tài đức vẹn toàn, làm quan tới chức Trung thư Hữu thừa tướng, và được gia hàm Thái sư của triều Nguyên.

(Khổng Tế: *Chí Chính trực ký*,
quyển 1)

LỜI BÌNH

Câu chuyện kể về một đứa trẻ khôn ngoan, hiểu biết, coi trọng đạo đức. Thường thì những đứa trẻ khi nhìn thấy quả chín

trên cây, chúng chỉ biết với tay hái ăn, chứ không cần biết quả đó là của ai. Thế mà cậu bé trong câu chuyện này lại không hành động như một đứa trẻ. Những gì cậu ta nghĩ không phải là vị ngon của quả đào, mà là quả đào đó thuộc về ai, mình có nên hưởng nó không. Điều đó một mặt chứng tỏ sự thông minh hơn người, sự kín kẽ của cậu bé, mặt khác chứng tỏ cậu bé đã nhận được một sự giáo dục tốt đẹp trong gia đình, nếu không được giáo dục chu đáo thì cũng khó có được nhận thức như vậy, vì dù sao lúc đó cậu ta vẫn chỉ là một đứa trẻ. Điều đó nói lên sự quan trọng của giáo dục gia đình. Cũng chính nhờ phẩm chất cao thượng được hun đúc từ tấm bé, mà sau này lớn lên Thoát Thoát mới trở thành một nhân vật tài năng, thành đạt. Trong thời gian làm Thừa tướng, ông đã làm được nhiều việc có ích, có công lao to lớn với nước, với dân, được nhân dân coi là bậc hiền tướng. Tuy nhiên, là một đại thần người dân tộc thiểu số, lại ở thời phong kiến, nên ông cũng có mặt tiêu cực, đó là việc ông từng đích thân cầm quân trấn áp cuộc khởi nghĩa nông dân. Song, đó chẳng qua là do lập trường giai cấp, địa vị cá nhân và hoàn cảnh thời đại ông sống quyết định mà thôi.

DIỆP LÝ KHÔNG THAM CỦA ĐƯỢC BAN

Diệp Lý tên tự là Thái Bạch, còn có tên là Thuần Ngọc, người Hàng Châu... Những của cải quý giá mà ông được bề trên ban thưởng nhiều vô kể, nhưng bản thân ông vẫn sống một cuộc sống tiết kiệm, giản dị. Ông từng dạy con cái rằng: "Gia đình ta đời đời là nhà Nho, quen sống thanh bần, giản dị, chỉ lấy trung nghĩa để báo đền ân tri ngộ của nhà vua. Các con sau này cũng vậy, nhất định phải lấy tinh thần thanh liêm cẩn thận mà tự đốc thúc, quản lý mình, chớ có bôi gio trát trấu lên mặt cha, làm mất mặt cha". Ông chỉ lên những đồ vật quý mà nhà vua ban thưởng rồi nói: "Những thứ này phải trả lại Hoàng thượng, không được giữ lại làm của riêng cho mình". Sau khi ông qua đời, người nhà ông đem kê khai những thứ đó trả lại cho triều đình, không để lại một thứ gì.

(Tổng Liêm: *Nguyên Sĩ - Diệp Lý truyện*)

LỜI BÌNH

Đoạn sử này ghi lại điển hình về đức thanh liêm giản dị, trọng nghĩa khinh tài của một đại thần thời Nguyên tên là Diệp Lý. Thời xưa, nhiều người quan niệm học hành là để làm quan, làm

quan là để phát tài, bởi vậy có câu ngạn ngữ rằng: "Một năm làm tri phủ thanh liêm, cũng kiếm được mười vạn bạc tuyết hoa". Quan niệm làm quan để phát tài là lẽ đương nhiên. Còn như những đồ vật quý giá được bề trên ban thưởng thì càng được coi là có được một cách trong sạch và vinh dự, nhận nó mà không hề phải hổ thẹn. Thế nhưng Diệp Lý lại không quan niệm như vậy, ông không những suốt đời sống thanh bạch tiết kiệm, mà còn dạy con cháu phải noi gương ông. Những đồ vật quý giá mà Hoàng đế ban thưởng, đương nhiên không thể không nhận, nhưng ông nghĩ cuối cùng vẫn nên trả lại cho triều đình, không giữ làm của riêng mình. Cần phải khẳng định rằng, mức độ tư tưởng và phẩm chất này của Diệp Lý là hết sức cao thượng, và cũng rất điển hình, nó có ý nghĩa giáo dục to lớn.

VƯƠNG PHÁC THÀ CHẾT KHÔNG KHUẤT PHỤC

Vương Phác người Đồng Châu (nay thuộc huyện Đại Lễ tỉnh Thiểm Tây), thi đỗ tiến sĩ năm Hồng Vũ thứ 18 đời Tống Thái Tổ. Ông vốn tên là Vương Quyền, về sau được Tống Thái Tổ đổi tên cho thành Vương Phác. Ông được bổ nhiệm làm quan Lại khoa cấp sự trung. Sau đó, vì ông dám thẳng thắn can gián, mạo phạm ý chỉ của vua, nên bị bãi quan. Một thời gian sau lại được khởi dụng làm Ngự sử, ông từng dâng thư dài hơn một ngàn chữ lên triều đình điều trần chính sự. Tính ông cương trực, thẳng thắn, không a dua, nịnh bợ, ông nhiều lần tranh luận phải trái với vua, không chịu nhân nhượng bao giờ. Một hôm, ông và vua tranh luận rất gay gắt về một vấn đề. Nhà vua nổi giận, hạ lệnh chém đầu ông. Khi giải ông tới pháp trường, vua lại triệu ông về, khuyên cáo rằng: "Người có thể thay đổi thái độ không?" Vương Phác trả lời: "Bệ hạ không cho thần là kẻ bất tài, nên đã cho thần làm chức Ngự sử, vì sao bệ hạ lại huỷ hoại, làm nhục thần đến mức này? Giả sử thần không có tội, thì sao có thể giết thần được? Còn nếu như thần có tội, thì cũng không thể nào lại tha cho thần được. Thần bây giờ chỉ muốn mau được chết đi thôi". Nhà vua nghe xong nổi trận lôi đình, lập tức hạ lệnh

giết Vương Phác. Trên đường áp giải, khi qua cửa Sử quán⁽¹⁾, ông gào to: "Học sĩ Lưu Tam Ngô, xin ông hãy ghi lại: ngày này tháng này năm này, Hoàng đế đã giết chết Ngự sử Vương Phác vô tội!" Cuối cùng Vương Phác vẫn bị giết.

(Minh sử - Vương Phác truyện)

LỜI BÌNH

Trong thời phong kiến, một lời vua thốt ra là lời vàng lời ngọc, vua có quyền lực tối cao, thực hiện chủ nghĩa phong kiến chuyên chế cao độ, không hề có dân chủ. Vào thời đó, nếu ai to gan mạo phạm Hoàng đế, thì chính là đã mạo phạm đến giới luật của trời, là tội đáng muôn chết. Nói chung, các vị đại thần nếu không có một tinh thần dũng cảm, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng, không có tình cảm cao thượng vì dân vì nước, muôn chết không từ, thì không ai dám đưa ra những ý kiến bất đồng với nhà vua, càng không dám trực tiếp mạo phạm nhà vua. Thế mà Vương Phác lại là người trung trinh bất khuất, coi thường cái chết. Lần đầu tiên, vì thẳng thắn can gián mà ông mạo phạm nhà vua, bị mất cả chức quan. Lần này ông lại mạo phạm long uy của Hoàng đế, dám tranh luận với Hoàng đế, cuối cùng mang lấy họa thiệt thân. Từ đó có thể thấy Vương Phác đích thực là một đấng quân tử đường hoàng, một vị anh hùng sống vì chân lý, thà chết không chịu khuất phục. Người không sợ chết, sao lại lấy cái chết mà dọa họ? Ở thời đại phong kiến mà có được tinh thần như Vương Phác thì quả là đáng quý biết bao! Những nhân tài như thế là rường cột của một đất nước vậy.

1. Sử quán: Nơi phụ trách việc viết lịch sử của quan lại thời xưa.

SOI GƯƠNG RÕ MÌNH

Trong ngũ quan của con người thì mắt là tinh tường nhất. Thế nhưng trên mặt có vết chàm, mắt cũng chẳng nhìn thấy, thử hỏi nó tinh tường ở đâu? Mắt có thể nhìn thấy mọi vật, nhưng lại không thấy được mặt mình, mà phải nhờ gương mới thấy được. Gương không quý bằng đôi mắt, nhưng gương chẳng phải nhờ mắt mà mắt lại phải nhờ gương. Có điều, người đời lại chưa từng vì gương giúp đỡ mắt mà trách mắt không tinh tường, thử hỏi gương có lỗi gì với mắt cơ chứ?

Có người tin tưởng vào đôi mắt mà ghét bỏ gương, anh ta nói rằng: "Cái gương này làm khổ tôi quá! Tự tôi có mắt, hà tất phải dùng đến gương?" Về sau, người đó nhìn thấy người mà ai cũng khen là đẹp, anh ta cũng chẳng lấy làm hài lòng. Ngược lại, anh ta không biết trên mặt mình có vết chàm, vẫn yên tâm cho rằng chẳng ai đẹp bằng mình. Mọi người chê cười anh ta, anh ta cũng không tỉnh ngộ. Thật đáng buồn biết bao!

(Tiền Đại Hân: *Tiềm Nghiên Đường*
văn tập)

LỜI BÌNH

Trong cuộc sống thường nhật, ai cũng cần đến chiếc gương, vì nó có thể giúp chúng ta kiểm tra dung nhan, quần áo mình,

xem có bị dây bẩn, có khiếm khuyết gì không, có phù hợp với chuẩn mực và yêu cầu của cái đẹp không. Điều này xuất phát từ quan niệm và yêu cầu thẩm mỹ của con người. Con người coi trọng cái đẹp dung mạo, hình thức và trang phục, đó là điều không phải bàn cãi. Nhưng có người lại coi nhẹ cái xấu cái đẹp trong tâm hồn mình. Cái đẹp về dung mạo, hình thức, trang phục của một người chỉ là cái đẹp bên ngoài; còn cái đẹp nội tâm, cái đẹp của phẩm đức là cái đẹp bên trong, cái đẹp bản chất. Nói một cách tương đối, cái đẹp bên trong, bản chất này quan trọng hơn nhiều so với cái đẹp bên ngoài. Muốn kiểm tra cái đẹp bên ngoài thì có thể dùng gương, còn muốn kiểm tra vẻ đẹp bên trong thì phải dựa vào cái gì? Đó là dựa vào chuẩn mực hành vi, đạo đức được hình thành trong xã hội, vào quan niệm thẩm mỹ được tiền nhân tích lũy, dựa vào sự phê bình và giúp đỡ lẫn nhau giữa mọi người, và sự xem xét mình. Những điều đó là tấm gương vô hình để soi tâm hồn, đạo đức của mình, là điều không thể thiếu được. Câu chuyện ngụ ngôn này, tác giả lấy tấm gương làm răn dụ, nói rằng con người không nên quá tự tin một cách mù quáng, chỉ có dưới sự giúp đỡ của người khác, ở đây là chiếc gương, mới có thể phát hiện ra khuyết điểm và thiếu sót của mình. Câu chuyện cũng đã châm biếm những kẻ không nhìn thấy khuyết điểm của mình mà huyênh hoang tự đắc, say sưa mẩn nguyen với mình.

THIÊN LỄ NGHI

... Một người có kiến thức uyên bác, lại nương theo lễ mà kiềm chế mình, thì có thể trở thành bậc sĩ có đạo đức, thành nhân tài trị quốc. Người cầm quyền trị nước, nếu chỉ dùng pháp chế, hình phạt thì chỉ có thể có thành công nhỏ, nếu dùng đức trị, lễ trị, thì có thể đạt thành quả tối cao...

KHỔNG TỬ BÀN VỀ LỄ

Khổng Tử nói rằng: "Một người nếu không học Lễ thì không thể lập thân, xử thế làm người trong xã hội".

(Luận ngữ - Quý thệ)

Khổng Tử nói rằng: "Kính thì làm cho ta được chấn hưng, Kinh lễ khiến ta có thể đứng vững trong xã hội, âm nhạc giúp cho nghiệp học của ta được hoàn thành".

(Luận ngữ - Thái Bá)

Lâm Phóng (học trò Khổng Tử, người nước Lô) hỏi Khổng Tử rằng lễ thực chất là cái gì? Khổng Tử nói rằng: "Người quả đã hỏi một vấn đề to tát đấy! Nói về lễ bình thường, nếu phô trương lãng phí thì giản dị, tiết kiệm còn hơn; còn nói về lễ trong việc tang khó, nếu cầu kỳ thái quá thì lòng đau xót còn hơn".

(Luận ngữ - Bất dật)

Khổng Tử nói rằng: "Người quân tử học văn để mở rộng kiến thức cho mình, rồi dùng lễ để kìm giữ lấy mình, như vậy thì sẽ không làm trái đạo lý".

(Luận ngữ - Ung dã)

Khổng Tử nói rằng: "Về biện pháp cai trị đất nước và muôn dân, nếu dùng pháp chế mà dẫn dắt dân, rồi lại dùng hình phạt để chỉnh đốn họ, thì dân có thể tạm thời không phạm pháp thôi; nếu dùng đức để dẫn dắt dân chúng, rồi dùng lễ để giáo dục họ, thì dân không những có lòng hổ thẹn, mà còn thực sự khâm phục, cảm hóa mà trở nên tốt lành".

(Luận ngữ - Vi chính)

LỜI BÌNH

Khổng Tử thường ca tụng "thời thịnh trị" của những năm đầu Tây Chu, lấy việc khôi phục Lễ nhà Chu làm nhiệm vụ của mình. Ông suốt đời tôn lễ, sùng lễ, những lời nói của ông đã thể hiện thái độ coi trọng lễ của ông. Ông cho rằng: Lễ là gốc của nền chính trị một nước, là quy tắc chuẩn mực cho hành vi của con người, là tiêu chuẩn để lập thân xử thế. Một người có kiến thức uyên bác, lại nương theo lễ mà kiểm chế mình, thì có thể trở thành bậc quân tử đức độ, nhân tài trị quốc. Người cầm quyền trị nước nếu chỉ dùng pháp chế, hình phạt thì chỉ có thể thành công nhỏ; nếu dùng đức trị, lễ trị thì có thể đạt được thành quả tối cao.

Lễ mà Khổng Tử đề cập, trên một ý nghĩa nào đó, chính là những quy định gồm pháp quy, chế độ, chính sách. Dùng những quy định này để trị nước thực sự đã đạt hiệu quả cao. Vứt bỏ đi những gì thuộc về ý nghĩa đặc thù trong việc bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị phong kiến, chúng ta cũng có thể tìm thấy ý nghĩa tích cực của nó.

KHỔNG TỬ ĐỐI ĐÃI NGƯỜI BẰNG LỄ

Mỗi khi nhận được lệnh vua vời vào triều, Khổng Tử thường không đợi chuẩn bị xe tốt, ngựa tốt, mà lập tức đi bộ vào.

(Luận ngữ - Hương đảng)

Khi vào triều, lúc vua chưa đến, ngài nói chuyện với quan đại phu bậc dưới thì lộ vẻ ôn hòa vui vẻ, nói chuyện với quan đại phu bậc trên thì giữ nét từ tốn mà cung kính. Khi vua đến rồi thì ngài tỏ vẻ cung kính mà lo lắng, cử chỉ khoan thai.

(Luận ngữ - Hương đảng)

Khi vua nước Lỗ vời Khổng Tử đi tiếp khách nước ngoài, sắc mặt của ngài giữ vẻ trang trọng, chân bước run run. Ngài chấp tay sang phải rồi chấp tay sang trái vái chào khách theo đúng lễ. Còn quần áo ngài thì trước sau đều gọn gàng tề chỉnh. Khi ngài bước nhanh lên trước, tựa hồ như chim sẻ cánh bay. Sau khi khách về rồi, ngài trở vào tâu với vua rằng: "Khách đã về rồi, không còn quay lại nữa".

(Luận ngữ - Hương đảng)

Khi dự tiệc rượu với người làng xong, Khổng Tử chủ trương nhường những người già cả ra trước, lớp con cháu ra sau.

(Luận ngữ - Hương đảng)

Khi thấy người mặc đồ tang lễ, dấu rất quen biết, ngài cũng thay đổi thái độ, tỏ ra trịnh trọng với họ. Gặp người đội mũ nhà quan hoặc người mù, dấu thường xuyên gặp họ, mỗi lần gặp ngài đều rất lễ phép.

Ngồi trên xe, thấy người mặc đồ tang, ngài liền nắm lấy cái đòn vịn tay và cúi đầu chào, tỏ vẻ thông cảm. Gặp người công chức mang sổ hộ tịch, ngài cũng vịn lấy tay xe và cúi đầu chào, tỏ vẻ tôn kính.

(Luận ngữ - Hương đảng)

Khổng Tử khi có sai ai đến nước khác hỏi thăm bằng hữu của ngài, thì ngài thường cung kính lễ người đó hai lạy rồi tiễn đi.

(Luận ngữ - Hương đảng)

Khổng Tử nếu ngày nào đi điệu khúc, thì hôm ấy ngài chẳng đàn ca.

(Luận ngữ - Thuật nhi)

Khổng Tử là người có vẻ ôn hòa mà nghiêm trang, uy phong mà không bạo tợn, cung kính mà lại khoan thai.

(Luận ngữ - Thuật nhi)

LỜI BÌNH

Khổng Tử trước sau chủ trương nhìn, nghe, nói, làm đều phải tuân theo lễ. Khi đối đãi quốc vương, triều thần, khách khứa, người làng, bạn bè và đủ các loại người, ông đều theo đúng mực thước, giữ đúng chức phận, thể hiện tố chất văn hóa và sự tu dưỡng đạo đức cao độ. Những điều này được miêu tả rõ nét trong chương *Hương đảng* sách *Luận ngữ*, giúp chúng ta thể nghiệm một cách cụ thể, cận kề thái độ của Khổng Tử đối với một số lớp người trong xã hội. Ông cung kính với bề trên, hữu hảo với bạn bè, tôn trọng người khác, với người gặp nạn thì bày tỏ thông cảm, trong trường hợp ngoại giao thì có lễ có tiết... Đó là tấm gương sáng cho người đương thời và cũng có giá trị tham khảo đối với chúng ta ngày nay.

NẾP SINH HOẠT THƯỜNG NGÀY VÀ TRANG PHỤC CỦA KHỔNG TỬ

Khổng Tử lúc nhân cư ở nhà thì phong cách của ngài vẫn đĩnh đạc, đáng vẻ thư thái, hòa thuận vui vẻ.

(Luận ngữ - Thuật nhi)

Mỗi khi lên xe, Khổng Tử luôn đứng thẳng, tay nắm sợi dây vịn mà bước lên. Ngồi trong xe, ngài chẳng ngoái đầu lại phía sau, chẳng nói liến thoắng và cũng chẳng đưa tay ra chỉ trỏ.

(Luận ngữ - Hương đảng)

Khổng Tử cho rằng: Một bậc quân tử đức độ, ăn mặc phải hợp với lễ chế: Không dùng quần áo màu xanh da trời gần với màu đen và màu tro. Còn những màu cao quý như màu đỏ, màu tím thì không thể làm đồ mặc thường ngày ở nhà.

Đến mùa hè, phải mặc áo đơn làm bằng sợi gai thô hoặc mịn. Nhưng nhất định phải mặc áo sơ mi mỏng ở ngoài, để nó lộ ra bên ngoài.

Y phục màu đen thì phải phối với màu tím thâm, y phục màu trắng phải phối với màu vàng nhạt, y phục màu vàng phải phối với màu xám nhạt.

Áo da mặc ở nhà thì phải dài, nhưng tay áo bên phải thì ngắn hơn tay áo bên trái một chút, để tránh bất tiện khi làm việc.

Khi ngủ nhất định phải có chân đắp người, độ dài khoảng gấp rưỡi người mình.

Bình thường thì đeo, mặc thứ gì cũng được, nhưng khi có tang thì có một số điều cấm kỵ.

Y phục màu tím thâm, mũ lễ màu đen đều là lễ phục, không được mặc trong đám tang.

Mông một tết hàng năm, nhất định phải mặc lễ phục đi châu vua.

(Luận ngữ - Hương đảng)

Khổng Tử khi nằm ngủ, chẳng bao giờ duỗi tay chân ra như người chết. Lúc ngồi ở nhà, ngài cũng chẳng quỳ hai đầu gối lên chiếu như khi tiếp khách hoặc khi mình làm khách.

(Luận ngữ - Hương đảng)

LỜI BÌNH

Khổng Tử coi trọng lễ nghi, không chỉ thể hiện trong những việc đại sự như trị quốc, thiết triều, đối ngoại, mà còn thể hiện trong cuộc sống thường nhật, trong mỗi hành động của ông. Theo lễ đời Chu quy định, việc ăn, mặc, đi ở của mỗi cá nhân đều có tiêu chuẩn lễ chế và sự phân biệt đẳng cấp nhất định.

Những quy định này rất nghiêm khắc và cụ thể, bất kỳ ai cũng phải tuân thủ, chấp hành, không được vượt quá, cũng không được lơi là. Trên thực tế là dùng quy định về chế độ, danh phận nhất định để giữ gìn quyền thống trị của kẻ cầm quyền, giữ sự ổn định xã hội, để thống trị lâu dài. Những biểu hiện của Khổng Tử cho thấy, ở mọi nơi mọi lúc ông đều giữ lễ. Ông hành lễ một cách tự giác, ông lấy lễ để nghiêm khắc với mình, dùng lễ để tôn kính người khác, mục đích đương nhiên cũng là để giữ gìn đại cục, song ta có thể thấy được phẩm chất cao quý, tác phong lời nói đi đôi với việc làm của ông.

KHỔNG TỬ NÓI VỀ LỄ ẨM THỰC

Ăn cơm không chẻ gạo giã trắng tinh, thịt cá không chẻ thái nhỏ.

Cơm hẩm, cơm thiêu, cá ươn, thịt ôi đều không ăn. Món ăn có màu xấu, mùi hôi, không ăn. Chưa đến lúc ăn thì không ăn. Thịt cắt không đúng kiểu, không ăn. Không có đồ chấm, không ăn.

Dầu mỡ cơm có nhiều thịt, cũng không nên ăn thịt nhiều hơn cơm.

Duy có rượu là không hạn lượng, nhưng không được uống say.

Rượu bán ngoài hàng, thịt mua trong chợ thì không ăn.

Sau khi ăn xong, không quên ăn gừng, nhưng ăn không nhiều.

(Luận ngữ - Hương đảng)

Khi làm lễ tế tự ở công miếu, không để thịt cách đêm. Thịt cúng tế tổ tiên, chẳng để quá ba hôm. Nếu để quá ba hôm thì không ăn nữa.

(Luận ngữ - Hương đảng)

Khi ngồi ăn, không đàm luận; khi đi ngủ, không nói chuyện.

(Luận ngữ - Hương đẳng)

Chiều ngồi trái không hợp lễ thì không ngồi.

(Luận ngữ - Hương đẳng)

Khi thấy chủ nhân dọn mâm cao cỗ đầy thiết đãi mình thì ngài đổi sắc diện, đứng dậy cảm tạ.

(Luận ngữ - Hương đẳng)

LỜI BÌNH

Khổng Tử coi trọng lễ nghi, thể hiện trên mọi phương diện. Lễ ẩm thực là một mặt trong đó. Nói chung lễ của Khổng Tử trên phương diện này gồm 4 nội dung: Một là ăn uống phải vệ sinh. Những đồ ăn ôi thiu không có lợi cho sức khỏe, thì tuyệt đối không ăn. Điều này rất đúng khoa học. Hai là chế biến món ăn phải tỉ mỉ, kỹ càng, như phải cắt thái cẩn thận, phải nêm đủ gia vị. Ba là coi trọng lượng và độ khi ăn uống, nhất là không được uống say. Bốn là coi trọng lễ tiết khi ăn. Những điều đó không những chứng tỏ Khổng Tử luôn luôn coi trọng lễ, tất cả đều quy vào lễ, mà còn chứng tỏ lễ tồn tại bất kỳ lúc nào, bất kỳ ở đâu.

Ở HỘI THỀ CÁP CỐC, THEO LỄ TRÁCH MẮNG TÈ HẦU

Mùa hạ năm Lỗ Định công thứ 10 (năm 500 TCN), vua Lỗ Định công và Tề Cảnh công hội thề ở Cáp Cốc. Khổng Tử được bổ nhiệm làm tư nghị (người điều khiển) của buổi hội thề. Khi vua hai nước bước lên bục dài đắp bằng đất dùng cho buổi hội thề, hai bên hành lễ xong, thì có một bọn nô lệ của dân tộc Di, Địch nước Tề, bận y phục kỳ dị, tay cầm những nhạc khí lạ, hò hét bước lên, định thừa lúc nhảy múa để bắt Lỗ Định công. Khổng Tử thấy tình thế bất lợi, quên cả tuân thủ lễ pháp của cổ nhân khi hội thề, bước vội lên bục. Ngài bước một lúc hai ba bậc, đi đến bên Tề Cảnh công, theo lễ nghiêm nghị nói với Cảnh công: "Quốc quân hai nước đang hội thề hữu nghị ở đây, sao ngài lại lệnh cho bọn nô lệ hạ đẳng dân tộc Địch, Di đến đây quấy rối, làm trái lễ như vậy? Xin ngài lập tức ra lệnh cho quan quân ngăn chặn chúng!" Tề Cảnh công đuối lý, một mặt khoát tay bảo chúng lui, một mặt nhận lỗi rằng: "Đây là sai lầm của quá nhân". Rồi quay đầu nói với bề tôi đứng cạnh ông ta: "Người ta phò tá quân chủ, theo lễ chế của người xưa mà dự hội thề; còn các người lại xui ta dùng cái kế thô tục Địch, Di, thế là thế nào?" Khi lễ ăn thề kết thúc, người Tề lại sai một đám con gái diêm dúa, lẳng lơ bước ra, nhảy múa một cách lộ bịch trước mặt Lỗ

Định công. Khổng Tử thấy thế không thể nín nhịn được, bất bình nói với Tề Cảnh công: "Những kẻ đối xử với vua nước khác bằng thái độ khinh mạn thế này, theo Chu lễ thì đáng tội chết!" Thế là vua nước Tề đành phải sai quan quân đem giết đám con gái đó, rồi còn theo lễ chế ném đầu và mình của họ ra các cửa khác nhau.

Về sau, nước Tề đem 3 vùng đất là đất Vận, đất Hoan và Khâu Âm mà trước đây họ xâm chiếm của nước Lỗ trả lại cho nước Lỗ, chính là hành động tạ tội của Tề Cảnh công với nước Lỗ. Mọi người đối với sự việc, mà cần coi trọng lễ chế, vừa phải có sức mạnh làm hậu thuẫn. Trong hội thề ở Cáp Cốc, Khổng Tử đã biểu hiện điểm này.

(Cốc Lương truyện - Định Công thập niên)

LỜI BÌNH

Lễ là một loại quy định, một chế độ, và cũng là những tiêu chuẩn để đòi hỏi con người, chế ước con người. Khổng Tử tuân theo lễ, tôn sùng lễ, theo lễ xử thế. Biểu dương, tôn kính những người giữ lễ; phản đối, trách mắng những kẻ bất lễ. Câu chuyện Tề - Lỗ hội thề ở Cáp Cốc là một thí dụ điển hình. Nhằm thu phục nước Lỗ, Tề Cảnh công đã dùng những thủ đoạn bất lễ trong hội thề ở Cáp Cốc, vốn định lợi dụng hoạt động ngoại giao để đạt được mục đích chính trị nhất định, nhưng Khổng Tử đã dùng lễ để biện luận với ông ta. Tề Cảnh công vì tính đến sự được mất trên chính trường của mình, giữ uy tín của mình trước các nước, mà buộc phải từ bỏ mộng xưng bá, phục tùng lễ pháp. Những gì diễn ra ở cuộc hội thề đó đã thể hiện tài năng của Khổng Tử, nâng cao uy vọng của Khổng Tử, chứng tỏ lễ cũng là vũ khí để tiến hành hoạt động chính trị và hoạt động ngoại giao. Khổng Tử đã sớm đưa ra một tấm gương trong phương diện này.

MAI TÁNG UÔNG Ỡ THEO LỄ NGƯỜI THÀNH NIÊN

Năm Lỗ Ai công thứ 11 (năm 484 TCN), nước Tề ở phía bắc đánh vào nước Lỗ. Nước Lỗ huy động nhân dân cả nước tham gia chiến đấu bảo vệ xã tắc. Lỗ Ai công lệnh cho Uông Ỡ lúc đó đang ở tuổi vị thành niên cuối chiến xa ra sa trường chiến đấu. Uông Ỡ cùng nhiều người đã anh dũng hy sinh. Người ta để quan tài của họ ở đó. Vì Uông Ỡ tuổi còn nhỏ, nên người ta chỉ định chôn cất qua loa theo lễ đơn giản dành cho người vị thành niên. Nhưng Khổng Tử nói: "Lúc xã tắc lâm nguy, Uông Ỡ đã có thể cầm vũ khí bảo vệ giang sơn xã tắc của mình, làm được những việc của người lớn, vậy thì nên dùng lễ cho người lớn mà mai táng anh ta".

(Tả truyện - Ai công nhất niên)

LỜI BÌNH

Lễ mà Khổng Tử nhấn mạnh là chỉ chế độ pháp quy, nhưng những chế độ, pháp quy này khi thực hiện lại phải xuất phát từ tình hình thực tế. Theo lý mà nói, lại theo lễ mà hành sự Ông hết sức yêu quý Tổ quốc mình, tích cực cống hiến sức mình cho giang sơn xã tắc. Ông luôn luôn tôn trọng, ủng hộ những người yêu quê hương đất nước. Trong cuộc chiến Tề - Lỗ, chàng thiếu

niên Ônng Ỗ đã làm được một việc như người lớn, đó là cầm vũ khí bảo vệ Tổ quốc. Khổng Tử cho rằng đó là điều hết sức đáng quý. Một đứa trẻ đã làm được việc của người lớn, thì nên dùng lễ táng của người lớn mà chôn cất. Việc lấy lễ dành cho người lớn để mai táng Ônng Ỗ, cũng chính đã ngầm biểu dương tinh thần yêu nước của anh ta, điều đó thể hiện tư tưởng tiến bộ của Khổng Tử.

KHỔNG TỬ NÓI VỀ QUẢN TRỌNG

Khổng Tử nói rằng: "Quản Trọng⁽¹⁾ bụng dạ nhỏ nhen lắm thay!" Có người hỏi: "Hay là ông ta tiết kiệm?" "Khổng Tử đáp: "Ông ta thu rất những thuế chợ của nhân dân, người dưới tưởng ông ta mỗi người một chút, như thế sao gọi là tiết kiệm được?"

Người đó lại hỏi: "Vậy thì, ông ấy có biết lễ không?" "Khổng Tử đáp rằng: "Vua chư hầu dựng cái tác môn⁽²⁾ thì Quản Trọng cũng dựng một cái tác môn. Khi vua chư hầu bày yến tiệc mời vua nước khác, có dùng giá úp chén, thì họ Quản cũng có cái giá đó. Nếu nói Quản Trọng biết lễ, thì còn ai không biết lễ nữa?"

(Luận ngữ - Bất dật)

Khi có người hỏi về Quản Trọng, Khổng Tử đáp: "Đấy là một nhân tài! Ông ấy đoạt 300 mẫu đất ấp Biền của họ Bá, làm cho họ Bá phải ăn uống đạm bạc, thế mà suốt đời chẳng thốt ra một lời oán trách Quản Trọng".

(Luận ngữ - Hiến vấn)

1. Quản Trọng: Người Dĩnh Thượng nước Tề đầu thời Xuân thu, tên là Di Ngô, tự là Trọng. Ban đầu phò Công tử Cù, về sau làm tướng cho Tề Hoàn công, giúp Tề Hoàn công cai trị Tề, xưng bá thiên hạ.

2. Tác môn: Bình phong chắn trước cổng. Ngày xưa chỉ có vua chư hầu trở lên mới được xây loại cửa này.

Tử Lộ nói rằng: "Tề Hoàn công giết huynh trưởng của mình là công tử Cú⁽¹⁾, một bề tôi và là thầy dạy của công tử Cú là Thiệu Hốt đã tự tử vì chúa. Nhưng một bề tôi và cũng là thầy dạy khác của ông ta là Quản Trọng thì chẳng chết theo". Rồi nói tiếp: "Như vậy, liệu có đáng gọi Quản Trọng là một người nhân đức được chăng?" Khổng Tử đáp rằng: "Vua Tề Hoàn công nhiều lần tập hợp các chư hầu, làm nên nghiệp bá mà không gây chiến tranh. Đó đều là nhờ tài sức của Quản Trọng vậy. Người như Quản Trọng chẳng đáng gọi là nhân sao? Chẳng đáng gọi là nhân sao?"

(Luận ngữ - Hiến vấn)

Tử Cống nói rằng: "Quản Trọng có lẽ chẳng phải là người nhân đức đâu! Tề Hoàn công giết chết Công tử Cú, ông ta chẳng những không dám chết theo chúa, mà còn phò tá Hoàn công". Khổng Tử đáp rằng: "Quản Trọng phò tá Hoàn công, giúp Hoàn công làm bá chủ các nước chư hầu, khiến cho thiên hạ được thái bình, cho đến nay dân chúng còn được hưởng ân đức của người. Nếu chẳng có Quản Trọng, thì những người như chúng ta còn xõa tóc, xé vạt áo bên tả như người man di. Ông ấy lẽ nào lại phải như kẻ nam nữ thường tình vì tấm lòng trung nhỏ hẹp mà tự sát nơi bờ khe con suối, chết rồi chẳng ai biết đến mình nữa sao?"

(Luận ngữ - Hiến vấn)

1. Tề Hoàn công: Tức vua Hoàn công nước Tề, tên là Tiểu Bạch. Công tử Cú là anh của Tiểu Bạch. Hai anh em tranh giành vương vị, từng giao chiến với nhau. Công tử Cú bị Hoàn công giết.

LỜI BÌNH

Quản Trọng là nhân vật lỗi lạc sống trước Khổng Tử không lâu. Sau khi người mà ông phò tá là Công tử Củ bị giết, ông lại phò tá Công tử Bạch (Tề Hoàn công) vốn trước đó là kẻ thù, tiến hành cuộc cải cách ở nước Tề, khiến nước Tề giàu mạnh, bá chủ thiên hạ. Khổng Tử vốn là người sống tích cực, bản thân ông "ba tháng không vua thì vẫn cần mẫn như có vậy", ông có công trong việc trị nước, đương nhiên ông hết sức kính trọng người có ích cho nhân dân như Quản Trọng. Những mẫu văn trên đây thể hiện sự đánh giá toàn diện của Khổng Tử đối với Quản Trọng. Một mặt phê bình Quản Trọng không chú ý đến một số việc, có hành vi tiếm lễ vượt vị. Nhưng trên một số vấn đề lớn lại khẳng định và ca ngợi công lao của ông. Đặc biệt trong việc Quản Trọng không chết theo chúa mà lại phò tá người được coi là kẻ thù, Khổng Tử cho rằng, bề ngoài thì tựa như vô tình vô nghĩa, nhưng trên thực tế là nhìn xa trông rộng, là đã làm một việc tốt. Vì phò tá minh chủ thì mới có thể làm nên đại nghiệp, ban ân huệ cho dân. Đó là một việc làm phù hợp với lễ. Qua cách đánh giá về Quản Trọng, chúng ta cũng có thể thấy thái độ coi trọng đại lễ, bỏ qua tiểu tiết, việc nhỏ phục tùng việc lớn, lễ nhỏ phục tùng lễ lớn của Khổng Tử. Biết nhìn xa trông rộng để làm nên sự nghiệp, chính là đã thực sự vận dụng lễ, chấp hành lễ. Luận điểm danh thép đó đã thể hiện tấm lòng bao dung và phong độ một nhà chính trị của Khổng Tử.

KHỔNG TỬ THEO LỄ TÌM NGỰA

Khổng Tử ngồi xe xuất hành, lúc nghỉ lại, ngựa sống mất, rồi ăn hoa màu của người ta, thế là bị một người nông dân bắt mất. Tử Cống - một người giỏi ngoại giao, đối đáp - xin được đi thuyết phục người nông dân đó. Ông ta đã nói hết lời, nhưng người nông dân vẫn không chịu.

Có một người quê khách vừa mới theo hầu Khổng Tử nói rằng: "Để con thử đi khuyên ông ta xem". Thế rồi anh ta liền nói với người nông dân rằng: "Ngài không phải cày cấy bên Đông hải, chúng tôi cũng không phải cày cấy bên Tây hải, đất của chúng ta mảnh này nối liền mảnh khác, ngựa của chúng tôi sao tránh được có lúc lỡ ăn hoa màu của ngài". Người nông dân nghe xong lấy làm vui vẻ, nói với anh ta rằng "Ăn-nói thì phải rõ ràng, rành mạch như vậy, chứ đâu như vị vừa rồi, nói năng gì mà dài dòng vãn tự thế!"

Thế là người nông dân liền cởi dây thừng, trả ngựa cho anh ta.

*(Lã thị Xuân thu - Hiếu hạnh lâm -
Tất dĩ)*

LỜI BÌNH

Giữa con người và con người nên dùng lễ để đối xử với nhau, tôn trọng nhau, thì sự việc mới có thể giải quyết ổn thỏa. Khi giải quyết việc gì cần suy nghĩ đến cách vận dụng cho thích hợp. Ngựa của Khổng Tử ăn hoa màu của người ta, vốn đã là sai, khi bị người ta giữ ngựa lại, cần phải thẳng thắn xin lỗi, thì mới được người ta tha thứ mà trả ngựa cho. Thế nhưng Tử Cống, lại lên giọng quan cách, nói những điều khiến người ta khó chịu. Người nông dân đương nhiên là không chịu phục, không trả ngựa. Trên thực tế làm như Tử Cống là không lịch sự lắm. Còn một người lao động khác thì nói nhanh, nói thẳng, và câu nào cũng có lý. Người ta nghe lọt tai nên đem ngựa trả lại. Câu chuyện nói với chúng ta một điều: Quan hệ với người, làm việc gì trước hết phải đối xử với người ta bằng lễ. Dùng lời lẽ quen thuộc với người ta, xử sự khiêm tốn với người ta, thì người ta mới tiếp thu ý kiến, chấp nhận đề nghị của mình, từ đó mà đạt được mục đích mong muốn.

NHAN HỒI GIỮ LỄ NGHĨA VÀ TIẾT THÁO

Khổng Tử bị vây khốn ở giữa nước Trần và nước Thái, rơi vào tình cảnh khốn cùng. Các học trò cùng theo ông chu du liệt quốc đã 7 ngày không có gì vào bụng. Tử Cống nhân lúc người gác sở hờ, liền trốn ra ngoài, lấy số tiền mang theo, khẩn cầu người nông dân, mua được một ít gạo.

Nhan Hồi và Trọng Do đốt lửa nấu cơm ở trong một căn phòng xây bằng đất. Có một hòn đất nhỏ rơi vào nồi cơm, Nhan Hồi liền lấy chỗ cơm bắn ra ăn. Tử Cống ở ngoài giếng nhìn thấy, cho rằng Nhan Hồi đang ăn vụng, nên rất không hài lòng, bèn đi vào nhà, hỏi Khổng Tử rằng: "Thưa thầy, một người vừa nhân đức vừa trong sạch, trong hoàn cảnh khốn cùng thì có phải cũng cần hành sự theo lễ, có thể vì tư lợi của mình mà thay đổi tiết tháo không? " Khổng Tử đáp rằng: "Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, cũng phải theo lễ mà hành sự, nếu như tùy ý thay đổi tiết tháo, thì không xứng đáng được gọi là bậc quân tử nhân đức nữa". Tử Cống tiếp lời: "Người như Nhan Hồi có lẽ không bao giờ thay đổi tiết tháo đâu thầy nhỉ?" Khổng Tử đáp: "Đúng thế". Tử Cống liền đem chuyện Nhan Hồi đang nấu cơm thì ăn vụng ra kể với Khổng Tử. Khổng Tử nói rằng: "Lâu nay, ta vẫn tin rằng Nhan Hồi

là người trọng nhân đức, trọng lễ nghĩa, cho dù có chuyện như con nói, ta cũng khó vì đó mà nghi ngờ anh ta, chuyện này chắc có duyên cớ gì đây? Con khoan hãy nói gì, để ta hỏi anh ta xem".

Gọi Nhan Hồi lại, Khổng Tử nói rằng: "Mấy hôm trước, ta nằm mơ thấy các bậc tổ tiên đã khuất, có lẽ tổ tiên có điều gì muốn nhắc nhở hay phù hộ ta chăng? Con nấu xong cơm thì bung lên đây, ta muốn dùng làm lễ cúng tổ tiên". Nhan Hồi liền đáp: "Thưa thầy, khi nãy có một cục đất rơi vào nồi cơm, nếu không lấy ra thì e cơm sẽ bẩn mất, con định lấy chỗ cơm bẩn vứt đi, nhưng lại thấy tiếc; thế là con hót chỗ cơm bẩn ở trên ăn mất rồi. Bây giờ cơm không thể dùng để cúng được nữa ạ". Khổng Tử đáp: "Nếu phải ta thì ta cũng ăn chỗ cơm đó rồi".

Sau khi Nhan Hồi lui ra, Khổng Tử nói với học trò rằng: "Không phải hôm nay ta mới tin là Nhan Hồi rất giỏi lễ". Các học trò từ đó càng tin phục Nhan Hồi hơn.

(Khổng Tử gia ngữ - Tại ách)

LỜI BÌNH

Nhan Hồi - vị học trò đặc ý nhất của Khổng Tử - là người luôn tuân theo điều lễ, làm theo điều nhân. Phàm là điều gì không phải lễ thì không nhìn, không phải lễ thì không nghe, không phải lễ thì không nói và không phải lễ thì không làm. Khổng Tử xếp ông đứng đầu trong "Tứ khoa" (cách đánh giá, phân loại nhân vật trong Nho giáo, chỉ đức hạnh, lời nói, chính sự, văn học), đứng đầu về đức hạnh, và gọi ông là người "ba tháng không làm trái điều nhân". Nhan Hồi có uy tín rất lớn trong các học trò Khổng Tử, được mọi người hết sức tôn kính. Khi theo Khổng Tử chu du liệt quốc, bị vây khốn ở nước Trần và

nước Thái, Nhan Hôi vì ăn một chút cơm không may bị bắn, mà bị Tử Cống hiểu nhầm là ăn vụng, rồi kể với Khổng Tử, nghi ngờ ông trong lúc khốn cùng đã đánh mất lễ tiết. Song, Khổng Tử lại hiểu sâu sắc vị học trò cứng của mình, cho rằng đó có thể chỉ là một sự hiểu lầm. Thế là ông đã rất khéo léo kiểm tra Nhan Hôi, Nhan Hôi đã chủ động nói ra câu chuyện đó, hóa ra là có sự hiểu nhầm thật. Câu chuyện vừa thể hiện phẩm chất cao thượng của Nhan Hôi, trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng giữ lễ tiết, đồng thời cũng chứng tỏ sự tin tưởng đúng đắn của Khổng Tử đối với Nhan Hôi. Qua câu chuyện này càng chứng tỏ Nhan Hôi là một tấm gương sáng về giữ gìn lễ nghĩa và tiết tháo.

MẠNH TỬ BỎ VỢ KHÔNG THÀNH

Vợ Mạnh Tử ở trong phòng một mình, bà ngồi xồm lên nền nhà trông rất khó coi. Đúng lúc đó, Mạnh Tử đứng ngoài cửa sổ nhìn thấy. Ông liền nói với mẹ rằng: "Vợ con thật vô lễ, con phải bỏ cô ta thôi". Mẹ ông hỏi: "Sao con biết vợ con ngồi vô lễ?" Mạnh Tử thưa: "Chính con đứng ngoài cửa sổ trông thấy mà". Mạnh mẫu liền nói với ông: "Chính con vô lễ thì có, sao lại bảo là vợ con? Trong Chu lễ chẳng từng nói: Khi bước vào ngõ, thì phải hỏi xem trong nhà có người không. Khi bước vào nhà, thì phải đánh tiếng, để người bên trong biết có người đến. Khi bước vào cửa hay đến bên cửa sổ, phải nhìn xem bên dưới có cái gì, không nên ngẩng đầu nhìn trộm những gì bên trong cửa. Không được nhìn lúc người ta không đề phòng mà nhìn trộm người ta. Hôm nay con đến chỗ vợ con đang yên lành ngồi một mình, mà vào cửa không thềm đánh tiếng, đến nỗi vợ con ngồi thế nào con cũng nhìn thấy. Vậy thì chính con vô lễ chứ đâu phải vợ con. Con chẳng có lý do gì mà bỏ cô ấy cả". Cuối cùng Mạnh Tử biết mình sai, không nói đến chuyện bỏ vợ nữa.

(Hàn thi ngoại truyện)

LỜI BÌNH

Đoạn văn trích trong *Hàn thi ngoại truyện. Mạnh Tử bỏ vợ* là một câu chuyện nhằm ca ngợi Mạnh Mẫu. Mạnh Tử trách nhảm vợ, Mạnh Mẫu dùng lý lẽ giải thích cho ông, Mạnh Tử nghe ra và từ bỏ ý định ban đầu. Câu chuyện cho ta thấy ba vấn đề: Lễ không chỉ biểu hiện trong những việc quốc gia đại sự, mà còn biểu hiện trong từng động tác của con người. Việc lớn mà không hợp với lễ thì không làm, việc bé không hợp lễ cũng không làm. Ngồi xõm là một hành động không được lịch sự nên cần phải nhắc nhở. Hai là lễ biểu hiện ở chỗ tôn trọng người khác, một người trước khi vào ngõ, vào nhà, đều phải bằng mọi cách thông tin cho người ở trong nhà biết, để họ có tư tưởng chuẩn bị, như vậy mới biểu hiện được lễ. Bất ngờ ập vào khi người ta không đề phòng, là bản thân mình bất lễ, chứ không nên trách người khác. Mình không tôn trọng người ta, mà lại bắt người ta giữ lễ, thì không thể được. Ba là, lễ không phải là cái máy, là nhất thành bất biến. Lúc nào cũng hành sự theo lễ là đáng khen, nhưng nhìn thấy vợ ngồi xõm trong phòng, một hành động không hợp "lễ", mà đòi bỏ vợ, thì quả là quá cổ hủ.

TUÂN TỬ BÀN VỀ KHỞI NGUỒN VÀ VAI TRÒ CỦA LỄ

Lễ ra đời và phát triển trong hoàn cảnh nào? Xin thưa rằng: Con người sinh ra là có dục vọng. Dục vọng nếu không đạt tới thì không thể không cầu cho được; sự mưu cầu đó nếu không có chừng mực và giới hạn, thì không thể không giành giết; giành giết thì sẽ nảy sinh hỗn loạn, hỗn loạn thì tất sinh cùng quần. Tiên vương căm ghét sự hỗn loạn này nên mới đặt ra lễ nghi để phân rõ nó, để mà bảo dưỡng dục vọng của dân, tạo cho dân mưu cầu được dục vọng, khiến cho dục vọng của con người không bị vật chất làm cùng quần, khiến cho vật chất không bị dục vọng áp đảo; hai cái đó giằng co nhau cùng tiến, đây chính là nguyên nhân ra đời và phát triển của Lễ.

Bởi vậy, Lễ chính là đạo thuật để bảo dưỡng nhân sinh. Thịt cá, thóc gạo, điều hòa ngũ vị, là để bảo dưỡng cái miệng; cỏ thơm, gỗ thơm tỏa mùi thơm ngát, là để bảo dưỡng cái mũi; chạm trổ, điêu khắc muôn màu muôn vẻ là để bảo dưỡng đôi mắt; chiêng trống, chuông khánh, đàn sáo là để bảo dưỡng đôi tai; phòng sáng, sân sâu, chiếu cối, giường ngủ là để bảo dưỡng thân thể. Vì thế, Lễ chính là đạo thuật để bảo dưỡng nhân sinh.

(*Tuân Tử - Lễ luận*)

LỜI BÌNH

Trong tác phẩm *Lễ luận*, Tuân Tử đã từ các góc độ khác nhau trình bày và phân tích về Lễ. Hai đoạn trên đây nói rõ cách nhìn của ông về khởi nguồn và vai trò của Lễ. Trước hết ông thừa nhận mọi người đều có nhu cầu về vật chất. Để đáp ứng nhu cầu đó, con người phải giành giật nhau. Để tránh được sự giành giật thì phải tìm mọi cách hạn chế dục vọng con người, từ đó nảy sinh ra Lễ. Vì vậy, Lễ là đạo thuật để bảo dưỡng nhân sinh. Những quy định trừu tượng đều nhằm phục vụ cho đời sống vật chất của con người. Cách nhìn đó thể hiện tính tiến bộ trong tư tưởng của Tuân Tử. Tuân Tử coi trọng ở hành động thiết thực, chứ không phải là nghiên cứu. Đã hành động, thì cần căn cứ vào sự phát triển, biến hóa của hiện thực mà phát triển, biến hóa theo. Vì vậy, đây là sự thách thức đối với cổ lễ nhất thành bất biến kia. Chủ trương đặt ra lễ mới, thay đổi lễ cũ chính là một sự cải cách, khiến lễ của Nho gia nâng lên một mức độ mới. Dựa theo hiện thực mà thay đổi, thì có thể phục vụ tốt hơn cho người cầm quyền. Điều đó cũng có sự gợi mở cho người đời nay.

HÁN VĂN ĐẾ DỪNG LỄ THU PHỤC TRIỆU ĐÀ

Nam Việt vương Triệu Đà từng làm quan một quận nhỏ, người Chân Định, Hà Bắc (Trung Quốc)..... Sau khi Tần mất, ông ta thừa cơ tiến đánh và thôn tính Quế Lâm, Quận Tượng, tự lập làm Nam Việt Vũ vương..... Sau khi Hán Cao Tổ lập nên triều Hán, để khôi phục đất nước, ông đã tha thứ cho tội tự lập vương của Triệu Đà..... Đến thời Lã Hậu, Triệu Đà lại tự tôn làm Nam Việt Vũ đế, khi Lã Hậu mất, Triệu Đà nhiều lần dấy binh xâm chiếm vùng biên giới phía nam của nhà Hán, nhiều lần yêu sách, quấy nhiễu các dân tộc thiểu số đang lệ thuộc vào triều Hán ở vùng đông nam như Mân Việt, Tây Âu, Lạc⁽¹⁾... Những vùng bị quân của ông ta gây tai họa có đến ngàn vạn dặm. Ông ta còn dùng nghi trượng của bậc đế vương, dùng văn kiện ban bố của đế vương. Hơn nữa, lại còn dám đặt mình ngang hàng với Hoàng đế triều Hán.

Đến năm Hiên Văn đế thứ nhất, buổi đầu thống trị thiên hạ, vua đã thông báo khắp các nước chư hầu và thủ lĩnh bốn phương rằng ông từ thời Đại vương đến Hán đế đều

1. Tên các dân tộc thiểu số vùng đông nam Trung Quốc thời Tần, Hán.

vì quốc gia xã tắc, quyết tâm lấy đức vỗ về dân, lấy đức đối đãi với các dân tộc xung quanh. Trước việc Triệu Đà dám chống lại vương triều nhà Hán, cũng dùng lễ mà xử. Biết được quê cha đất tổ Triệu Đà ở Chân Định, ở đó có mộ tổ tiên ông ta, Hán Văn đế bèn cử quan đến đó trông coi mộ, hàng năm theo kỳ mà tế lễ. Ngoài ra, ông còn với các anh em đồng tộc của Triệu Đà đến, ban tước, thưởng lộc cho họ. Không lâu sau, lại sai Lục Giả⁽¹⁾, vốn là người có khiếu biện luận làm chức Thái trung đại phu, chuyên sứ của Hoàng đế, đến Nam Việt. Thấy Lục Giả đến Nam Việt, Triệu Đà hết sức lo sợ. Nhưng khi biết Hán Văn đế đã dùng lễ đối xử với mình, thì lấy làm xấu hổ, bèn viết thư xưng tội với Văn đế rằng: "Lão thần trước đây vô cớ trộm lấy hiệu Hoàng đế, vốn là một việc làm tự gây cười cho mình, lẽ nào dám lấy đó mà đối đãi với Hoàng đế của thiên triều thượng quốc ư?" Thế rồi khấu đầu tạ ơn, nguyện mãi mãi làm phiên thuộc (thuộc địa) của triều Hán, hàng năm đều cống nạp cho Hoàng đế triều Hán, vĩnh viễn làm bề tôi của triều Hán.

(Sử ký - Nam Việt liệt truyện)

LỜI BÌNH

Lễ vốn là thước đo chuẩn mực của con người trong xã hội. Dùng lễ đối với người thì người ta mới đối xử lại với mình bằng lễ. Người xưa có câu: "Kính nhân giả nhân hễng kính chi" (người biết kính trọng người khác thì luôn được người ta kính trọng). Thần dân lấy lễ đối xử với quân chủ, thì quân chủ cũng nên lấy

1. Lục Giả: Người nước Sở thời Tây Hán, có tài hùng biện, từng phò tá Hán Cao Tổ bình định thiên hạ. Có tác phẩm *Tam ngữ* gồm 12 thiên nổi tiếng.

lễ mà đối xử với thần dân. Triệu Đà nhân lúc nhà Tần hỗn loạn mà xưng đế ở Nam Việt, vốn là điều không nên. Hán Cao Tổ vì sự ổn định của vùng biên cương, sự bình yên của nhân dân mà thừa nhận vương vị của ông ta, đó là vì đại cục. Thế nhưng Triệu Đà khi phục tòng, khi phản bội, lại còn thừa cơ quấy nhiễu, cướp bóc vùng biên cương phía nam của triều Hán, gây nên mối họa biên cương phía nam ở đầu đời Hán. Tuy vậy, Hán Văn đế làm theo điều nhân, trọng lễ, không lấy máu trả máu, mà ngược lại ông lấy đức báo oán. Không những không coi Triệu Đà là kẻ thù, mà còn sai người hàng năm thờ cúng tổ tiên ông ta, ưu đãi anh em ông ta, đồng thời sai sứ giả truyền đạt với ông ta ý muốn dùng lễ đối đãi, kết tình hữu hảo lâu dài. Hành động này vượt ra ngoài ý nghĩ của Triệu Đà. Ban đầu ông ta lấy làm sợ hãi, rồi khó hiểu, và cuối cùng là tỉnh ngộ, nhận thức sâu sắc sự tôn trọng và đối xử nhân hậu của Hoàng đế triều Hán đối với ông ta, bèn ngỏ ý muốn thực tâm làm phiên thuộc của triều Hán. Từ đó luôn thân thiện với triều Hán, khiến biên cương phía nam yên ổn, nhân dân an cư lạc nghiệp. Đây chính là thành quả tích cực của việc dùng lễ đối xử với Triệu Đà của Hán Văn đế.

HÀN DIÊN THỌ LẤY LỄ TRỪ TỆ MỌI MỐC NHAU

Hàn Diên Thọ⁽¹⁾ từng làm quan Thái thú ở Dĩnh Xuyên. Trước đó, khi Triệu Quang Hán làm Thái thú ở đây, phiền vì nổi dân địa phương thường kéo bè kết đảng, mưu đồ lợi riêng. Vì thế hạ lệnh cho dân chúng, quan lại tố cáo lẫn nhau. Rất nhiều người làm như vậy, đều cho mình là sáng suốt. Tập tục nguy hại này sau khi lan rộng ra khắp địa phương, trong dân chúng nảy sinh nhiều hiện tượng thù oán nhau, mất lòng tin ở nhau. Khi Hàn Diên Thọ đến Dĩnh Xuyên, ông quyết tâm phải thay đổi thói tục này, cần phải thay thế nó bằng lễ pháp khoan hậu, hòa mục và tôn trọng lẫn nhau. Vì sợ dân chúng không quen với cách nghĩ này, ông nhiều lần triệu tập những người già cả và mấy trăm người xưa nay được dân chúng trong làng tôn trọng, tin tưởng, bày đặt yến tiệc, chuẩn bị rượu thịt ngon, đích thân cung kính cùng uống rượu với họ, tất cả đều đối xử bằng lễ. Đồng thời còn hỏi thăm từng người về dân tình, dân tục, ý kiến của dân, những điều ai oán của dân và nỗi thống khổ trong dân. Ông khuyên nhủ mọi người nên hòa

1. Hàn Diên Thọ: Người nước Yên thời Tây Hán, tự là Trường Công. Thờ Chiêu Đế làm quan Đại phu Gián nghị. Từng giữ chức Thái thú các quận: Quận Đông, Hoài Dương, Dĩnh Xuyên, có công lao lớn.

mục lễ nhượng, tương thân tương ái; xóa bỏ hiềm khích, oán giận giữa mọi người. Những người được mời dự đều cho rằng như thế là rất tốt, và đều bày tỏ mong muốn làm theo. Thế là ông cùng mọi người bàn định về những nghi lễ ma chay, cưới hỏi, thờ cúng, đều dựa theo thời cổ, không được tùy tiện vượt qua quy ước cũ. Ông còn ra lệnh các quan văn võ, nho sinh, các nha dịch trong vùng, cầm lễ khí, giúp dân chúng địa phương việc ma chay cưới hỏi, tuân lễ thủ pháp. Kết quả, dân chúng đều theo lễ hành sự, người người khiêm nhượng, giữ gìn phép tắc, thành thực, không dối lừa nhau. Những thứ hàng của những người bán tượng đất, tượng gỗ và của những người làm xe ngựa giả đều bị mọi người vứt ra đường.

*(Hán thư, quyển 76, Hàn Diên Thọ
truyện)*

LỜI BÌNH

Thời Tây Hán, làn sóng tố cáo, vạch tội nhau ở vùng Dĩnh Xuyên, khiến dân chúng trong vùng công kích lẫn nhau, vạch tội kẻ mưu nhau, mất lòng tin ở nhau, tích giận thành thù. Không khí xã hội bại hoại, quan hệ giữa người với người căng thẳng. Đứng trước vấn đề nghiêm trọng này, Hàn Diên Thọ đã thi hành lễ chế, đề xướng tôn trọng lẫn nhau, thông cảm lẫn nhau. Đồng thời đích thân bày yến tiệc, dùng lễ đãi người, tìm hiểu dân tình, đích thân khuyến dụ. Vì vậy đã mang lại hiệu quả tốt đẹp. Đó là công lao của Hàn Diên Thọ, và cũng là sự thể hiện cụ thể vai trò xã hội của Lễ. Khổng Tử nói: "Lập thân ở Lễ", "không học Lễ, không đứng vững được trong xã hội". Đó chính là nói một xã hội theo Lễ mà trị, một cá nhân nên theo lễ mà làm. Lễ là một loại quy phạm, bất kỳ lúc nào cũng không thể thiếu được.

TẦN BÀNH KHUYÊN DÂN BIẾT THEO LỄ

Tần Bành⁽¹⁾, vào năm Kiến sơ Chương đế thứ nhất đời Đông Hán (76 sau CN), làm quan Thái thú Sơn Dương. Thời kỳ nhậm chức ở Sơn Dương, ông dùng lễ để giáo hóa dân chúng, thay vì chỉ dùng hình phạt để trị người, quản người. Ông tôn sùng học thuyết Nho gia, tôn trọng Nho sinh, chú trọng xây dựng trường học. Hàng năm, cứ đến mùa xuân, mùa thu, kỳ tổ chức các nghi lễ tế tự, ông thường giảng giải cho dân về các quy định và hình thức hành lễ, đồng thời tuyên bố với mọi người "tứ giới" (4 điều răn) của Nho gia: "(Phàm là những điều) không phải lễ thì chớ nên nói, không phải lễ thì chớ nên nhìn, không phải lễ thì chớ nên nghe, không phải lễ thì chớ nên làm", những nghi lễ dùng trong quan hệ cha con, anh em, vợ chồng. Đối với những người thi hành tốt nghi lễ, thì đề bạt làm quan Tam lão (chức quan nhỏ ở địa phương). Không những thế, thường cứ vào tiết trung thu tháng tám, chuẩn bị rượu thịt tiếp đãi, căn dặn và khích lệ những người đã thực hiện tốt nghi lễ. Mỗi khi có quan lại mắc sai lầm, ông chỉ bãi chức, không hề áp dụng bất kỳ hình phạt nhục

1. Tần Bành: Người Mậu Lăng thời Đông Hán, tự là Bá Bình, từng đi chinh phạt Hung Nô. Thời Hán Chương đế làm Thái thú Sơn Dương, sau nhậm chức ở Đình Xuyên.

hình nào. Dân chúng trong vùng hết sức yêu kính ông, không hề có một ai chủ trương hoặc có ý kiến phản đối ông.

(Hậu Hán thư, quyển 106, Tuân lại truyện)

LỜI BÌNH

Qua các triều đại, dưới ngòi bút của các nhà sử học, vấn đề chính là sự thanh liêm trong triều đình phong kiến. Theo sử sách thì họ thanh liêm ở chỗ nào? Đó chính là dựa vào lễ trị nước, thực hiện nền chính trị nhân từ, khoan dung, yêu dân. Tồn Bành trong *Hậu Hán thư - Tuân lại truyện* là một ví dụ. Trong thời gian làm quan, ông luôn cố gắng thi hành lễ chế của Nho gia. Ông lấy tiêu chuẩn của Nho gia để xác định đúng sai, phải trái, chú trọng ở việc khuyên răn, khi ban thưởng có tiêu chuẩn, khi trừng phạt không quá đáng, vì thế mà ông giành được công tích to lớn. Điều này chứng tỏ lễ chế phong kiến thích hợp với thời kỳ đầu xã hội phong kiến Trung Quốc. Thượng tầng kiến trúc mà đại diện là tư tưởng Nho gia đã có tác dụng thúc đẩy đối với cơ sở kinh tế đương thời. Còn sau này còn có vai trò tích cực hay không thì cần căn cứ vào sự thay đổi của thời đại để đánh giá cụ thể. Ở đây nêu ra tinh thần cơ bản coi trọng lễ nghĩa thời xưa, chứ không đề cập đến nội dung cụ thể của một thời đại, một địa phương nào.

KHỔNG DUNG NHƯỜNG LÊ

Khổng Dung⁽¹⁾ tự là Văn Cử, người nước Lỗ, là cháu 20 đời của Khổng Tử. Ông tổ bảy đời của ông là Khổng Bá từng được Hán Nguyên đế tôn làm thầy, làm đến chức Thị trung (chức quan tâu trình sự việc trong cung). Phụ thân là Khổng Trụ, từng làm quan Đô úy Thái Sơn. Khổng Dung thuở nhỏ có tài năng đặc biệt. Theo tài liệu ghi chép trong gia đình ông: Gia đình ông có bảy anh em, ông là người thứ sáu. Từ nhỏ tính ông vốn đã hiền hậu. Năm bốn tuổi, khi cùng các anh ăn lê, mỗi lần lấy lê ông đều chọn quả bé nhất. Mọi người không hiểu, mới hỏi ông sao lại làm thế. Ông trả lời: "Em là bé, theo lễ thì phải ăn quả bé". Hành động khiêm tốn, nhường nhịn của ông khiến cả nhà hết sức ngạc nhiên.

*(Hậu Hán thư, quyển 100, Khổng
Dung truyện)*

LỜI BÌNH

Câu chuyện Khổng Dung nhường lê truyền tụng ngàn năm không mất, Khổng Dung mới bốn tuổi đã biết nhường nhịn, lễ độ. Điều này phải khẳng định là kết quả của sự giáo dục của

1 Khổng Dung: Nhà văn cuối thời Đông Hán đầu thời Tam quốc.

cha mẹ và sự hun đúc từ phía gia đình. Họ Khổng xưa nay được coi là "Thi Lễ truyền gia", chủ trương hành sự theo lễ, dạy con theo lễ. Chính vì Khổng Dung từ bé đã được sống trong môi trường trọng lễ này, nên mới có được hành động nhường nhịn, giữ lễ như vậy. Câu chuyện này từ hơn nghìn năm nay lưu truyền lại, có tác dụng giáo dục trẻ nhỏ, gợi mở cho người đời sau, cho đến nay vẫn còn ý nghĩa tích cực.

TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG TRÁCH KHÁCH KHÔNG GIỮ LỜI

Trần Thái Khâu hẹn với một người bạn cùng đi chơi. Thời gian hẹn vào đúng giữa trưa. Thế nhưng, Trần Thái Khâu đợi mãi đến quá trưa vẫn không thấy bạn đến, ông không đợi nữa mà đi một mình. Sau khi ông đi, người bạn mới đến. Lúc đó Trần Nguyễn Phương mới bảy tuổi, đang đứng chơi ngoài cửa. Vị khách này hỏi Trần Nguyễn Phương: "Cha cháu có nhà không?" Nguyễn Phương đáp: "Cha cháu đợi bác rất lâu, bác không đến, cha cháu đi rồi". Người khách hàm hàm tức giận, nói: "Người đâu mà lại như thế được? Đã hẹn với người ta cùng đi, thế mà không đợi, lại đi một mình". Trần Nguyễn Phương nghe nói như vậy, cho là không đúng, liền phản bác lại ông ta: "Bác hẹn gặp cha cháu vào đúng giữa trưa. Đến giờ rồi mà bác không đến, như thế là không giữ lời hứa. Bác mắng cha của người khác trước mặt con trai người ta, như thế là bất lịch sự. Bác làm thế là sai rồi". Người khách nghe nói như vậy, cảm thấy rất hổ thẹn. Ông ta lập tức xuống ngựa, định nói chuyện với Nguyễn Phương. Nhưng Trần Nguyễn Phương bước vào nhà, không để ý đến ông ta nữa.

LỜI BÌNH

Một người có lịch sự hay không, biểu hiện ở mọi phương diện. Hẹn với người khác mà không đến đúng giờ, cũng là một hành vi bất lịch sự. Rõ ràng mình sai, mà không tự trách mình, lại đi trách người khác, thì đó càng là hành động bất lịch sự. Đương nhiên, việc vô cớ trách mắng người khác trước mặt con cái họ, lại càng bất lịch sự hơn. Những hành động bất lịch sự này bị đưa trẻ lên bầy là Trần Nguyên Phương nhận rõ và trực tiếp phê bình, đó quả là điều hiếm thấy. Còn người khác thì sao? Sau khi bị đưa trẻ phê bình, đã nhận ra cái sai của mình, như vậy là từ chỗ bất lịch sự đã trở thành lịch sự. Có thể nói, một người có hành vi vô lễ, mà biết quay lại tự trách mình, thì cũng thành người có lễ độ. Đây là câu chuyện để lại cho người ta những điều suy nghĩ.

LƯƠNG NHAN QUANG DẠY DÂN THEO LỄ

Lương Nhan Quang⁽¹⁾ từ nơi xa chuyển đến Tương Châu làm quan Thứ sử. Hồi đó, quan hệ giữa những người dân ở Tương Châu rất căng thẳng, mọi người không tin tưởng nhau, trong dân gian thường lưu truyền những bài vè, tung những tin đồn nhảm, rằng ông quan này xấu xa thế này, người kia tồi tệ thế khác, mỗi người nói một phách. Lương Nhan Quang muốn bài trừ tệ nạn này, tự xuất lương bổng của mình đến vùng Sơn Đông mời một số Nho sinh nổi tiếng về, trong mỗi làng đều lập trường học, chỉ cho dạy học trò những sách của thánh hiền thời cổ. Rồi cứ đến tháng cuối cùng của một quý, ông triệu tập học trò lại, tự mình đích thân kiểm tra. Đối với những trò chăm chỉ học hành, thi được điểm tốt, hay những học trò thông minh lanh lợi, học giỏi, ông cho bày tiệc rượu, mời họ ngồi ở công đường, tiếp đãi bằng nghi lễ trang trọng. Những học trò khác lần lượt ngồi ở hành lang. Với những kẻ chỉ giỏi tranh cãi với người, học hành lười nhác, kém cỏi, thì cho ngồi ở sân, chuẩn bị cho cơm thô canh nhạt.

1. Lương Nhan Quang: Người Ô Thị triều Tùy, tự là Tu Chi. Khi làm quan ở thời Bắc Chu được phong là Hoa Dương quận công. Đầu đời Tùy làm Thứ sử Kỳ Châu, sau chuyển đến làm Thứ sử Tương Châu.

Đến khi họ học hành tốt, thì tiếp đãi họ như khách, tiền họ ra tận ngõ, khi đi còn biếu họ ít tiền. Thế là ai nấy đều cố gắng học hành, giữ lễ pháp, phong tục của địa phương có nhiều thay đổi.

Có một người ở Phẫu Dương tên là Tiêu Thông. Anh ta là một kẻ nát rượu, suốt ngày say bí tỉ, lại là kẻ bất hiếu với cha mẹ, bị anh em trong nhà kiện lên quan phủ. Thế nhưng, Lương Nhan Quang không kết tội anh ta, mà gọi anh ta đến Khổng miếu, để giáo dục bằng thực tế. Trong miếu có một số tranh vẽ về sự tận trung tận hiếu của tiền nhân. Khi nhìn thấy hình tượng Hàn Bá Du⁽¹⁾ vì mẹ đánh mình không thấy đau, nghĩ đến mẹ tuổi già sức yếu nên trong lòng hết sức đau khổ, Tiêu Thông lấy làm cảm động, nghĩ rằng mình không đúng, vừa đau buồn vừa xấu hổ, tự cảm thấy không biết trốn vào đâu cho đỡ ngượng. Lương Nhan Quang thừa cơ lên lớp cho anh ta một bài, rồi thả anh ta về. Từ đó, quả nhiên Tiêu Thông ra sức sửa chữa sai lầm, hiếu thuận với cha mẹ, cuối cùng trở thành một người giữ lễ pháp, có đức độ.

(Tùy thư, quyển 73, Lương Nhan
Quang truyện)

LỜI BÌNH

Bắt đầu từ thời Đông Hán, tư tưởng Nho gia dần dần rõ nét hơn, chuẩn mực hơn, ngày càng đi sâu vào lòng người. Phương

1. Hàn Bá Du: Bậc chí hiếu thời Hán. Có một lần, người mẹ dùng roi đánh ông, đánh xong ông nức nở khóc, mẹ ông hỏi sao lúc đánh không khóc mà đánh xong rồi mới khóc? Bá Du nói: Trước đây mẹ đánh rất đau, còn bây giờ con không thấy đau nữa, con thương mẹ sức cũng lực kiệt rồi.

pháp giáo hóa dân theo lễ của Nho gia cũng đi vào lòng người. Trong thời gian đó, tuy trải qua những biến động xã hội Nam Bắc triều, các dân tộc thiểu số thiên di, các trào lưu tư tưởng ảnh hưởng đến mọi người, nhưng tư tưởng Nho gia vẫn chiếm ưu thế. Đầu đời Tùy, Tùy Văn đế để đế vương Nho học ở Trung Nguyên, đã xuất hiện điển hình sùng Nho trọng lễ là Lương Nhan Quang. Những biện pháp của Nhan Quang đã làm theo cách của lễ triều Chu và triều Hán, thi hành giáo hóa đối với dân chúng, tiến hành giáo dục đối với học trò, khen thưởng những người tuân theo lễ, khuyên răn những kẻ bất lễ, dùng lễ để cảm hóa những kẻ làm trái lễ. Những biện pháp này đều được thi hành một cách hiệu quả. Khổng Tử suốt đời mưu cầu xã hội ổn định, điều hòa mối quan hệ giữa con người với con người. Chỉ có sự ổn định, điều hòa, mới có lợi cho sự phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội. Vì vậy, việc sùng lễ, giữ lễ của Lương Nhan Quang vẫn là điều chúng ta cần khẳng định.

CAO SĨ LIÊM ĐẾN TẬN TÙNG NHÀ KHUYẾN DỤ

Cao Sĩ Liêm đời Đường từng làm quan Trường sử Ích Châu (vùng Thành Đô, Tứ Xuyên ngày nay). Hồi đó, phong tục của dân chúng vùng đất Thục rất lạc hậu, đau ốm không dùng thuốc chữa, mà tin vào quỷ thần. Cha mẹ ốm nặng, thậm chí sắp chết, cũng không kê bên chăm sóc, mà dùng một cây gậy, treo đồ ăn lên, đứng đằng xa đưa cho cha mẹ ăn, họ quan niệm làm như vậy sẽ chữa khỏi bệnh. Giữa anh em cũng sống cách biệt nhau, mỗi người một cuộc sống riêng, rất ít quan hệ với nhau. Trước tình trạng lạc hậu đó, Cao Sĩ Liêm đi khắp nơi giáo hóa, giảng giải cho nhân dân. Những ai không nghe theo lời khuyên bảo, thì đích thân dẫn một số quan lại đến tận nhà nhắc nhở, giảng giải. Cuối cùng, dân chúng trong vùng sống yên ổn, mọi người coi trọng hiếu đễ. Đồng thời ông còn ra lệnh cho một số Nho sinh giảng giải những điển tịch thời cổ, đối với những người chậm tiến thì luôn khuyến khích, khiến cho sự giáo hóa của vùng đất này hưng thịnh trở lại.

LỜI BÌNH

Những lễ nghi cần thiết là tượng trưng của xã hội tiến bộ. Cao Sĩ Liêm đứng trước phong tục tập quán lạc hậu của đất

Thực, đã đề xướng lễ nghi, là một biện pháp mở mang trí tuệ, một hành động tiến bộ. Ông đề xướng lễ chủ yếu để giải quyết hai vấn đề của vùng này: Một là dân chúng địa phương mê tín vào quỷ thần. Điều này trái ngược với chủ trương "sự nhân bất sự quỷ" (tôn thờ con người chứ không tôn thờ quỷ thần), "nói về sự sống mà không nói đến cái chết" của Khổng Tử. Khổng Tử tin vào sức mạnh của con người, phản đối mê tín ma quỷ, coi trọng lễ của con người, lễ là mẫu mực của con người. Con người cao siêu hơn quỷ thần. Con người khi đã thi hành lễ, thì sẽ biết hiếu đễ, quan tâm, chăm sóc cha mẹ khi ốm đau bệnh tật, điều đó có ích hơn là mê tín. Mặt khác, giữa con người nếu quá so đo, tính toán thì không thể đoàn kết giúp đỡ nhau. Việc thi hành lễ có thể giáo dục mọi người quan tâm lẫn nhau, nghĩ đến lợi ích cho nhau. Cao Sĩ Liêm đối với lễ không chỉ đề xướng chung chung, mà còn đích thân sai quan lại đến từng nhà khuyến dụ, tinh thần đó thật đáng quý, và hiệu quả cũng rất tích cực.

CHÂM NGÔN HỌ KHỔNG

Tập phong Diên Thánh Công phủ⁽¹⁾ để nói rõ việc lễ nghi, đưa ra cáo thị với con cháu trong dòng họ Khổng: Người ta thường nói, cây có gốc, gốc khỏe thì cành lá mới sum suê; nước có nguồn, nguồn sâu thì dòng mới chảy mạnh. Đó là chân lý hiển nhiên, sáng rõ như ban ngày. Tổ tiên của chúng ta là Khổng Tử Tuyên thánh⁽²⁾ là bậc tông sư mà lễ nhạc muôn đời tôn sùng. Cái đức của Người có thể ví với trời đất, nên lấy đại lễ tế Trời mà thờ tế Người. Tổ tiên cũng là mẫu mực của dạy và học, Đạo mà người sáng lập bao trùm từ cổ chí kim.....

Sùng kính Nho học, coi trọng Đạo của Phu tử, (tức Khổng Tử), yêu thích lễ chế, suy tôn đức hạnh. Những đặc điểm này từ lâu đã được gia tộc họ Khổng biết đến và trung thành thực hiện. Là con cháu Khổng Tử, không được tham cái lợi nhỏ mà quên đi cái nghĩa lớn, không được đến nha môn địa phương cấu kết với bọn quan lại sai

1. Từ năm Chí Hòa đến vua Nhân Tông thời Bắc Tống (1055), Hoàng đế phong cho Khổng Tôn Nguyên - cháu 46 đời của Khổng Tử - là Diên Thánh Công, Phủ đệ của ông gọi là Diên Thánh Công phủ.

2. Tuyên thánh: Năm Khai Nguyên thứ 27 (739), vua Đường Huyền Tông phong Khổng Tử là "Văn Tuyên vương". Từ đó tôn xưng Khổng Tử là Tuyên thánh.

địch làm xằng làm bậy, làm thương tổn đến đức hạnh của tổ tiên.

Cần lấy phép tắc gia huấn mà tổ tiên bao đời truyền lại sớm sớm chiều chiều đem ra răn dạy cháu con. Cần phải bắt chúng học hành để hiểu lý, làm nên sự nghiệp để rạng danh tiên tổ. Muôn ngàn lần không được như kẻ phạm phu tục tử nơi đầu đường xó chợ, cam chịu làm hạng người hạ đẳng.

(*Khổng Tử dùng án*, quyển 1101)

Để nghiêm túc xác lập gia quy (phép nhà), lấy đó để giáo huấn con cháu, giữ sự tôn nghiêm của hậu duệ thánh nhân, dùng để báo đáp hoàng ân nhân đức của các bậc đế vương, tổ tiên Khổng Tử của chúng ta là vạn thế sư biểu (người thầy của muôn đời), đạo đức văn chương của Người, thi thư ban ân huệ cho người đời sau. Tổ tiên bắt đầu từ Khuyết Lý, bắt rễ ra hoa ở vùng Bình Lâm chúng ta. Họ Khổng chúng ta xưa nay lấy việc làm nông và đọc sách thánh hiền làm chính. Bao đời nay sinh sôi nảy nở, các nhánh đều hưng thịnh. Chỉ mong các con cháu tuân theo lời di huấn của tổ tiên, làm cho mọi người hiểu lẽ, hòa thuận. Họ Khổng học *Thi học Lễ*, kế thừa lời dạy của tổ tiên với con là Khổng Lý năm xưa. Tuân theo chuẩn mực nhân luân mà tông pháp quy định, tuân thủ những chế độ, chính sách của quốc gia, cố gắng đạt được sự hiểu lẽ, trung tín, tự mình thể nghiệm lễ nghĩa, liêm sỉ. Mọi sự gian trá, dối lừa, trộm cắp đều không được làm, mọi việc xa xỉ, kiêu ngạo, ngang ngược đều không nên học.

(*Khổng phủ dùng án*, quyển 1234)

LỜI BÌNH

Hoàng đế các triều đại vì tôn sùng Khổng Tử, đã không ngừng có biểu hiện tôn trọng đối với hậu duệ của Khổng Tử. Hậu duệ của Khổng Tử không những rất tự hào vì mình là con cháu họ Khổng, mà các đời còn nhấn mạnh "Thi Lễ truyền gia" (nhà truyền *Kinh thi* và *Lễ*). Họ yêu cầu mỗi một người là con cháu họ Khổng đều phải sùng lễ, tuân lễ, hành lễ như Khổng Tử, lấy lễ trị nước, lấy lễ trị nhà. Để đạt được mục đích đó, đặc biệt cần đưa nội dung giữ lễ vào gia huấn của họ Khổng. Trong tài liệu của Khổng Phủ Khúc Phụ có rất nhiều gia huấn họ Khổng. Trong mấy chục loại "gia phả họ Khổng" còn lại đến ngày nay đều có tộc quy gia huấn. Hai đoạn ở trên đều quy định nội dung của việc tuân lễ, hành lễ. Họ Khổng lấy "Thi Lễ truyền gia" làm gia huấn của mình, yêu cầu nhất mực tuân theo.

Lễ, đương nhiên là có nội dung giai cấp của nó, và nó phục vụ cho một giai cấp nhất định. Nhưng việc xác lập một chế độ, pháp quy nhất định, có thể khiến xã hội ổn định và phát triển. Từ góc độ này, nó có một ý nghĩa tích cực và tích cực hơn cả là sự coi trọng tu dưỡng đạo đức.

NHAN THỊ BÀN VỀ LỄ CHỦ KHÁCH

Khi mời khách, anh là chủ thì không nên trách mắng hay răn dạy nô bộc của mình trước mặt khách. Không nên nhanh nhẩu thay nô bộc mang trà mời khách. Thức ăn để đãi khách nhất định phải sạch sẽ, rượu uống nhất định phải thơm ngon, món ăn phải là những thứ mà khách ưa dùng. Nếu anh muốn mời một người khách, mà gặp một người khác cùng có mặt, nếu cùng trang lứa với anh ta, thì nhất định phải mời cả người đó. Có thể nói như thế này: "Xin mời ngài cùng đi, có được không ạ?" Không được phân biệt đối xử với họ. Khi mời khách, không nên để các bậc trưởng lão và những người tôn quý ngồi cùng những kẻ tầm thường. Người khách mà anh mời, nếu có việc bận, hoặc giá trời lạnh quá, nóng quá, không tiện đi, thì không nên một mực mời người ta đến bằng được. Nếu khách không có phương tiện đi lại như xe, ngựa... thì nên chuẩn bị xe ngựa đi đón người ta. Khi khách sắp đến, cần sửa sang quần áo, mũ mào, chờ khách đến. Đoán biết khách từ xa đến, có thể bị đói, thì không nên đợi khi bày tiệc, mà nên mời người ta điểm tâm trước một chút gì đó. Khi cần tế lễ thì nhất định phải tế lễ. Khi tế lễ cần dâng bình rượu thì nhất định phải dâng bình rượu, những người hầu không được kiêu ngạo và làm phiền người khác, không được tỏ vẻ mệt mỏi, khi nói không được nhìn thẳng vào

mặt người nào, mà phải hướng về tất cả khách. Khách không uống rượu thì không nên ép.

Phàm khi người ta mời mình làm khách, thì không nên ngồi ở nhà người ta quá lâu. Người ta mời anh, nếu anh đã nhận lời thì nhất định phải đi, chớ để người ta chạy đi chạy lại mời lần này đến lần khác. Nếu bữa tiệc đó dành cho người khác, thì mình không nên ngồi lên trên cùng, nên khước từ, những người khác cũng nên khước từ. Nếu thấy chủ nhà chưa chuẩn bị bữa cơm, thì nên kiên quyết chối từ; nếu chủ đã chuẩn bị xong xuôi, thì không nên từ chối nữa. Nhưng không nên ngồi lại quá lâu. Nếu chủ tế lễ, mà mời mình làm chủ tế, thì nên chối từ. Cơm rượu chủ dọn ra dù không ngon cũng ăn vài miếng. Trong bữa tiệc không nên nói những lời không đáng nói. Không nên chỉ một mình uống rượu trong bữa tiệc, không nên ép người ta làm những việc không thể. Khi uống hơi say thì phải ngừng ngay, đứng dậy thì phải xem những người xung quanh, không được nhìn người bằng nửa con mắt.

Về việc lễ tiết, xưa nay đều có đi có lại. Nếu chỉ có đi mà không có lại, thì không thể giao du, qua lại với nhau nữa.

(Nhan thị gia giới)

LỜI BÌNH

Cuốn *Nhan thị gia giới* do Nhan Quang Mẫn - học giả đầu đời Thanh viết. Họ Nhan ở Khúc Phụ luôn tuân theo di huấn của tổ tiên họ là Nhan Hối, giữ lễ giữ pháp, theo nề nếp cũ. Xưa nay dòng họ này luôn lấy "phục lễ thế gia" (gia đình nổi tiếng giữ gìn lễ giáo), "đan biên di phong" (tập tục lưu truyền các thế hệ sau) làm gia huấn và gia giáo. Bộ *Nhan thị gia huấn* của Nhan Chi Thôi thời Nam Bắc triều là một bộ sách mẫu mực

về giáo dục gia đình, lưu truyền ngàn năm không dứt. Vào những năm đầu đời Thanh, Nhan Quang Mẫn viết ra cuốn sách này, chính là một yêu cầu nữa đối với con cháu họ Nhan trong việc giữ lễ trong tình hình mới. Cuốn *Gia giới* tuân theo di huấn của tổ tiên họ Nhan, đưa ra những quy định rõ ràng, nghiêm khắc về ăn, mặc, ở, đi lại, học tập, kết bạn, biết người, tự biết mình.... Họ cho rằng tuân theo quy phạm này mà hành sự thì vừa không hổ danh là con cháu của thánh nhân, vừa không làm mất nề nếp giữ gìn lễ nghĩa từ thời Khổng Tử, Nhan Hồi. Trong đó có rất nhiều nội dung là yêu cầu con người phải hiếu học, tu thân, hướng thiện, hăng hái, cho đến nay vẫn có nhiều giá trị tham khảo.

CÂU ĐỐI VỀ TUÂN THEO LỄ Ở KHÔNG PHỦ

Đi vào cửa lễ, bước trên đường nghĩa, Diển Thánh Công phủ xưa nay theo nếp cũ không trái lời dạy tổ tiên.

Kẻ trí vui ở núi, người nhân vui ở sông, bên trong Công phủ bức tranh phỗng cổ chứa đầy muôn sắc ngàn hương.

Tuân theo phép tắc tổ tông bao đời, hòa thuận gia tộc, giữ vững nhân luân, mãi mãi khắc ghi lời di huấn tổ tiên.

Thi hành khâm mệnh Hoàng đế ngự ban, tu chỉnh thân tâm, tôn sùng lễ pháp, luôn luôn ngưỡng vọng ân trách thiên tử các đời.

Tiếp xúc sự vật thực tế, học thời quý ở hằng tâm. Học những bài thơ sâu sắc và lễ chế quan trọng.

Nghiêm khắc tuân theo lễ cổ, dựa theo phép tắc hành sự. Noi theo ngọc trong và vàng quý.

Đạo đức là người thầy của ta, nhân nghĩa là người bạn của ta.

Lễ nhạc là sở thích của ta, Thi thư chan chứa tâm hồn ta.

LỜI BÌNH

Hậu duệ của Khổng Tử ở Khúc Phụ mấy nghìn năm qua luôn tuân theo giáo huấn của tổ tiên, là một gia tộc coi trọng lễ cổ nhất của Trung Quốc. Nhiều năm qua, các loại đặc quyền như quy định con trưởng thừa kế trong phủ, tổ chức gia tộc chặt chẽ, chi lớn thâu tóm chi nhỏ, cũng như quy định thừa kế tài sản trong công phủ, tổ chức trong công phủ, đều theo quy định thời xưa, những đặc điểm đó không giống với bất kỳ một gia tộc nào trong lịch sử Trung Quốc, thậm chí cả Hoàng tộc. Trước cửa chính Khổng Phủ, có đôi câu đối từ đầu triều Thanh như sau: "Dữ quốc hàm hựu an phủ tôn vinh Công phủ đệ, đồng thiên tịnh lão văn chương đạo đức thánh nhân gia". Cái gọi là "văn chương đạo đức" ở đây chính là tuân thủ luật thành văn (lễ chế) và luật bất thành văn (đạo đức) thời cổ. "Thánh nhân gia" xưa nay yêu cầu không chút cầu thả trong việc tuân thủ lễ chế, biểu hiện trên tất cả các mặt. Những câu đối từ đời Thanh nêu ở trên đã thể hiện một cách sinh động đặc điểm này.

THIÊN TIẾT KIỆM

... Đối với cá nhân, giữ gìn tiết kiệm, bỏ lòng ham muốn, có lợi cho việc giữ được "hằng tâm", có chí tìm đến đạo, vốn dĩ nghèo khó, lại tỏ ra sang trọng, người như vậy rất khó có được hằng tâm", "kẻ sĩ có chí đi tìm chân lý, lại cảm thấy xấu hổ vì phải mặc quần áo cũ rách và ăn uống kham khổ, loại người này không đáng để cũng bàn luận chân lý với họ"; vì tiết kiệm mà xảy ra sai sót là rất ít. Tiết kiệm tuy tỏ ra xo ro, nhưng thà rằng xo ro cũng không thể xa xỉ mà không khiêm tốn...

KHỔNG TỬ CHỦ TRƯỞNG TIẾT KIỆM

Khổng Tử nói: "Cai trị một nước có một nghìn cỗ binh xa, phải làm việc nghiêm túc chăm chỉ, thành thật không dối trá, tiết kiệm chi tiêu, yêu mến nhân dân, chỉ để nhân dân làm công việc lao dịch vào lúc công việc đông áng rồi rãi thôi".

(Luận ngữ - Học nhi)

Khổng Tử nói: "Bụng dạ Quán Trọng nhỏ nhen thay!"
Có người hỏi: "Quán Trọng có tiết kiệm hay không?"
Khổng Tử bảo: "Họ Quán thu rất nhiều thuế chợ, dưới quyền ông ta mỗi người một việc, không bao giờ kiêm nhiệm chức trách, làm sao lại bảo rằng ông ta tiết kiệm được?"

(Luận ngữ - Bất dật)

Khổng Tử nói: "Kẻ sĩ có chí đi tìm chân lý, thế mà lại cảm thấy xấu hổ vì phải mặc quần áo cũ rách và ăn uống kham khổ, loại người này không đáng để cùng bàn luận chân lý với họ."

(Luận ngữ - Lý nhĩn)

Khổng Tử nói: "Người vì tiết kiệm mà gây ra sai sót là rất hiếm".

Khổng Tử nói: "Ăn gạo xấu, uống nước lã, nằm ngủ lấy cánh tay gối đầu, sống như thế cũng có niềm vui. Bằng những cách không hợp chính nghĩa để có được giàu sang, theo ta chẳng khác mây trôi".

(Luận ngữ - Thuật nhi)

Khổng Tử nói: "Người có thiện tâm, ta không được thấy nữa rồi; chỉ có thể gặp người có hằng tâm thôi, cũng là được rồi. Vốn là không có, lại làm ra bộ có; vốn là trống rỗng, lại làm ra bộ đầy ắp; vốn là nghèo khó, lại làm ra bộ sang trọng, người như vậy thì rất khó tin là có hằng tâm được".

(Luận ngữ - Thuật nhi)

Khổng Tử nói: "Xa xỉ mà không khiêm tốn, tiết kiệm mà xo ro, thì bỏ không khiêm tốn mà đành xo ro vậy".

(Luận ngữ - Thuật nhi)

Khổng Tử nói: "Vua Vũ, ta không tìm thấy khuyết điểm nào về việc làm của ông ta cả. Bản thân ông ta ăn uống rất kém, nhưng lại sắm sửa lễ vật thịnh soạn thờ cúng quỷ thần; quần áo mặc rất tồi, nhưng quần áo cúng bái lại may rất sang trọng đẹp đẽ; cung điện ở thì thấp bé, nhưng lại dồn hết sức lực vào công việc mưu mánh thủy lợi. Vua Vũ, ta không tìm thấy khuyết điểm nào về việc làm của ông ta cả".

(Luận ngữ - Thái Bá)

Khổng Tử nói: "Dùng sợi gai dệt mũ lễ, việc ấy hợp với lễ; bây giờ mọi người lại đổi sang dùng tơ, tiết kiệm như vậy, ta đồng ý với cách làm của mọi người. Bề tôi gặp vua, đầu tiên cúi lạy dưới thềm nhà, sau đó lên nhà lại tiếp tục cúi lạy nữa, việc ấy hợp với lễ. Ngày nay, mọi người lại không cúi lạy dưới thềm nhà nữa, chỉ lên nhà rồi mới cúi lạy, thế là biểu hiện của ngạo mạn kiêu căng. Tuy rằng chống lại cách làm của mọi người, ta vẫn chủ trương cách làm truyền thống trước tiên phải cúi lạy ở dưới thềm nhà".

(Luận ngữ - Tử Hãn)

Tề Cảnh công hỏi Khổng Tử việc chính trị. Khổng Tử bảo: "Vua phải ra vua, tôi phải ra tôi, cha phải ra cha, con phải ra con". Cảnh công nói: "Nói rất hay! Nếu thật sự vua không ra vua, tôi không ra tôi, cha không ra cha, con không ra con, thì cho dù có lương thực, ta làm sao mà ăn cho được?" Một hôm Cảnh công lại hỏi Khổng Tử về vấn đề chính trị. Khổng Tử trả lời: "Việc quan trọng nhất của quản lý đất nước là tiết kiệm chi tiêu tài chính". Cảnh công rất mừng, cảm thấy Khổng Tử nói rất có lý, do đó còn định cất phong cho Khổng Tử vùng Nị Khê.

(Sử ký - Khổng Tử thế gia)

LỜI BÌNH

Khổng Tử chú trọng đề xướng tiết kiệm. Ông cho rằng, tiết kiệm có ý nghĩa quan trọng đối với đất nước và cá nhân. Cai trị đất nước phải "tiết kiệm của cải", "tiết kiệm tiêu dùng". Tiết kiệm chi tiêu tài chính và các loại tiêu dùng. Tính toán nhập vào để mà xuất ra mới có thể làm cho nhà nước thu chi cân bằng và

có dư thừa. Mở nguồn thu và tiết kiệm chỉ kết hợp với nhau mới có thể làm cho đất nước giàu có. Đối với cá nhân, giữ gìn tiết kiệm, bỏ lòng ham muốn, có lợi cho việc giữ được "hằng tâm", có chí tìm đến đạo, vốn dĩ nghèo khó, lại tỏ ra sang trọng, người như vậy rất khó có được hằng tâm, "kẻ sĩ có chí đi tìm chân lý, lại cảm thấy xấu hổ vì phải mặc quần áo cũ rách và ăn uống kham khổ, loại người này không đáng để cùng bàn luận chân lý với họ"; vì tiết kiệm mà xảy ra sai sót là rất ít. Tiết kiệm tuy tỏ ra xơ ro, nhưng thà rằng xơ ro cũng không thể xa xỉ mà không khiêm tốn. Vì thế, ông không những hiền lành lương thiện, khiêm tốn nhường nhịn, lấy tiết kiệm để lập thân lập nghiệp. Ông coi giàu sang như mây trời, sống nghèo khổ tiết kiệm để tự hưởng niềm vui thú. Theo nguyên tắc tiết kiệm, theo mọi người đội mũ xơ, chủ trương đi xe thô. Ông ca ngợi Đại Vũ "ăn uống kém", "quần áo xấu", "cung điện thấp bé", nhưng lại tập trung sức lực vào công việc đem lại phúc lợi cho dân, phê bình tướng quốc Quán Trọng không tiết kiệm. Ông mong muốn từ trên xuống dưới đều tiết kiệm, không xa xỉ, hình thành một phong thái tốt đẹp người người đều tiết kiệm, một truyền thống tốt đẹp coi trọng tiết kiệm. Hành vi và tư tưởng tiết kiệm của Khổng Tử có ảnh hưởng rộng rãi, tới nay vẫn nên kế thừa có phê phán.

GUƠNG TIẾT KIÊM CỦA HÁN VĂN ĐẾ

Hiếu Văn đế từ nước Đại đến kinh thành, lên ngôi vua hai mươi ba năm, cung điện, vườn cảnh, chó ngựa, quần áo, đồ trang sức và tất cả mọi đồ dùng khác, đều không thêm thứ gì, những việc không có lợi cho dân đều bãi bỏ, để thuận lợi cho dân. Ông đã từng muốn xây dựng một đài cao lộ thiên, mời thợ đến tính toán, giá thành phải cao tới một trăm cân vàng. Văn đế bảo: "Một trăm cân vàng, bằng tài sản của mười gia đình người dân bậc trung. Ta kế thừa cung thất của tiên đế, vẫn thường cảm thấy lo sợ và xấu hổ, vì sao lại còn phải xây dựng đài cao lộ thiên kia chứ?" Văn đế hàng ngày phải mặc quần áo may bằng tơ thô xấu, ngay cả Thận phu nhân là người ông yêu quý nhất, cũng ra lệnh cho bà quần áo không được kéo lê trên đất, màn trướng không được thêu hoa, để thể hiện tác phong trung hậu chất phác, làm mẫu mực cho thiên hạ. Xây dựng lăng mộ cho mình, dùng toàn gạch ngói, không được dùng kim loại quý như vàng, bạc, đồng, thiếc để trang trí tô điểm, không xây mộ cao to, chỉ mong tiết kiệm, không làm phiền hà nhân dân...

Ngày 1 tháng 6 năm thứ 7 Mậu Nguyên, Văn đế tạ thế tại cung Vị Ương. Trước lúc lâm chung có di chiếu lại rằng: "Ta nghe nói trời sinh muôn loài, không thứ nào không chết cả. Chết là lẽ thường trong trời đất, là hiện

tượng tự nhiên của sự vật, làm sao mà phải đau thương quá đáng. Hiện nay, người đời đều ham sống sợ chết, người chết rồi, chi phí quá nhiều của cải để chôn cất, đến nỗi phải khuynh gia bại sản; đám ma kéo dài quá lâu, đau thương quá đáng, đến nỗi làm hại cho sức khỏe của mình. Ta cho rằng không nên làm như vậy. Khi ta sống, đức hạnh không cao, không có ích gì cho nhân dân, sau khi chết lại bắt mọi người để tang cúng bái ta lâu dài, bị cái rét cái nóng ghê gớm hành hạ giày vò, khiến cho cha con người ta đau buồn, già trẻ thương xót, giảm ăn giảm uống, bỏ cả cúng bái, như vậy càng làm nặng thêm cái vô đạo đức của ta, người trong thiên hạ sẽ nói như thế nào đây? Một người nhỏ bé như ta, bảo toàn được tông miếu, bao trùm lên muôn dân trong thiên hạ và các vua chư hầu, đã hơn 20 năm rồi. Nhờ vào thần linh trong trời đất, hồng phúc của xã tắc, mới làm cho trong nước yên vui, không có chiến tranh loạn lạc. Bản thân ta đã rất không thông minh, nên thường lo lắng có sai sót, e rằng vì thế bồi nhọ cái đức để lại của tiên đế; ngày tháng qua đi, lúc nào cũng lo sợ mình chẳng có được kết cục yên lành. Nay ta may mắn hưởng trọn tuổi trời, lại được đưa vào miếu thờ hưởng lộc cúng tế. Ta không sáng suốt giỏi giang như vậy mà có được kết quả tốt đẹp này, thì phải vui mừng cho ta chứ, làm sao lại có thể đau thương được nhỉ? Truyền lệnh cho quan lại và dân chúng trong thiên hạ, sau khi nhận được mệnh lệnh này, cúng tế khóc lóc ba ngày xong thì cởi bỏ áo tang ngay. Trong thời gian tang lễ của ta, không được cấm các việc kết hôn, thờ cúng, uống rượu, ăn thịt, ma chay và những người phải chịu tang cúng bái khóc lóc, cũng không được đi chân không trên đất khóc lóc đau xót như trước kia, khăn tang bằng vải gai rộng không được

quá ba tấc, khi chôn cất không được bày biện xa giá và binh khí, không được phát động dân chúng đến cung điện cúng bái khóc lóc. Những người phải khóc lóc cúng tế trong cung đình, chỉ được khóc 15 tiếng vào các buổi sáng và chiều, làm lễ xong thì thôi khóc ngay. Không phải thời gian khóc lóc sáng chiều, không được tự tiện khóc lóc. An táng xong, chỉ mặc quần áo tang xơ gai mười lăm ngày, quần áo xơ gai loại hai, mặc mười bốn ngày, quần áo tang xơ gai loại mịn mặc bảy ngày, sau ba mươi sáu ngày thì cởi bỏ áo tang. Các sự việc khác không thuộc phạm vi quy định, cũng phải làm theo quy định này, phải thông báo cho toàn thiên hạ những quy định này, để mọi người hiểu rõ lòng dạ, ý muốn của ta. Lăng mộ chôn cất ta phải giữ nguyên diện mạo của sông núi, không được làm thay đổi khác đi.

(Sử ký - Hiếu văn bản kỷ)

LỜI BÌNH

Bài văn này kể lại chuyện Hán Văn đế Lưu Hằng yêu quý sức dân, gương mẫu tiết kiệm. Hán Văn đế chủ trương tiết kiệm, yêu cầu bản thân và người trong gia đình ra sức thực hiện. Về mặt sinh hoạt chú ý giản dị, cái gì cất bỏ được thì phải cất bỏ. Trước khi chết, ông lập di chúc, yêu cầu việc ma chay phải tiết kiệm, thay đổi thông lệ tập tục cũ phô trương, lãng phí lớn vì vua mà làm khổ dân trước kia. Mặc dù so với ngày nay, thì việc ma chay của Hán Văn đế vẫn rất là tốn kém, lãng phí lớn, nhưng vào thời ấy đã tiết kiệm rất nhiều, so với các vua trước kia thì khác nhiều lắm. Hán Văn đế là một ông vua có tài vào thời kỳ trước của nhà Tây Hán, đã đưa chính quyền Tây Hán tiến vào giai đoạn mới của "Thịnh trị Văn Cảnh", nhưng ông lại không cậy công kiêu ngạo, mà là nghiêm khắc với bản thân, trước sau

ra sức tiết kiệm. Tinh thần ra sức thực hiện tiết kiệm của Hán Văn đế không những đáng khen ngợi, học tập làm theo vào thời phong kiến, ngay cả ngày nay vẫn còn đáng kế thừa và phát huy, để thúc đẩy mọi người, nhất là thanh niên quý trọng sức người sức của, chú ý tiết kiệm.

CHÔN CẤT MÌNH TRẦN ĐỂ UỐN NẮN PHONG TỤC

Dương Vương Tôn khi ốm nặng sắp qua đời, nói với con rằng: "Sau khi ta chết, phải để ta mình trần mà chôn cất, không được mặc quần áo khâu liệm, để ta trở về trạng thái ban đầu của ta, phải nhớ không được làm khác ý của ta". Kỳ Hâu nghe thấy việc này, liền đến khuyên can Dương Vương Tôn. Kỳ Hâu bảo: "Tôi nghe nói ngài dặn con dứt khoát phải để ngài mình trần khi chôn cất, nếu quả đúng như tôi đã nghe được, tôi cho rằng việc ấy không thỏa đáng! Nếu người chết rồi không còn tri giác, thì cũng được đấy. Nhưng chết rồi vẫn còn tri giác, há không khiến thi hài bị hạ nhục hay sao? Vậy thì còn mặt mũi nào gặp mặt các bậc tiền nhân đã qua đời kia chứ?" Dương Vương Tôn nghe xong, giải thích với Hâu Kỳ rằng: "Tôi muốn dùng cách này để uốn nắn phong tục chôn cất linh đình trong xã hội. Cách chôn cất người chết lãng phí rất nhiều tiền của thật sự chẳng có ích gì cho người chết, nhưng người đời lại lấy việc được chôn cất linh đình để khoe khoang với nhau, mong muốn hơn hẳn người khác về mặt này, vì thế bày vẽ lãng phí, dốc vét tiền của, kết quả là để cho bao nhiêu tiền của chôn vùi xuống đất thối nát đi vô ích. Có người hôm nay vừa chôn thì hài xuống, hôm sau đã bị người ta đào bới lên, chuyện đó vốn dĩ có khác gì phơi

bày thi hài ở trên cánh đồng hoang hay không? Hơn nữa, chết chẳng qua chỉ là vật hóa khi chấm dứt cuộc đời, là sự về cội nguồn của vật thể. Về cội nguồn là đến chỗ tận cùng rồi, vật hóa là được chuyển hóa, đấy là các vật thể được trở về trạng thái gốc ban đầu của nó. Trạng thái gốc ban đầu của vật, mông lung mênh mang, không hình thể, không âm thanh, cái đó mới hợp với tình hình chân thực của đạo trời. Tô điểm cho hình dáng bên ngoài đẹp dễ, sang trọng, lấy đó khoe khoang với mọi người, kết quả do chôn cất linh đình làm ngáng trở cái gốc ban đầu, khiến cho kẻ trở về không thể về được trạng thái ban đầu, người vật hóa không chuyển hóa được, rõ ràng là khiến cho cái vật thể mất đi cái trạng thái gốc ban đầu của chúng đấy sao! Ta còn nghe nói, tinh thần của con người do trời phú cho, hình hài do đất ban cho. Tinh thần và hình hài tách rời nhau trở về trạng thái gốc ban đầu của mình, cho nên gọi là quý. Ý của quý là quy, tức là trở về. Thi hài vốn dĩ tồn tại riêng rẽ một mình, thì làm gì còn tri giác nữa đâu? Bây giờ người ta lại lấy tiền bọc lấy thi hài, cho thi hài tiền của châu báu, vì chuyện ấy cướp đi của cải của người đang sống, rõ ràng chẳng còn đạo lý nào nữa. Bậc thánh nhân cổ xưa thuận theo tình người định ra khuôn phép, thấy mọi người không nhẫn tâm chôn cất người thân trần trụi, mới định ra khuôn phép để chôn cất. Nhưng tục lệ mai táng bây giờ lại làm ngược lại khuôn phép ban đầu của thánh nhân ngày xưa. Trước kia khi chôn cất vua Nghiêu, lấy cây gỗ rộng ruột làm quan tài, lấy dây sắn cột buộc quan tài; huyết đào, dưới không tới nguồn nước, phía trên lấy chuẩn là không bốc ra mùi xú uế. Vì thế, thánh nhân khi còn sống dễ dàng được người ta sùng bái, chết đi rồi cũng được chôn cất dễ dàng, không tăng thêm gánh

nặng vô ích cho người đang sống, không làm thiệt hại của cái không đáng phí hoài. Bây giờ lại phí hoài rất nhiều của cái để chôn cất linh đình người chết, người chết không biết gì, người sống lại không được dùng những của cái ấy, thật là quá xằng bậy phi lý. Điều đó có thể nói là sự mê hoặc lớn nhất !" Kỳ Hâu nói: "Có lý lắm". Thế là người ta mai táng Dương Vương Tôn mình trần.

(Hán thư - Dương Vương Tôn truyện)

LỜI BÌNH

Bài văn này ghi chép lại chuyện mai táng Dương Vương Tôn mình trần để uốn nắn, sửa đổi phong tục chôn cất linh đình. Trong xã hội phong kiến, việc chôn cất ma chay linh đình rất thịnh hành, người thân chết, nhất là cha mẹ qua đời, thì quần áo quan quách sắm sửa rất tốn kém, thậm chí còn chôn theo vàng bạc châu báu, bày vẽ ghê gớm, lãng phí kinh người. Đối với quý tộc thượng lưu, lại càng phung phí hơn nhiều. Vì thế, việc khuyh gia bại sản xảy ra thường xuyên. Tục lệ chôn cất linh đình, tệ nạn rất nhiều. Dương Vương Tôn vô cùng căm ghét chuyện đó, cho rằng đã cướp đi tài sản của người sống chôn vùi xuống đất, nát đi phí hoài, là hành vi có hại cho người sống, vô ích đối với người chết, là hành vi rất không sáng suốt, đi ngược lại khuôn phép ban đầu của thánh nhân đã đặt ra. Để đề xướng việc chôn cất giản tiện, uốn nắn thói tục chôn cất linh đình, ông kiên quyết ra lệnh cho con chôn cất ông mình trần. Đây là một việc làm mạnh dạn thực sự làm cho người đời kinh ngạc sợ hãi lúc bấy giờ. Cho tới ngày nay, hiện tượng chôn cất linh đình vẫn thường xảy ra, chống tệ nạn chôn cất linh đình, đề xướng ma chay giản dị tiết kiệm, vẫn là một nội dung quan trọng trong việc thay đổi phong tục tập quán. Vì vậy, tinh thần và dũng khí của Dương Vương Tôn vẫn đáng để chúng ta phát huy và học tập.

DƯƠNG TỤC CẬM GHÉT XA HOA

Dương Tục tự là Hưng Tổ, người huyện Bình Dương phủ Thái Sơn thời Đông Hán.

Thời ấy, những kẻ có quyền thế phần lớn đều thích xa hoa, Dương Tục vô cùng căm ghét. Hàng ngày ông mặc áo rách, ăn cơm gạo xấu, ngồi xe cũ do ngựa gầy yếu kéo. Một phủ thừa biếu ông một ít cá tươi sống, Dương Tục nhận rồi đem treo ở ngoài sân. Ông phủ thừa ấy về sau lại biếu cá, Dương Tục liền đem cá đã treo lần trước ra cho phủ thừa xem, khiến phủ thừa bỏ ý định biếu xén. Sau đó, vợ Dương Tục và con trai là Dương Bí cùng nhau đến nơi đóng phủ quận, Dương Tục đóng cửa không cho vào, vợ đành dẫn con trai đi, Dương Tục chỉ tích góp được một chiếc chân vải, áo ngắn rách và mấy hộc muối, mì mạch mà thôi. Ông bảo Dương Bí: "Ta chỉ có bằng ấy thứ ít ỏi như vậy để nuôi sống mình, lấy gì để nuôi mẹ con chứ?" Rồi để con trai cùng mẹ nó trở về.

Năm thứ 6 đời Trung Bình, Hán Linh đế muốn để Dương Tục làm Thái úy. Thái úy là một trong Tam công, khi ấy phàm là các quan muốn làm quan to chức Tam công, phải dút cho Đông Viên rất nhiều tiền bạc, cung đình còn cử sứ giả đến đốc thúc việc này, sứ giả này gọi

là Tả trâu, tất cả những nơi họ đến, các quan đều phải cung kính đón tiếp, đút lót hậu hĩnh. Dương Tục không làm thế, ông lại để sứ giả trung ương ngồi trên chiếc chiếu đơn, giot chiếc áo bào làm bằng xơ gai cho sứ giả xem, và nói: "Thứ tôi giành được chỉ có cái này thôi". Tả trâu bầm với vua việc này, vua rất không vui, Dương Tục vì thế không được làm Thái úy. Về sau ông được vời về kinh, chỉ làm Thái thường thôi, chưa kịp lên đường nhậm chức thì ốm chết. Khi ấy ông mới bốn mươi tám tuổi. Ông để lại lời trăng trối, dặn dò phải chôn cất đơn giản, không nhận tiền của người ta mang đến để chôn cất ma chay cho ông. Theo thông lệ xưa nay, quan quận thú chết, nhà nước phải giúp đỡ chi phí ma chay rất nhiều tiền bạc, phủ thừa tiết kiệm làm theo ý nguyện của Dương Tục trước khi mất, không nhận một chút dính nào.

(Hậu Hán thư - Dương Tục liệt truyện)

LỜI BÌNH

Bài này viết chuyện Thái thú Nam Dương căm ghét thói xa hoa, tham lam, bản thân ông sống liêm khiết, tiết kiệm. Thời kỳ Linh đế nhà Đông Hán, chính trị đen tối, xã hội thối nát, quan lại tham nhũng, đút lót công khai, các nhà giàu sang quyền thế chuộng xa hoa, sống rất xa xỉ. Dương Tục làm chức thái thú vô cùng căm ghét, và tự mình sống trong sạch, tiết kiệm. Ông mặc áo rách, ăn cơm gạo xấu, đi xe cũ do ngựa gầy yếu kéo, nghèo đến nỗi không nuôi nổi vợ con. Ông không những từ chối nhận cá tươi của phủ thừa biểu, mà còn từ chối đút lót. Khi nhà vua chuẩn bị thăng chức ông lên làm Thái úy, ông thà mất chức quan cao chứ không chịu đút lót cho Thái giám. Lúc sắp chết

còn trời trắng lại, yêu cầu chôn cất ma chay đơn giản, từ chối số tiền chi phí ma chay rất lớn do triều đình cung cấp theo thông lệ. Hành vi, dũng khí và tinh thần của Dương Tục, thật sự vô cùng đáng quý, ngay bây giờ sau hàng nghìn năm, vẫn đáng khâm phục, đáng được học tập.

TÙY VĂN ĐỂ TRỪNG PHẠT CON

Tân Hiếu vương Dương Tuấn, tự A Chỉ, là con thứ ba của Cao tổ Dương Kiên.

Mới đầu, Dương Tuấn được ca ngợi là tốt, Cao tổ nghe tin rất vui mừng, viết thư cho Dương Tuấn, khen ngợi khuyến khích. Về sau Dương Tuấn dần dần trở nên xa xỉ, để thu vét được nhiều tiền của, đã vi phạm luật lệ, cho vay thu lãi, nhân dân và quan lại cấp dưới vì thế chịu nhiều khổ cực. Cao tổ sai sứ thần đến điều tra việc này, những kẻ liên lụy bị trị tội nhiều tới trên trăm người. Nhưng Dương Tuấn vẫn không chịu hối cải. Ông ta xây dựng cung điện lớn, cung điện sang trọng tuyệt vời. Dương Tuấn đầu óc linh hoạt, thường xuyên có những ý tưởng kỳ lạ khác thường, luôn luôn tự mình sử dụng dao rìu, chế tạo ra những đồ dùng xinh xắn, tinh xảo theo cấu tứ tuyệt diệu của mình, rồi còn trang điểm bằng châu ngọc. Ông ta làm cho phi tử giường màn thất bảo, lại xây dựng cung điện bên hồ. Trong cung trát tường bằng bột phấn thơm, xây bậc lên xuống bằng đá ngọc, đầu các xà cột lắp gương sáng, điểm xuyết thêm ngọc quý, tô điểm trang trí cực kỳ lộng lẫy. Xây dựng xong cung điện, thường xuyên cùng khách khứa, kỹ nữ, đàn hát ca múa, vui chơi hồ hởi, vô cùng sang khoái sung sướng. Dương Tuấn vốn ham mê nữ sắc, phi tử họ Thôi vốn tính cả ghen, vô cùng bất mãn,

thế là bỏ thuốc độc vào trong quả dưa. Dương Tuấn ăn dưa trúng độc, do đó bị bệnh, được triệu hồi về kinh thành. Cao tổ cho rằng Dương Tuấn xa xỉ phóng túng, nên bãi quan chức của ông ta, buộc ông ta với tư cách Tần vương ở trong phủ đệ. Tướng quân Tả vũ vệ Lưu Thăng dâng lên Văn đế lời can gián: "Tần vương chẳng có tội gì khác, chẳng qua đã dùng tiền của nhà vua xây dựng nhà cửa cung thất mà thôi, thần thấy rằng khoan hồng tha thứ được". Văn đế bảo: "Pháp lệnh không được vi phạm". Lưu Thăng kiên trì tiếp tục can ngăn, đã làm cho Văn đế nổi giận, thể hiện ngay ra trên nét mặt, Lưu Hương đành phải thôi. Về sau, trọng thần Dương Tổ lại vì Dương Tuấn dâng lời khuyên can Văn đế: "Sai sót của Dương Tuấn, không nên xử phạt tới mức nặng như vậy, mong bệ hạ suy nghĩ kỹ thêm". Văn đế bảo: "Ta là cha của năm đứa con trai, nếu như nói theo ý của khanh, thì sao lại không xây dựng riêng pháp luật đặc biệt cho con của thiên tử? Là người như thánh nhân Chu công Cơ Đán, còn trừng phạt Quản Thúc, Thái Thúc, ta rõ ràng là không bằng Chu công, còn kém xa ông ta, làm sao lại làm việc không hoàn toàn tuân theo pháp luật được, để pháp luật bị hỏng hay sao?" Cuối cùng không đồng ý giảm nhẹ hình phạt đối với Dương Tuấn.

Dương Tuấn ốm nặng, đi lại khó khăn, sai người dâng biểu tấu, tỏ ý nhận lỗi lầm. Văn đế nói với người Dương Tuấn sai đến: "Ta đốc sức ở ngoài biên cương, mới xây dựng nên nghiệp lớn, thật sự chẳng dễ dàng gì. Để giữ được nghiệp lớn chẳng dễ dàng có được này, ta phải đặt ra chuẩn mực, lưu lại việc làm gương mẫu, để có thể đòi hỏi kẻ bầy tôi tuân thủ giữ gìn, không để mất đi. Người

là con ta, lại muốn làm hỏng một số chuẩn mực nền nếp ta đã dựng nên, ta không biết nên trách phạt người như thế nào đây!" Dương Tuấn cảm thấy xấu hổ và sợ hãi, bệnh tình càng thêm trầm trọng. Khi ấy, Đại đô đốc Hoàng Phủ Thống dâng sớ lên, xin Văn đế khôi phục quan chức cho Tân vương Tuấn, Văn đế vẫn không nghe. Hơn một năm sau, vì bệnh tình của Tân vương Tuấn càng nặng, mới lại bổ nhiệm làm Thượng trụ quốc. Tháng 6 năm hai mươi Tùy Văn đế, Tân vương Dương Tuấn chết trong phủ đệ Tân vương. Hán Văn đế tuy đau thương, cũng chỉ khóc mấy tiếng rồi thôi. Đối với những đồ đạc xa xỉ đẹp đẽ Dương Tuấn đã làm ra, ra lệnh đốt hết. Còn ra lệnh mọi dụng cụ dùng cho việc tang ma đều phải làm đúng theo nguyên tắc tiết kiệm, và lấy đó làm khuôn phép về sau. Các quan nhỏ giúp việc ở phủ Tân vương xin được dựng bia cho Tân vương, Văn đế bảo: "Nếu muốn lưu danh, thì đã có cuốn sử ghi chép lại là đủ rồi, vì sao còn phải dựng bia làm gì? Nếu như con cháu chẳng ra gì, bia đá đã dựng lên chẳng qua rồi sẽ bị người ta lấy đi làm hòn đá để chặn đồ mà thôi".

*(Tùy thư - Văn tứ tử truyện -
Dương Tuấn)*

LỜI BÌNH

Bài văn này kể chuyện Hoàng tử Dương Tuấn vì sống xa hoa mà bị cha bãi quan chức và trách phạt. Tùy Văn đế Dương Kiên là ông vua dựng mở nước, khá chú ý tiết kiệm và chống xa xỉ ăn chơi. Nhưng con trai ông ta, Dương Tuấn cậy thế vi phạm chế độ, sống xa hoa. Văn đế phái người đến điều tra xử trí, để cảnh cáo. Dương Tuấn không những không có ý hối cải,

mà lại càng ngông cuồng, làm ra những vật tinh xảo sang trọng, sống xa hoa hưởng lạc. Để xây dựng phong thái tiết kiệm, ngăn chặn có hiệu quả thói xấu xa xỉ, Văn đế đối với người con vốn được yêu quý, cũng không bỏ qua, liền trừng phạt theo đúng pháp luật, bãi quan chức của Dương Tuấn. Các đại thần khuyên Văn đế khoan hồng giảm tội, Văn đế kiên quyết không vì con mình mà bỏ công pháp luật. Dương Tuấn ốm chết rồi, Văn đế lại ra lệnh tống táng phải tiết kiệm, đốt hết những thứ xa xỉ đẹp đẽ do Dương Tuấn làm ra. Là một ông vua phong kiến, đã làm được như vậy, thực sự là vô cùng đáng quý, thật sự đáng để người đời xưa nay ca ngợi, đáng để người đời, nhất là cán bộ cao cấp noi theo. Đồng thời, thanh thiếu niên, nhất là con em cán bộ cao cấp nên lấy Dương Tuấn làm răn.

TRỊNH HOÀN DẠY CHÁU

Trịnh Hoàn xưa nay sống rất tiết kiệm giản dị, khi làm quan Doãn tỉnh Hà Nam, một đứa cháu người anh em họ của cha, từ Đàm Hoài tới thăm, vì đứa cháu họ này vốn dĩ sống bằng nghề làm ruộng, chưa từng sống ở chốn quan trường, nên những nghi lễ chấp tay vái chào, quỳ lạy đều rất ngu ngơ vụng về, ăn mặc cũng rất là quê kệch. Con em Trịnh Hoàn và đây đó, đều thấy người này thiếu lễ phép, thiếu giáo dục, chỉ có Trịnh Hoàn tỏ ra thông cảm cho anh ta. Trịnh Hoàn hỏi anh ta cần gì, anh ta liền trả lời rất hồn láo rằng: "Cái ông nọ cai trị quê ta (quê nhà Đàm Hoài), có ý ban quan chức cho hạ dân đã lâu. Cháu muốn nhân lúc ở phủ quan thiếu nhân tài thích hợp, có thể kiếm lấy một chức úy, nếu như có được quan chức, thì có thể mặc áo gấm xênh xang trong làng xóm rồi". Trịnh Hoàn tỏ vẻ đồng ý. Trịnh Hoàn là người có đức lớn, danh tiếng trong sạch, được người đương thời rất ngưỡng vọng, kính phục, nếu viết một lá thư cho quận thú, nhờ quận thú giúp đỡ tác thành cho, thì công việc sẽ rất dễ dàng như trở bàn tay thôi. Nhưng một việc làm của đứa cháu đã khiến ông tức giận, việc xin làm quan bị dẹp bỏ ngay. Trước ngày cháu Trịnh Hoàn ra về, Trịnh Hoàn gọi tất cả các cháu nội ngoại đến ăn cơm. Cháu Trịnh Hoàn khi ăn bánh bao đã bóc bỏ lớp vỏ ngoài. Trịnh Hoàn thấy thế, rất

đôi chân ngán giận dữ, rồi bực bội hỏi cháu: "Vỏ bánh bao và ruột có gì khác nhau, vì sao lại bóc lớp vỏ ngoài rồi mới ăn? Ta xưa nay rất không hài lòng về lối sống hư hỏng phù hoa, giả dối, vô cùng căm ghét thói kiêu sa, mong muốn khôi phục lại tác phong thuần phác, lối sống đôn hậu. Ta vốn thương nhà người làm ruộng khó khăn, quần áo cũ rách, cho rằng người nhất định phải hiểu nỗi gian khổ của cây cấy gặt hái, thật không sao hiểu nổi người lại kiêu ngạo, kênh kiệu hơn cả con em nhà giàu sang quyền quý như vậy?" Nói rồi giơ tay đòi lấy vỏ bánh bao vứt ở trên bàn. Cháu Trịnh Hoàn ngớ ra bàng hoàng bối rối, chẳng còn biết làm thế nào nữa, đành phải nhặt lớp vỏ bánh bao lên, bỏ vào một cái bát đựng thức ăn, rồi đưa tới cho Trịnh Hoàn. Trịnh Hoàn đón lấy, rồi ăn hết trước mặt các cháu. Ăn xong, đưa cháu về nhà khách, tặng cháu năm tấm lụa đẹp, rồi tiễn cháu về quê.

(Thái bình quảng ký)

LỜI BÌNH

Trịnh Hoàn, quan Doãn Hà Nam thấy rằng mọi thứ chẳng dễ dàng gì mà có được, xưa nay sống tiết kiệm giản dị, chống thói kiêu sa phù hoa. Cháu sống bằng nghề làm ruộng, tuy tỏ ra quê mùa cổ hủ, Trịnh Hoàn vẫn không khinh thường, tỏ ra thương mến. Nhưng đứa cháu này của ông lại học đòi con em nhà giàu quyền quý, ăn bánh bao bóc vỏ bỏ đi. Trịnh Hoàn không ngờ đứa cháu đã chịu gian khổ trồng cấy lương thực mà lại như thế, vô cùng tức giận, nghiêm khắc răn bảo cháu một trận, rồi ăn hết đám vỏ bánh bao đứa cháu bóc bỏ ra ngay trước mắt mọi người. Ông vốn đồng ý giúp đỡ cháu cầu lấy chút quan chức, nay thì không giúp đỡ nữa, mà để cháu về quê tiếp tục làm ruộng. Trịnh Hoàn nghiêm khắc phê bình hiện tượng làm

phách làm bộ, lãng phí, dạy bảo đám con cháu quý trọng của cải, chú ý tiết kiệm, giản dị, việc đố đỏi với thời đại mà hành vi lãng phí, tác phong phô trương khá nghiêm trọng hiện nay rất đáng để xướng và học tập, và hành vi ấy rất có ý nghĩa giáo dục đối với thanh thiếu niên.

LÝ HĂNG KHÔNG XÂY NHÀ CAO CỬA RỘNG

Lý Hăng xây phủ đệ trong cửa Phong Khâu, khoảng đất trống trước sân đường chỉ đủ để ngựa xoay mình. Có người bảo sân đường quá bé nhỏ, Lý Hăng cười mà rằng: "Nhà xây để ở phải để lại cho con cháu, sân đường này là chỗ làm việc cho quan Tể tướng thì rõ ràng là nhỏ rồi, nhưng làm sân đường cho Thái chúc, Phụng lễ lang thì đã rộng rãi lắm rồi". Rồi tường hồng vách xiêu, cũng không hề quan tâm chú ý. Hàng rào cây phía trước sân đường hồng, bà vợ nhắc bảo đám người canh giữ nhà có ý không tu sửa, lấy đó để xem ý của Lý Hăng. Lý Hăng sớm chiều đi qua ngay cạnh đó thấy cả, nhưng một tháng qua đi, ông ta cũng chẳng hề dả động gì đến. Sau đó bà vợ nói thẳng với ông chuyện này, Lý Hăng nghe xong, bảo: "Làm sao lại có thể đem chuyện này ra để buộc ta phải động tâm suy nghĩ nhỉ?" Những người khác trong gia đình khuyên ông xây nhà. Lý Hăng không trả lời. Em trai ông là Lý Duy, trong lúc trò chuyện lại nhắc tới việc xây nhà. Lý Hăng đã giải thích: "Ta hưởng bổng lộc lớn, thường được ban thưởng luôn, tính toán vốn liếng trong nhà thì cũng có điều kiện xây được nhà cửa, hoàn toàn có thể xây được nhà cao cửa rộng. Nhưng ta nghĩ tới kinh Phật đã nói thế giới này có khiếm khuyết, con người ta

làm sao có thể đạt được tới mức hoàn toàn như ý được, làm sao mong muốn vừa lòng mãi nguyện được kia chứ? Bây giờ mua nhà mới, phải một năm mới tu sửa hoàn thiện được, đời người ngắn ngủi, nắng sớm mưa chiều, làm thế nào mà ở lâu dài mãi được? Chim trong rừng, chẳng qua chỉ cần một cành để làm tổ, có một cành là đủ rồi. Chi cần như chim có một cành làm tổ trong rừng cây, yên phận mình, chẳng tham nhiều, tự cảm thấy đầy đủ, thỏa mãn là được rồi, vì sao lại đi xây nhà cao cửa rộng để làm gì?

(Tổng sử - Lý Hăng truyện)

LỜI BÌNH

Lý Hăng là Tế tướng thời vua Tống Chân Tông, đương nhiên có đủ điều kiện xây dựng nhà cao cửa rộng, để bản thân, người trong gia đình và thế hệ sau sống đàng hoàng thoải mái, nhưng ông nhất quyết không làm như vậy. Người ta khuyên ông cũng không làm ông thay đổi ý định. Ông cho rằng: Thứ nhất, nhà ở hiện tại để Tế tướng ở và làm việc, rõ ràng là nhỏ, nhưng hà tất phải bận tâm! Nhà ở cố nhiên phải để lại cho thế hệ sau, thế hệ sau vị tất đã có người làm đến Tế tướng, thì có lý do gì để chê nhà ở là nhỏ bé? Thứ hai, theo cách nói của kinh Phật, thế giới có khiếm khuyết, thì làm sao việc gì cũng như ý được? Huống hồ đời người ngắn ngủi, có nhà cao cửa rộng cũng chẳng ở lâu dài mãi được. Dẫu rằng lý do thứ hai đầy tư tưởng tiêu cực, nhưng lý do thứ nhất lại vô cùng có lý. Hơn nữa, ý thức răn bảo con em và người nhà đừng ham muốn cuộc sống xa hoa của Lý Hăng, ngày nay vẫn cần phải khẳng định.

RĂN DẠY CON EM TIẾT KIỆM, GIẢN DỊ

Vương Đán ốm nặng, vua ngày ngày sai nội thị đến thăm hỏi, có ngày thăm hỏi ba bốn lần; đích thân làm thuốc tốt, kèm thêm cả nấu cháo củ mài đưa tới cho ông dùng. Vương Đán thường ngày có tình bạn nông hậu với Dương Úc, liền mời Dương Úc đến phòng ngủ, mời ông ta viết bài di biểu, và nói với ông ta rằng: "Tôi làm Tể tướng, không thể dùng lời để ép buộc triều đình, cầu quan chức cho họ hàng thân thích tôn thất nhà vua; trong di biểu chỉ muốn nói ra số phận cuộc đời tôi, đừng viết những lời lẽ tuyên dương công đức; mong Hoàng thượng ngày ngày giải quyết công việc chính sự, chú ý bổ dụng nhân tài, để giảm bớt nỗi lo âu vất vả". Ông còn răn dạy con em rằng: "Gia đình ta được tiếng là có đạo đức thanh cao, liêm khiết, tiết kiệm, các con phải sống tiết kiệm, giản dị, giữ lấy gia phong, không được làm những việc kiêu sa phóng túng. Ta chết rồi, không được làm ma chay linh đình, càng không cho phép bỏ vàng bạc châu báu vào trong quan tài, đem chôn uống phí đi". Bản di biểu trình lên Hoàng thượng, Tống Chân Tông vô cùng cảm thương, bèn đích thân đến thăm Vương Đán, ban cho ông năm nghìn lạng vàng trắng. Vương Đán sai người viết số tâu lên Hoàng thượng, tạ ơn không nhận vàng trắng đã được

ban thường, cuối bản tấu ông còn đích thân viết thêm bốn câu: "Càng sợ hãi giữ nhiều của cải, hưởng hồ chẳng dùng để làm gì, bây giờ thần muốn đem bố thí cho hết đi, để cho hết mọi tai ương bất ngờ". Đồng thời ra lệnh khiêng vàng trắng trả về cung.

(Tổng sử - Vương Đán truyện)

LỜI BÌNH

Bài này ghi lại lời nói và việc làm của Vương Đán trước lúc chết, phản ánh đức sáng liêm khiết, giản dị của ông. Là ông quan nổi tiếng một thời, trước lúc chết có biết bao nhiêu điều phải nói, nhưng Vương Đán chỉ nói ra bốn điểm rất cụ thể: Một là, không được phép lấy lời người sắp chết để ép buộc triều đình, cầu quan chức cho họ hàng thân thiết; hai là, di biểu chỉ viết ra một cách khách quan việc làm của đời mình, không ca ngợi công đức gì; ba là, mong nhà vua đích thân trông coi chính sự, chọn lựa sử dụng người hiền tài; bốn là, răn dạy con em phải sống tiết kiệm, giản dị, giữ lấy gia phong. Điểm thứ tư trong đó, thực tế là bài gia huấn nghiêm khắc. Vương Đán nổi tiếng là người tiết kiệm, giản dị, thường ngày chú ý dạy bảo con em sống tiết kiệm, trước khi chết vẫn chưa yên tâm, một lần nữa răn dạy con em phải giữ lấy gia phong liêm khiết, giản dị, không được xa hoa. Trong xã hội phong kiến chuộng ma chay linh đình, ông tự mình làm gương, không cho phép con cháu chôn theo vàng bạc châu báu. Những việc làm đó rất đáng quý. Dù là với các bậc cha mẹ có nghĩa vụ nuôi dạy con cái, hay đối với bản thân thanh thiếu niên, đều có ý nghĩa giáo dục nhất định.

DẠY BẢO CON SỐNG TIẾT KIỆM

Ta sinh ra trong một gia đình nghèo, tổ tiên đời đời đều kế thừa nếp nhà thanh bạch. Ta bản tính không thích xa hoa, khi ta còn là trẻ thơ bú mẹ, các bậc bề trên mặc cho ta quần áo đẹp, có trang sức vàng bạc, ta cứ bên lén, đỏ cả mặt, nên cởi bỏ ra ngay. Năm 20 tuổi đỗ tiến sĩ, trong buổi tiệc chúc mừng vui vẻ như vậy chỉ có một mình ta không cài hoa. Những người đỗ cùng khoa bảo ta: "Đây là nhà vua ban thưởng, phải cài hoa, không được vi phạm". Ta đành gượng gạo cài một bông hoa lên mũ. Cả đời ta mặc quần áo chỉ mong khỏi rét, cơm thì cầu ăn no bụng, nhưng cũng không dám mặc quần áo bẩn thỉu rách rưới, cố ý khác với mọi người để mong lấy tiếng, chỉ làm theo bản tính của ta mà thôi.

Mọi người đều coi xa hoa sang trọng là một niềm vinh hạnh, trong lòng ta thì lại coi tiết kiệm, giản dị là đức tốt. Mọi người chế giễu ta là cố chấp cổ hủ, nhưng ta không coi đây là khuyết điểm, và trả lời họ rằng: "Khổng Tử đã nói: "Nếu vì xa xỉ mà kiêu ngạo, thì chỉ bằng tiết kiệm để bị người ta cho là cổ hủ". Lại nói: "Người vì tiết kiệm mà có sai sót rất hiếm". Lại nói: "Người học hành có chí đi tìm chân lý mà lại thấy sỉ nhục vì mặc áo rách và ăn cơm gạo xấu, thì không đáng bàn luận gì với loại người ấy". Người xưa coi tiết kiệm là đức tốt, người bây giờ lại cho

tiết kiệm, giản dị là khuyết điểm rồi chế giễu, hù, việc đó thật là kỳ quái!"

Tập tục xã hội mấy năm nay càng chú trọng xa hoa, những kẻ làm nha dịch ăn mặc như kẻ sĩ, nông dân đi giày bằng lụa tơ, ta nhớ vào những năm Thiên thánh Nhân Tông, cha ta làm Quản mục phán quan, khách đến nhà bao giờ cũng com rượu khoán đãi. Nhưng mỗi lần cỗ bàn thết khách, có khi rót ba tuần rượu, có khi rót tới năm lần, nhiều nhất cũng không quá bảy lần. Rượu mua ở chợ, quả trái thì chỉ là lê, hạt dẻ, táo, hồng, thức ăn thì chỉ là thịt khô, thịt muối, canh rau, đồ dùng chỉ là đồ sứ, đồ sơn. Khi ấy, các sĩ đại phu nhà nhà đều như vậy cả, chẳng ai chê trách ai. Tự tập ăn uống nhiều lần, tình cảm lễ nghĩa ăn cần nồng nhiệt, thức ăn đạm bạc, tình nghĩa sâu nặng. Gần đây, nhà sĩ đại phu mời khách không như thế nữa, rượu không phải cất theo phương pháp bí truyền của cung đình, quả trái không phải của ngon vật lạ từ xa mang tới, thức ăn không phải chủng loại thật nhiều, đồ dùng không bày kín bàn lớn, thì đều không dám mời khách khứa bạn bè; thường thì phải lo toan chuẩn bị mấy tháng rồi mới dám gửi thiệp mời khách đến. Nếu không làm thịnh soạn, linh đình, người ta sẽ đua nhau phê phán, cho rằng hủ lậu, bủn xỉn. Vì thế, những người không theo thế tục xa xỉ rất ít. Người làm quan đầu cho không cấm được, thì lẽ nào đành lòng khích lệ, ủng hộ hay sao?

Ta còn nghe nói, ngày xưa khi ông Lý Hăng làm Tế tướng, xây một ngôi nhà trong cửa Phong Khâu Biện Kinh, khoảng trống trước đại sảnh chỉ đủ để cho ngựa xoay mình. Có người nói như vậy thì nhỏ hẹp quá, Lý Văn Tịnh cười mà rằng: "Nhà ở truyền lại cho con cháu. Là

nơi làm việc của Tể tướng thì quả là nhỏ hẹp một chút, nhưng là sảnh đường của Thái chúc, Phụng lễ lang thì đã là rộng rãi lắm rồi". Tham gia chính sự Lỗ Tông Đạo làm gián quan, vua Chân Tông có việc sai sứ thần cho gọi ông ta khẩn cấp, kết quả tìm thấy ông ở quán rượu. Vào đến triều đường, vua hỏi ông từ đâu tới, Lỗ công trình tâu thật thà với vua. Vua bảo: "Khanh là quan thanh cao, làm sao lại uống rượu ở quán?" Lỗ công trả lời: "Vi thần gia đình nghèo túng, khách đến nhà, không có đồ dùng, thức ăn, quả trái để thết đãi, cho nên đành phải đưa khách đến quán rượu để chiêu đãi". Vì Lỗ công không giấu giếm, vua càng kính trọng ông hơn. Trương Văn Tiết làm Tể tướng, cuộc sống cá nhân của ông cũng chẳng khác gì khi ông còn làm Phán quan tiết độ ở Hà Dương, trong đám thân cận có người khuyên ông: "Bổng lộc của ông bây giờ đâu có ít, tự mình làm sao lại sống như vậy, bản thân ông tuy tin rằng đây là thanh liêm tiết kiệm, nhưng người ngoài đâu biết được sự thể, có người cho ông là Công Tôn Hoàng dối Hân, cho rằng làm như vậy là biểu hiện có dối trá. Ông nên ngả theo thế tục một chút mới được". Trương công than thở rằng: "Với bổng lộc của tôi bây giờ, cho dù cả nhà đều ăn ngon mặc đẹp, đâu phải là không được? Nhưng có điều lẽ thường tình với con người, từ tiết kiệm đến xa xỉ thì khá dễ dàng, từ xa xỉ đến tiết kiệm thì lại rất khó. Bổng lộc của tôi bây giờ lẽ nào cứ nhiều mãi như thế này được? Một khi tình hình thay đổi (bị giáng cấp, bãi chức hoặc ốm chết), thu nhập khác với bây giờ, người trong gia đình quen sống xa hoa lâu ngày rồi, không thể bỗng chốc học được tiết kiệm ngay, dứt khoát không đảm bảo được cuộc sống, thì không gì bằng cuộc sống của gia đình trước sau vẫn bình thường, cho dù tôi đang tại chức,

không còn chức tước, còn sống hay đã chết". Ôi, thật là sự lo tính sâu xa của con người giàu trí tuệ, cao đạo đức, người bình thường làm sao sánh kịp được!

Quan Đại phu nước Lỗ thời Xuân thu, Ngự Tôn nói: "Tiết kiệm là phẩm chất cùng có của người có đức, xa xỉ là cái lớn nhất trong cái ác". Cùng, tức là giống, là nói người có đức đều do tiết kiệm mà cùng có được. Tiết kiệm sẽ khiến người ta giảm bớt ham muốn. Quân tử có đạo đức ham muốn ít, sẽ không bị vật chất bên ngoài lôi kéo thu hút, để thành nô lệ của vật chất, vì thế có thể thành người làm việc theo chính nghĩa. Kẻ tiểu nhân giảm bớt ham muốn vật chất sẽ có thể kiềm chế được mình, tiết kiệm chi dùng, tránh được phạm tội, làm cho gia đình giàu có. Vì vậy nói rằng: "Tiết kiệm giản dị, là phẩm chất chung của người có đức hạnh". Xa xỉ sẽ tăng thêm ham muốn. Quân tử nhiều ham muốn sẽ ham chuộng giàu sang, dẫn đến trở thành người làm việc ngược lại chính nghĩa, chuốc lấy tai họa; kẻ tiểu nhân nhiều ham muốn sẽ tham lam, tiêu xài bừa bãi, hoang phí, thân tàn của hết. Con người ta một khi nhiều ham muốn, làm quan sẽ tham lam ăn dút lót, ở nông thôn sẽ làm trộm cướp. Vì thế nói rằng: "Xa xỉ là cái lớn nhất trong cái ác".

Trước kia, quan Đại phu nước Tống, Chính Khảo Phụ ăn cháo đặc cháo loãng, duy trì cuộc sống, quan Đại phu nước Lỗ, Mạnh Hỷ Tử biết chắc đời sau mình con cháu nhất định có người làm nên. Quý Văn Tử làm Tể tướng, lần lượt phò tá ba ông vua nước Lỗ, nhưng vợ bé của ông không mặc quần áo lụa là, ngựa không nuôi bằng lương thực, vua cho rằng ông trung thành với đất nước. Đồ dùng của Quán Trọng đều có chạm trổ hoa văn, dải mũ đỏ tía,

cột trong nhà chạm khắc tranh, Khổng Tử khinh bỉ ông ta, cho rằng ông ta bụng dạ hẹp hòi. Công Thúc Văn Tử thiết tiệc mời Vệ Linh công, Sử Tu dự đoán trước ông ta sẽ gặp tai vạ, tới đời con ông ta, Công Tôn Tuất quả nhiên vì giàu có mắc tội phải chạy trốn ra nước ngoài. Hà Tăng hàng ngày ăn uống chi phí trị giá hàng vạn tiền, tới đời cháu ông ta vì kiêu sa ngông cuồng mà nhà tan cửa hết. Thạch Sùng khoe khoang xa xỉ với mọi người, kết quả vì thế bị chém đầu ở chợ Đông. Khấu Lai công đòi gần đây, sang trọng xa hoa bậc nhất một thời, nhưng vì công lao to lớn, người ta không chỉ trích ông ta, con cháu ông ta quen với nếp sống xa hoa, giờ đây phần lớn nghèo túng khôn khó. Những người khác vì tiết kiệm mà nổi tiếng, do xa xỉ mà bại hoại rất là nhiều, không thể nào kể hết được, ta chỉ đưa ra những người này làm thí dụ để răn dạy con, con không những chỉ riêng mình sống tiết kiệm, mà còn phải dạy bảo cho con cháu của mình, để chúng hiểu tập tục truyền thống của gia đình của cha ông.

*(Ôn Quốc văn chính Tư Mã công
văn tập, quyển 69)*

LỜI BÌNH

Nhìn tên nhớ đến nghĩa, bài văn này Tư Mã Quang viết ra để dạy bảo con trai Tư Mã Khang quý trọng tiết kiệm. Bài văn mở đầu nói về bản thân, từ nhỏ đã không thích xa hoa, quý trọng tiết kiệm, đưa ra quan điểm "coi tiết kiệm là đẹp". Tiếp đó lấy việc các sĩ đại phu thiết tiệc đãi khách làm thí dụ nói lên thói tục xa hoa những năm gần đây, bày tỏ niềm cảm khái đối với phong thái này. Sau đó nêu lên thí dụ quý trọng tiết kiệm của ba danh nhân đời Tống, ca ngợi họ mưu tính sâu xa. Rồi lại dẫn danh ngôn của Ngự Tôn để giải thích, trên đạo lý trình bày kết

cục khác nhau do tiết kiệm và xa xỉ gây ra, đồng thời đưa ra thí dụ thực tế hai mặt chính diện và phản diện làm chứng, nói rõ tiết kiệm thì thành đạt, xa xỉ thì bại hoại. Tình cảm bài văn chân thực, nghị luận kết hợp với thí dụ thực tế phải trái đúng sai, đẩy sức thuyết phục. Tư Mã Khang đã giữ các chức Hiệu thư lang, Trước tác tả lang kiêm Thị giảng, đã không nói gì đến tiền của, là người liêm khiết, không thể nói rằng không chịu ảnh hưởng của bài văn này. Tư Mã Quang coi tiết kiệm là đẹp, dạy bảo con quý trọng tiết kiệm, không những có ý nghĩa tiến bộ vào thời ấy, ngày nay cũng rất đáng ca ngợi và noi theo. Đọc kỹ bài văn này, bồi dưỡng đức tốt tiết kiệm cho thanh thiếu niên, chống hiện tượng coi xa xỉ là sang trọng, vẫn có ý nghĩa hiện thực nhất định.

CẨM XA HOA

Con cháu nhà họ Bàng đều mặc áo vải, ăn cơm gạo xấu, chỉ vào những dịp cúng giỗ và thết khách đến nhà, mới được phép uống rượu, ăn thịt, tạm thời được mặc quần áo mới. May mắn không phải nhịn đói, chịu rét là thỏa mãn rồi, đâu còn thấy xấu hổ vì cái ăn cái mặc không ngon không đẹp nữa? Những việc nặng nhọc như khiêng khiêng vác vác, mà sức mình có thể làm được, đều làm lấy cả, không phải thuê người làm thay mình, để mình sai bảo. May mắn không phải làm tội tở cho người khác là thỏa mãn rồi, đâu còn dám để người khác làm tội tở cho mình nữa? Một tác vải, nửa đồng kẽm đều không được phép lãng phí, mong muốn không đến nỗi bị đói rét thôi.

Thăm hỏi quà cáp hàng năm giữa họ hàng thân thích, nhiều nhất không quá hai ba lần, chi phí mỗi lần không quá một tiền bạc trắng. Hẹn gặp mặt lẫn nhau, đều lấy tiết kiệm làm quý. Vượt quá tiêu chuẩn nói trên, đều nhã nhặn từ chối, không được phép nhận. Những việc khác như liên quan đến chúc mừng, điều phúng, cứ theo lệ làng mà làm, không đặt vào trong những hạn chế này.

Cấp hạng và các thứ đãi khách, vốn đã có quy định sẵn. Nếu họ hàng bè bạn thường xuyên qua lại, dù chỉ dùng cá

để làm thức ăn, cũng có thể mời khách ăn cơm được. Tư Mã Quang nói: "Cha tôi khi làm Quản mục phán quan, khách đến nhà bao giờ cũng dọn rượu ra mời, nhưng mỗi lần thết khách, có khi rót ba lần rượu, khi thì năm lần, tối đa không rót quá bảy lần. Rượu mua ngoài chợ về, quả trái là những loại thông thường như lê, hạt dẻ, táo, hồng, món ăn cũng chỉ là thịt khô, thịt ướp, canh rau, đồ dùng chỉ là đồ sứ, đồ sơn. Khi ấy các sĩ đại phu nhà nào cũng như vậy cả. Số lần gặp mặt nhau nhiều, mà lễ nghĩa thì ăn cần nòng hậu, thức ăn đạm bạc, mà tình nghĩa sâu nặng". Từ nay về sau có khách đến nhà, món ăn không nhất thiết phải lo chạy đầy đủ, rượu không nhất thiết ép uống bằng được. Đạm bạc có thể làm cho tình bạn giao hảo lâu dài, chủ khách đều vui vẻ gặp nhau, chỉ mong thích hợp với tình nghĩa mà thôi. Người trong chi họ rất đông, khi khách đến nếu nhân dịp ấy mời tất cả ăn cỗ, e rằng khả năng không làm nổi, có thể sắp xếp mời một số đến cùng tiếp khách, tất cả luân phiên nhau cùng khách ăn uống, để tiết kiệm chi tiêu, cũng để cho người trong chi họ tránh được ý nghĩ trọng người này nhẹ với người kia, không để họ nghi kỵ lẫn nhau.

LỜI BÌNH

Bài văn này trích từ cuốn *Bàng thị gia huấn - Cấm xa xỉ* do Bàng Thương Bàng viết. Bàng Thương Bàng, tự là Thiệu Nam, người Nam Hải (nay là thành phố Quảng Châu) đời Minh. Tiến sĩ năm Gia Tĩnh, đã từng làm các chức Huyện lệnh Lạc Bình, Giám sát ngự sử, Tả tham đô ngự sử, Tuần phủ Phúc Kiến, viết cuốn *Văn trích Bách Khả Đình*. Ông làm quan cương trực, thanh liêm, chủ trương tiết kiệm, để phòng ngừa thế hệ sau tiếm nhiệm

thói xấu xa hoa, trofig gia huấn đã viết riêng một bài *Cấm xa hoa*. Trong đó tiêu chuẩn quy cách về các mặt ăn mặc chi tiêu, quà cáp thăm hỏi họ hàng, tiếp đãi khách khứa họ hàng, đối với con cháu đời sau, đều căn cứ vào nguyên tắc "lấy tiết kiệm làm quý" đưa ra những quy định cụ thể. Tinh thần quý tiết kiệm, cấm xa hoa quán xuyên suốt cả bài, đến nay vẫn đáng được đề xướng và phát huy. Con cháu cán bộ lãnh đạo, gia đình giàu có, nhất là con cháu cán bộ cao cấp phải chú ý kế thừa và phát huy tinh thần này.

CÁCH NGÔN QUẢN LÝ GIA ĐÌNH

Một bát cháo, một bát cơm, phải nghĩ rằng có được chẳng dễ dàng;

Nửa sợi tơ, nửa đoạn chỉ, luôn nghĩ tới nỗi gian nan của người làm ra chúng.

Phải phòng bị ngay từ lúc trời chưa u ám,
Đừng để thấy khát mới đi đào giếng.

Cuộc sống cá nhân phải tiết kiệm,
Thết tiệc mời khách nhất thiết không nên lưu luyến không dùng.

Đồ dùng gia đình giản dị sạch sẽ, âu sành hơn cả vò vàng lọ ngọc;

Ăn uống tiết kiệm, nấu nướng kỹ tính, rau quả tự trồng hơn hẳn thức ăn cầu kỳ.

Không nên xây nhà sang trọng,
Đừng có mưu cầu ruộng đất tốt.

Đòi hỏi bản thân phải giản dị tiết kiệm,
Dạy bảo con cái phải có khuôn phép nền nếp, hợp với chính nghĩa.

Đừng tham lam của cải trời ơi,
Đừng uống rượu quá ngưỡng.

Gả con gái phải kén chàng rể tốt, không nên đòi hỏi lễ cưới quá nặng.

Cưới con dâu phải tìm con gái tốt, không nên mưu cầu của hồi môn hậu hĩ.

(*Chu Tử gia huấn*)

LỜI BÌNH

Chu Tử (1614-1688), tức Chu Dụng Thuần, người ở Côn Sơn, Giang Tô vào thời kỳ Minh Thanh, tên là Dụng Thuần, tự là Chí Nhất, hiệu là Bách Lự, tú tài cuối đời Minh, đầu đời Thanh dạy học ở quê nhà. Học thuyết của ông lấy tư tưởng Nhị Trình (Trình Di, Trình Hiệu) và Chu Hy làm gốc, đề xướng biết đi đôi với làm. Ông có những tác phẩm *Chu Tử gia huấn* (cũng gọi là *Cách ngôn trị gia của Chu Tử*), *Đại học Trung dung giảng nghĩa* và *Quý nội tập*.

Chu Tử gia huấn hoàn toàn viết theo hình thức cách ngôn, trong xã hội phong kiến có ảnh hưởng rất lớn, lưu truyền khắp cả nước, mọi người yêu thích. Trong đó đối với rất nhiều mặt như quản lý gia đình, làm người, xử thế, đọc sách, kinh doanh kiếm tiền, đều có yêu cầu và quy định. Bài này chọn phần cách ngôn dạy người nhà chú ý tiết kiệm, giải thích rất giản dị, dễ hiểu vì sao phải tiết kiệm và làm thế nào để tiết kiệm được, tới nay đáng để mọi người, nhất là thanh thiếu niên học tập, noi theo. Những câu "Phải phòng bị ngay từ lúc trời chưa u ám, đừng để thấy khát mới đi đào giếng", "Một bát cháo, một bát cơm, phải nghĩ rằng có được chẳng dễ dàng; nửa sợi tơ, nửa đoạn chỉ, luôn nghĩ tới nỗi gian nan của người làm ra chúng", đều là những danh ngôn chí lý.

THƯ GỬI CHO CON LÀ KỶ HỒNG

Kỷ Hồng con:

Người trong gia đình đến quân doanh, phần lớn khen con cứ chỉ đứng đắn, ta vì thế có phần cảm thấy vui mừng. Người ta ai cũng mong con cháu làm quan to, nhưng ta lại không muốn con đi làm quan to, chỉ muốn con trở thành người quân tử học hành, hiểu rõ đạo lý. Tự giữ được cần kiệm, quen với gian khổ, vất vả, sống sung sướng dư dật cũng được, mà sống gian khổ cần kiệm cũng được, đấy chính là người quân tử. Ta làm quan hai mươi năm rồi, không dám tiếm nhiệm tý chút nào thói tục của quan trường, về mặt sinh sống, ăn ở, vẫn giữ được tác phong cần kiệm, giản dị, trong sạch. Sống cực kỳ tiết kiệm cũng được, khấm khá đôi dào hơn một chút cũng được, nhưng quá giàu có đầy đủ thì ta không dám. Phàm là những người làm quan làm nha, từ tiết kiệm chuyển sang xa xỉ thì dễ dàng, từ xa xỉ chuyển trở lại tiết kiệm lại khó khăn. Con tuổi còn nhỏ, dứt khoát không được ham xa xỉ sang trọng, tạo thành thói quen lười biếng. Dù là gia đình lớn hay gia đình nhỏ, dù là sĩ, nông, công hay thương, chỉ cần chăm chỉ, chịu khó, tiết kiệm, không ai là không ăn nên làm ra; kiêu sa, lười biếng, chẳng có ai là không lụn bại. Con đọc sách viết văn, không được gián đoạn, sáng phải dậy sớm, không được làm hỏng gia phong từ ky, cụ, ông và cha để

lại. Cha ta và chú ta, đều dậy từ lúc tỉnh mơ, chuyện đó con đã biết rồi đấy. Phàm là công danh phú quý, đều đã có số cả, một nửa là ở sức người, còn một nửa là nhờ trời phú cho. Chỉ có việc học tập thánh hiền, có thể hoàn toàn do mình làm chủ, không dính dáng gì với mệnh trời. Ta có chí học tập làm thánh hiền, nhưng khi trẻ ta đã có thiếu sót về mặt công phu rèn luyện, cung kính nghiêm túc, tới bây giờ vẫn còn thảnh thơi có những câu đùa và trò trêu đùa. Con phải có cử chỉ đàng hoàng trang trọng, không được nói năng bừa bãi, đây là cơ sở bồi dưỡng phẩm đức tốt đẹp.

(Tăng Văn Chính công gia huấn)

LỜI BÌNH

Đây là bức thư nhà viết cho con trai thứ hai của Tăng Quốc Phiên khi ở Phủ Châu, Giang Tây. Tăng Quốc Phiên (1811-1872), tự là Dịch Sinh, người Tương Hương, Hồ Nam đời Thanh, đỗ tiến sĩ năm Đạo Quang. Năm thứ hai Hàm Phong (1853), lấy tư cách Thị Lang bộ Lại, lập ra đội đoàn luyện Hồ Nam, sau mở rộng biên chế thành quân đội Tương, trở thành chủ lực đàn áp Thái Bình Thiên Quốc. Năm thứ tư Đồng Trị (1865) điều lên làm Khâm sai đại thần, tác chiến với Niêm quân, thất bại. Làm quan tới chức Tổng đốc Trực Lệ, Lương Giang, thụy hiệu "Văn Chính", có tác phẩm *Tăng Văn Chính công toàn tập*. Trong thư, ông dặn dò con trai phải làm người quân tử đọc sách sáng tỏ đạo lý, không cần mưu cầu làm quan, ham chuộng phú quý. Lấy những lời răn dạy cổ xưa "từ tiết kiệm chuyển sang xa xỉ thì dễ dàng, từ xa xỉ chuyển trở lại tiết kiệm thì khó khăn", "chăm chỉ, chịu khó, tiết kiệm, không ai là không ăn nên làm ra; kiêu sa, lười biếng, chẳng có ai là không lụn bại", giáo dục con trai, tha thiết mong con kế thừa gia phong thanh bạch. "Cần cù đọc sách viết văn, tự giữ được mình cần

kiệm, quen với gian khổ, vất vả", không được ham chuộng xa hoa, không được lười biếng, tránh tiêm nhiễm thói xấu nơi quan trường và của con em nhà giàu có quyền thế. Tể tướng Quốc Phiên chức trọng quan to, nhưng lại không cầu mong con trai làm quan, mà lại mong con đọc sách sáng tỏ đạo lý, ra sức cần kiệm, không chuộng xa hoa, điều đó rất sáng suốt, rất đáng ca ngợi. Cách dạy con của ông, không những các bậc trí giả xã hội phong kiến phải học tập làm theo, mà cũng đáng để những người hôm nay, nhất là cán bộ lãnh đạo noi theo.

TRẢ LỜI THU CON

Con ra nước ngoài đến nay, chưa được bốn tháng, vì sao đã tiêu hết sạch một nghìn đồng thế? Thật là một việc khiến người ta thấy kỳ lạ! Con lần này đến Nhật Bản là để học hành, mà học hành thì việc đầu tiên là phải chịu khó, chịu khổ. Trong thời gian học tập không nên làm những chuyện xã giao, thù tiếp, làm sao lại tiêu tốn nhiều tiền đến như vậy? Cho dù không đòi hỏi con phải giống như con em những nhà nghèo túng, được ăn tiêu rộng rãi hơn một chút, thì một nghìn đồng cũng đủ chi dùng hơn một năm, tại sao chưa đầy bốn tháng đã hết nhẵn rồi? Con đã tiêu tiền vào những việc gì thế? Cha đâu có bần xin mấy đồng tiền ấy, mà lo rằng như vậy chẳng lợi gì cho con. Nếu theo lẽ thường rõ ràng cần phải tiêu tiền, thì cho dù một ngày con tiêu một trăm đồng, theo điều kiện kinh tế nhà ta, cha cũng cung cấp được, chỉ có điều con không nên chi tiêu phung phí như vậy. Trong khi học hành, đã xa xỉ, không có chừng mực như vậy, khi học xong ra đời, sẽ tiếp tục như thế nào đây, lấy đâu ra nhiều tiền như thế để con tiêu xài? Huống hồ, con lãng phí như vậy, dứt khoát không phải vì ăn uống sang trọng, cũng không phải vì chỗ ở dăng hoàng, mà là phí hoài cho việc khác, mà tổn của cho việc này (ý ngoài lời chỉ dĩ điểm), thì việc học hành dứt khoát sẽ bẽ bề, lười biếng. Không phải như thế, thì

thời gian dốc sức vào học tập còn không kịp, lấy đâu ra thời gian để con đi lãng phí tiền tài và sức lực nữa? Vì vậy, về điểm này cha có thể khẳng định rằng con dứt khoát không chịu chằm chằm học hành, bằng không thì nhất định không thể như thế được. Hơn nữa, con đã từng đọc cuốn sách *Mạnh Tử* rồi đấy. Trong sách ghi lại lời của Mạnh Tử: Người có chí lớn, nhất định tự mình chịu đựng gian khổ khó khăn. Gân cốt rã rời, bụng đói, cùng khó dày vò, sau khi ông ta đã phải khốn khổ trong lòng, suy nghĩ bế tắc, mới có thể gắng sức để sáng tạo. Hiện nay, con được cha che chở, dựa vào địa vị, của cải của cha, đương nhiên không cần giống như những người như Mạnh Tử đã nói, chịu quá nhiều khốn khổ, nhưng cũng phải hiểu được phần nào nỗi gian nan của việc cày cấy thu hoạch mùa màng, để làm hết bốn phần học tập của con. Nếu không như vậy, đâu con học xong về nước, cũng dứt khoát khó làm được gì ra hồn, và không hiểu được dân tình. Thời Tấn Huệ đế, thiên hạ loạn lạc, nhân dân rất nhiều người chết đói. Tấn Huệ đế suốt ngày ăn sung mặc sướng, không hiểu được vì sao như vậy, ngờ ngẩn hỏi bề tôi: Nhân dân vì sao không ăn cháo thịt nhỉ? Khuyết điểm của vua Tấn là ở chỗ chỉ biết ăn sung mặc sướng, chẳng hiểu được dân tình. Huống hồ con còn là một quân nhân nữa! Quân nhân còn phải chịu khổ hơn người bình thường, chịu đựng rèn luyện, để phục vụ cho đất nước. Nếu bây giờ con như vậy, lẽ nào đây lại là hành động của người quân nhân hay sao? Ta sau này e rằng không thể gửi gắm hy vọng gì vào con được nữa! Ta vốn dĩ chưa tới Nhật Bản ngày nào, đâu sau này có dịp qua biển Đông đến Nhật Bản, dứt khoát không thể hiểu dân tình Nhật Bản. Ta không phải không muốn hiểu, chỉ vì tư cách này của ta, không thể nào có cơ hội đi tìm

hiếu được. Nhưng, ta nghe người khác nói, một học sinh ở Nhật Bản, mỗi tháng có ba mươi đồng là đủ để duy trì sinh hoạt bình thường rồi. Cho dù về mặt ăn ở đi lại có muốn thoải mái hơn chút nữa, mỗi tháng cũng chỉ mất năm mười đồng thôi. Chi tiêu của con tăng lên một lần nữa cũng được, làm sao chưa đến bốn tháng đã tiêu hết một nghìn đồng kia chứ? Dứt khoát là chuyện tiền nong có chỗ mờ ám. Chuyện tiêu tiền thì nhỏ, nhưng vì thế mà dẫn đến lười biếng, thậm chí bỏ cả học hành, hao tổn sức lực, phí hoài những năm tháng tốt đẹp, lại là việc rất lớn. Mấy hôm trước, ta đã từng viết thư cho con, nhắc nhở con phải cố gắng chăm chỉ, lời nói còn văng vẳng bên tai con, vì sao con đã lại quên mất lời răn dạy của cha? Dẫu rằng việc đã qua không nên nhắc lại nữa, nhắc lại cũng vô ích, nhưng tương lai vẫn còn theo đuổi được. Từ nay về sau, con phải dẹp bỏ ý muốn xấu đi, gắng sức học hành, không phải chủ nhật, không được ra khỏi trường, dẫu cho chủ nhật ra khỏi trường, cũng không được tự ý ngủ đêm ở ngoài trường. Như vậy thì sẽ không muốn tiết kiệm mà tự nhiên tiết kiệm được, học hành sẽ không bê trễ, không muốn cố gắng mà tự nhiên cố gắng được. Thời gian thật đáng quý, việc học hành không thể dễ dàng gì, con đâu còn là đứa trẻ mười lăm mười sáu tuổi nữa, cay đắng ngọt bùi trong đó, phải hiểu rõ, mong con không phụ lòng dạy dỗ của cha.

LỜI BÌNH

Trương Chi Động (1837-1909), tự là Hiếu Đạt, hiệu là Hương Đào, người Nam Bì, Trục Lệ (nay là Hà Bắc) đời nhà Thanh. Tiến sĩ năm Đồng Trị, đã giữ các chức Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ, Nội các học sĩ, Tuần phủ. Tổng đốc Lương Quảng, năm

1907 điều lên làm Quân cơ đại thần, chương quản học bộ, đã viết *Trương Văn Nương công toàn tập*. Ông là thủ lĩnh phái Dương vụ, hiểu biết rất sâu về mối quan hệ của việc học quân sự, rèn luyện quân đối với việc đất nước mạnh lên, vì thế căn cứ vào tính cách, tư chất của con, cho con sang Nhật Bản học quân sự. Con trai sau khi đến Nhật, chưa đầy bốn tháng đã tiêu hết một nghìn đồng mang theo. Việc này khiến ông rất dỗi coi trọng, thế là viết thư phê bình con, răn dạy con phải tiết kiệm, chăm học. Trong thư chỉ rõ, với điều kiện của gia đình ông, con trai mỗi ngày tiêu một trăm đồng cũng cung cấp được, vấn đề không phải là việc tiêu tiền, cũng không phải là việc gia đình có chi trả được hay không, mà là ở chỗ có đáng tiêu hay không, ở chỗ có lợi cho việc thành tài của con hay không. "Học tập trước hết phải chịu khó, chịu khổ", khi học hành mà chạy theo cuộc sống xa hoa chơi bời, sẽ làm hao tổn sức lực, phí hoài thời gian, làm ảnh hưởng, thậm chí vứt bỏ học hành. Đồng thời, ông cũng dẫn ra lời Mạnh Tử, dạy bảo con phải hiểu rõ, phàm là những người thành tựu được sự nghiệp lớn, có chí hướng, đều phải trải qua sự rèn giũa của gian khổ, mong con hiểu được nỗi gian truân của cây cày, ra sức tiết kiệm, dẹp bỏ ý muốn xấu chơi bời phóng túng, quý trọng thời gian tốt đẹp, gắng sức học hành, để trở thành người tài giỏi, phục vụ đất nước. Trương Chi Động đã có tâm nhìn xa trong việc dạy dỗ con. Trong điều kiện đời sống vật chất, kinh tế tốt, chú ý giáo dục thanh thiếu niên phải có chí lớn, chú ý tiết kiệm, rất là quan trọng. Các bạn thanh thiếu niên gánh vác sự nghiệp lớn "bốn hiện đại hóa", phải chăng bạn thấy lý lẽ Trương Chi Động nêu ra đáng để tiếp thu, và bản thân cần ra sức thực hiện hay không?

THIÊN XỬ THẾ

... Khổng Tử chủ trương lập thân xử thế phải ngay thẳng, dè dặt, trung với đất nước, giữ chữ tín với bạn bè, thấy sai lầm phải kịp thời sửa chữa. Khổng Tử chỉ ra, sống trên cõi đời, phải đối xử đúng với nghèo hèn và giàu sang, không được tự ti, không được kiêu căng, yên với cảnh nghèo, vui với đạo nghĩa, giữ mình theo khuôn phép...

KHỔNG TỬ NÓI VỀ LÀM NGƯỜI

Khổng Tử nói: "Người là con em, trong nhà phải kính yêu, nghe lời cha mẹ, ra ngoài phải tôn kính bậc cha anh, việc làm phải cẩn thận, nói năng phải giữ chữ tín, thương yêu mọi người rộng rãi, gần gũi người có nhân đức. Làm như vậy rồi mà còn dư sức, thì dùng vào việc học những sách về lễ nhạc như *Kinh thi*, *Kinh thư*".

(*Luận ngữ - Học nhi*)

Khổng Tử nói: "Người quân tử nếu không trang trọng thì sẽ không uy nghiêm; ngay như đã học tập rồi cũng không thể vững chắc được. Làm người phải lấy trung và tín làm chính, không nên kết bạn với người không bằng mình. Có sai lầm, thì không được sợ hãi sửa chữa.

(*Luận ngữ - Học nhi*)

Tử Cống nói: "Nghèo túng mà không sợ hãi người khác, giàu có mà không kiêu ngạo, thì như thế nào?" Khổng Tử bảo: "Được đấy, nhưng không bằng người nghèo túng mà lạc quan, giàu có mà yêu thích khuôn phép".

(*Luận ngữ - Học nhi*)

Khổng Tử nói: "Ra khỏi nhà đi làm việc giống như tiếp đãi khách quý vậy, sai khiến nhân dân chẳng khác nào nhận làm việc cúng bái lớn. Việc bản thân mình không thích, thì đừng áp đặt cho người khác. Làm việc trong nước trong nhà, thì đừng để cho người ta oán giận".

(Luận ngữ - Nhan Uyên)

Khổng Tử nói: "Phải trách mình nhiều, trách người khác ít, làm như vậy sẽ không làm cho người ta oán giận mình".

(Luận ngữ - Vệ Linh công)

Tử Cống hỏi Khổng Tử: "Có câu nói nào suốt đời làm theo được hay không?" Khổng Tử bảo: "Đấy có lẽ là "khoan thứ" chăng? Điều mình không muốn làm, thì đừng gán ép cho người khác".

(Luận ngữ - Vệ Linh công)

LỜI BÌNH

Những lời nói trên của Khổng Tử đã giải thích một số nguyên tắc đối nhân xử thế. Ông cho rằng, làm người phải hiếu thuận với cha mẹ, tôn kính bề trên, nói và làm phải cẩn thận, luôn giữ chữ tín, yêu mến, khoan dung với mọi người. Khổng Tử chủ trương lập thân xử thế phải đàng hoàng, đứng đắn, trung thành với đất nước, giữ chữ tín với bè bạn, thấy sai lầm phải kịp thời sửa chữa. Khổng Tử chỉ ra rằng, sống trên cõi đời này, phải đối xử đúng với nghèo hèn và giàu sang, không tự ti không tự cao, yên với cảnh nghèo, vui với đạo nghĩa, tự giữ mình theo khuôn phép. Khi giải quyết quan hệ người và ta, phải nghiêm khắc với mình, khoan dung với người. Ông nhấn mạnh làm người phải

coi trọng khoan dung, tha thứ. Khoan dung là so sánh lòng người với lòng mình, lấy mình suy đoán người, suy mình ra người, tức là lấy cái cầu mong của mình để suy đoán, thấy được cái cầu mong của người, từ đó hiểu được tình cảm và nguyện vọng nội tâm người ta. Như vậy, làm cho người ta tôn trọng lẫn nhau, tín nhiệm lẫn nhau. Có mâu thuẫn dễ dàng hòa giải, khoan dung cho nhau, có tranh chấp cũng dễ dàng gạt bỏ, vì thế làm cho thiên hạ thái bình. Những tín điều quan trọng về đối nhân xử thế nói trên của Khổng Tử, vẫn có tác dụng nêu gương để chúng ta giải quyết quan hệ giao tiếp trong xã hội.

KHỔNG TỬ BÀN VỀ XỬ THẾ

Khổng Tử nói với Nhan Hồi: "Nếu dùng ta, thì ta làm, không dùng ta, thì ta ở ẩn, chỉ có ta và anh làm được điều này mà thôi!"

(Luận ngữ - Thuật nhi)

Khổng Tử nói: "Vững tin vào đạo, lại ham thích học hành, lấy tính mạng bảo vệ sự hoàn thiện của đạo. Không đi vào đất nước có nguy hiểm, không ở đất nước đang xảy ra tai họa loạn lạc. Thiên hạ thái bình thì ra làm quan, thiên hạ không thái bình thì ở ẩn. Đất nước thái bình, bản thân nghèo hèn, đấy là điều sỉ nhục; đất nước không thái bình, bản thân giàu sang, đấy cũng là điều sỉ nhục".

(Luận ngữ - Thái Bá)

Khi đất nước thái bình, thì ra làm quan; khi đất nước nguy nan, loạn lạc, thì ở ẩn.

(Luận ngữ - Vệ Linh công)

Khổng Tử nói: "Thấy việc tốt, thì muốn nhanh chóng đi làm ngay, làm ra vẻ không đến kịp; thấy việc không hay, liền vội vã lẩn tránh, chẳng khác gì nhúng tay vào nước sôi. Ta đã nhìn thấy người như vậy, và cũng đã nghe

thấy nói như vậy. Ở ẩn là để bảo toàn chí hướng của mình, ra làm quan là để thực hiện chủ trương của mình. Ta đã nghe nói như vậy, nhưng chưa trông thấy người như vậy".

(Luận ngữ - Quý thị)

LỜI BÌNH

Những lời nói trên của Khổng Tử đã khái quát lên mối quan hệ của nhà Nho về cá nhân với xã hội, ra làm quan với ở ẩn. Khổng Tử tuy coi việc ra làm quan là con đường tất yếu để thực hiện hoài bão chính trị, nhưng việc ấy là có điều kiện, tức là chính trị trong sáng, gặp được chúa sáng suốt, mới ra làm quan để thi thố tài năng; còn chính trị đen tối, nhà vua mê muội tầm thường, thì hoài bão chính trị của mình không tài nào thực hiện được, thì giữ thái độ bất hợp tác "ẩn" và "tàng". Chứng tỏ việc ra làm quan của Khổng Tử là để tham gia chính quyền cai trị đất nước, làm cho thiên hạ thái bình, chứ không phải là hành vi không có mục đích. Cái đạo ra làm quan "Có thể làm quan thì làm quan, có thể thôi thì thôi" mà Khổng Tử chủ trương, đã gây ra ảnh hưởng sâu sắc đối với trí thức cổ đại Trung Quốc. Đứng trước hiện tượng chính trị đen tối, kẻ xấu cầm quyền, Khổng Tử chủ trương, không lần lữa gượng gạo sống cho được, không hợp tác với kẻ tiểu nhân gian thần, thái độ này chấp nhận được, nhưng đồng thời lại chủ trương lùi về ở ẩn, thì lại không chấp nhận được, vì làm thế không ích gì cho chính trị - xã hội.

KHỔNG TỬ BÀN VỀ ĐẠO TRUNG DUNG

Khổng Tử nói: "Người quân tử đối với các việc trên đời, không có quy định dứt khoát phải làm như thế nào, cũng không có quy định nhất định không được làm như thế nào, mà làm như thế nào phù hợp với nghĩa thì như thế vậy".

(Luận ngữ - Lý nhân)

Khổng Tử nói: "Trung dung là một thứ đạo đức, là thứ cao thượng nhất trên đời rồi. Nhưng đáng tiếc mọi người đã không có thứ đạo đức này rất lâu rồi".

(Luận ngữ - Ung dã)

Tử Cống hỏi: "Tử Trương và Tử Hạ ai giỏi hơn? " Khổng Tử nói: "Tử Trương hơi thái quá, Tử Hạ tựa hồ có phần theo không kịp". Tử Cống nói: "Vậy thì Tử Trương giỏi hơn phải không? " Khổng Tử nói: "Thái quá và theo không kịp giống nhau".

(Luận ngữ - Tiên tiến)

Khổng Tử nói: "Không được người đúng mực vừa phải để mà kết bạn với anh ta, thì đành phải kết bạn với người mạnh mẽ, người ngay thẳng vậy! Người mạnh mẽ có tính thần tiên thủ, người ngay thẳng luôn giữ mình trong sạch, không chịu làm điều bất nghĩa".

(Luận ngữ - Tử Lộ)

Trọng Ni nói: "Người quân tử làm được trung dung, kẻ tiểu nhân vi phạm trung dung. Vì người quân tử làm được trung dung, cho nên người quân tử luôn luôn xử sự đúng mực; vì kẻ tiểu nhân vi phạm trung dung, cho nên kẻ tiểu nhân phóng túng bừa bãi".

(Lễ ký - Trung dung)

LỜI BÌNH

"Trung dung" là nguyên tắc cơ bản và phương pháp đối nhân xử thế của Khổng Tử, cũng là quy phạm đạo đức tối cao của ông. Khổng Tử cho rằng, "mạnh mẽ" và "ngay thẳng" là hai cái cực đoan, "mạnh mẽ" là quá mức, "ngay thẳng" là bất cập. "Mạnh mẽ" và "ngay thẳng" đều không tốt, chỉ có "làm vừa phải" là tốt nhất. Khổng Tử yêu cầu khi đối nhân xử thế, phải nắm được mức độ thích hợp, để giữ được cân bằng của sự vật, khiến người ta có lời nói, việc làm phù hợp với tiêu chuẩn đạo đức đã quy định. Đạo trung dung của Khổng Tử chói sáng tư tưởng biện chứng. Đạo này có điểm tương thông với cách đối nhân xử thế, đấu tranh tư tưởng, thậm chí cả phương lược trị nước của người ta ngày nay. Mao Trạch Đông đã ra sức khẳng định giá trị lý luận và giá trị thực tiễn của "trung dung". Ông nói: "Quan niệm trung dung là một phát hiện lớn của Khổng Tử, một thành tích lớn của Khổng Tử, là phạm trù quan trọng của triết học, đáng được giải thích cho thật tốt".

MẠNH TỬ BÀN VỀ XỬ THẾ

Mạnh Tử nói: "Nam nhi phải ở trong nhà nhân rộng lớn của thiên hạ, đứng ở vị trí lễ (khuôn phép) đứng trong thiên hạ, tiến lên trên con đường nghĩa sáng sủa trong thiên hạ. Khi đắc chí, cùng nhân dân đi theo con đường chính, khi bất đắc chí, có thể một mình giữ vững nguyên tắc. Phải làm được khi giàu sang không làm cho u mê, đồi bại, khi nghèo hèn không làm cho dao động, thay đổi chí hướng; uy vũ không làm cho khuất phục, thay đổi khí tiết. Chỉ có người như vậy, mới xứng đáng là nam nhi".

(Mạnh Tử - Đằng Văn công hạ)

Mạnh Tử nói: "Người tự mình làm hại mình, không thể chuyện trò đứng đắn với anh ta được; người tự vứt bỏ mình, không thể hợp tác đứng đắn với anh ta được. Miệng nói ra những lời làm hỏng nghĩa, là làm hại mình; tự thấy lòng dạ bất nhân, hành động bất nghĩa, là vứt bỏ mình. Nhân là nơi chốn yên tâm nhất của loài người, lễ là con đường đúng nhất của loài người. Để cho nơi chốn yên tâm bỏ không mà không đến ở, vứt bỏ con đường đúng không đi, là việc rất đáng buồn!"

(Mạnh Tử - Ly lâu thượng)

Mạnh Tử nói: "Tính mạng là thứ ta yêu quý, nghĩa cũng là thứ ta yêu quý, nếu như không thể đồng thời có cả hai, thì từ bỏ tính mạng để chọn nghĩa. Tính mạng tuy ta yêu quý đấy, nhưng còn có thứ ta yêu quý hơn cả tính mạng, vì thế, ta không đi làm những việc cầu thả lần lữa, sống mà để sống. Chết tuy là thứ ta ghét, nhưng có thứ ta còn ghét hơn cả cái chết, vì thế, có thứ tai họa ta không né tránh".

(Mạnh Tử - Cáo tử thượng)

Mạnh Tử nói: "Chú trọng đức, yêu quý nghĩa, là có thể yên vui thoải mái. Vì thế, kẻ sĩ nghèo túng mà không làm mất nghĩa, đặc chí mà không rời bỏ đạo. Nghèo túng không mất nghĩa, kẻ sĩ vì thế có được niềm vui; đặc ý mà không rời bỏ đạo, người dân bình thường vì thế mà không đến nỗi thất vọng. Người cổ xưa, khi đặc ý, ban ân huệ cho tất cả nhân dân; khi không đặc ý, tu dưỡng bản thân để rồi thi thố với đời. Khi nghèo túng, giữ mình lương thiện, khi đặc chí, làm điều thiện cho khắp thiên hạ".

(Mạnh Tử - Tận tâm thượng)

LỜI BÌNH

Trong quan niệm xử thế của Mạnh Tử, có ý thức trách nhiệm xã hội cứu đời giúp đời mạnh mẽ. Lý tưởng nhân sinh của ông là tuân thủ "lễ", thực hành nhân nghĩa, lý tưởng nhân cách của ông là phải làm người tượng phụ quyết đoán, anh dũng, khí thế hiên ngang, đội trời đạp đất, ngoan cường bất khuất. Mạnh Tử phản đối những người tự cam chịu kém cỏi, đòi hỏi mọi người không ngừng rèn giũa bản thân, tự tôn tự tin, dũng cảm gánh vác trách nhiệm lịch sử đã giao phó. Quan niệm chết vì đạo, "vứt bỏ tính mạng, giữ lấy nghĩa" của ông đã phản ánh ý thức

trách nhiệm xã hội cao cả của ông. Ông cho rằng, một con người có ý thức trách nhiệm thì trong xử thế, phải kết hợp được "giúp đỡ cho thiên hạ" với "giữ mình lương thiện", chỉ có như vậy, thì vào lúc biến động xã hội xung đột với số phận cá nhân, mới tìm được phương án tốt nhất để ứng phó đúng nhất. Quan niệm xử thế kết hợp "cứu giúp thiên hạ" và "giữ mình lương thiện" của Mạnh Tử đã được kẻ sĩ thời đại phong kiến tiếp thu rộng rãi, trở thành triết học nhân sinh duy nhất để họ giữ gìn nhân cách lý tưởng bản thân, có thể tiến thoái tự do như ý. Những lời nói hào hùng cao cả "giàu sang không làm cho u mê, đổi bại; nghèo hèn không làm cho dao động, thay đổi chí hướng; uy vũ không làm cho khuất phục, thay đổi khí tiết" tới nay vẫn được người ta truyền tụng, trở thành châm ngôn giữ gìn sự tôn nghiêm của nhân cách.

TUÂN TỬ BÀN VỀ XỬ THẾ

Không thể chuyện trò trao đổi với anh ta, mà lại trao đổi chuyện trò với anh ta, thế gọi là nông nổi; có thể trao đổi chuyện trò với anh ta, mà lại không trao đổi chuyện trò, thế gọi là kín đáo; không quan sát về mặt của đối phương đã trao đổi chuyện trò, thế gọi là mù quáng. Vì thế, người quân tử không được nông nổi, không được kín đáo, không được mù quáng, thận trọng đối xử với những người đến xin chỉ bảo.

(Tuân Tử - Khuyến học)

Công việc làm thể xác mệt nhọc mà lòng dạ yên ổn, thì làm; công việc lợi ích ít mà đạo nghĩa nhiều, thì làm; phụng thờ ông vua ư mê hôn ám mà đường làm quan thuận lợi, thì không bằng phụng thờ ông vua nghèo túng mà công việc thông suốt.

(Tuân Tử - Tu thân)

Gặp công việc vất vả gian lao, tranh lấy đi làm; gặp việc vui vẻ, thì nhường cho người khác. Đứng đắn, thành thật, giữ gìn thân thể và tinh thần, lại thêm hành động lương thiện. Người như vậy đi khắp thiên hạ, dù cho có

khốn cùng ở vùng biên ải, người ta ai cũng sẽ tin cậy anh ta cả.

(Tuân Tử - Tu thân)

Người quân tử khoan hồng nhưng không chênh mánh, chú trọng nguyên tắc nhưng không làm đau lòng người khác, biện luận nhưng không tranh cãi, biết tự trọng nhưng không quá khích, phẩm hạnh ngay thẳng nhưng không hống hách lên mặt, kiên cường nhưng không thô bạo, mềm mỏng nhưng không suồng sã, cung kính, cẩn trọng và đàng hoàng, đấy gọi là đức hạnh vẹn toàn.

(Tuân Tử - Bất cầu)

Ngạo mạn, là tai họa của con người; khiêm tốn, cung kính, có thể chống lại mọi thứ binh khí. Tuy có giáo đài sắc nhọn, cũng không sắc nhọn hơn được khiêm tốn, cung kính.

(Tuân Tử - Vinh nhục)

Người quân tử xem xét mình cũng đòi hỏi nghiêm khắc như người thợ mộc dùng dây mực để lấy đường thẳng, đối xử với người khác phải kiên tâm chỉ dẫn như người lái đò dùng mái chèo đón dẫn khách lên đò. Xem xét mình như dùng dây mực lấy đường thẳng, cho nên có thể trở thành tấm gương của thiên hạ, đối xử với người như dùng mái chèo tiếp dẫn, cho nên có thể khoan dung đại lượng, dựa vào mọi người hoàn thành việc lớn trong thiên hạ. Cho nên người quân tử tài giỏi mà có thể dung nạp được kẻ bất tài, có trí tuệ mà dung nạp được kẻ đần độn, uyên bác mà dung nạp được kẻ thiếu cặn, tinh tú mà dung nạp được

kẻ hỗn tạp, cái đó chính là phương pháp dung nạp được tất cả mọi người. Trong *Kinh thi* nói: "Nước Từ đã quy thuận rồi, đấy chính là công lao của thiên tử". Đấy chính là cái đạo lý này.

(Tuân Tử - Phi tướng)

Tuy rằng nơi ở yên ổn vẫn không biếng nhác; tuy rằng hành động vất vả, mà vẫn không chậm chạp; giữ đúng khuôn phép, tùy cơ ứng biến, mọi thứ đều thích hợp. Làm được như vậy rồi, sau đó mới có thể hợp được với cái đạo của thánh nhân.

(Tuân Tử - Phi thập nhị tử)

Có hành vi đôn hậu, mà không hai lòng, rồi sau đó cung kính chỉ dân, lấy lòng trung tín dắt dẫn, cẩn thận trong hành động, ngay thẳng đôn hậu để giữ gìn, nếu xảy ra khốn quẫn, thì phải dốc hết sức lực tiến lên.

(Tuân Tử - Trọng Ni)

Sống, là mở đầu của đời người; chết, là kết thúc đời người. Từ khi bắt đầu tới lúc kết thúc đều xử sự vẹn toàn, đạo làm người đã trọn vẹn. Vì thế, người quân tử nghiêm chỉnh ứng xử với sự bắt đầu của đời người, cẩn trọng ứng xử với sự kết thúc của đời người.

(Tuân Tử - Lễ luận)

Giữ vững chính đạo, không để xảy ra lệch lạc; nói năng giữ gìn, không cãi lý bằng được; thái độ ôn hòa, nhưng không suông sã; tôn trọng sự ngay thẳng đang hoàng, và

coi khinh những sự tranh luận sô sàng. Đây là cái đạo biện luận của kẻ sĩ quân tử.

(Tuân Tử - Chính danh)

LỜI BÌNH

Quan niệm xử thế của Tuân Tử có nội dung sau đây: Thứ nhất, đối nhân xử thế phải vô cùng cẩn trọng, làm việc phải có chừng mực, dứt khoát không làm bừa bãi; thứ hai, phải chịu khổ trước, hưởng thụ sau, phải làm những điều lành, có đạo nghĩa, để cho lòng mình yên ổn, thoải mái, không lo sợ; thứ ba, phải nghiêm khắc với mình, rộng rãi với người, khoan dung với tất cả những người có trình độ thua kém rất lớn so với mình. Ngạo mạn sẽ đưa lại rất nhiều tai họa, khiêm cung khiến người ta được lợi vô cùng, khiêm cung cẩn thận trong xử thế khiến cho công đức của người ta hoàn hảo. Thứ tư, đối nhân xử thế phải trọn vẹn trước sau như một, một khi đã xác định mục tiêu, thì phải chuyên tâm không rời, kiên trì cố gắng, đạt tới mục đích cuối cùng. Thứ năm, nhấn mạnh rằng mọi người trong xử thế phải nghĩ đến cái nguy hiểm trong khi yên lành, để lo toan chuẩn bị khi mưa còn chưa đến, chuẩn bị sẵn sẽ không có tai họa, làm cho mình mãi mãi ở vào vị trí chủ động, tránh thua thiệt, bị động. Nguyên tắc đối nhân xử thế của Tuân Tử ngày nay vẫn có tác dụng học tập để noi theo.

PHẠT CON KIÊU NGẠO

Mẹ Tử Phát nước Sở, là mẹ của tướng nước Sở, Tử Phát. Tử Phát cầm quân đi đánh nước Tần, một đạo hết lương thực, phái sứ giả về xin vua Sở cung cấp thêm. Sứ giả tiên đường vào nhà Tử Phát thăm mẹ ông ta. Mẹ Tử Phát hỏi sứ giả: "Quân sĩ thế nào? Điều bình yên vô sự cả chứ?" Sứ giả đáp: "Quân sĩ đang chia nhau hạt đậu để ăn". Mẹ Tử Phát lại hỏi: "Tướng quân thì thế nào? Có được bình yên vô sự không?" Sứ giả trả lời: "Tướng quân sáng và chiều đều ăn thịt và cơm gạo ngon".

Tử Phát đánh thắng nước Tần trở về nhà, bà mẹ đóng cửa không cho ông ta vào nhà, còn sai người bảo ông ta: "Con không nghe chuyện Việt vương Câu Tiễn khi đem quân đi đánh nước Ngô hay sao? Có một quan khách dâng một vò rượu ngon, Việt vương sai người đổ rượu lên thượng lưu dòng sông, để cho quân sĩ ở hạ lưu uống, vị rượu tuy chẳng còn ra làm sao, nhưng sức chiến đấu của quân sĩ lại tăng lên năm lần. Lại một hôm khác, có người dâng lên một bao lương khô, Việt vương lại ban cho quân sĩ, quân sĩ chia nhau ăn, hương vị chẳng thấm tháp vào đâu, nhưng sức chiến đấu của quân sĩ tăng lên mười lần. Bây giờ con là tướng của nước Sở, quân sĩ chia nhau ăn hạt đậu, còn con thì sớm chiều đều ăn thịt, ăn cơm gạo ngon, thế là vì sao? Trong *Kinh thi* chẳng phải đã nói đấy ư?

"Vui chơi không nên quá phóng túng, người hiền tài phải biết có chừng mực". Điều đó nói rằng không được để mất đi mối quan hệ hài hòa với người khác. Để người khác dần thân vào chỗ nguy hiểm, bản thân mình lại tới chỗ an nhàn hưởng lạc, dẫu rằng giành được thắng lợi, chuyện đó cũng không phải là thành công của thuật dùng binh. Con không phải là con ta nữa, đừng vào nhà ta". Tử Phát vội vàng xin lỗi mẹ, bà mẹ mới cho ông ta vào nhà.

Người quân tử khen mẹ Tử Phát đã biết dùng cách giáo dục để con hối lỗi. *Kinh thi* lại còn nói: "Dạy dỗ con cho thật tốt, làm sáng cái đức của tổ tông và kế thừa cho giỏi", chính là nói tình trạng này.

Người đời nói: "Bà mẹ của Tử Phát, tướng nước Sở, phê bình con trai kiêu ngạo quá đáng. Tướng sớm chiều ăn cơm ngon, binh lính thì chia nhau hạt đậu. Chỉ rõ tướng không hiểu khuôn phép, thì binh lính rất khó dốc lòng dốc sức. Người quân tử khen ngợi việc làm này của mẹ Tử Phát, coi là tấm gương của đạo đức làm mẹ."

(Lưu Hưởng: *Liệt nữ truyện*)

LỜI BÌNH

Bài này là chuyện kể mẹ của tướng Tử Phát nước Sở dạy con. Trong tình trạng đem quân đi đánh trận thiếu lương thực, tướng ăn cơm ngon, binh lính thì lại đói, chuyện đó vốn là rất bình thường giữa tướng và quân trong xã hội phong kiến, nhưng bà mẹ Tử Phát lại xem xét vấn đề từ mức độ cao, tướng sĩ hòa thuận mới đánh thắng trận, cho nên sau khi quân lính trở về, đã không cho Tử Phát vào nhà, trách mắng con kiêu ngạo quá đáng, chỉ biết mình thả sức hưởng lạc, không quan tâm săn sóc cấp dưới. Đồng thời lấy chuyện lịch sử dạy bảo con chỉ có khiêm

nhường thận trọng, đồng cam cộng khổ với binh lính, quan tâm yêu mến cấp dưới, quân sĩ mới quyết tâm hy sinh đổ máu chiến đấu. Mẹ Tử Phát thật là biết cách dạy con. Còn Tử Phát bản thân là tướng, lại ngoan ngoãn nghe lời dạy bảo của mẹ, nhận sai lầm, sửa chữa sai lầm, cũng đáng được ca ngợi.

TRÁCH CON NHẬN VÀNG

Mẹ Tề Điền Tắc, là mẹ của Điền Tắc Tử nước Tề. Điền Tắc Tử làm Tướng quốc nước Tề, đã nhận hối lộ của quan lại bên dưới một trăm dật vàng, rồi đem biếu mẹ mình. Bà mẹ hỏi: "Con làm Tướng quốc nước Tề đã ba năm nay rồi. Bổng lộc chưa từng bao giờ nhiều như hôm nay. Khoản tiền này e rằng lấy ở chỗ các sĩ đại phu khác phải không? Từ đâu mà có được thế này?" Điền Tắc Tử trả lời: "Đúng là nhận của hối lộ từ cấp dưới". Mẹ ông ta bảo: "Ta nghe nói kẻ sĩ phải sửa mình, để cho hành vi cao thượng, không tùy tiện tham lam, phải thể hiện đầy đủ tình cảm chân thực, nói và làm không được giả dối, gian trá, trong lòng không nghĩ việc bất nghĩa, trong nhà không nhận món lợi phi lý, lời nói và việc làm phải nhất trí, trong lòng và vẻ mặt phải phù hợp với nhau. Bây giờ nhà vua giao cho con quan chức, phát cho con bổng lộc nhiều để nuôi dưỡng con, con phải lấy lời nói và việc làm của mình báo đáp nhà vua. Làm bề tôi thì phải phụng thờ nhà vua của mình, cũng như làm con thì phải phụng thờ cha mình, phải tận tâm tận lực, phát huy tài năng, trung thành giữ chữ tín, không dối trá, tuyệt đối trung thực, chấp hành mệnh lệnh, không tiếc tính mạng, làm việc liêm khiết, công bằng, như vậy mới có thể suốt đời thuận lợi, không có tai họa. Bây giờ con lại không làm như vậy, từ bỏ đòi hỏi của chữ

trung, làm bề tôi bất trung, tức là làm đứa con bất hiếu. Của phi nghĩa không phải là thứ ta nên có, đứa con bất hiếu không phải là con ta, con đứng lên đi đi". Điền Tắc Tử trong lòng rất hổ thẹn, bước ra khỏi cửa, trả lại vàng cho quan cấp dưới, đồng thời chủ động nhận tội với Tuyên vương, xin giết mình đi. Vua Tuyên vương nghe chuyện này, rất ca ngợi việc làm cao cả của mẹ Điền Tắc Tử, đã tha tội cho Tắc Tử, khôi phục chức Tướng quốc cho ông, còn lấy vàng của nhà nước thưởng cho mẹ ông.

Người quân tử ca ngợi mẹ Điền Tắc Tử là người liêm khiết, có thể cảm hóa được người khác. *Kinh thi* nói: "Những bậc đại nhân quân tử, không ăn phí ân hoài cơm". Người quân tử không làm cái việc không có công mà nhận lộc, hưởng hồ là nhận vàng người ta hối lộ?

Ngợi khen: Mẹ Điền Tắc Tử nước Tề là người liêm khiết, ngay thẳng, trách mắng con trai nhận vàng hối lộ, nhấn mạnh rằng đây là việc bất nghĩa. Giáo dục con thực hiện trung hiếu, dốc hết tiền tài, sức lực, không vì riêng tư. Những bậc đại nhân quân tử hưởng bổng lộc, xưa nay không hề ăn phí cơm.

(Lưu Hưởng : *Liệt nữ truyện*)

LỜI BÌNH

Bài văn này là chuyện mẹ Điền Tắc Tử nước Tề dạy con. Điền Tắc Tử cho mẹ số vàng lớn đã ăn hối lộ, bà mẹ không những không vui mừng, mà còn răn dạy cho con một trận, đồng thời giảng giải một loạt đạo lý của người làm quan. Mẹ Điền Tắc Tử dạy con làm quan phải liêm khiết vì nhà nước, hành vi phải cao thượng, trong sạch, không tham lam, mưu lợi cá nhân không lấy của bất nghĩa, lời nói việc làm phải nhất trí, phải thành

thực giữ chữ tín. Cái đạo làm quan mà mẹ Điền Tắc Tử đã nói, phải là phẩm chất cơ bản cần phải có cho những người làm quan xưa và nay. Nhưng trong bài văn này cũng nhấn mạnh kẻ bề tôi trong bất cứ điều kiện nào cũng không được tiếm lĩnh mạng để tuyệt đối trung thành với vua, điều đó phản ánh tính hạn chế phong kiến.

SƠ QUẢNG DẠY CON TỰ LẬP

Sơ Quảng trở về quê nhà, đã bảo ngay người nhà chuẩn bị cơm rượu, cỗ bàn, mời người trong họ, bạn bè thân quen, cùng nhau vui vẻ ăn uống. Sơ Quảng luôn hỏi số vàng trong nhà còn lại bao nhiêu, thúc giục người nhà bán đi, để chi tiêu vào việc tổ chức cơm rượu, cỗ bàn. Cứ như thế được hơn một năm, con cháu Sơ Quảng ngầm nói riêng với các bậc già cả cùng bề bậc thân thiết với Sơ Quảng rằng: "Phận làm con cháu mong muốn cha ông khi tuổi già xây dựng nên được cơ ngơi tài sản, bây giờ ăn uống, rượu thịt, sắp sửa tiêu hết tiền rồi, những lời này của chúng tôi để các cụ nói với cha ông chúng tôi thích hợp hơn, khuyên cha ông chúng tôi tậu lấy ít ruộng nương, nhà cửa". Các bậc già cả trong họ lựa dịp nói với Sơ Quảng những ý trên. Sơ Quảng bảo: "Lẽ nào tôi đã quá già nua lú lẫn, không quan tâm đến con cháu hay sao? Tôi đã suy nghĩ rằng, chúng đã có nhà cửa đất cát rồi, để chúng tự cày cấy, hoàn toàn có thể cơm no áo ấm, sống như mọi người bình thường khác. Bây giờ lại tăng thêm tài sản cho chúng, khiến chúng thấy rằng đã có dư thừa, sẽ không chăm chỉ cày cấy nữa, làm như vậy là dạy con cháu lờ phờ lười biếng mà thôi. Có tài năng mà nhiều cửa, thì sẽ làm hại tới chí hướng, ngu xuẩn mà lắm cửa, thì sẽ dễ sai sót chông chất. Hơn nữa, người giàu có, thường bị người đời

ghen ghét. Tôi đã chẳng có gì để có thể dạy bảo con cháu, thì không muốn khiến cho chúng tăng thêm sai lầm để gây ra oán giận. Và lại, những khoản tiền này là nhà vua cho kẻ bầy tôi già này dưỡng lão, cho nên tôi vui vẻ cùng anh em trong họ, bà con xóm làng thân thiết cùng nhau hưởng lộc vua ban, để sống những năm tháng còn lại của tôi, chẳng phải là sung sướng hay sao?" Và thế là mọi người trong họ vui vẻ mến phục. Tất cả đều sống trọn tuổi trời.

(Ban Cố: *Hán thư* - *Sơ Quảng truyện*)

LỜI BÌNH

Bài này là chuyện Sơ Quảng dạy bảo con cháu. Sơ Quảng khi hiển đạt làm thầy dạy Thái tử, vẫn giữ được khiêm cung nhường nhịn, khi ông đem theo rất nhiều vàng nhà vua và Thái tử biểu tặng về quê nghỉ hưu, Sơ Quảng không chỉ đáp ứng mong muốn của con cháu về vật chất, mà còn gây dựng cho con cháu thái độ sống tự lập. Sơ Quảng chỉ ra rằng: Nếu như nặng về đáp ứng hưởng thụ vật chất của con cháu, thì chỉ có thể khiến con cháu thích an nhàn, sợ lao động, ý chí sa sút, lười biếng, không mong tiến thủ. Vì thế, do lòng yêu con cháu, ông không mua nhà cửa ruộng vườn cho con cháu, mà là dạy con cháu khả năng sống tự lập. Tư tưởng dạy con này của Sơ Quảng thật sự đáng quý, đối với việc dạy bảo những đứa con của chúng ta ngày nay rất đáng noi theo.

THƯ GỬI HAI CHÁU NGHIÊM VÀ ĐÔN

Ta mong rằng các cháu khi nghe thấy sai sót của người khác, như là nghe tên của cha mẹ mình, tai có thể nghe nhưng miệng không được nói ra. Thích bàn tán ưu khuyết điểm của người khác, tùy tiện bình luận pháp lệnh của nhà nước, đấy là điều ta ghét nhất. Thà chết cũng không muốn nghe thấy con cháu ta có hành vi như vậy. Các cháu vốn đã biết ta ghét nhất điều đó, cho nên lại nói với các cháu chuyện đó, như là con gái khi đi lấy chồng, được bố mẹ răn dạy, mong rằng các cháu chớ có quên.

Long Bá Cao là người đôn hậu, cẩn trọng, không nói những chuyện khen chê, khiêm tốn, tiết kiệm, liêm khiết, công bằng, rất có danh tiếng và uy tín. Ta yêu quý ông ta, kính trọng ông ta, mong rằng các cháu học tập ông ta. Đồ Quý Lương hào hiệp, trọng nghĩa, lo cái lo của người khác, vui cái vui của người khác, kết bạn với cả người xấu, người tốt. Nhân đám tang của cha, ông ta mời khách, người trong mấy quận đều đến. Ta yêu quý ông ta, kính trọng ông ta, nhưng không mong các cháu học tập ông ta. Học tập Long Bá Cao mà học không được, làm sao mà thành kẻ sĩ cần thận giữ mình được, gọi là chạm khắc con thiên nga thành ra con vịt; học tập Đồ Quý Lương học tập không được,

thì sẽ trở thành kẻ khinh bạc trong thiên hạ, gọi là vẽ hổ không thành mà vẽ thành con chó. Đến bây giờ tương lai của Quý Lương còn chưa biết được. Quận thú đến nhận chức nói đến ông ta là nghiêng răng bực tức, người trong châu quận đều nói như vậy, ta thấy buồn cho ông ta, vì thế không muốn các cháu học tập ông ta.

(Phạm Diệp: *Hậu Hán thư* - *Mã Viện liệt truyện*)

LỜI BÌNH

Đây là lá thư Mã Viện gửi cho hai cháu là Mã Nghiêm và Mã Đôn. Mã Viện (? - năm 78), tự là Văn Uyên, người Mậu Lăng, Phù Phong (nay là tây Hàm Dương, Thiểm Tây) thời Đông Hán. Ông từ nhỏ mồ côi nhưng có chí lớn, là danh tướng đầu Đông Hán, công lao to lớn, được phong hàm Tân tước hầu. Mã Viện là người đôn hậu, phẩm hạnh cao thượng, về sau bị người khác hãm hại, bị bãi quan chức. Trong thư gửi cho cháu, Mã Viện răn dạy cháu không được tùy tiện bàn tán ưu khuyết điểm của người khác, không được bàn luận bừa bãi chính trị, thời cuộc, phải khiêm tốn học tập những phẩm đức tốt thuần hậu, cẩn thận, khiêm tốn, tiết kiệm, liêm khiết, công bằng của Long Bá Cao. Điều đó có tác dụng nêu gương cho việc tu dưỡng phẩm chất tư tưởng và cách đối nhân xử thế của mọi người. Nhưng Mã Viện phê bình Đỗ Quý Lương trong lá thư, thì cần phải phân tích. Đỗ Quý Lương "hào hiệp, trọng nghĩa, lo cái lo của mọi người, vui cái vui của mọi người, kết bạn với cả người xấu và người tốt", thì phải khẳng định điều đó. Nhưng trong xã hội phong kiến, điều đó dễ đụng chạm đến lợi ích của giai cấp thống trị, gây ra phiền phức cho bản thân và gia đình. Vì thế, tuy Mã Viện kính trọng Đỗ Quý Lương, lại không để con em học tập ông ta, điều đó phản ánh tính hạn chế thời đại của tác giả.

THƯ RĂN DẠY CON

Gia đình ta trước kia nghèo túng, nhờ có sự khoan dung và ủng hộ của cha mẹ và các em, ta thôi chức tiểu lại làm việc sai vặt, đi tìm thầy học đạo ở kinh đô cũ nước Chu, nước Tần, qua lại các châu U, Tịnh, Diên, Dự, được gặp những bậc thầy lớn Nho học thông kim bác cổ đang tại chức và những bậc học giả nổi tiếng ở ẩn, điều đáng mừng là các vị thông Nho ấy đều nhận dạy bảo ta, truyền thụ cho ta. Thế là ta khảo cứu rộng rãi tác phẩm kinh điển Nho gia, đọc hết chú thích của mọi người, còn luôn luôn đọc cả những điều huyền bí của sách sấm ký, sách bí truyền quý báu. Hơn bốn mươi tuổi mới trở về nhà phụng dưỡng cha mẹ, thuê đất đai cày cấy để sinh sống vui vẻ. Gặp lúc bọn hoạn quan nắm giữ quyền lực, ta bị liên lụy với những người bị bắt giam nên bị cầm tù, mười bốn năm sau mới được xá tội. Về sau nhiều lần được tiến cử cùng với nhiều bậc nhân tài ngay thẳng, có đạo đức, được đại tướng quân, phú Tam ty vời tới nhận chức. Hai lần triều đình trực tiếp triệu vào, những người khác cũng được triệu vào với ta rất nổi tiếng, có một số sớm đã làm Tế tướng. Nghĩ đến mấy vị đều có đạo đức và tài cao, có thể đảm đương chức trách đại thần của nhà vua, rất đáng được bổ dụng. Còn ta tự lượng sức mình không có khả năng đảm nhận chức vụ ấy, chỉ muốn trình bày, làm rõ những ý

tướng ban đầu của Nho học Khổng Tử, cho nên nhận được lệnh triệu vời cũng đã không tuân mệnh. Giặc Khăn vàng làm phản, khiến cho ta long đong suốt miền nam miền bắc, không được yên thân, bây giờ mới trở về quê cũ. Đến năm nay, ta đã bảy mươi tuổi rồi. Việc học hành tu dưỡng thời cũ đã để bê trễ, lại còn một số chỗ sai sót; theo quy định của luật lệ, người ta đã bảy mươi tuổi nên để việc nhà cho con quản lý rồi. Bây giờ ta nói với con rằng ta già rồi, mọi việc nhà giao cho con lo liệu, ta sẽ sống nhàn tản trong nhà để tâm tình yên ổn, đào sâu suy nghĩ để hoàn thành sự nghiệp. Ngoài việc tiếp nhận mệnh lệnh của vua, thăm hỏi bệnh tật của những người thân trong họ, đi thăm nom cúng bái phần mộ, đi xem đi ngắm đồng quê, thì ta có bao giờ chống gậy đi ra khỏi nhà nữa đâu! Việc lớn việc nhỏ trong nhà, do con gánh vác. Đáng tiếc chỉ có một mình con, không có anh chị em để nhờ cậy. Dứt khoát phải gắng hết sức học hành, tu dưỡng theo người quân tử, nghiên cứu đi sâu không mệt mỏi, phải thật cẩn trọng về thái độ, đáng vẻ bên ngoài, gần gũi những người có đức. Niềm vinh dự to lớn là do bạn bè, đồng sự thúc đẩy mà nên, xây dựng đức hạnh phải dựa vào chí hướng bản thân, nếu có tiếng tăm tốt, cha mẹ cũng được vẻ vang. Những điều này không thể đào sâu suy nghĩ được hay sao? Ta tuy không có sự nghiệp của quan cao chức trọng, nhưng lại có cái thanh cao nhiều lần khước từ quan tước, vui thú với công việc bình luận, tổng kết, chỉnh lý các sách kinh điển, mong rằng không bị người đời sau chê cười. Cuối cùng, điều ta lo lắng là phần mộ song thân đã qua đời chưa xây xong, những sách ta yêu quý phần lớn đều rách nát rồi, không thể viết thành sách dùng ở nơi giảng dạy, học tập lễ nghĩa, truyền lại cho những người hiếu học đáng

được truyền thụ. Ta đã như mặt trời ngã về tây sắp lặn, con có thể làm được những việc ấy hay không? Gia cảnh nhà ta khá hơn trước kia; chỉ cần ra sức cố gắng, yêu quý thời gian, đâu còn sợ đói rét nữa. Ăn uống đạm bạc, quần áo giản dị, nếu có thể tiết kiệm về ăn mặc, khiến ta chẳng còn gì lo lắng nữa. Nếu như con quên những điều ta nói, không hiểu hết nỗi khổ tâm của ta, thì cũng chẳng còn gì nữa.

(Phạm Diệp: *Hậu Hán thư - Trịnh Huyền truyện*)

LỜI BÌNH

Trịnh Huyền (127-200), tự là Khang Thành, người Cao Mật, Bắc Hải đời Đông Hán (nay thuộc huyện Cao Mật, Sơn Đông). Ông cần cù hiếu học, là nhà kinh điển học, nhà giáo dục nổi tiếng thời Đông Hán. Trịnh Huyền suốt đời không có ý muốn làm quan, không chuộng danh lợi, nhiều lần khước từ quan tước, chuyên tâm dốc lòng nghiên cứu kinh điển học, tác phẩm khá nhiều. Tác phẩm tập hợp kinh điển học thời Hán, được gọi là *Trịnh học*. Trịnh Huyền lấy bản thân làm gương, sống đạm bạc, dạy bảo người con một ra sức tu dưỡng đạo đức, gần gũi người quân tử, cần cù, hiếu học, tự vươn lên lập nghiệp, sống tiết kiệm, giản dị, cẩn trọng trong xử thế, mong muốn có được tiếng tốt. Nội dung trong thư răn dạy con của Trịnh Huyền, vẫn có tác dụng nêu gương trong việc giáo dục gia đình đối với những đứa con một.

THU RẰN DẠY CON CỦA VƯƠNG TU

Từ ngày con ra đi, ta như mất mát cái gì đó, canh cánh không vui, vì sao vậy nhỉ? Ta thật sự già rồi, mấy anh em con là chỗ nương tựa của ta, đều không có nhà, lòng ta lo lắng không yên.

Cuộc sống trên đời qua đi rất nhanh chóng. Năm tháng thật đáng yêu biết bao! Cho nên vua Vũ không quý viên đá quý to lớn mà lại quý trọng thời gian ngắn ngủi. Thời gian trôi đi không thể kéo trở lại được, cũng như tuổi tác cao rồi không thể trở lại trẻ trung được nữa. Mong rằng con sớm biết quý tiếc thời gian, không nhất thiết học trong sách, mà phải đồng thời học làm người. Bây giờ con đã vượt qua bao quận huyện, vượt qua bao sông núi, già biệt anh em, xa rời vợ, muốn để con học tập những hành vi đúng, học tập làm theo khí tiết cao xa của kẻ sĩ có phẩm đức cao thượng, nghe thấy một sự việc, qua suy nghĩ có thể hiểu rõ rất nhiều đạo lý, quyết chí trở thành người hoàn mỹ. Đối với hoàn cảnh chung quanh và người thân cận, không thể không cẩn trọng giữ gìn, mấu chốt của tốt xấu là ở trong đó. Làm việc cùng với người khác, nhất định phải khoan dung. Lời nói phải qua suy nghĩ đã rồi mới nói ra, làm việc phải tính toán chu đáo đã rồi mới hành động, đấy là đạo lý sự việc và tình hình phù hợp với nhau, trái ngược với đạo lý này thì sẽ bị thất bại.

Người làm cha đều muốn con học giỏi, chỉ có điều không thể lấy cái chết của mình để bày tỏ mà thôi, những việc khác cha chẳng có gì luyện tiếc cả.

(Nghệ văn loại tự)

LỜI BÌNH

Đây là lá thư dạy bảo con của Vương Tu. Vương Tu tự là Thúc Trị, là người nước Ngụy thời Tam quốc, ban đầu làm thuộc hạ của Viên Thiệu, sau đó quy thuận Tào Tháo, làm quan tới chức Đại tư nông lang trung lệnh, sau đó làm Phụng thường. Vương Tu làm quan thanh liêm, đức làm quan rất đáng khen. Trong lá thư gửi cho con này, trước tiên ông khuyến khích con quý trọng thời gian, cho rằng thời gian là ngắn ngủi, trôi đi không kéo lại được; thứ hai dạy con phải cần cù hiếu học, không những học kiến thức trong sách, mà còn phải biết học làm người như thế nào; thứ ba, dạy con phải làm việc chu đáo, suy nghĩ chín rồi hãy làm, đối xử với người phải khoan dung độ lượng. Thư tuy ngắn, nhưng nội dung phong phú, tình ý chân thật. Các bạn trẻ ngày nay có thể thu nhận được những điều trong lá thư này.

THƯ DẠY CON CỦA DƯƠNG HỒ

Ta từ nhỏ đã được ông nội các con dạy bảo, ở tuổi biết nói đã được cho làm quản lý giấy tờ, khi chín tuổi đã dạy ta học *Kinh thi* và *Thượng thư*, nhưng vẫn không được người trong xã khen, không có tiếng cao thượng gì cả. Chúc vị bây giờ, là ơn huệ quá cao của vua mà thôi, khả năng của ta không thể đạt tới được. Ta kém xa ông nội các con, các con lại không bằng ta.

Mưu tính việc lớn, e rằng anh em các con không làm nổi, tự mình đạt tới cõi tinh thần khác thường, ta thấy các con cũng chẳng có tài. Khiêm tốn cung kính là phẩm đức hàng đầu, căn trọng là cái gốc của hành động. Mong rằng các con nói năng phải trung thực, đáng tin cậy, làm việc phải thật thà, cung kính, không lấy tiền của ra sức hứa hẹn với người khác, không tuyên truyền những lời vô căn cứ, không nhẹ dạ nghe tin những lời khen ngợi hoặc phỉ báng của người khác. Nghe được sai lầm của người khác, nghe rồi để đấy, miệng không được nói ra. Làm việc phải suy nghĩ đã rồi hãy làm. Nếu lời nói, việc làm của các con không thành thật, bản thân bị chỉ trích nghiêm khắc, bị pháp luật trừng trị, khi ấy làm thế nào để thương xót các con đây? Hơn nữa, ngay tổ tiên cũng chịu nhục nhã.

Hãy suy nghĩ những điều cha nói, nhận lấy sự dạy bảo của cha, mỗi đứa đều phải học thuộc ghi nhớ thường xuyên.

(*Nghệ văn loại tự*)

LỜI BÌNH

Đây là lá thư răn dạy con của Dương Hổ. Dương Hổ (221-278), tự là Thúc Tử, người Nam Thành, Thái Sơn (nay là tây nam huyện Phí, Sơn Đông). Thời Tấn Vũ đế làm quan tới chức Thượng thư tả bộc xạ, về sau làm Đô đốc Kinh Châu, chỉ huy quân đội, ra trấn giữ Nhượng Dương. Nhậm chức mười năm, rất có thành tích. Sau khi mất, người địa phương dựng bia cho ông ở Hiện Sơn, để ghi nhớ công lao của ông. Những người nhìn thấy bia Dương Hổ đều ngậm ngùi rơi nước mắt, cho nên gọi bia này là "Bia rơi lệ". Bản thân Dương Hổ tuy ở chức vị cao, nhưng trong *Thư răn dạy con* này, lại vô cùng khiêm tốn đối với công lao nổi bật của mình, ông đòi hỏi nghiêm khắc con cháu đời sau, đưa ra khá nhiều nguyên tắc lập thân xử thế, ông cho rằng lập thân xử thế phải lấy cung kính, cẩn trọng làm chính, đưa ra chuẩn mực tu dưỡng đạo đức: "Nói năng phải trung thực, đáng tin cậy, làm việc phải thật thà, cung kính", điều đó rất có ảnh hưởng cho việc tu dưỡng đạo đức và lập thân xử thế của con em quan lại thời đại phong kiến. Điều đó cũng có ý nghĩa học tập đối với việc lập thân xử thế của một số con em cán bộ cao cấp ngày nay.

ANH HIỀN EM THẢO, ĂN Ở VỚI NHAU HÒA THUẬN

Có người rồi mới có vợ chồng, có vợ chồng rồi mới có cha con, có cha con rồi mới có anh em, người thân trong một gia đình, có ba mối quan hệ này. Từ đó suy rộng ra, mở rộng tới chín họ, đều có gốc là ba mối quan hệ thân thuộc này, cho nên trong nhân luân cực kỳ quan trọng, không thể không đối xử cho nghiêm túc. Anh em là người đầu hình hài tách ra nhưng khí chất liền làm một. Khi anh em còn ấu thơ, cha mẹ tay bồng tay dắt, người kéo vạt áo trước, kẻ níu vạt áo sau, ăn cơm cùng mâm, quần áo mặc thừa của nhau, học hành dùng cùng một quyển sách, vui chơi đi cùng một nơi, dầu cho có lếu láo xằng bậy, cũng không thể không yêu thương nhau. Tới khi vào tuổi trưởng niên, mọi người đều có vợ, mọi người đều có con, dầu cho có chân thành đôn hậu đến mấy, cũng không thể không có sự khác nhau. Còn như chị em dâu so với anh em trai, lại càng xa cách, kém thân thiết. Bây giờ để cho người xa cách, kém thân thiết này chỉ phối quan hệ thân thiết hay không thân thiết này, thì chẳng khác gì trên chiếc ghế vuông chụp lên chiếc nắp tròn, tất nhiên là chẳng ăn nhập vào nhau được. Tình trạng này chỉ có mười phần hòa thuận hiền thảo, không bị người khác lay chuyển thì mới có thể tránh được thôi!

Cha mẹ đã qua đời, chỉ còn lại anh em ăn ở với nhau, thì phải như hình với bóng, như âm thanh và tiếng vang, giữ gìn phần máu thịt cha mẹ để lại, chăm lo phần thân thể của mình, ngoài anh em ra thì còn quyến luyến, yêu thương ai nữa? Anh em với nhau, không giống với người khác, đòi hỏi cao thì dễ dàng oán trách nhau, còn thân thiết thì dễ dàng xóa bỏ cách biệt. Thí dụ như nhà ở, thấy một lỗ thủng thì bịt ngay, thấy một vết nứt thì trám kín, sẽ không xảy ra nguy hiểm đổ tường; nếu có chim sẻ phá, chuột khoét đục cũng không lo lắng, mưa gió cũng không phòng chống, thì sẽ tường đổ cột xiêu, không thể nào cứu vãn được. Vợ bé so với chim sẻ và chuột, vợ lớn sợ với gió mưa, ỉ rằng còn ghê gớm hơn đấy!

Anh em không hòa thuận, thì các cháu không yêu nhau; các cháu không yêu nhau, thì thế hệ các cháu trong họ xa lánh, không thân thiết; thế hệ các cháu trong họ xa lánh, không thân thiết, thì đám tôi tớ trong nhà sẽ thành kẻ thù của nhau. Như vậy thì ngay người lạ đi trên đường cũng có thể đập vào mặt anh ta, giày xéo lên người anh ta, còn có ai đến cứu anh ta nữa. Trong người đời có kẻ kết bạn được với kẻ sĩ trong thiên hạ, vui vẻ yêu mến họ, nhưng đối với anh em lại không tôn kính, như vậy làm sao có thể nhiều mà không có thể ít được; trông người đời có kẻ thống lĩnh mấy vạn đại quân và được quân lính dốc lòng tận lực, nhưng lại không yêu thương em út, làm sao có thể xa lánh và không có thể thân yêu được!

Chị em dâu với nhau, xích mích nhiều nhất, dù là ruột thịt mà trở thành chị em dâu, cũng không gì bằng xa lánh một chút, nhớ nhau như cảm thụ giọt sương sớm, đợi chờ ngày gặp nhau. Hướng chỉ vốn giống như người lạ đi trên

đường, lại ở vào cảnh nhiều sách méch, để làm được không xảy ra tranh chấp và chạm thật sự là rất hiếm. Sở dĩ có thể như vậy, là vì việc là việc chung của tất cả, nhưng lại đều chú ý tới cái lợi của mình, gánh vác nặng nề lại chẳng chú trọng đạo nghĩa. Nếu có thể khiến cho oán giận của mình mất đi, rộng lượng với đối phương, yêu mến chăm sóc con của đối phương như con của mình, thì thứ tai họa này sẽ có thể không xảy ra nữa. Việc tôn trọng anh lớn trong nhà, không được đặt ngang hàng với phụng thờ cha mẹ được, vậy thì vì sao lại oán giận anh lớn yêu em không bằng yêu con cơ chứ? Đây là vì không đoi chiều hai sự việc với nhau để nhìn cho rõ ràng thôi!...

(Nhân Chi Thôi: *Nhan thị gia huấn*
- *Huỳnh đệ*)

LỜI BÌNH

Xã hội cổ đại Trung Quốc là xã hội nông nghiệp thịnh hành tôn trọng gia tộc, tông pháp. Gia đình phong kiến nhiều con trai liệu có thể giữ được khả năng đoàn tụ và tính ổn định hay không, trên mức độ rất lớn quyết định bởi anh em có ăn ở hòa thuận với nhau hay không. Khi anh em bất hòa, thì dứt khoát trong gia đình xảy ra nhiều vấn đề và mâu thuẫn, nhẹ thì cãi cọ xô xát, nặng thì đâm chém lẫn nhau, trở thành thù hận nhau. Vì thế, anh em ăn ở với nhau như thế nào, tự nhiên trở thành một nội dung quan trọng trong giáo dục gia đình. Những kẻ sĩ quyền quý thời kỳ Nam Bắc triều rất thích duy trì những đại gia đình, anh em đã lấy vợ vẫn phần lớn ở chung trong một nhà, đối xử với nhau tốt đẹp rất là không dễ dàng. Nhân Chi Thôi nhấn mạnh nguyên tắc giải quyết quan hệ anh em là anh hiền em thảo, yêu thương lẫn nhau, khoan dung cho đối phương. Điều ông ta nói, tới ngày nay xem ra ít nhiều vẫn có đạo lý, ở những điểm nào đó vẫn đáng học tập.

HAM MUỐN KHÔNG THỂ BUÔNG THẢ, Ý NGUYỆN KHÔNG THỂ QUÁ NHIỀU

Sách *Lễ ký* nói: "Ham muốn không thể buông thả, ý nguyện không thể quá nhiều". Vũ trụ còn có giới hạn, ham muốn lại không có chỗ tận cùng. Chỉ có ít ham muốn đi, đặt ra một giới hạn mới được. Tịch Hậu tổ tiên ta dạy bảo con cháu rằng: "Gia đình ta là gia đình học hành, đời đời chưa có đại phú đại quý, xưa nay làm quan chưa quá mức lương hai nghìn thạch, hôn nhân không ham hố nhà quyền thế". Ta suốt đời ghi nhớ câu nói này, coi là một danh ngôn.

Đạo trời đất quý thân, đều chán ghét quá đầy đủ, khiêm tốn không hạ thấp mình, có thể tránh được thiệt hại. Sống trên đời, mặc quần áo là để che phủ thân thể, không để nhiệm giá lạnh, ăn uống là để no bụng, không để đói khát, mất sức lực mà thôi. Trong cơ thể mình, còn không bao giờ xa xỉ, lãng phí, thì ngoài cơ thể, còn ra sức kiêu sa ngạo mạn để làm gì nào? Chu Mục vương, Tần Thủy Hoàng, Hán Vũ đế, giàu có vô cùng, song làm thiên tử, không biết dừng lại đứng chỗ, còn chuốc lấy bại vong, hưởng chỉ là kẻ sĩ bình thường! Thường thường nhà có hai mươi người, đây tổ nhiều nhất không quá hai mươi đứa, có mười khoảnh ruộng tốt, nhà cửa mới có thể chống được

mua gió, ngựa xe chỉ có thể thay cho gậy chống. Dành dụm mấy vạn tiền, để chuẩn bị cho việc cưới xin, ma chay. Không dừng lại ở những việc đó, phải tiêu dùng cho hợp đạo lý; còn chưa tới những việc đó, thì dứt khoát đừng mong giành được bằng những cách không chính đáng.

(Nhân thị gia huấn - Chỉ tức)

LỜI BÌNH

Nhan Chi Thôi trong thư đã dạy con "dừng lại ở mức đủ". Biết dừng lại tức là thỏa mãn, tức là biết đủ thì luôn vui vẻ; còn mang ý biết dừng lại, tức là nói làm quan, tích góp của cải đều có hạn độ cả, của cải quá nhiều, quan chức quá cao đều dễ dàng chuốc lấy tai họa, chi bằng tốt nhất là có hạn độ để sống yên ổn. Nhan Chi Thôi chỉ ra rằng, ham muốn của con người là vô cùng, không biết dừng lại ở chỗ đủ sẽ có thể dẫn tới lụn bại. Quá mức đầy đủ thì chuốc lấy thiệt hại, khiêm tốn thì có lợi là kinh nghiệm xây dựng gia đình, đối nhân xử thế của ông. Nguyên tắc xử thế "ham muốn không thể buông thả, ý nguyện không thể quá nhiều" tuy có sự hạn chế của giai cấp ông, nhưng vẫn có giá trị tham khảo trong việc xây dựng gia đình, đối nhân xử thế của chúng ta ngày nay.

CON CHÁU PHẢI TỰ LẬP

Có một người bán chiếc đai ngọc, các con của Vương Đán thấy chiếc đai ngọc rất đẹp, liền đem tới cho Vương Đán xem. Vương Đán bảo họ thắt vào eo lưng, và hỏi: "Còn đẹp hay không?" Các con trả lời: "Thắt vào người rồi, tự mình làm sao mà nhìn thấy được?" Vương Đán bảo: "Bản thân mình mặc đẹp, lại để người ta khen, thì chẳng phải là uống công hay sao? Đem trả ngay người ta". Vương Đán suốt đời không tậu ruộng nương, nhà cửa, ông nói: "Con cháu phải lo tự lập, hà tất phải tậu đất cát, nhà cửa cho chúng? Làm như vậy chỉ có thể khiến chúng tranh nhau tài sản, trở thành kẻ bất nghĩa mà thôi!" Cháu họ Vương Đán là Mục, rất ham đọc sách học hành, đã từng viết thư mong Vương Đán tiến cử anh ta làm tiến sĩ, Vương Đán bảo: "Ta đã từng lo lắng vì quá nổi tiếng, làm sao lại có thể tranh quan chức với kẻ sĩ nghèo-được!" Cho tới lúc chết, con Vương Đán là Vương Tổ cũng không làm quan.

(Tất Nguyên: *Tục Tư trị thông giám*)

LỜI BÌNH

Bài này ghi chép việc Tể tướng Vương Đán thời Tống Chân Tông dạy bảo con cái. Vương Đán tuy làm Tể tướng, nhưng lại rất khiêm nhường cẩn trọng trong xử thế, yêu cầu con cái nghiêm khắc. Ông không chủ trương con cái dựa dẫm, ỷ vào

bố mẹ, hưởng thụ vật chất, nhấn mạnh con cái không nên chuộng hư vinh, phải vươn lên tự lập. Đây là tư tưởng vô cùng đúng. Ngoài ra, Vương Đán phản đối con mình tranh giành công danh với người xuất thân nghèo túng. Đây là điều vô cùng quý báu trong thời phong kiến. Nội dung tư tưởng dạy con này của Vương Đán có vai trò chỉ đạo đối nhân xử thế đối với con em cán bộ cao cấp ngày nay.

BAO CHỨNG DẠY CON THANH LIÊM, KHÔNG THAM LAM

Bao Chứng tính tình nghiêm khắc, cương trực, ghét thói hà khắc của quan lại, làm việc luôn đôn hậu, tuy vô cùng căm ghét việc làm xấu xa, nhưng lại không bao giờ không khoan dung trong việc đối xử với mọi người. Trong giao tiếp với mọi người, ông không dễ dàng phụ họa, không nói lời giả dối, cười khách sáo để người khác vừa lòng, bình thường không có thư riêng gửi qua gửi lại, chấm dứt việc qua lại giao lưu với người quen và họ hàng thân thích. Ông tuy làm quan to, nhưng quần áo, đồ dùng, ăn uống vẫn như khi chưa làm quan. Ông từng nói: "Con cháu đời sau của ta nếu đi làm quan, phạm tội tham nhũng, sẽ không cho về nhà ta nữa, sau khi chết cũng không được chôn cất vào khu mộ của dòng họ. Nếu không làm theo ý chí của ta, thì không phải là con cháu ta".

(Tống sử - Bao Chứng truyện)

LỜI BÌNH

Bao Chứng (999-1062), tự là Hy Nhân, người Hợp Phì, Lư Châu (nay thuộc An Huy) đời Tống, ông là tiến sĩ triều nhà Tống, suốt đời đảm nhiệm nhiều ngạch quan chức. Ông nổi tiếng là một ông quan xét xử kiện tụng sáng suốt, ngay thẳng. Chấp

hành pháp luật không kiêng nể thân tình, không sợ kẻ quyền quý, mặt sắt vô tư, công bằng chính trực, người ta gọi ông là "Bao Thanh Thiên". Bao Chửng thường ngày ăn ở đơn hậu, chân thành với mọi người, cuộc sống tiết kiệm, giản dị. Ông bản thân gương mẫu, cương trực, không xu nịnh, làm quan thanh liêm, đức làm quan rất đáng khen. Bao Chửng còn răn dạy con cháu đời sau làm quan phải thanh liêm không tham lam. Đức làm quan thanh liêm mà Bao Chửng dạy con cháu đời sau rất có ảnh hưởng, được người đời ca ngợi, đối với việc xây dựng liêm chính của chúng ta ngày nay có điểm đáng học tập.

LỤC DU DẠY CON CẦN TRỌNG GIỮ MÌNH, TRÁNH TAI HỌA

Trên bia mộ có khắc lời văn, không phải là để lưu truyền mãi mãi đâu. Ta tự mình viết ra những việc lớn của đời ta, dùng để răn dạy các con, động viên con cháu mai sau, vậy là ta đã mãn nguyện rồi; tô điểm cho mình quá đáng để lừa dối người đời sau, lẽ nào là ý nguyện của ta sao?

Ta suốt đời không bao giờ làm hại người khác, người khác sở dĩ làm hại ta, hoặc là xuất phát từ đố kỵ ghen ghét, hoặc là vì ngẫu nhiên không hiểu nhau, hoặc là vì lợi ích, tình trạng của họ phần lớn có thể thông cảm, lượng thứ được, không nên oán giận, cần thận tránh họ ra là được rồi. Nếu như là người nói đúng sai sót của ta, càng phải lượng thứ cho họ. Các con chỉ được ít phạm sai lầm, không được để lộ ra mặt mạnh của mình, không nên qua lại giao du quá nhiều với những người thành đạt cao sang, như vậy thì kẻ làm hại mình tự nhiên sẽ ít đi. Ta tuy rằng hối lại cũng không kịp nữa rồi, các con lấy ta làm răn, là được rồi.

Có tai họa không thể tránh được, tránh tai họa này sẽ dẫn đến tai họa nghiêm trọng hơn. Đã không thể ở ẩn thì đành phải đi vào con đường làm quan, nhỏ thì bị cách giáng chức, lớn thì bị chết, chuyện đó đương nhiên rất rõ

ràng. Nếu để tránh bị giáng chức mà đi nịnh bợ quan trên, thì tai họa của việc nịnh bợ không chỉ là mất hết quan chức; nếu để tránh được cái chết mà làm mất đi cái khí tiết của bề tôi, thì tai họa của việc mất khí tiết không chỉ là mất đi mạng sống. Kẻ bản tính yếu kém không thể gánh chịu nổi tai họa, điều đó không thể cưỡng ép được. Chỉ có tự mình cây cày, bỏ hẳn con đường làm quan, mới có thể xa lánh được tai họa.

Phong tục xã hội đang ngày càng suy đồi, chuyện làm người ta lo lắng rất nhiều. May mắn là ta đã già thấp thỏm cửa lỗ rồi, giả dụ không mau chóng qua đời, ta cũng quyết không lập lại đi vào con đường làm quan nữa, chỉ lo lắng cho con cháu, mới không thể tỏ ra về già lão lự khỵ. Gia đình nhà ta vốn dĩ là nông dân, lại được làm nghề nông, đó là thượng sách; đóng cửa nghiên cứu kinh điển học, không tham gia thi cử, không đeo đuổi con đường làm quan, đó là trung sách; yên tâm làm quan nhỏ, không ham chuộng hư danh cao quý, đó là hạ sách. Vứt bỏ cả ba sách lược ấy đi, thì chẳng còn biện pháp nào nữa. Bây giờ các con nghe ta nói lời này, trong lòng có lẽ không cho ta là đúng, lúc khác suy nghĩ đi, lúc nhàn rỗi anh em cùng nhau nhắc nhở, khuyên bảo nhau, đừng để người ngoài nói những lời này.

(Lục Du: *Phóng Ông gia huấn*)

LỜI BÌNH

Bài này là một số chủ trương dạy bảo con cháu của Lục Du. Lục Du suốt đời lận đận trên đường làm quan, trải nhiều đau khổ. Ông rất chú ý giáo dục gia đình, ông răn dạy con cháu đối nhân xử thế phải nghiêm khắc với mình, khoan dung với người,

không làm hại người khác, khiêm tốn cẩn trọng, không chơi với kẻ quyền thế, để tránh tai họa. Lục Du cho rằng lui về ở ẩn, không làm quan là mấu chốt để tránh được tai họa. Ông nhấn mạnh chăm chỉ theo việc cấy cày, yên với số phận, không đeo đuổi con đường làm quan, không chuộng hư vinh, là biện pháp tránh được tai họa. Những lời Lục Du dạy con đời nhân xử thế này chứa đựng đạo đức truyền thống của dân tộc Trung Hoa, như khoan dung với người, khiêm tốn cẩn trọng, đều đáng để người đời sau kế thừa phát huy. Nhưng trong đó cũng có một số nhân tố tiêu cực. Như không làm quan về ở ẩn, tuy rằng có thể giữ được mình trong sạch an toàn, nhưng trên một mức độ nào đó là tiêu cực, xa lánh đời thường, thiếu tinh thần tiến thủ.

LUÔN PHẢI LO LẮNG, THẬN TRỌNG TRONG NÓI VÀ LÀM

Lớp người trẻ tuổi chưa bao giờ biết lo nghĩ, cũng chẳng bao giờ biết sợ hãi, suốt ngày chơi đùa vui vẻ, thấy người già nói năng thận trọng giữ gìn, thì bịt tai bỏ đi, cho rằng cá đời ta nhất định không có gì phải sợ hãi cả. Đâu có biết rằng số phận luôn thay đổi, lẽ nào mãi mãi là quan cao sang trọng đâu? Mỗi một sĩ đại phu và người dân bình thường, thì lúc thịnh lúc suy, lúc sướng lúc khổ đều có số phận cả, như bơi trên dòng sông lớn, chẳng thấy bến bờ đâu cả, nhìn về phía sau mệnh mang mờ mịt, không biết dựa vào đâu. Chỉ muốn mãi mãi bình yên vô sự, đâu có dễ dàng như thế? Hoặc là đường đời thay đổi, hoặc là quê hương xảy ra loạn lạc, hoặc là gia đình biến đổi, hoặc là bản thân bỗng nhiên gặp chuyện không may. Chỉ có luôn luôn có ý thức lo lắng sợ hãi, không dám tùy tiện nói lung tung, không dám hành động bừa bãi, hy vọng tội lỗi mình phạm phải, được giảm bớt đi.

(Trương Lý Tường: *Sơ học bị vong*)

LỜI BÌNH

Bài này là những lời nói dạy con đối xử với đời của Trương Lý Tường. Trương Lý Tường (1611-1674), tự là Khảo Phu, hiệu

là Niệm Chi. Người Đông Hương (nay thuộc Triết Giang) thời Minh Thanh, suốt đời sống ở làng Dương Viên, các học giả gọi ông là ông Dương Viên. Ông có sắc thái riêng trong các nhà triết học phái Trình Chu. Trương Lý Tường trong bài này nói rằng cuộc đời con người ta không thể nào luôn luôn thuận buồm xuôi gió, làm người phải luôn lo lắng, sợ hãi, luôn luôn nghĩ đến những biến cố có thể xảy ra, để mong phòng bị không gặp tai họa, để phòng khi sự việc chưa xảy ra. Ông nhấn mạnh trong xử thế phải thận trọng trong nói năng và hành động, giảm bớt sai lầm đến mức có thể giảm được. Quan điểm xử thế này của Trương Lý Tường có lợi cho những người của thời đại phong kiến, biết rõ để giữ mình, nhưng ít có tinh thần tiến thủ. Chúng ta phải phân tích một cách khách quan những ý kiến này.

GIỮ MÌNH KHIÊM TỐN CẦN TRỌNG, CÓ LÒNG NHẪN NẠI NHƯỜNG NHỊN

Trương Bá Hành nói với chú mình rằng: Chú xử sự vẫn có cách cơ bản nhất, là nhường những việc dễ dàng tốt đẹp cho hàng xóm, người trong làng, họ hàng thân thích, bè bạn, còn gia đình cháu lại phải chịu thiệt, đó là đạo lý xử thế của thánh hiền. Đối với đứa em nào đó, lại đã không hề né nang chút nào, nói rõ với nó rất thống thiết một số sự việc, để nó có thể ra sức hồi cải, sửa đổi mọi lỗi lầm cũ, trở lại thành con người tốt. Trước kia, Tư Mã Quang viết thư cho các cháu rằng: Gần đây ta được bổ nhiệm làm Môn hạ thị lang, rất nhiều người ghen ghét với ta, nhưng ta vẫn giữ nguyên khiêm cung chính trực đối xử với họ, giống như một chiếc lá vàng trong cơn gió lớn, suýt nữa thì bị rơi xuống. Vì thế, từ ngày được bổ nhiệm tới nay, chỉ thấy sợ hãi chứ không vui mừng, các cháu phải hiểu rõ ý ta, phải khiêm tốn, nhường nhịn hơn trước, không được dựa vào thế lực của ta làm những việc phạm pháp, không công bằng, quấy nhiễu quan phủ, ức hiếp dân lành, khiến nhân dân chán ghét, buồn bực. Nếu không như thế, thì tai họa của ta là do các cháu gây ra, và các cháu cũng không thể thoát khỏi tai họa. Đứa em trai nào đó bây giờ đã hơn ba mươi tuổi rồi, chẳng còn bé bỏng gì nữa, ăn ở với mọi người, đối xử với công việc, phải tôn trọng khuôn

phép. Nghe nói người trong gia đình nó và đám gia nhân giải quyết nhiều việc rất không thỏa đáng, đối xử với người hà khắc. Trước kia phu nhân của Trình Đại Trung răn dạy con cái khi quát mắng đây tớ rằng: "Sang hèn tuy khác nhau, người thì lại giống nhau". Người anh em đó làm sao không hiểu được tình người ấy nhỉ? Chú thay cháu khuyên bảo người anh em ấy, dặn dò người anh em ấy giữ mình khiêm tốn, cẩn trọng, có lòng nhân nại, nhường nhịn, như thế mới là đạo làm người. Chu Hy có bốn điều cơ bản đối với một gia đình: "Độc sách di học là cái gốc của xây dựng gia đình, cần kiệm là cái gốc của quản lý gia đình, hòa thuận là cái gốc của duy trì gia đình, tuân theo đạo lý là cái gốc của bảo vệ gia đình". Chú em ấy đã bỏ hết cả bốn điều cơ bản ấy, lẽ nào không suy nghĩ hay sao? Tư Mã Ôn công, nhà Nho nổi tiếng một thời của triều đình nhà Tống, ở chức cao Thị lang, còn luôn luôn cẩn trọng, khiêm tốn. Cháu dâu có được cao quý như quan Thị lang, địa vị của cháu cũng không thể nào sánh được với Ôn công khi đó, người anh em ấy nếu không tuân theo đạo lý, không những làm hại cháu mà ngay chú ấy cũng bị hại. Dẫu cho chú ấy không thương yêu cháu, lẽ nào chú ấy không thương yêu bản thân mình hay sao? Nếu như chú ấy sửa chữa được lỗi lầm, thì chính là vận may của gia đình chúng ta.

(Trương Bá Hành: *Chính Nghị*
Đường văn tập)

LỜI BÌNH

Bài văn này là lời chuyện trò của Trương Bá Hành với chú. Trương Bá Hành tuy làm quan to, nhưng lại biết xử thế khiêm

tốt, cẩn trọng, nghiêm khắc yêu cầu con em mình. Những lời chuyện trò trên đây của Trương Bá Hành chủ yếu nói lên một đạo lý đối nhân xử thế của ông, tức là giữ mình cho khiêm tốn, cẩn trọng, có lòng nhẫn nại, nhường nhịn. Ông ca ngợi đại đức trong xử thế, vì người trước vì mình sau, lễ phép nhường nhịn người khác. Ông cho rằng: Làm người không được ý thế kiêu ngạo, đối xử với mọi người không được phân biệt sang hèn, phải coi trọng như nhau, địa vị càng cao càng phải khiêm nhường, thận trọng, mới được lòng người. Ông còn cho rằng cần kiệm, hòa thuận, tuân theo đạo lý là điều cơ bản để quản lý gia đình. Đạo lý đối nhân xử thế nói trên của Trương Bá Hành, mục đích là để khuyên bảo người em của ông sửa chữa lỗi lầm, hiểu được đạo lý xử thế. Những nguyên tắc xử thế của Trương Bá Hành có ý nghĩa học tập trong xử thế với con em một số cán bộ bây giờ.

TRONG HỌ PHẢI HÒA THUẬN

Tông tộc hòa thuận, kẻ đi người về ra vào yêu thương nhau, xảy ra chuyện gì thì phải giúp đỡ nhau. Ba đời cùng ở chung một nhà, điều đó đã từng được ghi chép trong sách vở. Tất cả những việc trong tông tộc, dù lớn hay nhỏ, anh em trong họ xa hay gần, không nên để xảy ra nghi ngờ, ghen ghét nhau, không nên thù oán nhau, bao giờ cũng phải hòa thuận đối xử với nhau. Dầu cho xảy ra việc gì bất đắc dĩ, cũng phải nói năng bình tĩnh ôn hòa, phải nghe theo cách xử lý của trưởng họ. Nếu như ngầm ngầm từ lâu có sự oán giận, dẫn đến kiện tụng nhau ở cửa quan, thì không xứng đáng là con cháu của thánh nhân.

(Không thì gia phả)

Tông tộc phải ăn ở với nhau hòa mục. Phàm những người cùng một tông tộc thì đều có cùng một ông tổ. Chỉ phái có gần xa, nhưng đều là cùng một dòng máu. Vì thế, giàu sang rồi không được tự tư. Bậc thánh hiền ngày xưa chỉ mong gắng hết sức mình, đồng cam cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi với người trong họ. Thế hệ chúng ta bây giờ phải ra sức cho xứng đáng với người xưa. Mọi người trong họ chúng ta đều cùng một tổ một tông. Nếu như chúng ta không tuân thủ quy tắc này, thì là làm ngược lại quy phạm cung kính, cẩn trọng, thành thực của thánh hiền tổ tông.

Xin đề nghị trưởng họ trình trị theo phép tắc của dòng họ, quy phạm của gia đình.

(Khổng thị chi phủ)

LỜI BÌNH

Trong quy phạm dòng họ và giáo dục gia đình, đạo Khổng nhấn mạnh một nguyên tắc xử thế là gia tộc hòa thuận. Chủ trương người trong họ yêu thương lẫn nhau. Giúp đỡ lẫn nhau, thông cảm cho nhau, cùng chia sẻ ngọt bùi cay đắng. Răn dạy người trong họ không nên xảy ra mâu thuẫn thù oán nhau, đòi hỏi người trong họ đối xử với nhau cung kính, cẩn trọng, tuân thủ khuôn phép gia đình, quy phạm của dòng họ, xứng đáng là con cháu của thánh hiền. Quy phạm của dòng họ và giáo dục gia đình của đạo Khổng rất có ảnh hưởng trong việc ăn ở với nhau hòa thuận của các gia đình phong kiến lớn thời phong kiến, đối với việc ăn ở hòa thuận của các gia đình ngày nay vẫn có điểm đáng học tập.

THIÊN VẬN DỤNG THỰC HIỆN

Khổng Tử nói: "Nói với ông ta được mà lại không nói, thế là bỏ sót nhân tài. Không thể nói với ông ta mà lại nói, thế là lãng phí lời nói. Người thông minh không bỏ sót nhân tài, cũng không lãng phí lời nói".

KHỔNG TỬ BÀN VỀ TIẾN CỬ NGƯỜI HIỀN TÀI

Lỗ Ai công hỏi Khổng Tử: "Làm những việc gì mới có thể khiến cho nhân dân phục tùng?" Khổng Tử trả lời: "Nếu cất nhắc những người ngay thẳng, đặt họ lên trên bọn gian ác, dân chúng sẽ phục tùng; nếu cất nhắc bọn gian ác, đặt chúng lên trên những người ngay thẳng, dân chúng sẽ không tin theo".

(Luận ngữ - Vi chính)

Khổng Tử nói với Trọng Cung: "Con của con bò cày có bộ lông đẹp, bộ sừng gọn gàng, dắt cho nhà người tiếc không đem làm vật tế thần, thần sông núi lẽ nào lại tha cho nó?"

(Luận ngữ - Ung dã)

Vua Thuấn có năm vị bề tôi giỏi, thiên hạ đã thịnh trị rồi. Chu Vũ vương nói: "Ta chỉ có mười vị bề tôi cai quản được thiên hạ". Khổng Tử vì thế nói rằng: "Nhân tài thật là hiếm, lẽ nào không phải như thế hay sao? Thời Đường Nghiêu và Ngu Thuấn, nhân tài đời dào dạt nhất, vua Thuấn mới có được năm vị bề tôi giỏi. Chu Vũ vương tuy có được mười vị, nhưng trong đó có một vị là nữ, thực tế chỉ

còn chín. Chu Văn vương đã giành được hai phần ba thiên hạ, vẫn xưng là bề tôi với Thương Ân, đạo đức của nhà Chu có thể nói là cao nhất".

(Luận ngữ - Thái bá)

Trọng Cung làm quan tổng quản cho họ Quý, hỏi Khổng Tử về đạo cầm quyền. Khổng Tử nói: "Giương mào dẫn đầu mọi người, không chấp nhận sai sót nhỏ của người khác, cất nhắc người tài giỏi".

Trọng Cung lại hỏi: "Làm thế nào nhận biết được người tài giỏi, để cất nhắc họ lên?" Khổng Tử trả lời: "Cất nhắc những người mà nhà người biết, những người nhà người không biết, những người khác lẽ nào để họ mai một đi được?"

(Luận ngữ - Tử Lộ)

Khổng Tử nói: "Nói với ông ta được mà lại không nói, thế là bỏ sót nhân tài, không thể nói với ông ta mà lại nói, thế là lãng phí lời nói. Người thông minh không bỏ sót nhân tài, cũng không lãng phí lời nói".

(Luận ngữ - Vệ Linh công)

Khổng Tử nói: "Người quân tử không vì người ta nói được một câu hay mà cất nhắc người ta, cũng không vì người ta là người xấu mà khinh thường câu nói hay của người ta".

(Luận ngữ - Vệ Linh công)

Khổng Tử nói: "Tang Văn Trọng có lẽ là người làm quan không giỏi, ông ta biết rõ Liêu Hạ Huệ hiền đức, mà lại không để ông ta làm quan".

(Luận ngữ - Vệ Linh công)

Khổng Tử nói: "Mọi người đều ghét bỏ ông ta, thì nhất định phải điều tra xem xét; mọi người đều yêu mến ông ta, cũng nhất định phải điều tra xem xét ông ta".

(Luận ngữ - Vệ Linh công)

LỜI BÌNH

Những đoạn văn của bài này đều trích ra từ *Luận ngữ* của Khổng Tử, thể hiện tập trung tư tưởng tiến cử người hiền tài của Khổng Tử. Vấn đề nhân tài là vấn đề lớn quan hệ tới sự thịnh suy còn mất của đất nước, cái gọi là "Có được người hiền thì hưng thịnh, mất người hiền thì suy vong", chính là nhận thức phản ánh tầm quan trọng của người xưa đối với vấn đề nhân tài. Trong bài này, Khổng Tử đã nêu ra rõ ràng tư tưởng nhân tài của ông: Một là, phải coi trọng nhân tài, vua Thuấn, Chu Vũ vương chính vì có được bậc tài giỏi mà thiên hạ thịnh trị; hai là, phải giỏi nhận biết nhân tài, không thể nghe người ta nói là tin ngay, phải điều tra xem xét thực tế; ba là, đối với nhân tài đã được tiến cử, không được câu toàn, phải coi trọng khí tiết lớn của người ta, bỏ qua những cái vụn vặt. Tư tưởng tiến cử nhân tài của Khổng Tử là một bộ phận quan trọng của tư tưởng Khổng Tử, chiếm vị trí quan trọng trong lịch sử tư tưởng nhân tài của Trung Quốc, rất đáng để chúng ta nghiên cứu, phê phán, kế thừa và tích cực phát huy.

MẠNH TỬ KHUYÊN TỀ TUYÊN VƯƠNG

Mạnh Tử nói với Tề Tuyên vương rằng: "Vua nếu như coi kẻ bề tôi là chân tay của mình, thì kẻ bề tôi coi vua là tim ruột của mình; nếu vua coi kẻ bề tôi là chó ngựa, thì kẻ bề tôi coi vua là người bình thường; nếu vua coi kẻ bề tôi là cỏ rác, thì kẻ bề tôi coi vua là kẻ thù.

Tề Tuyên vương nói: "Theo quy định của chế độ lễ nghi, bề tôi đã từ bỏ quan chức còn phải để tang cho vua trước kia của ông ta, thì nhà vua phải làm thế nào, mới có thể làm cho bề tôi để tang cho ông ta?" Mạnh Tử nói: "Tiếp thu lời can gián của bề tôi, và đưa ra thực hiện; nghe theo lời đề nghị của bề tôi, ban ơn huệ cho dân chúng; khi bề tôi có việc buộc phải ra đi, cử người hướng dẫn ông ta ra khỏi biên giới, và cử người đến nơi ông ta sẽ đến bố trí trước; bề tôi ra đi ba năm chưa trở về, mới thu hồi đất đai nhà cửa của ông ta. Thế gọi là có ba điều lễ. Nhà vua nếu làm được ba điều đó, bề tôi sẽ để tang cho ông ta. Bây giờ những người là bề tôi, can gián đối với nhà vua không được tiếp nhận, những đề nghị tốt đẹp cũng không có người nghe theo, ơn huệ của họ càng không được ban cho dân chúng; bề tôi một khi có việc buộc phải ra đi, nhà vua còn trối gó họ lại, nếu bề tôi đi đến một nơi nào khác, nhà vua đã tìm mọi cách để khiến họ muôn phần cùng khổ, đúng ngày bề tôi ra đi, vua đã thu hồi đất đai nhà cửa của

họ. Như vậy gọi là thù địch. Đối với vua cũ như thù địch, thì sau khi ông ta chết, ai còn để tang cho ông ta nữa?"

(*Mạnh Tử - Ly lâu hạ*)

Tề Tuyên vương hỏi về việc công khanh. Mạnh Tử nói: "Bệ hạ muốn hỏi về loại công khanh nào? " Tề Tuyên vương hỏi: "Công khanh lẽ nào không phải như nhau hay sao?" Mạnh Tử nói "Đúng thế. Có công khanh cùng tông tộc với hoàng cung, cũng có công khanh không phải họ nhà vua". Tuyên vương nói: "Vậy thì ta muốn hỏi về công khanh cùng tông tộc với hoàng cung". Mạnh Tử trả lời: "Vua nếu có sai lầm nghiêm trọng, thì họ khuyên can; nếu khuyên can nhiều lần, nhà vua vẫn không chịu nghe theo, thì phế truất nhà vua, lập người khác làm vua. Công khanh như vậy là công khanh cùng tông tộc hoàng cung". Tề Tuyên vương nghe xong, sắc mặt bỗng tái hẳn đi. Mạnh Tử thấy vậy, nói: "Đại vương đừng lấy làm lạ, bệ hạ hỏi thần, thần không dám không nói ra sự thật". Sắc mặt Tề Tuyên vương mới trở lại bình thường. Tiếp đó lại hỏi về công khanh không phải họ nhà vua. Mạnh Tử lại trả lời rằng: "Nhà vua nếu có sai lầm, thì khuyên can, nếu khuyên can mãi nhà vua vẫn không nghe, thì xin từ chức".

(*Mạnh Tử - Vạn chương hạ*)

LỜI BÌNH

Bài này trích từ sách *Mạnh Tử*. Đây là hai đoạn danh ngôn về quan hệ vua tôi của Mạnh Tử. Theo Mạnh Tử, người làm vua phải quan tâm đến bề tôi; yêu mến bề tôi, "đối xử với họ theo lễ nghĩa", thì bề tôi mới có thể "trung thành phụng sự nhà vua", phục tùng theo đúng lễ nghĩa. Nếu ông ta không tôn trọng bề

tôi, coi họ như cỏ rác, bề tôi cũng sẽ chẳng kính trọng ông ta, mà sẽ coi ông ta như kẻ thù. Khuyên can sai lầm của nhà vua là trách nhiệm của bề tôi, vua nếu không nghe theo lời khuyên can, không chịu sửa chữa lỗi lầm, đại thần cùng họ với vua có quyền phế vua này lập vua khác, bề tôi khác họ sẽ bỏ nhà vua ra đi. Hai đoạn lời nói này của Mạnh Tử đã thể hiện rõ ràng tư tưởng "dân quý quân khinh" (dân là quý, vua là bình thường) lấp lánh ánh sáng của tư tưởng dân là gốc, đã có ảnh hưởng quan trọng đối với sự phát triển tư tưởng dân là gốc cổ đại Trung Quốc.

TRÂU MỤC CÔNG HỎI MẠNH TỬ

Nước Trâu xảy ra xung đột vũ trang với nước Lỗ. Trâu Mục công hỏi Mạnh Tử: "Trong trận xung đột này, quan lại của ta đã chết ba mươi ba người, còn dân chúng chẳng có một người nào chết vì họ cả. Điều đó làm cho ta vô cùng tức giận. Giết họ chẳng, không thể giết nhiều như thế được; không giết họ chẳng, nghĩ tới họ cứ trơ mắt ra nhìn các quan của họ bị người ta giết mà không ra cứu, thì lại vô cùng đáng căm giận. Ông nói xem, làm như thế nào cho được đây?"

Mạnh Tử trả lời: "Vào lúc đói kém mất mùa, vì đói khát, dân chúng già yếu bệnh tật của ngài chết bỏ thây nơi khe núi động hoang, người trai trẻ khỏe mạnh ly tán tha phương chạy nạn đói, có tới mấy nghìn người như vậy. Trong khi đó, kho lương thực của ngài thì chất đầy lương thực, trong kho thì chất đầy châu báu của cải, tình trạng ấy, các quan của ngài lại không tâu trình với ngài, đó là người cầm quyền ở trên không quan tâm đến dân chúng, lại còn tàn hại dân chúng. Tạng Tử đã từng nói: "Phải chú ý, phải chú ý đấy! Anh đối xử với người khác như thế nào, thì người khác cũng sẽ đối xử với anh như vậy". Bây giờ dân chúng của ngài đã có dịp báo thù rồi đấy, cho nên không đi cứu giúp các quan của họ, trơ mắt đứng nhìn các quan của họ bị quân thù giết hại. Ngài không nên trách

phạt họ làm gì! Nếu ngài thi hành chính sách nhân nghĩa, thì dân chúng của ngài tự nhiên sẽ yêu mến quan trên của họ, và sẵn sàng hy sinh vì họ thôi.

(Mạnh Tử: Lương Huệ vương hạ)

LỜI BÌNH

Bài văn này đã tường thuật lại một lần hỏi đáp giữa Trâu Mục công và Mạnh Tử. Trong lần hỏi đáp này, Mạnh Tử trả lời thẳng vào những câu hỏi của Trâu Mục công, chỉ rõ sở dĩ trong trận xung đột giữa nước Trâu với nước Lỗ, quan lại của nước Trâu chết nhiều như vậy, mà dân chúng lại chẳng có người nào đi ứng cứu họ, là do quan hệ giữa quan và dân nước Trâu rất căng thẳng gây ra. Quan lại nước Trâu không những không quan tâm tới cuộc sống khốn khổ của dân chúng, mà còn tàn hại dân chúng, khi tính mạng của quan lại bị đe dọa, dân chúng đương nhiên không cứu giúp họ, cho nên đây là kết cục đáng đời của họ. Mạnh Tử chỉ ra rằng, biện pháp căn bản để giải quyết mâu thuẫn này là thực hiện chính sách nhân nghĩa, vua luôn luôn yêu mến dân chúng, quan tâm đến dân chúng, tình trạng nói trên sẽ không xảy ra nữa. Tư tưởng lấy dân làm gốc, coi trọng dân, yêu dân này của Mạnh Tử có ý nghĩa tiến bộ, có ảnh hưởng rất lớn với đời sau.

TUÂN TỬ BÀN VỀ THƯỜNG PHẠT

...Cho nên, không tiến hành giáo dục đã xử tử tội phạm, thì dầu cho hình phạt nhiều cũng không chiến thắng được gian ác. Chỉ tiến hành giáo dục mà không xử tử tội phạm, thì kẻ gian trá không bị trừng trị đích đáng; chỉ dùng trừng phạt mà không khen thưởng, thì những người cần mẫn phấn đấu không được khuyến khích; thưởng phạt không đúng thì nhân dân sẽ có thể nghi hoặc, sẽ cảm thấy tập tục ngặt nghèo, sẽ không đoàn kết nhất trí. Vì vậy, vua xưa đã làm sáng tỏ lễ nghĩa để thống nhất dân chúng, dốc sức vào trung tín để yêu mến nhân dân; căn cứ vào trình độ phẩm đức và năng lực để bố trí chức vị đẳng cấp khác nhau, nhấn mạnh nhiều lần dùng việc nâng cao đẳng cấp và khen thưởng để cổ vũ người lập công. Căn cứ vào thời tiết khác nhau sắp xếp sự việc khác nhau, lượng sức mà bố dụng người, để điều chỉnh thống nhất dân chúng, vỗ về nuôi dưỡng dân chúng như là nuôi dưỡng trẻ sơ sinh. Nếu như vậy, thì kẻ xảo trá gian ác sẽ không dám ra sức hoành hành, bọn trộm cướp không dám gây án, và kẻ cải tà quy chính cũng được khuyến khích. Đây là nguyên nhân gì vậy? Là do phương pháp của bậc thánh vương cổ xưa giản đơn, dễ thực hiện, tư tưởng truyền dạy đi vào lòng dân vững chắc, chính lệnh nghiêm chỉnh, nhất trí, thưởng phạt quy định rõ ràng, chính xác. Cho nên nói, người ở

trên đồng lòng đồng đức, thì dân chúng ở dưới cũng đồng lòng đồng đức; người ở trên không đồng lòng đồng đức, thì dân chúng ở dưới cũng không đồng lòng đồng đức. Điều đó giống như cây cỏ, cành lá của nó do gốc quyết định, gốc vững chắc thì cành lá sum suê, chính là nói cái ý đó đây.

(Tuân Tử - Phú quốc)

Thường khen không được quá đáng, hình phạt không được dùng bừa bãi. Khen thưởng quá đáng sẽ có lợi cho kẻ tiểu nhân, lạm dụng hình phạt sẽ nguy hại cho người quân tử. Nếu chẳng may mà quá mức đi, thì thà quá mức về mặt khen thưởng, chứ không quá mức về mặt hình phạt, để không làm thiệt hại người tốt, thì đành phải nương nhẹ với kẻ xấu.

(Tuân Tử - Chí sĩ)

Hành động của tất cả mọi người, đều làm là để được khen thưởng, nên gặp việc làm thiệt hại cho lợi ích của mình thì không làm. Cho nên, khen thưởng, trừng phạt, uy thế, đối trá không thể làm cho người ta cống hiến sức lực của mình, đến mức hy sinh cả tính mạng của mình. Làm một ông vua, cai trị bề tôi và dân chúng, không giáo dục họ bằng lễ nghĩa trung tín, thông thường chỉ suy nghĩ tới dùng khen thưởng, hình phạt, uy thế, đối trá để ép buộc họ, để giành lấy thành quả của họ mà thôi. Như vậy thì nếu đối mặt với quân thù mạnh, để thân dân của ông ta cố thủ giữ lấy tòa thành bị nguy khốn, thân dân của ông ta nhất định sẽ làm phản; đánh nhau với địch nhất định sẽ thất bại; để họ đảm đương nhiệm vụ nặng nề, gian khổ,

nhất định sẽ bỏ trốn, nhanh chóng tan rã, thậm chí còn quay ngược lại bắt cả vua của mình nữa. Cho nên, dùng những biện pháp khen thưởng, hình phạt, uy thế, đối trá để cai trị nhân dân, chẳng khác gì thuê mướn người, làm việc buôn bán, không thể đoàn kết được đông đảo dân chúng, cai trị tốt đất nước. Cho nên người xưa lấy đó làm điều sỉ nhục, không mấy may dùng đạo này. Cho nên, lấy việc coi trọng đạo đức, danh vọng để ảnh hưởng tới nhân dân, làm sáng tỏ chế độ lễ nghĩa, khuyến bảo, dạy dỗ nhân dân, ra sức làm điều trung tín để bảo vệ nhân dân, căn cứ vào phẩm đức và năng lực để sắp xếp sử dụng nhân dân, ra sức nhấn mạnh dùng quan tước, trang phục, khen thưởng cổ vũ, khuyến khích người lập công. Phải căn cứ vào thời tiết khác nhau, sắp đặt công việc khác nhau, lượng sức mà dùng người, điều chỉnh thống nhất dân chúng, vỗ về nuôi dưỡng dân chúng, giống như bảo vệ trẻ con mới đẻ. Như vậy thì nếu chính lệnh lại xác định rõ ràng, phong tục xã hội sẽ ổn định thống nhất. Trong tình hình như vậy, nếu lại có kẻ vi phạm phong tục, không phục tùng nhà vua, thì dân chúng sẽ ghét bỏ, căm giận kẻ ấy, nếu nhà vua muốn diệt trừ kẻ ấy, như diệt trừ tội ác và tai họa, thì rất được dân chúng ủng hộ, hình phạt trừng trị kẻ xấu sẽ từ đó mà có. Hình phạt ấy thì hành đối với bất cứ ai, đều sẽ được coi là điều vô cùng sỉ nhục, không phải là có lợi. Nếu như không phải là người điên, thàng ngố, thì bất cứ ai thấy điều sỉ nhục ấy mà không hối cải kia chứ? Dân chúng trăm họ sẽ vì thế mà hiểu được và tuân theo pháp lệnh nhà vua, chế định ra, tuân theo ý chỉ của vua sống yên cư lạc nghiệp. Trong tình trạng ấy, kẻ nào biết bỏ ác theo thiện, sửa mình làm điều ngay thẳng, làm nhiều việc có lễ nghĩa, tôn trọng đạo đức, dân chúng sẽ tôn trọng anh

ta, không ai là không gần gũi và khen anh ta cả. Như vậy thì chế độ khen thưởng người tốt cũng từ đó mà có, quan to bổng lộc nhiều sẽ đến với những người tốt ấy. Hỏi còn có gì vinh dự hơn nữa hay không? Còn ai cho rằng có hại nữa? Đối với những người được hưởng quan cao, bổng lộc nhiều, tất cả dân chúng bình thường, ai mà không ngưỡng mộ? Đặt một cách rõ ràng ~~quan~~ quan cao, bổng lộc nhiều trước mặt anh ta, đặt hình phạt nghiêm khắc và sỉ nhục lớn sau lưng anh ta, anh ta dù không muốn chuyển hóa về hướng tốt, liệu có được không? Cho nên, người ta về với nhà vua như dòng sông chảy vào biển lớn, phạm những nơi làm được tới mức độ ấy; đều thực hiện được nền thịnh trị, nhân dân sẽ được giáo hóa và thuận theo vui vẻ, những kẻ thô bạo, ngang ngược và ý vào sức mạnh đều trở nên trung hậu thật thà; những kẻ không thật thà, bo bo cho riêng mình đều trở nên ngay thẳng; những kẻ hung cực, không dễ hiểu lý lẽ đều sẽ trở nên bình tĩnh ôn hòa. Như vậy gọi là giáo hóa đã đạt tới đỉnh cao. Trong *Kinh thi* nói: "Mưu lược của Chu Tuyên vương được thực hiện, nước Từ Phương xa xôi hẻo lánh cũng đến quy thuận". Chính là nói thứ đạo lý này vậy.

(*Tuân Tử - Nghị bình*)

LỜI BÌNH

Ba đoạn luận thuyết mà bài này trích chọn, đã thể hiện tập trung tư tưởng cơ bản của *Tuân Tử* đối với mối quan hệ giữa thưởng và phạt, cũng như thưởng phạt với giáo hóa đạo đức. Theo *Tuân Tử*, thì quan hệ giữa thưởng và phạt, lấy thưởng làm chính, phạt làm phụ, khi tiến hành thưởng phạt phải đích đáng. Vừa không được khen thưởng quá mức, cũng không được lạm

dụng hình phạt, trong tình trạng khó nắm chắc thưởng và phạt, thì "thà quá mức về mặt khen thưởng, chứ không quá mức về mặt hình phạt, thà nung nhẹ với kẻ xấu, chứ không làm thiệt hại người tốt". Về quan hệ giữa thưởng phạt và giáo hóa đạo đức, Tuân Tử cho rằng thưởng phạt chỉ là biện pháp phụ trợ trong cai trị đất nước. Dựa vào thưởng phạt để cai trị đất nước, chỉ có thể giành được thành quả của dân chúng mà thôi, chẳng khác gì thuê mướn người khác, làm chuyện buôn bán, không thể đoàn kết được dân chúng, cai trị tốt được đất nước. Muốn về căn bản thực hiện đất nước thịnh trị, phải thực hiện giáo hóa lễ nghĩa, chỉ có thực hiện giáo hóa lễ nghĩa, mới có thể khiến dân chúng đổ về như nước, trên dưới êm thấm, nước yên bình, dân yên ổn. Đương nhiên, thực hiện giáo hóa lễ nghĩa không có nghĩa là gạt bỏ thưởng phạt, nhưng thưởng phạt phải xây dựng trên cơ sở giáo hóa lễ nghĩa. Chủ trương của Tuân Tử về nội dung dĩ nhiên không phù hợp với ngày nay, nhưng một số nguyên tắc nào đó ông đưa ra, như đẩy mạnh giáo hóa đạo đức "thưởng không được quá đáng, hình phạt không được lạm dụng", thưởng phạt phải thích đáng, đối với việc xây dựng nền văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa của chúng ta vẫn có sự gợi ý cần thiết.

TÂY MÔN BÁO CAI TRỊ ĐẤT NGHIỆP

Thời Ngụy Văn hầu, Tây Môn Báo làm Huyện lệnh huyện Nghiệp. Tây Môn Báo đến thành Nghiệp, triệu tập các bậc trưởng lão đến hỏi han xem dân chúng có những nỗi khổ khổ gì, các trưởng lão nói: "Nỗi khổ nhất của dân chúng là việc Hà bá lấy vợ, việc này khiến dân chúng đều rất nghèo túng khổ khổ". Tây Môn Báo hỏi nguyên nhân sự việc, các trưởng lão thưa rằng: "Chánh tổng, Lý trưởng đất Nghiệp đều thu thuế của dân chúng rất nhiều, họ chỉ chi cho việc Hà bá lấy vợ hai, ba mươi vạn tiền, phần còn lại cùng bà đồng chia nhau bỏ túi. Hàng năm vào lúc ấy, bà đồng đến các nhà dân xem mặt đám con gái, thấy đứa nào xinh đẹp, thì nói ngay: "Đứa con gái này phải làm vợ Hà bá". Thế rồi mời đi ngay, tắm gội sạch sẽ cho nó, mua sắm quần áo tơ lụa sang trọng cho nó, dựng một căn nhà trai giới bên bờ sông, treo màn vây màu đỏ da cam, để người con gái ở trong đó, yên tĩnh trai giới. Rồi mổ bò, mua rượu, chuẩn bị cơm nước cho cô gái. Mười mấy ngày sau, mọi người lại đến sửa sang tô điểm cho nhà trai giới một lần nữa, giống như là mua sắm giường chiếu cho con gái đi lấy chồng vậy, rồi đặt người con gái ngồi lên trên, thả trôi theo dòng sông. Lúc đầu, nhà trai giới nổi trên mặt sông, khoảng mấy chục dặm nữa thì chìm xuống. Vì thế, những gia đình có con gái đẹp sợ bị bà

đồng chọn bắt, đều kéo nhau đem con gái chạy trốn, vì thế trong thành dân số ít dần đi, và ngày càng nghèo túng thêm. Tình trạng này có nguyên do từ xa xưa. Địa phương đã có câu tục ngữ: "Nếu không cưới vợ cho Hà bá, lụt lớn sẽ chìm chết nhà người". Tây Môn Báo nghe xong bảo: "Chờ đến khi nào Hà bá lấy vợ, Chánh tổng, Lý trưởng và các trưởng lão đưa người con gái tới bên sông, mong rằng các vị thông báo cho tôi biết, tôi cũng đến tiễn đưa". Các trưởng lão đều nói: "Bẩm vâng!"

Đến ngày Hà bá lấy vợ, Tây Môn Báo tới bên sông, Chánh tổng và các quan chức địa phương, các nhà có tiếng tâm cùng các phụ lão trong làng đều đến cả, cộng cả những người đến xem tới hai ba nghìn người. Bà đồng là một bà già hơn bảy mươi tuổi. Đệ tử của bà đều là nữ, khoảng mười mấy người, đều mặc áo lụa mỏng, đứng phía sau bà đồng. Tây Môn Báo nói: "Gọi nàng dâu mới của Hà bá ra đây, để ta xem có đẹp không". Lập tức có người gọi người con gái từ trong màn vây ra, dẫn đến trước mặt Tây Môn Báo. Tây Môn Báo nhìn rồi quay đầu lại bảo Chánh tổng, bà đồng và các phụ lão rằng: "Người con gái này không đẹp, phiền bà đồng xuống sông bắt báo với Hà Bá, chờ tìm được người con gái đẹp hơn, hôm sau sẽ đưa đi vậy". Nói rồi, sai lính ôm bà đồng ném xuống sông. Một lát sau Tây Môn Báo nói: "Bà đồng làm sao đi lâu thế không về nhỉ? Đệ tử đi giục bà ta đi nào". Lại quăng một đệ tử của bà đồng xuống sông, lát sau lại bảo: "Đệ tử làm sao cũng không thấy về nhỉ? Cử một đệ tử nữa đi giục xem sao". Lại quăng một đệ tử nữa xuống sông. Cứ như vậy, quăng tất cả ba đệ tử của bà đồng xuống sông. Tây Môn Báo lại nói: "Thầy trò bà đồng đều là đàn bà, không thể tâu trình

sự việc rõ ràng, rành mạch được, phiên ông Chánh tổng đi tàu bày cho rõ ràng". Lại quảng Chánh tổng xuống sông. Tây Môn Báo đầu đội bút trầm, khom lưng cúi người xuống sông, đứng rất là cung kính trên bờ sông, chờ Chánh tổng quay về. Các trưởng lão đứng bên và tất cả các quan chức đến xem tại đây thấy vậy đều rất sợ hãi. Tây Môn Báo chờ một lúc khá lâu trên bờ sông, không thấy động tĩnh gì, liền quay đầu lại nói với mọi người rằng: "Bà đồng, Chánh tổng đều không trở về, chúng ta làm thế nào đây?" Lại định bắt Lý trưởng hoặc Hào trưởng xuống sông thúc giục. Lý trưởng và các Hào trưởng sợ hãi vội vàng quỳ hết xuống, giập đầu bái lạy xin tha tội cho, cúi lạy, xây xát tóc cả máu đầu, mặt mày tái nhợt. Tây Môn Báo nói: "Lý trưởng đứng đây nào, có lẽ Hà bá giữ khách lâu quá, các người tạm thời hãy về cá đi, chờ xem khi Hà bá có tin tức gì sẽ tính sau!" Quan lại và dân chúng thành Nghiệp đều vô cùng sợ hãi, từ đó về sau, không bao giờ dám bàn tới chuyện Hà bá lấy vợ nữa.

(Sử ký - Hoạt kê liệt truyện)

LỜI BÌNH

Bài này chọn từ phần viết thêm của *Hoạt kê liệt truyện* quyển một trăm hai mươi sáu trong bộ *Sử ký* của Tư Mã Thiên. Tác giả là Chủ Thiếu Tôn, nhà sử học thời Tây Hán, người ở Đình Châu (nay là huyện Võ, Hà Nam), từng là tiến sĩ thời Nguyên đế, Thành đế (có thuyết nói là thời Tuyên đế). Tây Môn Báo là nhà chính trị nổi tiếng thời Chiến quốc. Ông làm Huyện lệnh đất Nghiệp, khi bắt đầu nhậm chức, tìm hiểu ngay tình hình sinh sống của dân chúng đất Nghiệp. Khi ông biết Chánh tổng, Lý trưởng và bà đồng lợi dụng việc Hà bá lấy vợ vợ vét tiền của nhân dân, tàn hại dân chúng, lập tức kiên quyết vạch trần trò

bịp bợm, trừ hại cho dân. Tinh thần ra sức tìm hiểu thực tế, bài trừ mê tín, trừ hại mưu lợi cho dân và dám đấu tranh với thế lực tà ác của ông, hàng nghìn năm nay được truyền tụng. Người xưa nói: "Làm quan một thời, đem phúc đến cho một vùng". Cho dù là bây giờ, thì tác phong tư tưởng ra sức tìm hiểu thực tế, đem lại hạnh phúc cho dân này cũng phải là phẩm chất cơ bản cần phải có của cán bộ lãnh đạo các cấp.

NGUY VŨ HẦU NGHE LỜI KHUYÊN CÁN

Nguy Vũ hầu mưu tính, lo toan việc chính sự đâu ra đấy, các đại thần đều không sánh kịp. Sau khi bãi triều gương mặt vui vẻ. Tướng quân Ngô Khởi thấy vậy, tiến lên tâu rằng: "Đại vương đã từng nghe tả hữu kể cho nghe chuyện Sở Trang vương chưa? " Vũ hầu nói: "Chuyện Sở Trang vương như thế nào?" Ngô Khởi trả lời: "Năm ấy Sở Trang vương mưu tính, lo toan việc chính trị đâu ra đấy, các đại thần đều không sánh kịp, sau khi bãi triều, gương mặt lo âu. Sở đại phu là Thân Công Vu Thần tiến lên trước hỏi: "Đại vương sau khi bãi triều đều lo âu, đó là vì sao vậy?" Trang vương nói: "Ta mưu tính, lo toan việc chính trị đâu ra đấy, các đại thần đều không sánh kịp, nên ta lo lắng. Trung Quý đời nhà Ân từng nói: "Các chư hầu được người thầy giỏi chỉ bảo thì xưng vương được, có sự giúp đỡ của người bạn tốt thì xưng bá được, có sự phụ giúp của người tài năng ngang bằng với mình, thì giữ gìn được đất nước, nếu như mỗi một sự việc đều tự mình lo toan, mưu tính, cho rằng người khác không bằng mình, thì đất nước của ta sẽ bị diệt vong". Bây giờ bản thân ta không giỏi giang, các đại thần lại không bằng ta, đất nước của ta chằng phải sắp đến ngày diệt vong rồi đó hay sao? Cho nên ta cảm thấy rất lo". Sở Trang vương vì thế mà buồn,

đại vương lại vì thế mà vui, điều đó thật nguy hiểm quá!"
Nguy Vũ hầu nghe xong, lùi lại một bước, vái liền hai vái,
vui mừng nói: "Thật là trời đã cử ông đến bổ cứu cho
những sai lầm của ta".

(Tuân Tử - Nghiêu vấn)

LỜI BÌNH

Đây là một lần can gián vui vẻ của Ngô Khởi - nhà quân sự, nhà chính trị nổi tiếng thời Chiến quốc - đối với Nguy Vũ vương. Ngô Khởi nhằm thẳng vào tính tự đắc, tự mãn, kiêu ngạo đã nảy sinh khi Nguy Vũ hầu thấy quần thần không ai giỏi giang bằng mình, đã đưa ra câu chuyện Sở Trang vương - bá chủ nổi tiếng thời Xuân thu - khéo léo nói với Nguy vương, rằng ông ta đã bước tới cái ranh giới của việc mất nước. Ngô Khởi đã mượn lời của Sở Trang vương: "Các chư hầu được người thầy giỏi chỉ bảo thì xưng vương được, được sự giúp đỡ của người bạn tốt thì xưng bá được, có sự phụ giúp của người tài năng ngang bằng với mình, thì giữ gìn được đất nước, nếu như mỗi một sự việc đều tự mình lo toan, mưu tính, cho rằng người khác không bằng mình, thì đất nước của ta sẽ bị diệt vong", thật xứng đáng là những lời vàng ngọc, sáng suốt vô cùng. Điều này rất có ý nghĩa nêu gương cho những người lãnh đạo các mặt quản lý xí nghiệp, công tác hành chính trong xã hội bây giờ.

VUA NƯỚC LƯƠNG, NGUYỄN ANH THẾT TIỆC CHƯ HẦU Ở PHẠM ĐÀI

Lương Huệ vương thiết tiệc các chư hầu ở Phạm Đài. Khi mọi người đang uống rượu vui vẻ, Lương Huệ vương mời Lỗ Cộng công nâng chén cùng uống. Vua nước Lỗ phẩn khởi rồi khỏi chỗ ngồi, cẩn thận sửa sang lời nói mà rằng: "Ngày xưa, con gái vua Nghiêu ra lệnh cho Nghi Địch nấu rượu, hương vị thơm ngon. Nghi Địch dâng rượu lên cho Đại Vũ, Đại Vũ uống xong cảm thấy rất ngọt ngào, và thế là xa lánh Nghi Địch, bỏ không uống rượu ngọt nữa. Ông nói: "Đời sau tất có người mê uống rượu ngọt mà khiến đất nước diệt vong". Tề Hoàn công nửa đêm không muốn ăn uống gì, Dịch Nha liền vừa rán, vừa ninh, vừa kho, vừa nướng, rồi cho thêm ngũ vị vào làm thành một món ăn dâng lên. Hoàn công cảm thấy rất ngon miệng, mãi tới sáng hôm sau mới tỉnh giấc, ông ta nói: "Sau này tất có người hám ăn của ngon mà khiến đất nước diệt vong". Tấn Văn công được người con gái đẹp Nam Chi Uy, ba ngày liền không trông nom việc triều chính, thế là ông ta từ bỏ Nam Chi Uy, xa lánh cô ta. Sau đó ông nói: "Đời sau tất có người quyến luyến sắc đẹp mà khiến đất nước diệt vong". Sở Trang vương lên Cường đài trông ngắm trăng soi, bên trái là Trường giang, bên phải là Đại hồ, đi tới sông Bồi Hồi, chỉ cảm thấy niềm vui của

sông núi mà quên mất con người sẽ chết, thế là trên Cường đài thề rằng không bao giờ đi du ngoạn sông núi nữa. Sau đó ông nói: "Đời sau tất có người vì xây đài cao, vì sừng núi, hồ đẹp mà khiến đất nước diệt vong". Bấy giờ trong chén của chúa công có rượu như của Nghi狄 nấu, cơm canh của chúa công giống như của狄家 làm, bên trái của chúa công có Bạch Đài, bên phải chúa công có Lã Tu, đều là người đẹp như Nam Chi Uy; trước mặt là rừng Hiệp, phía sau là đài Lan, chẳng khác gì lạc thú đi chơi Cường đài. Có thứ lạc thú như vậy, sẽ có thể làm cho đất nước diệt vong. Bấy giờ, chúa công đã có đủ cả bốn thứ thú vui ấy, liệu có thể không cầu phòng bị hay sao?" Lương Huệ vương nghe xong khen hay liền hỏi.

(Chiến quốc sách - Ngụy sách nhị)

LỜI BÌNH

Bài này chọn từ *Chiến quốc sách-Ngụy sách nhị*, kể lại chuyện xảy ra trong bữa tiệc vua nước Lương, Ngụy Anh chiêu đãi các chư hầu. Trên sự thực cũng là một lần khuyên can vui vẻ của vua nước Lỗ đối với vua nước Lương. Ngụy là nước mạnh thời kỳ đầu Chiến quốc, Ngụy Anh lại là chư hầu xưng vương đầu tiên thời kỳ Chiến quốc. Ông ta cậy công kiêu ngạo, tin yêu cận thần, ham chơi hiếu sắc, thích xây cất công trình to tát, hậu quả việc làm như vậy thế tất phải gạt bỏ những trung thần, không trông nom việc triều chính, làm dân chúng vất vả, cuối cùng dẫn tới tai họa đất nước bị diệt vong. Vua nước Lỗ đã nhìn thấy tai họa nguy hiểm này, thế là ông đã mượn những lời nói của chúa sáng vua hiền cổ đại, khéo léo khuyên can vua nước Lương nhận thức thấy "thức ăn ngon lành", rượu, con gái đẹp, "lầu cao hồ rộng" thực sự là cái gốc của tai họa mất nước. Những lời nói của vua nước Lỗ đã được vua nước Lương liên

hồi khen là hay, cũng đã nói lên được cái nguyên nhân tự thân cuối cùng dẫn tới nước mất nhà tan của biết bao vua chúa cổ đại. Bài học kinh nghiệm lịch sử này đáng để những người cầm quyền ngày nay lấy đó làm răn.

CÔNG GAI TẠ TỘI

Sau khi hội nghị Miên Trì kết thúc, Triệu Vương trở về nước, vì công lao của Lạn Tương Như trong chuyến đi này nổi bật, liền phong Lạn Tương Như chức Thượng khanh, tước vị còn trên cả Liêm Pha. Liêm Pha vô cùng bất mãn đối với việc này. Ông ta nói: "Ta là tướng nước Triệu, có công lớn trong đánh chiếm thành trì, bảo vệ bờ cõi đất nước, còn Lạn Tương Như, chỉ nhờ vào mấy tác lược; lập được chút công lao, mà lại ở chức cao hơn ta sao? Vả lại, Lạn Tương Như vốn xuất thân nghèo hèn, điều đó thật sự muốn làm nhục ta. Ta không thể nào chịu đựng được!" Rồi ông ta công khai rêu rao rằng: "Nếu ta gặp Lạn Tương Như, dứt khoát phải làm nhục ông ta." Lạn Tương Như sau khi biết chuyện, liền tìm mọi cách để tránh gặp Liêm Pha, mỗi khi vào chầu vua, Lạn Tương Như thường xuyên thác cớ cáo ốm để tránh gặp mặt Liêm Pha. Một lần, Tương Như đi ra khỏi nhà, từ xa trông thấy Liêm Pha, liền vội vàng quay xe tránh đi đường khác. Những hành động này của Lạn Tương Như khiến đám môn khách nhà ông không hiểu ra làm sao cả. Thế là, đám môn khách họp lại góp ý kiến với ông: "Chúng tôi sở dĩ rời bỏ gia đình, quê hương tới đây theo ngài làm tả hữu cho ngài, chẳng qua là vì ngưỡng mộ ngài mà thôi. Tới bây giờ, ngài làm quan

cùng triều với Liêm Pha, không phân trên dưới, Liêm tiên sinh công khai nói xấu ngài, ngài lại sợ hãi, cứ lẩn tránh ông ta, chắc hẳn là nhát gan, sợ quá phải không? Đối với việc này, dầu là người bình thường cũng cảm thấy nhục nhã, huống hồ là một người làm tướng? Chúng tôi không có tài cán, không thể nào chịu nổi nhục nhã này, xin cho phép chúng tôi từ biệt ngài thôi!" Lạn Tương Như ra sức giữ họ lại, khuyên bảo rằng: "Theo ý các vị thì Liêm tướng quân mạnh hay vua Tần mạnh?" Các môn khách trả lời: "Liêm tướng quân không mạnh bằng vua Tần." Lạn Tương Như nói: "Vua Tần có uy lớn như vậy, Lạn Tương Như ta còn dám quát nạt ông ta giữa đông đảo triều đình, làm sỉ nhục quần thần của ông ta, cho dù ta có bắt tội đi nữa, cũng đâu có sợ một Liêm tướng quân đâu? Nhưng, ta nghĩ, nước Tần mạnh sợ dĩ không dám gây chiến tranh với nước Triệu, là vì cùng có hai chúng ta làm quan trong triều. Bây giờ nếu hai chúng ta có tức khí với nhau, giống như hai con hổ đấu nhau, thế tất không còn cả hai được. Ta sợ dĩ nhin nhục, luôn tránh mặt ông ta, là vì đặt cái khó khăn của đất nước lên trước, gạt cái ân oán cá nhân ra phía sau mà thôi!" Liêm Pha sau khi biết chuyện, vô cùng hổ thẹn, liền để mình trần, công gai góc, nhờ tân khách đưa tới nhà Lạn Tương Như tạ tội. Ông nói: "Tôi nông cạn, thiếu cận, kém hiểu biết, dầu hiểu được lòng dạ tướng quân rộng lớn đến như vậy". Thế là hai người kết thành bè bạn sống chết bên nhau.

*(Sử ký - Liêm Pha Lạn Tương Như
liệt truyện)*

LỜI BÌNH

Bài này là một câu chuyện người ta truyền tụng cho nhau hàng nghìn năm nay rồi. Liêm Pha, lão tướng nước Triệu cho rằng Lạn Tương Như xuất thân là môn khách, chỉ dựa vào "ba tác lười" đã được phong làm thượng khanh, vị trí cao hơn cả mình, trong lòng không phục, tuyên bố: "Ta gặp Tương Như, phải làm nhục ông ta". Còn Lạn Tương Như xuất phát từ lợi ích của nước Triệu, cho rằng hai con hổ đấu nhau, tất có một con chết, nếu ông ta và Liêm Pha đấu nhau vì oán thù riêng tư, thế tất làm yếu sức mạnh của nước Triệu, tạo ra cơ hội cho nước Tần mạnh lợi dụng, làm nguy hại đến an ninh của nước Triệu, cho nên lấy đất nước làm trọng, không tính toán ân oán cá nhân, nhẫn nhục nín nhịn, luôn luôn lẩn tránh, nhường nhịn Liêm Pha, không tranh cãi với ông ta, cho tới khi đột nhiên Liêm Pha tỉnh ngộ, công gai tạ tội, hai người lại vui vẻ như cũ, cùng nhau bảo vệ xã tắc. Lạn Tương Như lấy đất nước làm trọng, không tính toán ân oán riêng tư, khí tiết sáng láng, lòng khoan dung cao cả ấy cố nhiên đáng quý, còn tinh thần hiểu rõ nghĩa lớn, công gai tạ tội, biết sửa chữa lỗi lầm của lão tướng Liêm Pha cũng rất đáng khen.

LƯU BANG TIẾN VÀO HÀM DƯƠNG

Tháng mười năm nguyên niên Hán vương, binh mã của Bái công tiến đến Bá Thượng trước các vua chư hầu khác. Vua Tân Tử Anh thấy thế mạnh đã mất, liền ngồi xe tang, ngựa trắng kéo, buộc dây vào cổ, gói ngọc tỷ và phù tiết của vua lại, đứng ở bên đường đầu hàng Hán vương. Chư tướng của Bái công có người chủ trương giết vua Tân Tử Anh. Bái công nói: "Khi mới đầu dấy binh đánh Tân, Hoài vương sở dĩ cử ta mà không cử vua chư hầu khác, chính là vì ta khoan hồng đại lượng. Bây giờ vua Tân đã đầu hàng rồi, nếu lại giết ông ta, thì không lành". Thế là giao vua Tân cho thuộc lại canh giữ, dẫn quân từ phía tây tiến vào Hàm Dương. Trong thành Hàm Dương, Bái công nhìn thấy cung điện của vua Tân đẹp lộng lẫy, rất muốn nghỉ lại ở trong cung vua Tân. Phàn Khoái và Trương Lương xuất phát từ đại cục khuyên Bái công không nên ở trong cung. Bái công nghe theo lời khuyên của Phàn Khoái, Trương Lương, niêm phong tất cả đồ châu ngọc quý báu, kho tàng của cải trong cung vua Tân lại, dẫn quân quay trở về đóng ở Bá Thượng. Cũng vào lúc ấy, Bái công triệu tập phụ lão hào kiệt các huyện lại, nói với họ rằng: "Thưa các bộ lão, các người đã sống đau khổ rất lâu dưới phép tắc của nhà Tân hà khắc. Phép tắc của nhà Tân quy định, nếu có người nói xấu triều đình, thì phải diệt cả họ, tụ tập

nhau lại kháo chuyện, thì phạm tội chết quăng thây ra chợ. Ta và các chư hầu có hẹn ước, ai đi vào cửa quan trước thì làm vua đất Quan Trung. Bây giờ ta phải quy định mấy điều phép tắc với các bộ lão: Kẻ giết người, phải tội chết; kẻ trộm cắp của cải của người khác và nhà nước cũng phải đền tội. Ngoài ra, mọi phép tắc của nhà Tần xóa bỏ hết. Quan lại các cấp của triều nhà Tần cũ tiếp tục sử dụng nguyên chức cũ. Ta sẽ dẫn quân vào cửa quan, là để trừ hại cho các bộ lão, không phải là đến cướp đoạt của cải, cũng không phải đến làm những việc tàn bạo, xin mọi người đừng sợ. Ta sẽ dẫn quân trở về Bá Thượng, là để chờ các cánh quân chư hầu khác đến, để cùng nhau bàn định đối sách, làm yên lòng dân chúng". Bái công lại sai bộ thuộc và quan lại của triều đình cũ đi khắp các xã các huyện, truyền đạt cho nhân dân mấy điều đã quy định. Người nước Tần rất là vui mừng, đua nhau đem bò dê rượu thịt dâng cho quân sĩ của Bái công. Bái công nhún nhường từ chối, không chịu nhận. Bái công nói: "Lương thực trong kho của quân ta đầy đủ, không muốn để mọi người phải nhọc công đóng góp tốn kém". Dân chúng càng vui mừng, chỉ sợ Bái công không làm vua nước Tần.

(Sử ký - Cao tổ bản kỷ)

LỜI BÌNH

Bài này ghi lại những việc làm của Hán vương Lưu Bang sau khi tiến vào Hàm Dương. Hàm Dương là kinh đô nước Tần, cung điện hoa lệ, người đẹp rất nhiều, của báu dồi dào, mà Lưu Bang vốn là một kẻ tham lam hiếu sắc, vào thành Hàm Dương chẳng khác nào cá gặp nước, nhưng Lưu Bang đã nghe theo lời khuyên của quan chức dưới trướng, xuất phát từ đại cục, nhìn

vào lợi ích lâu dài, đã tỏ ra rất biết kiểm chế và nhẫn nại. Ông ta không những "niêm phong kho tàng của cái châu báu của nhà Tần", tạm nhịn bỏ rượu thịt và gái đẹp, còn chủ động rút ra khỏi Hàm Dương, kéo quân trở lại Bá Thượng. Đồng thời, ông ta còn khoan dung cho vua Tần đã ra hàng, ước hẹn mấy điều quy định với dân, vỗ về dân chúng, không quấy nhiễu làm khổ dân. Những việc làm của Lưu Bang không những đã giành được lòng dân, mà cũng ngăn chặn được Hạng Võ lấy cớ để mà trừng phạt, để sau này đánh bại Hạng Võ, đặt cơ sở vững chắc cho sau này bước lên ngôi Hoàng đế. Khổng Tử nói: "Việc nhỏ không nhẫn nại chịu đựng, sẽ làm hỏng mưu lớn". Chuyện Lưu Bang tiến vào Hàm Dương nhắc nhở chúng ta, làm việc gì cũng nên xuất phát từ đại cục, chú ý đại cục, nhận biết đại thể, không nên vì nhỏ bỏ lớn, vì ghen phải bỏ ăn.

ĐỒNG TUYÊN, MỘT HUYỆN LỆNH CỨNG CỐ

Đồng Tuyên, tự là Thiếu Bình, người huyện Vũ, quận Trần Lưu. Ban đầu được quan Tư đồ Hậu Bá triệu vời, thành tích thi cử tốt đẹp. Về sau liên tiếp thăng tiến, làm quan tới chức Bắc Hải tướng..... Không lâu sau, nhà vua lại triệu vời ông ta đến kinh thành làm Lạc Dương lệnh. Đúng vào lúc đó, gia nô của công chúa Hồ Dương ban ngày giết chết người, vì trốn tránh trong phủ công chúa, quan lại không thể vào trong phủ lục soát được, không thể nào bắt được hắn. Đồng Tuyên đợi lúc công chúa đi ra ngoài, tên gia nô này làm tên tùy tùng đi hộ tống xe của công chúa, tới Hạ Môn đình thì chặn đoàn xe ngựa của công chúa lại, lấy dao vạch một đường lên mặt đất, lớn tiếng kể tội công chúa, quát mắng tên gia nô phải xuống xe, rồi giết chết hắn. Công chúa Hồ Dương vô cùng tức giận, lập tức về cung tố cáo Đồng Tuyên với vua Quang Vũ, Lưu Tú. Nhà vua cá giận, ra lệnh bắt Đồng Tuyên, định dùng roi đánh chết ông ta. Đồng Tuyên cúi lạy rồi tâu rằng: "Mong bệ hạ cho phép thần nói một câu rồi hãy đánh chết thần." Nhà vua hỏi: "Người muốn nói gì?" Đồng Tuyên thưa: "Do sự thánh minh và đức hạnh của bệ hạ, triều Hán mới được trung hưng, mà bây giờ bệ hạ lại dung túng cho gia nô giết hại người lương thiện, thì làm

thế nào để cai trị thiên hạ đây? Thần không dám làm phiền bề hạ đánh chết bằng roi, xin cho phép thần được tự chết." Nói xong, đập đầu vào chiếc cột phía trước sảnh đường, máu tung tóe đầy mặt. Nhà vua vội sai hoạn quan ôm chặt lấy ông ta, tha tội chết cho ông, nhưng ra lệnh cho ông phải cúi đầu tạ tội với công chúa Hồ Dương. Đồng Tuyên không chịu, vua liền ra lệnh cho hoạn quan ấn đầu ông xuống đất, bắt ông phải cúi đầu, Đồng Tuyên hai tay chống xuống đất, trước sau vẫn không chịu cúi đầu. Công chúa Hồ Dương nói với vua: "Vân Thúc, khi anh còn là dân thường, còn chưa chấp được kẻ tội phạm bỏ trốn và kẻ tử tù, nay quan lại cũng không dám vào nhà tìm bắt, bây giờ làm thiên tử, lẽ nào không thể khuất phục được một tên huyện lệnh nhãi nhép này hay sao?" Nhà vua cười mà rằng: "Làm thiên tử và làm dân thường khác hẳn nhau chứ!" Sau đó ra lệnh tiếp: "Tên huyện lệnh cứng cổ ra khỏi cung ngay!" Đồng thời ban cho ba mươi vạn đồng tiền để tỏ ý khen thưởng. Đồng Tuyên phân phát tất cả cho cấp dưới. Từ đó Đồng Tuyên chuyên việc trấn áp bọn cường hào, bọn cường hào thấy đều nom nớp sợ hãi. Người dân kinh đô tặng ông biệt hiệu "Con hổ nằm", ca ngợi ông là: "Không cần đánh trống để báo án, vì kinh thành đã có Đồng Thiếu Bình".

(Hậu Hán thư - Khốc lại liệt truyện)

LỜI BÌNH

Bài này trích từ *Hậu Hán thư - Khốc lại liệt truyện* của Phạm Hoa. Huyện lệnh Lạc Dương là Đồng Tuyên chấp hành pháp lệnh, trừ hại cho dân. Ông không sợ quyền thế, dám đứng trước mặt công chúa Hồ Dương, vạch hết tội lỗi của bà ta, và chém

chết tại chỗ tên hung thủ giết người, thậm chí khi nhà vua bắt ông tạ tội với công chúa Hồ Dương, ông đã "hai tay chống xuống đất, trước sau vẫn không chịu cúi đầu", Đồng Tuyên chấp pháp theo đúng phép công, đối với hoàng gia cũng không chịu khuất phục, tinh thần ấy thật đáng ca ngợi, dũng khí ấy thật đáng khâm phục. Hoàng đế Lưu Tú không nhân nhượng quá mức đối với công chúa, xá tội cho Đồng Tuyên, còn thưởng cho ông ba mươi vạn đồng tiền, cũng có thể nói là một cử chỉ sáng suốt.

QUAN TÂY KHỔNG TỬ DƯƠNG BÁ KHỞI

Dương Chấn, tự là Bá Khởi, người huyện Hoa Âm, quận Hoàng Nông..... Dương Chấn thuở nhỏ đã gắng gỏi cần cù học tập, đã từng cùng Thái thường Hoàn Uất học sách *Thượng thư* do Âu Dương Sinh viết. Do ông thông hiểu sách kinh điển, đọc rất nhiều sách, người đi học thời đó đều gọi ông là "Khổng Tử của khu vực Quan Tây". Ông thường sống nhờ ở huyện Hồ, mấy chục năm không nhận lời mời của các quan châu quận. Mọi người đều khuyên ông tuổi lớn rồi, nên ra làm quan, nhưng Dương Chấn lại càng không muốn ra làm quan. Về sau, có một con bói cá ngậm ba con lươn bỏ xuống trước lớp học của Dương Chấn, người trông coi việc dạy học, đem lươn biểu ông và nói: "Lươn dài như rắn, là tượng trưng cho quần áo trang điểm của bậc công khanh, bỏ xuống ba con, tượng trưng là ông sẽ làm tới chức Tam công. Ông từ đây sẽ làm quan rồi". Năm ông năm mươi tuổi mới bắt đầu nhậm chức ở châu quận.

Đại tướng quân Đặng Chất sau khi nghe tiếng ông là người tài giỏi, tiến cử ông làm Mậu tài. Từ đó về sau, Dương Chấn bốn lần thăng tiến, làm tới chức Thứ sử Kinh Châu, Thái thú Đông Lai. Khi ông tới Đông Lai nhậm chức, đi qua Xương ấp, Huyện lệnh Xương ấp là Vương Mật vốn là Mậu tài Kinh Châu, đã từng được Dương Chấn

tiến cử, lúc ấy thấy Dương Chấn đi qua, liền đến yết kiến. Buổi tối, Vương Mật giấu trong người mười cân vàng muốn đem biếu Dương Chấn. Dương Chấn nói: "Bạn cũ đã hiểu ông, ông lại không hiểu bạn cũ, thế là làm sao?" Vương Mật bảo: "Đêm hôm khuya khoát, chẳng có ai biết đâu." Dương Chấn tức giận bảo: "Trời biết, thần biết, tôi biết, ông biết, làm sao lại bảo rằng không có ai biết?" Làm cho Vương Mật hổ thẹn ra về. Về sau, Dương Chấn lại được điều lên làm Thái thú quận Trác.

Dương Chấn bản tính công bằng, liêm khiết, không bao giờ nhận sự nhờ cậy của cá nhân riêng tư. Con cháu ông thường xuyên ăn uống đạm bạc, thường xuyên đi bộ. Một số bạn cũ và bề trên trong gia đình khuyên ông mua tậu một ít tài sản cho con cháu, ông không nghe, ông nói: "Để cho người đời sau gọi chúng là con cháu của ông quan thanh bạch, há không phải là một thứ di sản quý giá hay sao?"

(Hậu Hán thư - Dương Chấn truyện)

LỜI BÌNH

Dương Chấn là bề tôi tài giỏi nổi tiếng thời Đông Hán, học vấn sâu rộng, đức cao tiếng tăm lớn, được gọi là "Khổng Tử ở Quan Tây". Ông sống tiết kiệm, giản dị, làm quan liêm khiết, không gặp riêng ai, để lại phẩm đức tốt cho con cháu. Đặc biệt là ông từ chối nhận vàng vào đêm khuya, được đời sau truyền tụng ca ngợi, cũng chứng tỏ ông là người nói và làm thống nhất, nghiêm khắc giữ gìn mình. Là một ông quan thời phong kiến, làm được như vậy thật là rất đáng quý.

BÙI HIỆP LÀM QUẬN THÚ HÀ BẮC XÓA BỎ LỆ CŨ

Bùi Hiệp được bổ nhiệm làm Quận thú Hà Bắc. Sau khi nhậm chức, ông khiêm tốn, tiết kiệm, giản dị, yêu dân như con, thức ăn hàng ngày của ông chỉ là đậu mạch và dưa muối. Quan lại và dân chúng không ai là không tưởng nhớ ông. Theo quy định trước kia của quận này, có ba mươi dân chài và người săn bắn chuyên đánh cá, đi săn cung ứng cho Quận thú. Bùi Hiệp nói: "Vì ăn uống mà sai khiến người khác, ta không làm chuyện đó". Liên cho họ về nhà tất. Còn có ba mươi thanh niên trai tráng để Quận thú sai bảo. Bùi Hiệp cũng không sai bảo họ, mà là thu thuế của họ thôi, lấy tiền ấy mua ngựa cho phủ quan. Nhưng năm tháng qua đi, ngựa Bùi Hiệp mua về nhiều thành đàn. Khi ông rời quan chức, lại không lấy một thứ gì. Dân chúng đều ca tụng ông là: "Thức ăn tươi sống không ăn, thuế thuộc về mình không lấy, Bùi công thật là chính trực nhân từ, mẫu mực của người đời". Bùi Hiệp cùng với Châu mục, Quận thú các châu quận khác vào yết kiến Thái tổ. Thái tổ ra lệnh cho Bùi Hiệp đứng riêng ra một bên, sau đó nói với các Châu mục, Quận thú khác rằng: "Bùi Hiệp liêm khiết cẩn trọng, giữ mình làm việc phụng sự nhà nước, đứng đầu thiên hạ, trong số các khanh

có ai giống Bùi Hiệp, thì bây giờ có thể ra đứng cùng ông ta". Tất cả đều chẳng dám nói gì, đứng lặng yên. Thái tổ đã trọng thưởng cho Bùi Hiệp. Dù là quan lại của triều đình hay dân chúng, ai ai cũng thán phục, gọi ông là "Người đứng một mình".

Bùi Hiệp đã viết truyện ký về ông tổ đời thứ chín của họ Bùi là Trình hầu Bùi Tiềm, cho rằng dòng họ Bùi liêm khiết vì đất nước bắt đầu từ cụ tổ này, muốn để cho con cháu đời sau noi gương cụ tổ mình. Những người có công danh trong dòng họ đều được viết vào trong đó. Hai người em họ của Bùi Hiệp là Bùi Bá Phụng và Bùi Thế Nhan khi ấy đều làm quan ở phủ Thừa tướng, không hiểu được việc làm của Bùi Hiệp, đã chế giễu ông: "Người ta sống ở trên đời, cầu mong quan chức, vốn là đều mong cả danh và lợi, nếu cứ trong sạch nghèo khổ như anh, thì làm quan mà làm gì?" Bùi Hiệp trả lời: "Liêm khiết là cái gốc của người làm quan, cần kiệm, giản dị là cái rễ để giữ mình. Chính vì tổ tiên của chúng ta giữ được nguyên tắc ấy mới đời đời tăng thêm đức tốt, khi sống được ca ngợi tại triều đình, chết rồi thì được ghi lại trong sử sách, để lại tiếng thơm muôn thuở. Bây giờ, tôi may mắn với chút tài cán tầm thường mà lại được nhận đãi ngộ đặc biệt của triều đình, tuy rằng nghèo túng, cũng không thay đổi khí tiết, tôi làm như vậy đâu phải mong cầu tiếng tăm cho cá nhân tôi, mà là quyết chí tu dưỡng tâm tính, chỉ sợ làm nhục, bôi nhọ tiếng thơm trong sạch của tiên tổ, các chú lại chế giễu tôi, tôi còn biết nói thế nào nữa đây?" Bọn Bá Phụng xấu hổ ra về.

(Chư thư - Bùi Hiệp truyện)

LỜI BÌNH

Bài này chủ yếu ghi lại chuyện Bùi Hiệp trong thời gian làm Quận thú Hà Bắc, đã liêm khiết làm việc cho đất nước như thế nào. Trước khi Bùi Hiệp làm Quận thú, thì chế độ cũ của quận này là: "Ba mươi dân chài và người săn bắn chuyên đánh cá, đi săn cung ứng cho Quận thú", "lại có ba mươi thanh niên trai tráng để Quận thú sai bảo". Nhưng sau khi Bùi Hiệp nhậm chức, đã xóa bỏ hết lệ cũ này, tự mình chỉ ăn "đậu mạch, dưa muối". Hành vi liêm khiết làm việc nước, yêu dân như con này được nhân dân ca ngợi, làm thành bài ca ngợi khen ông. Nhưng cách làm này lại làm cho một số người nhà không hiểu được ông, họ cho rằng, người ta sống ở trên đời, cầu mong quan chức, vốn phải có cả danh và lợi, còn Bùi Hiệp lại không nghĩ vậy, ông nói: "Liêm khiết là cái gốc của người làm quan, cần kiệm, giản dị là cái rễ để giữ mình". Là một ông quan trong xã hội phong kiến mà nói ra được điều này, có thể coi là lời nói răn dạy người đời, hôm nay đọc lại, cũng khiến cho người ta suy nghĩ nhiều.

ĐƯỜNG THÁI TÔNG BỔ DỤNG NGƯỜI HIỀN TÀI

Vào ngày Kỷ Dậu, Đường Thái Tông trước mặt các đại thần xác định tước vị và áp phong cho công thần Trường Tôn Vô Kỵ, để Trần Thúc Đạt tuyên đọc cho mọi người nghe dưới đại điện, đồng thời nói: "Ta ban thưởng cho các khanh theo đẳng cấp, nếu có chỗ không thỏa đáng, đề nghị các khanh tự mình nói ra". Thế là các tướng lĩnh nhao nhao tranh công trạng, ầm ĩ nhốn nháo cả lên. Hoài An vương Lý Thần Thông nói đầu tiên: "Thần dấy binh từ Quan Tây, là người đầu tiên hưởng ứng chống đánh nhà Tùy. Bây giờ, Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối chuyên việc múa bút, thì công lao lại xếp trên thần, thần không phục". Đường Thái Tông nói: "Ngọn cờ lớn chống đánh Tùy khi vừa mới giương lên, thúc phụ tuy là người đầu tiên hưởng ứng, nhưng điều đó e rằng là để thoát khỏi tai họa của chính mình thôi! Tới khi Đậu Kiến Đức thôn tính Sơn Đông, quân đội của thúc phụ bị tiêu diệt hoàn toàn; tới khi Lưu Hắc Thát thu thập tàn quân lại vùng dậy, thúc phụ lại thấy từ xa đã bỏ chạy dài. Còn Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối thì quyết định sách lược ở hậu phương, tuy không xông pha chiến trận, lại thu phục được thiên hạ. Ban thưởng theo công trạng thì phải đứng trước thúc phụ. Thúc phụ là người thân thiết nhất của ta, đối với thúc phụ,

ta thực sự không tiếc một thứ gì cả, nhưng cũng không thể vì quan hệ chí thân ấy mà có thể phong thưởng như công thần được !" Các tướng lĩnh nghe xong bàn luận với nhau: "Hoàng thượng công bằng nhất, dầu là chú của mình là Hoài An vương cũng không bênh che, bọn mình làm sao không biết giữ đúng phận mình nhỉ?" Thế là mọi người đều vui vẻ tin phục. Phòng Huyền Linh nói: "Người ở phủ Tân vương cũ chưa được cất nhắc, đều phàn nàn rằng: "Chúng tôi phục dịch Tân vương đã nhiều năm rồi, bây giờ phải được quan chức chứ, thế mà lại đặt chúng tôi ở sau cung Thái tử và phủ Tề vương". Đường Thái Tông nói: "Vua phải công bằng vô tư nhất, mới có thể khiến cho cả thiên hạ vui vẻ tin phục. Cơm ăn áo mặc hàng ngày của ta và các khanh, đều lấy từ dân chúng. Đất nước sở dĩ đặt ra quan chức, là để mà làm việc cho dân chúng, thì phải tìm chọn người có tài năng để bổ dụng, làm sao lại có thể lấy quan hệ cũ mới thân sơ làm tiêu chuẩn trước sau trong bổ nhiệm quan chức được? Nếu người mới đến có tài năng, người cũ ở phủ Tân vương không có tài cán, làm sao có thể gạt bỏ người mới đến không dùng, để dùng người cũ của phủ Tân vương được? Bây giờ không xem mình có tài năng hay không, mà lại đi phàn nàn trách móc, lẽ nào đấy là cái gốc để trị nước?"

(Tư Mã Quang: *Tư Trị thông giám - Đường kỷ bát*)

LỜI BÌNH

Bài này trích từ *Tư trị thông giám - Đường kỷ bát* của Tư Mã Quang thời Bắc Tống, ghi lại chuyện Đường Thái Tông phong thưởng công thần, bổ dụng nhân tài. Đường Thái Tông Lý Thế

Dân là một ông vua tương đối có tài trong lịch sử Trung Quốc, trong thời gian ông làm vua đã lập nên thành tích chính trị sáng sủa của "Nền thịnh trị Trinh Quan" mà các sử gia cũ vô cùng ca ngợi. Ông sở dĩ có được công lao tốt đẹp như vậy, điều đó có quan hệ trực tiếp với đường lối chỉ bổ nhiệm những người có tài năng của ông. Đường Thái Tông đối với bề tôi thường phạt rõ ràng, phong thưởng theo công lao, công bằng vô tư, dẫu là chú mình cũng không vì nể tư tình. Về vấn đề dùng người, ông phá bỏ ranh giới phủ Tần vương, phủ Thái tử, phủ Tể vương, lấy tiêu chuẩn có tài và bất tài để bổ dụng người, chứ không chỉ dùng thuộc hạ cũ của mình. Nguyên tắc phong thưởng và đường lối dùng người của ông rất đáng khăng định và phát huy.

KHỔNG TỔNG XÚNG ĐÁNG LÀ CON CHÁU CỦA THÁNH HIỀN

Khổng Tổng, tự là Nguyên Hội, lúc nhỏ thông minh lanh lợi, lúc ba tuổi đã không còn cha. Khi lớn khôn, chăm chỉ hiếu học, luôn vươn lên không ngừng, tinh thông sách *Tả thị Xuân thu*. Năm thứ ba Đại Định đời Kim Thế Tông, Khổng Tổng được làm Văn lâm lang, tập phong là Diễn thánh công. Sau khi được tập phong và Diễn thánh công, Khổng Tổng hết lòng hết sức chăm lo việc thờ cúng ở miếu Khổng Tử, khuyến khích nhắc nhở người trong họ ăn ở với nhau hòa thuận, tăng cường đoàn kết. Khi ấy, đúng vào lúc vừa trải qua chiến tranh loạn lạc, do sự tàn phá của chiến tranh, miếu thờ Khổng Tử nhiều chỗ bị hư hỏng. Khổng Tổng rất không yên lòng, ông nói: "Là con cháu của thánh nhân, lại được tập phong là Diễn thánh công, chịu trách nhiệm nặng nề đối với việc thờ cúng thánh nhân, miếu đường thờ phụng thánh nhân nhỏ bé và sơ sài, tầm thường như thế này, há không hổ thẹn hay sao?" Thế là ông đích thân dẫn tá điền họ Khổng đến Mông Sơn chặt đốn gỗ, xây dựng thêm điện thờ miếu Khổng Tử và hơn năm mươi tòa điện thờ, giải vũ, hành lang, đình đài ở Ni Sơn và Phòng Sơn. Tháng mười hai, năm hai mươi Đại Định thời Kim Thế Tông, Kim Thế Tông triệu Khổng Tổng vào kinh đô, muốn ban cho ông

quan chức. Thượng thư bộ cho rằng chức trách chính của Khổng Tổng là chăm lo thờ cúng Khổng Tử, nếu để ông ta đi khỏi quê hương, sẽ ảnh hưởng tới công việc thờ cúng. Vì vậy, Kim Thế Tông đặc cách cho ông làm Huyện lệnh huyện Khúc Phụ, để Khổng Tổng làm được cả hai việc tế tự và chính sự. Khổng Tổng chưa kịp nhậm chức, thì vùng Khúc Phụ xảy ra hạn hán nghiêm trọng. Khổng Tổng đến nhậm chức, thì trời mưa to ba ngày liền, làm giảm được hạn hán, năm ấy huyện này vì thế được mùa lớn. Sau khi Khổng Tổng nhậm chức, chăm lo việc chính sự, xử lý kịp thời các vụ án, không để tồn đọng các vụ việc kiện tụng. Trước đây thu thuế vào mùa hè, theo quy định, tất cả các hộ nhỏ chưa đủ một tấm thì tìm cách góp cho đủ một tấm đem nộp. Bọn tiểu lại nha dịch thường xuyên kiểm soát, chấm mút trong việc làm đó. Khổng Tổng kiên quyết ngăn chặn cách thu thuế này, ra lệnh nhất loạt chuyển đổi công bằng theo giá thị trường, xóa bỏ tệ nạn của chế độ cũ, khiến cho bọn tiểu lại không mưu lợi riêng được nữa. Huyện thành hư hỏng, Khổng Tổng ra lệnh cho quan chức liên quan chịu trách nhiệm tu bổ, và răn đe các quan phụ trách rằng: "Trong quá trình tu bổ huyện thành, phải làm việc cho cẩn thận, không được dỡ bỏ nhà cửa, không được phá hoại mộ phần. Nếu thật sự trở ngại cho công việc, bắt buộc phải dỡ bỏ, phải lập tức xây dựng lại nhà mới, mộ phần mới". Đối với hài cốt vô chủ phơi bày ra mặt đất, thì Khổng Tổng tự bỏ tiền ra, thuê người thu gom chôn cất và dựng bia ghi rõ "Mộ táng chung". Về sau, Khổng Tổng qua đời khi đang làm Phụng trực đại phu, hưởng thọ năm mươi ba tuổi. Sau khi mất được tặng phong là Quang lộc đại phu.

(Khổng Kế phần : *Khuyết lý văn
hóa hiến khảo*, quyển 8)

LỜI BÌNH

Bài này là chuyện về Khổng Tổng, cháu năm mươi đời của Khổng Tử, được tập phong Diên thánh công. Bài văn chủ yếu kể lại hai sự việc, một là sau khi Khổng Tổng được tập phong Diên thánh công, đã ra sức giữ đúng chức trách, tu sửa miếu thờ Khổng Tử, làm tốt công việc thờ cúng; hai là trong thời gian Khổng Tổng làm huyện lệnh Khúc Phụ, đã chỉnh đốn lại công việc của bọn tiểu lại, ra sức làm việc phục vụ dân chúng. Nhà văn nổi tiếng đời nhà Kim, Đãng Hoài Anh trong bài *Mộ biểu* đã nói về Khổng Tổng như thế này. Người đương thời nói với Khổng Tổng "Kính phục việc làm cần mẫn của ông, vừa sợ ông vừa yêu quý ông", cũng đã phản ánh sự thừa nhận và tôn sùng của người trong họ Khổng và dân chúng địa phương đối với ông. Khổng Tử nói: "Không ở chức vị ấy thì không làm công việc của chức vị ấy". Ngược lại, ở chức vị ấy thì phải ráng sức làm công việc của chức vị ấy, thành tích và việc làm của Khổng Tổng chẳng phải là sự kế thừa và phát huy tư tưởng này của Khổng Tử đấy hay sao ?

TRI PHỦ TẾ NINH PHƯƠNG KHẮC CẦN

Phương Khắc Cần, tự là Khứ Căng, năm thứ tư Hồng Vũ đời Minh Thái tổ được triệu về Kinh sư, thi tại bộ Lại đỗ thứ hai, được giao cho chức Tri phủ Tế Ninh.

Khi ấy, chính quyền nhà Minh xuống chiếu cho nông dân khai khẩn đất hoang, và miễn thuế ba năm. Các quan lại địa phương đều không để hết hạn ba năm đã bắt đầu thu thuế, dân chúng rất bất bình về chuyện này, cho rằng chiếu chỉ của vua không đáng tin, thường thường rồi bỏ đất đã khai khẩn ra đi, khiến cho đất đã khai khẩn lại trở thành hoang hóa. Phương Khắc Cần thấy thế, liền cùng nông dân quy định rõ thu thuế đúng kỳ hạn. Đồng thời căn cứ vào tình hình thực tế đất đai xấu tốt không đồng đều, chia đất thành chín cấp, đất các cấp khác nhau nộp mức thuế khác nhau. Vậy là các quan lại không thể dối trá được nữa, không lừa dối nông dân được nữa. Rừng đất hoang vu ở vùng này vì thế dần dần được khai khẩn. Cùng với việc đó, Phương Khắc Cần còn dựng lên hàng trăm trường học ở các nơi, tu sửa miếu thờ Khổng Tử, công việc giáo hóa chính trị ở vùng này từ đó thịnh vượng lên. Vào mùa hè, tướng lĩnh trông coi việc bảo vệ phủ Tế Ninh trưng dụng dân công tu bổ thành trì, Phương Khắc Cần nói: "Dân chúng bây giờ đang bận rộn mùa màng đồng áng, bận tui bụi vào công việc đồng áng cày cấy, vì sao

lại còn bắt họ làm công việc nặng nhọc tu bổ thành trì nữa? Ta muốn miễn cho họ những việc lao dịch này". Tướng giữ thành không chịu, Phương Khắc Cần liền tâu bày với bộ Trung thư, cuối cùng đã miễn trừ được những lao dịch này. Trước đó, cả vùng Tế Ninh hạn hán lâu ngày không mưa, bỏ lao dịch đi, trời mưa ngay lập tức. Nhân dân Tế Ninh vui mừng phấn khởi, đã làm một bài hát ca ngợi Phương Khắc Cần: "Ai đã miễn trừ lao dịch cho chúng ta? Chính là sức mạnh thần thánh của ngài. Ai đã cứu sống hoa màu của chúng ta? Chính là mưa lành của ngài. Xin ngài đừng bỏ chúng tôi mà đi, hãy mãi mãi làm quan phụ mẫu của chúng tôi!" Phương Khắc Cần làm quan ba năm ở Tế Ninh, dân chúng ở đây tăng lên gấp mấy lần, sống yên vui no đủ.

Phương Khắc Cần cai trị dân chúng lấy giáo dục, cảm hóa đạo đức làm chính, không thích cầu danh tiếng, ông từng nói: "Cầu danh lấy tiếng thì phải gây dựng uy thế, gây dựng uy thế, tất sẽ gây ra tai họa cho dân chúng. Đối với việc đó, ta không đành lòng tý nào". Ông sống giản dị, tiết kiệm, một chiếc áo dài bằng vải mặc mười mấy năm không thay cái mới, một ngày không ăn hai lần thịt. Luật lệ của vua Thái tổ rất nghiêm khắc, rất nhiều sĩ đại phu bị giáng chức và đi đày, những người trong bọn họ nếu đi qua Tế Ninh, Phương Khắc Cần thường xuyên trợ cấp cho họ. Vĩnh Gia hầu Chu Lượng Tổ chỉ huy đoàn thuyền dọc theo sông đào đi Bắc Bình, khi đi qua Tế Ninh, sông đào nước cạn không đi được, ông ta bắt năm nghìn lao dịch khai thông dòng sông. Phương Khắc Cần không ngăn chặn được, liền cầu trời khẩn Phật, quả nhiên trời bỗng đổ mưa lớn, trong chốc lát nước sông đã dâng sâu

tới mấy thước, đoàn thuyền đi được, dân chúng cảm thấy việc rất là thần kỳ. Năm thứ tám Hồng Vũ, Phương Khắc Cần vào triều, vua Thái tổ để thưởng công lao cai trị của ông, ban cho ông cùng dự một bữa tiệc với vua, vẫn cử ông làm quan ở Tế Ninh. Ít lâu sau, Phương Khắc Cần bị thuộc hạ vu cáo hãm hại, bị đày đi Giang Phố, lại liên can đến vụ án giấy không chi, nên bị giam tới lúc chết.

(Minh sử - Tuân lại truyện)

LỜI BÌNH

Bài này kể lại mấy chuyện thực Phương Khắc Cần khi làm tri phủ Tế Ninh đã làm cho dân chúng: Một là thu thuế theo kỳ hạn đã thỏa thuận với dân, giữ gìn chữ tín với dân; hai là lập ra trường học, chủ trương giáo hóa dân chúng; ba là tâu vua xin cho dân không phải bỏ dở công việc đồng áng. Đồng thời, còn kể lại nguyên tắc cai trị "Lấy đức làm gốc, không cầu danh vọng" và phẩm chất tốt đẹp sống giản dị, cần kiệm, khoan dung với mọi người của Phương Khắc Cần, khiến người đọc cảm thấy Phương Khắc Cần thật sự là một quan phụ mẫu ưu tú, chăm lo chính sự, yêu mến nhân dân, ông đã được dân chúng địa phương nhiệt liệt ngợi ca, thật là xứng đáng. Làm quan một thời, đem lại hạnh phúc cho một vùng, phải là phẩm cách cơ bản và chức trách của các quan chức cổ kim.

THIÊN ÁI QUỐC

... Có thể nói, khí tiết dân tộc là thành phần ưu tú nhất của nền văn hóa truyền thống Trung Quốc. Trong lịch sử đã có biết bao nhiêu chí sĩ đầy lòng nhân ái đã vì non sông đất nước, vì dân tộc mà hy sinh cả tính mạng. Họ đã vì đại nghĩa của dân tộc mà hy sinh, sự hy sinh đó thật vĩ đại...

TÔ VŨ CHẶN DÊ

Tô Vũ, tự là Tứ Khanh, thời trẻ do cha có địa vị cao mà được trọng dụng, cả ba anh em đều được làm quan. Sau đó, Tô Vũ dần dần được thăng lên đến chức Di trung cứu giám. Lúc đó, triều đình nhà Hán liên tiếp đánh dẹp quân Hung Nô. Hai bên đã nhiều lần phái sứ giả đến để trình sát lẫn nhau. Bọn Hung Nô nhất quyết giam giữ sứ giả của nhà Hán là Quách Cát, Lộ Sung Quốc... gồm hơn mười người. Khi sứ giả Hung Nô đến nước Hán, triều Hán cũng bắt giữ họ làm con tin. Năm Thiên Hán thứ nhất, Cừ Đê hầu Thiên Vu lên ngôi, lo sợ nhà Hán nhân cơ hội này đến xâm lược, bèn nói: "Vua nhà Hán là bậc đàn anh của ta!" Sau đó lại còn thả tất cả những sứ giả đã bị bắt. Hán Vũ đế rất tán thưởng Thiên Vu là người hiểu tình lý, liền sai Tô Vũ làm Trung lang tướng quân giữ tiết phù đi sứ Hung Nô và thả tất cả những sứ giả Hung Nô trước đây bị bắt, đồng thời nhân cơ hội đó cũng tặng Thiên Vu rất nhiều lễ vật để cảm tạ ý tốt của ông ta. Tô Vũ cùng phó tướng Trương Thắng, các thuộc hạ, hơn một trăm binh sĩ cùng lên đường. Sau khi đến Hung Nô, Tô Vũ dâng các lễ vật lên Thiên Vu. Hắn vì thế bỗng trở nên ngang ngược, hoàn toàn không giống với những điều mà nhà Hán nhận xét.

Khi Hung Nô chuẩn bị sai sứ đưa tiền Tô Vũ và các tùy tùng về nước thì vừa lúc xảy ra việc Câu Vương cùng Ngụ Thường người Trường Thủy mưu phản ở Hung Nô. Câu Vương là con trai của chị Côn Tà vương, đã từng cùng với Côn Tà vương đầu hàng triều Hán, sau đó lại cùng Tùy Trộc Dã hầu Triệu Phá Nô xuất chinh đánh Hung Nô, sau khi bại trận lưu lạc ở Hung Nô. Lúc đó, Câu Vương, Ngụ Thường cùng Vệ Luật dẫn các quan binh đã đầu hàng Hung Nô, cùng thông qua kế hoạch ỨC HIẾP MẸ CỦA THIÊN VU đang cậy nhờ triều Hán. Đúng lúc đó lại gặp được Tô Vũ cùng tùy tùng đang ở Hung Nô. Khi Ngụ Thường còn ở triều Hán, rất quen thân phó sứ là Trương Thắng, bèn lén lút đến gặp ông ta, còn nói: "Nghe nói vua Hán rất oán hận Vệ Luật, tôi có thể dùng gươm để giết hắn vì lợi ích nhà Hán. Mẹ và em trai tôi còn đang ở triều Hán, hy vọng họ sẽ được ban thưởng". Trương Thắng rất tán thành việc ông ta làm và còn thưởng một số lễ vật cho Ngụ Thường. Hơn một tháng sau, Thiên Vu ra ngoài săn bắn, chỉ có Hậu phi và Vương thất tử đệ ở trong cung. Ngụ Thường cùng năm mươi người khác định nhân cơ hội đó làm loạn. Nhưng trong số đó đã có một người nhân lúc đêm tối chạy trốn và tố cáo việc đó. Con em Thiên Vu liền điều binh chống lại. Câu Vương và những người khác đều chết trận, chỉ có Ngụ Thường bị bắt sống.

Thiên Vu sai Vệ Luật xét xử việc này. Trương Thắng nghe tin đó, lo sợ những lời trước đây đã nói cùng Ngụ Thường bị tiết lộ, liền nói rõ quá trình sự việc với Tô Vũ. Tô Vũ nói: "Việc đã tới mức này, nhất định sẽ liên lụy đến ta". Tô Vũ muốn tự sát, nhưng Trương Thắng và Thường Huệ khuyên can nên thôi. Cuối cùng, Ngụ Thường

quả nhiên làm liên lụy đến Trương Thắng. Thiên Vu vô cùng tức giận, lập tức triệu tập các quan đến để thương nghị, muốn chém sứ giả của nhà Hán. Lúc đó Hữu Y Trật Tư nói: "Mưu sát Vệ Luật đã bị từ hình, vậy nếu đến khi giết Thiên Vu thì sao có thể xử nặng hơn? Giết họ chỉ bằng để tất cả bọn họ hàng Hung Nô". Vậy nên Thiên Vu sai Vệ Luật triệu Tô Vũ đến để nhận tội. Tô Vũ nói với Thường Huệ rằng: "Mất đi khí tiết, làm nhục sứ mệnh đất nước, cho dù có sống thì cũng mặt mũi nào mà trở về Hán nữa!" Nói xong liền rút gươm tự sát. Vệ Luật vô cùng sùng sốt, ôm chặt lấy Tô Vũ và sai người phóng ngựa đi mời thầy thuốc. Thầy thuốc dặn phải đào một cái huyết, trong huyết đốt một đồng lửa nhỏ rồi đặt Tô Vũ nằm sấp trong đó. Rồi thầy thuốc lấy tay đập vào lưng ông làm cho những máu bị đọng lại chảy hết ra ngoài. Tô Vũ kiệt hết sức, mãi mới tỉnh lại được. Thường Huệ cùng những người khác vừa khóc vừa công Tô Vũ về trại. Thiên Vu vô cùng ngưỡng mộ khí tiết của Tô Vũ, thường cho người đến thăm hỏi ông, nhưng đã bắt giam Trương Thắng.

Vết thương của Tô Vũ dần dần lành lại. Thiên Vu sai sứ thần mời Tô Vũ đến tham gia xử Ngu Thường nhằm nhân cơ hội đó ép ông đầu hàng. Sau khi chém Ngu Thường, Vệ Luật tuyên bố: "Phó sứ của triều Hán là Trương Thắng có ý đồ mưu sát đại thần thân tín của Thiên Vu, bị phạt vào tội chết, còn những người khác nếu chịu quy hàng đều được miễn tội". Nói xong cầm gươm định chém Trương Thắng, Trương Thắng đầu hàng. Vệ Luật nói với Tô Vũ: "Phó tướng có tội, ông cũng bị liên lụy". Tô Vũ nói: "Ta từ đầu đã không đồng mưu với ông ta, lại càng không có họ hàng gì với ông ta, làm sao mà lại liên

lụy đến ta được?" Vệ Luật liền rút gươm muốn giết Tô Vũ nhưng ông không hề lay chuyển. Vệ Luật nói: "Tô tướng quân, tôi trước đây phản lại triều Hán, rồi quy hàng Hung Nô, may được Thiên Vu ban ơn phong thưởng danh hiệu Vương gia, có hàng vạn thuộc hạ, ngựa, bò, dê khắp núi đồi non, vinh hoa phú quý như vậy. Ngài hôm nay quy thuận Hung Nô thì ngày mai cũng sẽ giống như tôi. Nếu không quy thuận, vô ích chôn thân nơi thảo nguyên hoang mạc, ai còn biết đến ngài nữa?" Nhưng Tô Vũ không hề để ý đến. Vệ Luật lại nói: "Ngài dựa vào sự tiến cử của tôi mà quy hàng Hung Nô, chúng ta có thể kết nghĩa huynh đệ. Nếu hôm nay ngài không nghe lời tôi, sau này có muốn gặp lại tôi cũng không còn cơ hội nữa đâu". Tô Vũ mắng lại Vệ Luật rằng: "Người là bề tôi nhà Hán, đã không nhớ đến ơn huệ của triều đình, không giữ tín nghĩa mà phản bội quốc gia, ngược đãi bạn bè, bằng lòng làm một kẻ hàng phục ở Hung Nô. Vậy ta còn gặp người làm gì nữa? Hơn nữa, người được Thiên Vu tin cần để người phán xét sự sống chết của con người. Người đã không ủng hộ chính nghĩa, lại còn làm hai nước đánh nhau, còn người đứng bên ngoài nhìn cái họa thất bại. Nam Việt đã từng giết sứ giả triều Hán, kết quả là bị Hán đánh dẹp, mất 9 quận. Đại Uyển vương Vô Quả giết sứ giả triều Hán, đầu bị treo ở cổng Bắc thành nhà Hán, bị bêu đầu trước toàn dân. Triều Tiên giết sứ giả, chẳng bao lâu cũng bị nhà Hán dẹp yên. Đến hôm nay chỉ có Hung Nô chưa bị đánh dẹp. Người đã biết rõ ta không bao giờ đầu hàng, mà lại lấy cái chết để ép ta, đây rõ ràng là muốn hai nước đánh nhau, xem ra họa diệt vong của Hung Nô bắt đầu từ ta rồi".

Vệ Luật biết Tô Vũ không vì quyền lợi mà đầu hàng, liền bầm cáo với Thiên Vu. Càng như vậy, Thiên Vu lại càng muốn chiêu hàng Tô Vũ, liền sai giam Tô Vũ vào hầm tối, không cho ăn uống. Tuyết rơi xuống, Tô Vũ nằm trong hầm xé mảnh áo ăn cùng với tuyết nên nhiều ngày trôi qua mà vẫn không chết. Hung Nô nghĩ rằng do có thần linh phù hộ, bèn đưa Tô Vũ đến một vùng hoang sơ không người ở bên bờ Bắc Hải, bắt ông ở đó chăn dê, nói rằng đến khi nào dê đẻ đẻ con mới được trở về. Còn các tùy tùng khác của Tô Vũ như Thường Huệ... đều bị giam cách biệt ở nhiều nơi khác nhau.

Không lâu sau khi Tô Vũ đến Bắc Hải, vua Hung Nô liền cắt không tiếp tế lương thực cho ông nữa. Tô Vũ đành phải đào chuột đông và ăn những hạt cỏ dự trữ trong kho để chống đói. Hàng ngày, ông đều chống cờ tiết của triều Hán đi chăn dê, vì từ sáng đến tối đều nắm trong tay nên dải cờ bị đứt hết. Cứ như vậy, năm sáu năm đã trôi qua. Em của Thiên Vu là Vu Kiền Vương đến săn bắn bên bờ Bắc Hải. Do Tô Vũ thường giúp Vu Kiền Vương dệt lưới, sửa chữa cung nỏ, đồ dùng săn bắn nên Kiền Vương rất thích ông, còn tặng cho ông một số quần áo và lương thực. Hơn ba năm trôi qua, rồi Vu Kiền Vương lâm bệnh. Trước khi chết, Vu Kiền Vương còn thưởng cho Tô Vũ một số ngựa, trâu, dê, đồ gốm, lều vải... Sau khi Vu Kiền Vương chết, thuộc hạ của ông cũng dần dần rời khỏi Bắc Hải. Mùa đông năm đó, bộ lạc Đỉnh Linh đến cướp đi số bò dê của Tô Vũ. Từ đó ông lại lâm vào cảnh khốn cùng.

Ngày trước, Tô Vũ và Lý Lăng đều làm quan thị trung trong triều Hán. Đến năm thứ hai sau khi Tô Vũ đi sứ Hung Nô, Lý Lăng đã về hàng Hung Nô, nhưng cố ý

không đến gặp Tô Vũ. Sau nhiều năm, Thiển Vu sai Lý Lăng đến Bắc Hải, sắp đặt tiệc, rượu đàn hát để khoản đãi Tô Vũ. Trong tiệc, Lý Lăng nói với Tô Vũ: "Thiển Vu nghe nói rằng tình nghĩa giữa tôi và Tử Khanh rất sâu nặng, vì vậy sai tôi đến khuyên giải ông, dòi với ông. Thiển Vu rất muốn lấy lễ nghĩa để dòi đãi. Ông cũng đã không thể trở về Hán được nữa, lại vô ích chịu khổ sở ở nơi vắng vẻ, không dấu chân người này. Tín nghĩa mà ông giữ liệu có ai biết cho chăng? Trước đây một thời gian, người anh cả của ông làm Phụng xạ dó úy, cùng Hoàng thượng đến cung Vực Đường ở Ung thành, khi đưa xa giá xuống bậc thềm, làm va phải cột, gãy cẳng xe, nên bị buộc vào tội bất kính, đã tự sát, chỉ được thưởng cho hai vạn tiền để lo an táng. Em của ông là Nhữ Khanh cùng vua đến quận Hà Đông làm lễ tế thần thổ địa, một hoạn quan cùng một hoàng môn phò mã tranh đoạt thuyền bè, hoạn quan đã đâm chết hoàng môn kia, rồi quá sợ hãi mà bỏ trốn. Hoàng thượng hạ lệnh cho Nhữ Khanh truy đuổi, nhưng không bắt được, nên cũng đã uống thuốc độc tự sát. Khi tôi đến, mẹ của ông đã mất. Tôi đã đưa đến an táng ở Đường Lang. Vợ ông thì vẫn còn trẻ, nghe nói đã tái giá. Chỉ còn hai người em gái của ông, hai đứa con gái và một đứa con trai, đến nay đã hơn mười năm trôi qua không biết sống chết ra sao. Đòi người ngăn ngui như hạt sương sa buổi sớm, cớ sao ông lại tự chuốc lấy khổ đau như vậy? Khi tôi mới quy hàng Hung Nô, tâm thần ngày đêm hồi hoàng, tưởng sắp phát điên, lòng đau như cắt vì mang tội với triều Hán, cộng thêm nỗi mẹ già bị giam cầm trong ngục tội. Nỗi đau hiện nay của ông làm sao vượt khỏi tội khi đó. Hoàng hồ, Hoàng thượng nay tuổi đã cao, pháp lệnh không rõ ràng, hơn mười mấy đại thần vô tội mà cả

gia đình mình cũng bị chết oan, ngay đến cả sự an nguy của mình cũng không thể nào dự định trước được, Tử Khanh vì ai mà chịu khổ, mắc tội đây? Hy vọng ông nghe theo lời khuyên của tôi, còn điều gì thì hiện giờ cũng không cần nói nữa". Tô Vũ nói: "Cha con Tô Vũ tôi chẳng có công đức gì, mọi thứ đều do Hoàng thượng cất nhắc, cha tôi mới được lên làm tướng quân, được phong làm Thống sứ, ba anh em tôi cũng được làm cận thần của triều đình. Tôi luôn mong có cơ hội vì đất nước mà đầu rơi máu đổ. Nay đã có cơ hội xả thân vì nước, nên dù có phải chịu mọi cực hình giáo dâm, gươm chém tôi cũng cam lòng hiến thân. Đại thần hầu hạ quân vương cũng như con hầu hạ cha, con vì cha mà chết, vậy còn điều gì để tiếc nữa. Mong ngài đừng khuyên răn tôi nữa". Lý Lang lại cùng Tô Vũ uống rượu thêm vài ngày, rồi nói với Tô Vũ: "Tử Khanh, ông nhất định phải nghe theo lời tôi!" Tô Vũ nói: "Đại vương nhất định ép tôi đầu hàng, vậy sau bữa tiệc hôm nay để tôi chết trước mặt ông!" Lý Lang thấy Tô Vũ chân thành như vậy, liền thở dài nói: "Ông quả thực là một chí sĩ trung nghĩa! Lý Lang tôi và Vệ Luật thật là tội ác tày trời". Nói rồi rồi lẹ cáo biệt.

Lý Lang không còn mặt mũi nào tự mình tặng lễ vật cho Tô Vũ, đành nhờ vợ mình mang tặng Tô Vũ một số bò, dê. Sau đó, Lý Lang lại đến Bắc Hải, nói với Tô Vũ: "Đã bắt được những tù binh của quân Vân Trung, nghe nói quan dân triều Hán từ lớn bé già trẻ đều mặc tang phục, nói là Hoàng thượng đã mất". Tô Vũ nghe xong tin này, liền ngoảnh mặt về hướng nam khóc, ho cả ra máu tươi. Mỗi ngày đều khóc vô cùng ai oán, cứ như vậy hàng tháng trời.

Sau khi vua Hán mất, Chiêu đế lên ngôi kế vị, sau ba tháng, Hung Nô và nhà Hán lại kết tình hòa hiếu. Triều Hán yêu cầu phải thả Tô Vũ và những người khác. Nhưng Hung Nô nói dối là Tô Vũ đã chết. Sau đó, triều Hán sai sứ đi Hung Nô. Thường Huệ nghe tin này liền xin lĩnh canh giữa đêm khuya cho vào gặp sứ giả. Như vậy mới có thể nói rõ được tình hình cho sứ giả nghe. Thường Huệ hiến kế cho sứ giả nói với Thiên Vu rằng: Hoàng thượng đi săn ở Lâm Uyển, bắn được một con nhạn rất to, chân nhạn có buộc cuốn sách lụa, trong đó viết Tô Vũ cùng các tùy tùng vẫn còn sống, hiện còn ở nơi đầm lầy hoang vắng. Sứ giả nhà Hán sau khi nghe kể này rất vui mừng, liền dựa theo lời Thường Huệ đã nói để bẩm với Thiên Vu. Thiên Vu nhìn hai bên tả hữu, vô cùng kinh ngạc rồi lập tức xin lỗi Hán sứ: "Bọn Tô Vũ thực sự vẫn còn sống". Vậy là Lý Lăng lập tức mở tiệc mừng Tô Vũ, nói: "Đến hôm nay đã là ngày ông được trở về Hán, uy danh truyền khắp Hung Nô, công lao truyền khắp nước Hán, cho dù sách sử xa xưa có viết về bao nhiêu những anh hùng hào kiệt cũng có ai vượt qua Tử Khanh? Lý Lăng tôi mặc dù tài năng kém cỏi, tính cách nhu nhược, nếu năm đó triều Hán có thể khoan dung tội hình của tôi, bảo toàn cho mẹ già của tôi, để cho sự nhẫn nại chịu sỉ nhục, ý chí báo quốc tích tụ trong tôi được biểu hiện ra ngoài, có thể tôi cũng sẽ giống như Tào Mạt khi hội thề ở huyện Kha, cống hiến cho Tổ quốc, đây chính là những ý nghĩ mà ngày xưa tôi từng nung nấu. Nhưng triều Hán đã giết cả gia tộc tôi, sống trên thế gian để chịu nỗi nhục lớn như vậy, Lý Lăng tôi còn gì để lưu luyến nữa? Tất cả giờ đã kết thúc rồi! Tôi nói với ông điều này chỉ mong ông hiểu lòng tôi. Từ đây hai chúng ta sẽ là thân dân của hai nước. Hôm nay

cách biệt là vĩnh biệt". Lý Lăng nói vậy rồi đứng dậy múa kiếm hát: "Trèo non vạn dặm a, vượt sa mạc, vì nước dẫn binh a, dẹp Hung Nô. Bị vây khe sâu a, giáo gãy gươm quần, tướng sĩ hy sinh a, ta mất danh tiết. Mẹ già đã mất, tuy muốn báo quốc nhưng biết tìm về đâu?" Lý Lăng hát xong rồi lệ rơi như suối vĩnh biệt Tô Vũ. Thiên Vu triệu tập Tô Vũ cùng các tùy tùng, trừ người đã đầu hàng giặc hoặc đã chết, những người cùng Tô Vũ trở về nước, tất cả gồm chín người.

Mùa xuân năm Thủy nguyên thứ sáu, Tô Vũ trở về kinh đô. Chiêu vương lệnh cho Tô Vũ sắm sửa lễ vật đến lễ tạ lăng mộ vua Vũ đế, và bổ nhiệm ông cai quản các nước thuộc địa, cấp bổng lộc hai ngàn thạch, thưởng tiền hai trăm vạn, đất công hai khoảnh và một dinh thự. Thường Huệ, Tử Thánh, Triệu Chung Căn đều được bổ nhiệm làm Trung lang, mỗi người được thưởng lụa là hai trăm tấm. Ngoài ra còn sáu người do tuổi tác đã cao, nên cho trở về quê hương, mỗi người được thưởng tiền mười vạn, được miễn lao dịch đến cuối đời. Thường Huệ sau đó được làm đến Tả tướng quân, được phong tước vị Thông hầu. Tô Vũ bị giữ ở Hung Nô tổng cộng mười chín năm, khi đi sứ Hung Nô vẫn còn tuổi trẻ, đến khi trở về Hán râu tóc đã bạc phơ.

*(Hán Thư - Lý Quảng, Tô Kiến
truyện)*

LỜI BÌNH

Bài văn đã ghi chép rất sinh động việc Tô Vũ đi sứ Hung Nô, những câu chuyện làm xúc động lòng người trong mười chín năm bị giam cầm, khắc họa đậm nét hình ảnh một Tô Vũ bị ép

buộc nhưng không hề sợ hãi, bị dụ dỗ mà không hề lay chuyển. Hình tượng người anh hùng trải qua bao gian khổ vẫn giữ được khí tiết cao cả, coi thường cái chết, chính khí nghiêm nghị. Câu chuyện *Tô Vũ chân đế* là bài ca bảo vệ Tổ quốc tôn nghiêm, ca tụng người anh hùng không làm nhục sức mạnh thần thánh của chủ nghĩa yêu nước vẫn lưu truyền hơn 2000 năm, đã khích lệ biết bao các chí sĩ yêu nước. Cho đến hôm nay vẫn còn sức cổ vũ và cảm hóa mạnh mẽ.

Dân tộc Trung Hoa đặt việc coi trọng khí tiết lên hàng đầu. Có thể nói, khí tiết dân tộc là thành phần ưu tú nhất của nền văn hóa truyền thống Trung Quốc. Trong lịch sử đã có biết bao nhiêu chí sĩ đầy lòng nhân ái đã vì non sông đất nước, vì dân tộc mà hy sinh cả tính mệnh. Họ đã vì đại nghĩa của dân tộc mà hy sinh, sự hy sinh đó thật vĩ đại. Nhân dân mãi mãi nhớ ơn họ. Ngược lại, có những kẻ như Vệ Luật, bỏ tiết tháo đầu hàng, sống an phận, thích nhàn hạ, thậm chí có những kẻ vì tính mạng, vì tiền đồ của bản thân mà bán rẻ lợi ích của đất nước, của dân tộc, chúng sẽ mãi mãi bị nhân dân khinh rẻ.

BỐC THỨC HIỂN TÀI SẢN ĐỂ GÌN GIỮ BIÊN CƯƠNG

Bốc Thức người Hà Nam, sống bằng nghề cày cấy và chăn nuôi. Ông có một người em, sau khi người em lớn lên, Bốc Thức bèn rời khỏi nhà, chỉ mang theo hơn một trăm con dê, còn ruộng vườn nhà cửa cùng toàn bộ tài sản đều để lại cho người em. Bốc Thức vào núi chăn dê, hơn mười năm sau, số dê của ông đã phát triển đến hơn nghìn con, còn mua thêm được ruộng đất nhà cửa, nhưng người em lại làm gia sản khánh kiệt. Vì thế Bốc Thức lại năm lần bảy lượt phân chia tài sản cho người em.

Lúc đó, triều Hán đang đánh dẹp Hung Nô, Bốc Thức dâng thư lên triều đình tỏ ý tự nguyện quyên góp một nửa số tài sản của mình để chi viện cho tiền tuyến. Hán Vũ đế sai sứ thân đến hỏi Bốc Thức: "Người có muốn làm quan không?" Bốc Thức nói: "Tôi từ nhỏ đã đi chăn dê, không quen với cuộc sống quan trường, không muốn làm quan". Sứ thân lại nói: "Hán là gia đình người có điều gì oan ức muốn kiện lên Hoàng đế?" Bốc Thức nói: "Tôi từ trước đến nay không tranh chấp cùng ai bao giờ, những người nghèo trong thôn, tôi cho họ vay mượn, những người không tốt thì tôi giáo dục. Ở nơi tôi sống, mọi người đều nghe lời tôi, vậy Bốc Thức này làm sao có điều gì oan ức

được". Sứ thần lại nói: "Nếu đúng là như vậy thì ngươi cần gì? " Bốc Thức trả lời: "Hoàng thượng đang đánh dẹp Hung Nô, tôi thiết nghĩ những người có tài cần phải hiến thân vì Tổ quốc, những người có tài sản cần phải quyên tặng tài sản cho Tổ quốc, có như vậy thì mới tiêu diệt được Hung Nô". Sứ thần đem những lời của Bốc Thức nói lại với Hán Vũ đế, Hán Vũ đế nói lại với Công Tôn Hoàng. Công Tôn Hoàng nói: "Điều này không phù hợp tình người. Đối với những kẻ không biết an phận thì không nên đề dãi đề cao cách làm của chúng mà làm loạn pháp luật. Mong bệ hạ đừng để chúng làm như vậy". Vì thế, vua cũng không có biểu hiện gì, rồi sau vài năm mới thả Bốc Thức. Bốc Thức sau khi trở về vẫn tiếp tục nghề nông và chăn nuôi.

Hơn một năm sau, đúng lúc Hồn Tà vương đầu hàng nhà Hán, triều đình phải chi phí rất nhiều, kho tàng quốc khố đều cạn kiệt, còn dân nghèo cũng di cư nhiều vô kể, và đều ý lại vào triều đình, còn triều đình không thể gánh vác được, thế là Bốc Thức lại lấy ra hai mươi vạn tiền dâng lên Thái thú Hà Nam dùng để trợ giúp dân di cư. Quan phủ Hà Nam sau đó nộp triều đình bản danh sách những người giàu đã trợ giúp dân nghèo, Vũ đế nhận ra tên của Bốc Thức, nói: "Ông ta vẫn kiên quyết giữ vững suy nghĩ của mình, muốn quyên tặng một nửa gia sản của mình để gìn giữ biên cương". Vì vậy ban cho Bốc Thức bốn trăm lính biên phòng nhưng Bốc Thức lại trao trả đủ số đó cho quốc gia. Lúc đó, những người có tiền có quyền đều tìm mọi cách cất giấu tài sản của mình, chỉ riêng Bốc Thức vẫn tự nguyện quyên góp. Sau cùng, Vũ đế cũng nhận ra Bốc Thức là người có đức hạnh, lập tức phong cho

làm quan Trung lang, ban tước Tả thứ trưởng cùng mười khoảnh đất tốt, đồng thời thông qua phần thưởng để biểu dương Bốc Thức và lấy đó làm tấm gương để răn dạy toàn dân.

Thoạt đầu, Bốc Thức không muốn làm quan, Vũ đế nói: "Trẫm cũng có dê trong thượng lâm uyển, muốn nhờ người chăn giúp". Bốc Thức sau khi làm quan lang vẫn thân che áo vải, chân đi giày cỏ để chân dê. Hơn một năm sau, dê đã béo lên, lại có thêm rất nhiều dê con. Một lần Vũ đế đi ngang qua nơi thả dê đã khen Bốc Thức rất biết nuôi dê. Bốc Thức nói: "Không chỉ có việc chăn dê, mà trị dân cũng cùng chung một quy luật, làm việc, nghỉ ngơi đúng giờ, có tội phải trừ bỏ, không được để nó gây hại cho mọi người". Vũ đế nghe lời đó cảm thấy rất khác thường nên bổ nhiệm làm Huyện lệnh Câu Thị ông được dân huyện đó rất hoan nghênh. Sau đó lại được điều làm Huyện lệnh Thành Cao, phụ trách vận chuyển lương thực bằng đường thủy, các việc ông đều hoàn thành rất tốt. Vũ đế thấy Bốc Thức chân thực trung thành, liền phong ông làm quan phụ đạo của Tề vương, không lâu sau được thăng chức Tể tướng nước Tề.

(Hán thư - Bốc Thức truyện)

LỜI BÌNH

Bài văn kể về Bốc Thức giỏi kinh doanh, nhìn được đại cục, quan tâm đến đại thể. Khi Tổ quốc vì bảo vệ biên cương đánh dẹp Hung Nô mà lương tiền vật dụng đều cạn kiệt, biết được tình hình khó khăn đã dùng cảm tình nguyện hiến một nửa gia sản để bảo vệ biên cương. Khi một số vùng gặp thiên tai, triều đình lại không thể lập tức trợ cứu cho dân gặp nạn, đã chủ động

quyên tặng hai mươi vạn tiền để cứu tế dân lành. Câu chuyện ca ngợi tinh thần của con người ở nơi sơn dã nhưng trái tim luôn hướng về đất nước, về đại nghĩa. Có rất nhiều cách để biểu thị lòng yêu nước, trong đó khi đất nước gặp khó khăn đã đem hết những cái mình có, có tiền giúp tiền, có lực giúp lực, là phương thức thực tế nhất, nó không thêm vào bất kỳ điều kiện nào, không vì muốn làm quan, cũng không vì muốn cầu cạnh điều gì, cũng giống như Bốc Thức, hoàn toàn xuất phát từ lòng chân thành yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, là sự cống hiến vô tư xuất phát từ đáy lòng mình, là tình cảm của một con người biết báo đền đất nước. Tinh thần đó, khí thế đó dù là trong quá khứ hay hiện tại, tương lai, không kể trong những năm chiến tranh hay thời đại xây dựng hòa bình đều vô cùng cần thiết.

GÁC BÚT NGHIÊN RA TRẬN, LẬP CÔNG TẠI TÂY VỰC

Ban Siêu, tự là Trọng Thăng, người huyện Bình Lăng Phù Phong, con trai của Huyện lệnh huyện Từ tên là Ban Lưu. Ông mang trong lòng chí lớn, không câu nệ tiểu tiết, rất hiểu thảo, biết lao động vất vả và không cho đó là sự si nhục. Ông có tài ăn nói, giỏi biện luận, thông kim bác cổ.

Năm Vĩnh Bình thứ năm, anh của ông là Ban Cố làm chức quản lý sách vở, con dấu. Ban Triệu cùng mẹ già và anh trai đến Lạc Dương. Vì gia cảnh quần bách, Ban Triệu đành dựa vào việc chép sách để duy trì cuộc sống khó khăn. Có một lần, cảm thấy không thể viết tiếp được, ông vứt bút xuống nền nhà rồi cảm thán nói: "Trang nam tử đại trượng phu chẳng lẽ không còn ý nguyện nào khác, nên giống như Phó Giới Tử, Trương Khiên lập công ngoài cửa ải, báo đền công ơn đất nước, làm sao có thể ngồi ôm mãi bút nghiên?" Những người chép sách cùng ông nghe được những lời đó, cảm thấy rất nực cười. Nhưng Ban Triệu lại nói: "Tiểu nhân làm sao biết được chí hướng lớn của tráng sĩ đây?" Sau đó, một người hiểu về tướng số nói với ông: "Ông hiện tại chỉ là một thư sinh bình dân mà thôi, nhưng tương lai sau này ông sẽ rời xa quê hương lập được công lớn, rồi được phong tước hầu". Ban Triệu hỏi

nguyên cớ vì sao thì người đó chỉ vào ông rồi nói: "Ông có cái cầm của chim ưng, cổ của mãnh hổ. Có thể mãi mãi bay cao mà vẫn có thịt ăn. Đây thực sự là tướng mạo của người được phong tước hầu ngoài vạn dặm".

(Hậu Hán thư - Ban Lương liệt truyện)

Đậu Cỗ sai Giả Tư mã Ban Triệu cùng Tông sự Quách Tuần đi sứ Tây Vực. Sau khi Ban Triệu đến nước Thiện Thiện, Quốc vương Quảng nước này đón tiếp đoàn của Ban Triệu rất nhiệt tình, lễ nghi vô cùng chu đáo, nhưng sau đó bỗng trở nên lạnh nhạt. Ban Triệu hỏi các tùy tùng: "Các người có thấy Quốc vương Quảng đối với chúng ta không bằng trước đây không?" Thuộc hạ đều nói: "Người Hồ từ xưa đến nay thường làm việc có đầu mà chẳng có đuôi, chứ không còn nguyên nhân nào khác". Ban Triệu nói: "Đây nhất định là do có sứ giả Hung Nô từ Bắc Lỗ đến, làm cho Quốc vương do dự không biết nên dựa theo ngã nào, theo triều Hán hay theo triều Hung Nô. Người thông minh trước khi sự việc xảy ra phải biết cân nhắc, hướng hồ là khi sự việc đã rõ ràng như vậy!" Sau đó, liền gọi tên hầu người Hồ đến giả vờ hỏi: "Sứ giả Hung Nô đến được mấy ngày rồi? Hiện chúng ở đâu?" Tên người Hồ hoảng sợ nói: "Đã đến được ba ngày, hiện họ đang ở một nơi cách đây ba mươi dặm". Ban Triệu liền nhốt tên người Hồ lại, rồi triệu tập thuộc hạ, tùy tùng, tổng cộng gồm ba mươi sáu người cùng uống rượu. Khi tiệc rượu đến hồi hứng thú, Ban Triệu nói với họ: "Mọi người cùng ta đều đang ở nơi xa xôi. Đến hôm nay sứ giả Bắc Lỗ mới đến được có vài ngày mà Quốc vương, Quảng đã đối với bọn ta không còn lễ phép nữa. Nếu Thiện Thiện mà bắt

chúng ta nộp cho Hùng Nô, thì thân xác chúng ta sẽ trở thành mồi ngon cho bọn lang sói, vậy chúng ta nên làm sao đây?" Tất cả mọi người đều nói: "Nay đã ở vào nơi nguy vong, chết hay sống đều nghe theo lời ngài!" Ban Triệu nói: "Không vào hang hổ sao bắt được hổ con. Trước mắt chỉ còn cách duy nhất là nhân lúc đêm tối đánh hỏa công Bắc Lỗ, làm chúng không biết ta có bao nhiêu người, chúng nhất định sẽ kinh hoàng, sợ hãi, đến lúc đó nhân cơ hội tiêu diệt hết bọn chúng. Giết được bọn Bắc Lỗ đó, Thiện Thiện sẽ vô cùng hoảng sợ, lúc đó bọn ta sẽ lập công lớn". Mọi người lúc đó đều nói: "Việc này nên thương lượng cùng Quách Tuần". Ban Triệu càng phần nộ nói: "Việc này thành hay bại đều quyết định trong ngày hôm nay, Quách Tuần chỉ là viên quan bình thường, chỉ quen với việc viết lách, nếu biết việc này sẽ lo sợ mà làm lộ mất kế, như vậy chúng ta sẽ chết mà không có danh, không giống một hảo hán!" Mọi người đều nói: "Đúng!"

Sau khi trời tối không lâu, Ban Triệu thống lĩnh quan binh đi thẳng đến doanh trại Lỗ. Gặp lúc gió thổi rất mạnh, Ban Triệu sai mười người mang dụng cụ đốt lửa ra phía sau trại Lỗ, lại hẹn rằng: "Khi nhìn thấy lửa thấp lên, tất cả phải đồng loạt đánh trống hò reo". Những người còn lại mang gươm đao cung nỏ mai phục ở hai bên cửa. Bố trí xong, Ban Triệu theo chiều gió mà đốt lửa, trước sau tiếng trống, tiếng reo hò cùng lúc vang lên. Quân Bắc Lỗ kinh hoàng, lúng túng, tùm tùm vào một chỗ. Ban Triệu tự tay chém chết ba tên, các quan binh giết chết sứ giả cùng hơn ba mươi tùy tùng, hơn một trăm người còn lại đều bị chết cháy. Ngày hôm sau trở về, nói rõ sự việc với Quách Tuần, Quách Tuần vô cùng sùng sốt, biến sắc mặt,

Ban Triệu hiểu ý, liền giơ tay nói: "Ngài tuy không tham gia nhưng Ban Triệu tôi không vì thế mà hưởng một mình phần công lao này!" Quách Tuần lúc đó mới tỏ ra vui mừng. Sau đó Ban Triệu liền triệu Quốc vương Quảng nước Thiện Thiện tới, mang đầu của sứ giả Hung Nô cho vua xem, cả nước Thiện Thiện đều chấn động, kinh hoàng. Ban Triệu cũng nhân cơ hội đó tuyên bố uy danh và công đức của triều Hán, nói: "Từ nay về sau không được đi lại cùng Bắc Lỗ!" Quốc vương Quảng dập đầu trước Ban Triệu thề sẽ "Cam nguyện quy thuộc triều Hán, quyết không ăn ở hai lòng". Còn đưa con trai đến Lạc Dương làm con tin.

Ban Triệu sau khi trở về, thuật lại chuyện với Đậu Cố, Đậu Cố rất mừng rỡ, liền trình tể mi công lao của Ban Triệu lên Tần Hoàng đế và yêu cầu lại chọn sứ giả đi sứ Tây Vực. Hoàng thượng nói: "Người như Ban Triệu sao không sai đi mà phải chọn người khác. Nay lập tức bổ nhiệm Ban Triệu là Tư mã để ông ta tiếp tục hoàn thành công việc".

Vì vậy, Đậu Cố lại một lần nữa sai Ban Triệu đi sứ Vu Chỉ, còn muốn cấp thêm binh mã cho ông, nhưng Ban Triệu từ chối, chỉ muốn mang theo ba mươi sáu người trước đây đã đi cùng mình, ông nói: "Nước Vu Chỉ to lớn, lại cách xa Trung Nguyên, nay mang theo vài trăm người, cũng không biết lực lượng tăng được bao nhiêu, nhưng nếu có gì bất trắc, người nhiều chỉ làm liên lụy thêm. Quốc vương nước Vu Chỉ khi đó là Quảng Đức, xưng hùng ở Nam Đạo, Hung Nô cũng sai sứ giả đến đó đóng giữ giám sát. Khi Ban Triệu đến, Quảng Đức đón tiếp rất lạnh nhạt. Vùng đó có phong tục rất tin vào ma thuật, Pháp sư nói:

"Thần thánh đã nổi giận, người hỏi vì sao phải quy phục nhà Hán? Sứ thần nhà Hán có con ngựa vàng mõm đen, mau bắt tôi để làm lễ vật!" Quảng Đức lập tức sai Tướng quốc Tư Lai Tỷ đến đòi ngựa. Ban Triệu lúc đó biết rõ tình hình, liền nói: "Có thể đưa ngựa cho các người nhưng tự Pháp sư phải đến lấy ngựa". Một lúc sau, pháp sư đến, Ban Triệu lập tức chém chết rồi bắt ngay lấy Tư Lai Tỷ, dùng roi đánh vài trăm cái. Sau đó, Ban Triệu đem đầu của Pháp sư tới dâng lên Quảng Đức, rồi trách cứ ông ta. Quảng Đức trước đây đã biết Ban Triệu giết chết sứ thần Hung Nô ở nước Thiện Thiện, lúc này vô cùng hoảng sợ, lập tức chém ngay sứ giả Hung Nô để hàng nhà Hán. Ban Triệu trọng thưởng cho Quốc vương, quần thần và phủ dụ họ. Vậy là các nước liên tiếp sai vương tử đến triều Hán, Tây Vực và triều Hán sau sáu mươi năm tuyệt giao, từ đây lại phục hồi quan hệ.

(Tư trị thông giám - Hán ký tam thập thất)

LỜI BÌNH

Hai mẩu chuyện trên đây viết về Ban Triệu bỏ nghiên bút để đi sứ Tây Vực, chủ yếu biểu hiện sự nhạy bén quả cảm, sự mưu trí dũng cảm của Ban Triệu, tài năng tuyệt vời của ông trong ngoại giao, quân sự, và hoài bão to lớn của ông. Từ khi Trương Khiên nối liền Tây Vực, các nước ở Tây Vực dần dần thoát khỏi sự ràng buộc với Hung Nô, tăng cường quan hệ với triều đình nhà Hán, nhưng đến năm Tây Hán cuối cùng, do biện pháp điều hành không tốt của chính quyền Vương Mãng đã làm gián đoạn sự liên hệ với các nước Tây Vực. Đông Hán mới thành lập, lại không có thời gian quan tâm đến Tây Vực, kết quả Hung Nô lợi dụng cơ hội khổng chế các nước Tây Vực, tạo thành sự

đe dọa nghiêm trọng về an toàn đối với triều đình nhà Hán. Ban Triệu trong bối cảnh đó đã hăng hái xếp bút nghiên đi sứ Tây Vực. Ban Triệu trong ba mươi năm trời đã lao tâm khổ lực đặt mưu tính kế ở Tây Vực, đối với việc bảo vệ biên cương tây bắc của Tổ quốc, bảo vệ sự thông suốt con đường tơ lụa trọng yếu nối liền hai miền đông tây, đã có những cống hiến không thể phai mờ cho sự hình thành và phát triển của đất nước nhiều dân tộc như Trung Quốc. Tên tuổi của Ban Triệu và Trương Khiên đã gắn liền với con đường tơ lụa. Từ đó đến nay, mỗi lần nói đến con đường giao lưu văn hóa đông tây đó, có ai mà không nhớ tới sự cống hiến vĩ đại của họ!

TRUNG NGHĨA BẤT KỂ ON RIÊNG

Triệu Bao, tự là Uy Hào, người Cam Lăng thành Đông Vũ. Anh họ ông là Triệu Trung, làm Trung đường thị. Triệu Bao nghĩ rằng gia tộc mình có quyền lực và danh tiếng của một hoạn quan nên cảm thấy rất hổ thẹn, vì vậy đã đoạn tuyệt quan hệ với Triệu Trung.

Triệu Bao bắt đầu sự nghiệp làm quan ở Quận Châu, làm chức Hiếu liêm, sau thăng làm Huyện lệnh Quảng Linh. Làm quan được ba năm, được thăng là thanh liêm chính trực, thủ hạ dưới quyền vô cùng ngưỡng mộ, ca tụng công lao ông, vì vậy ông được thăng làm Thái thú Liêu Tây. Triệu Bao dốc sức lực, tâm huyết cho công việc, tiếng tăm chấn động cả đến vùng biên ải xa xôi. Nhậm chức đến năm thứ hai, ông phái người về quê nhà đón mẹ và vợ con. Đoàn người đi qua Liêu Thanh gặp phải hơn vạn quân Tiên Ti xâm nhập biên cương cướp bóc, mẹ Triệu Bao và vợ con đều bị bắt làm con tin. Người Tiên Ti đến đánh quận Liêu Tây, mang họ theo để bức bách Triệu Bao. Triệu Bao thống lĩnh hai vạn binh mã ra cửa thành ứng chiến. Người Tiên Ti đẩy mẹ Triệu Bao ra trước trận để uy hiếp, Triệu Bao rất đau khổ, khóc và nói với mẹ: "Con trai thật là bất hiếu, vốn muốn dùng ít bổng lộc nuôi dưỡng mẹ già, nào ngờ lại đẩy mẹ vào con đường khổ ải. Trước kia con là con của mẹ, bây giờ con là bầy tôi của Hoàng

thượng, đại nghĩa vua tôi khiến cho con không thể nào vì tình riêng mầu tử mà hủy hoại đi trung tiết của mình. Con không thể giải thoát được cho mẹ, đâu có chết đi vạn lần cũng không chuộc được tội lỗi này". Người mẹ từ xa nói với Triệu Bao: "Uy Hào, mỗi con người đều có vận mạng, không thể vì chuyện riêng tư mà mất đi trung nghĩa, há để người sau chê cười sao? Mấy trăm năm trước, mẹ của Vương Linh bị Công Vũ bắt làm con tin, bà đã dùng gương tự vẫn để khẳng định quyết tâm theo Lưu Bang của Vương Linh, bây giờ mẹ cũng như mẹ của Vương Linh, con cần phải nỗ lực chiến đấu". Triệu Bao nghe hết lời mẹ liền lập tức tiến công, quân địch đại bại nhưng mẹ cùng vợ con ông đều bị địch giết hại cả.

(Hậu Hán thư - Độc hành liệt truyện)

LỜI BÌNH

Triệu Bao là người cuối thời Đông Hán đời vua Linh đế, ông là người cương trực, không cầu thả, tùy tiện, đứng trước gian nan không sợ hãi. Trong lúc quân địch vây khốn, mẹ già bị bắt làm con tin, ông đã không vì tình cảm riêng tư, ra sức cự địch và cuối cùng đã đánh bại quân địch, bảo vệ toàn vẹn quốc gia. Mẹ ông cũng là người đại nghĩa, quang minh chính đại, biết được mưu ma chước quỷ của địch, vẫn cố vũ con trai lấy đại nghĩa quốc gia làm trọng, hăng hái giết giặc, không nên vì tình cảm riêng tư mà làm tổn hại đến quốc gia, đến dân tộc. Trong giờ phút hệ trọng nhất của cuộc đời, họ đã có được sự lựa chọn đúng đắn. Tinh thần yêu nước và lòng cảm cao thượng của mẹ con Triệu Bao thật đáng ca ngợi và học tập.

NHAN CẢO KHANH TUẦN NẠN

Tháng giêng năm Thiên Bảo thứ 15, Sử Tư Minh tiến đánh quận Thường Sơn. Trong thành, binh lực yếu ớt, không địch nổi kẻ địch hùng mạnh, còn những vũ khí để chống cự và lương thực đều đã cạn kiệt. Đến ngày 8 tháng đó, quận Thường Sơn rơi vào tay giặc, Nhan Cảo Khanh, Viên Lữ Khiêm cũng đều bị quân phản bội bắt được rồi áp giải đến Đông đô Lạc Dương. Sử Tư Minh sau khi đánh chiếm Thường Sơn, lại tiếp tục tiến đánh các quận khác: Nghiệp Thành, Quảng Bình, Cự Lộc, Triệu Quán, Thượng Cốc, Bác Lăng, Văn An, Ngụy Quân, Tín Đô, và đều chiếm giữ hết. An Lộc Sơn khi gặp Nhan Cảo Khanh liền trách ông rằng: "Người trước kia chẳng qua chỉ là một Hộ tào ở Phạm Dương, do ta tiến cử nên người mới được nhận chức Phán quan, sau đó mới được thăng lên Quang lộc, Thái thường nhị thừa, rồi lại cử người làm Thái thú Thường Sơn. Ta có chỗ nào không phải với người mà người phản lại ta?" Cảo Khanh trừng mắt trả lời: "Gia tộc ta đời đời kiếp kiếp đều là bè tôi của nhà Đường, cho dù có nhận sự tiến cử của người, nhận chức Thái thú Thường Sơn, lẽ nào lại có thể cùng người phản bội lại triều đình? Huống hồ người cũng chẳng qua chỉ là một tên Hạt nô chân dê ở Doanh Châu mà thôi. Nay người được ân sủng của Hoàng thượng mà trèo lên đến chức quan hôm nay.

Hoàng thượng có gì không phải với người mà người làm phản?" An Lộc Sơn vô cùng nổi giận, lập tức hạ lệnh trời Cảo Khanh vào cái cột thứ hai ở đầu nam cầu Trung Kiều, chặt gãy từng khớp xương của ông. Đến khi Cảo Khanh tắt thở vẫn không ngừng mắng nhiếc ông. Hôm đó, con trai ông là Nhan Đản và cháu ông là Nhan Tường và Viên Lữ Kiêm đều bị chặt chân tay. Em của Hà Thiên Niên ở bên bọn họ, họ ngậm máu rồi phun vào mặt hắn. Vì vậy, kẻ thù đã sử dụng những hình phạt vô cùng tàn khốc, cắt từng miếng thịt trên người họ, những người qua đường nhìn cảnh đó đều rơi lệ.

(Cựu Đường thư - Trung nghĩa hạ)

LỜI BÌNH

Nhan Cảo Khanh (692-756), tự là Hân, người Lang Tà, Lâm Nghi (nay là Lâm Nghi tỉnh Sơn Đông), là Thái thú Thường Sơn. Truyện ghi lại việc quân phản loạn đánh chiếm quận Thường Sơn, Nhan Cảo Khanh do ít quân, không địch nổi quân địch nhiều nên mất thành rồi bị bắt, anh dũng hy sinh vì đất nước. An Sử phản loạn, khí thế vô cùng mạnh, tinh thể vô cùng nghiêm trọng, vua Huyền Tông bỏ trốn khỏi cung, quan viên triều đình đều nháo nhác bỏ chạy, có người còn đầu hàng, nhưng Nhan Cảo Khanh vì đại nghĩa một mực trung thành, quyết giữ vững khí tiết, tích cực tập trung lực lượng, quyết chống lại kẻ thù, trước mặt những kẻ phản bội, ông vẫn kiên cường bất khuất, đối đầu gay gắt, biểu hiện tinh thần trung quân ái quốc mãnh liệt của mình. Trong sự chọn lựa giữa sinh mạng và cái chết, ông đã dứt khoát chọn lấy "sát thân thành nhân", "hi sinh vì nghĩa".

LO TRƯỚC CÁI LO CỦA THIÊN HẠ

Ta đã từng tìm hiểu qua trạng thái tình cảm của các nhân sĩ ngày xưa, họ có lẽ có hai trạng thái không giống với ngày nay. Đó là nguyên cố vì sao đây? Đó là vì họ không vì tình trạng vừa lòng hiện có mà tỏ ra mừng rỡ, cũng không vì những điều không ưng ý mà lo buồn. Họ vào triều làm quan chỉ vì lo lắng cho bình dân trăm họ, từ chức về quê lại vì quân vương mà lo lắng. Đó chính là vào triều làm quan cũng có điều lo nghĩ, cáo lui về vùng sông hồ cũng phải lo nghĩ. Vậy thì, họ có lúc nào được vui sướng đây? Có thể họ nhất định sẽ nói: "Lo buồn trước thiên hạ, vui mừng sau thiên hạ!" Ôi, ngoài những người như vậy, ta còn có thể cùng chung lý tưởng với ai đây?

(Phạm Trọng Yêm: *Nhạc Dương lâu ký*)

LỜI BÌNH

Câu chuyện biểu đạt ý nghĩ, tình cảm lo cho nước, cho dân của tác giả. Nó nhằm vào những kẻ "Thiên khách tao nhân" trong lịch sử sống giữa giới hạn trong cái vòng nhỏ hẹp của sự được mất cá nhân, chỉ ra rằng họ "Không vì tình trạng vừa lòng hiện có mà tỏ ra mừng rỡ, không vì những điều không ưng ý mà lo buồn". Biểu đạt tấm lòng và hoài bão lớn lao của kẻ "Lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ". Phạm Trọng Yêm không chỉ nói như vậy mà còn làm như vậy. Theo

những ghi chép trong *Tống sử*, ông làm quan thanh liêm, sống đời giản dị. Trong đời ông đã làm không ít việc tốt để giúp dân, đến mức "ngày ông mất, người bốn phương nghe tin đều thở dài". Ông luôn có tư tưởng lấy việc thiên hạ làm trách nhiệm của mình, không những có vai trò thôi thúc và cổ vũ to lớn đối với bản thân tác giả và các đồng sự khác đương thời vì biện pháp cách tân thất bại mà bị giáng chức, mà còn thể hiện tình cảm cao thượng của tất cả những chí sĩ giàu lòng nhân ái, không hề tính toán sự an nguy được mất cá nhân, dũng cảm hiến thân vì sự nghiệp cao cả của dân tộc trong lịch sử Trung Quốc

RĂN CON

Người ta khi chết đi đều biết rằng vạn sự đều trống rỗng,

Chỉ tiếc rằng không thể tận mắt thấy được Nam - Bắc
thống nhất.

Ngày đại quân Nam Tống Bắc phạt chiến thắng trở về,

Khi lễ bái tổ tông đừng quên báo tin vui với lão.

(Lục Du: *Kiểm Nam thi cao*)

LỜI BÌNH

Đây là bài thơ cuối cùng của Lục Du, nhà thơ yêu nước thời Nam Tống, cũng là lời trăng trối của một cụ già 85 tuổi trước lúc lâm chung. Đáng lẽ người mất đi như ngọn đèn lụi tắt, tất cả mọi việc đều trở thành hư vô, nhưng một con người trong cuộc sống hiện thực thường khó tránh khỏi những mối bận tâm, đến khi lâm chung vẫn nhắm mắt không yên. Người thì lo lắng cho vợ con, người thì luyến tiếc công danh, địa vị mình từng có. Chỉ có Lục Du không quên được việc bình định miền bắc Trung Nguyên. Khi Lục Du sống ở vùng Nam Tống bị phân cách, những vùng bị mất vẫn chưa được thu về, Cửu Châu chưa thống nhất, đây là điều mà thi nhân lúc sinh thời vẫn hằng tâm niệm, cũng là điều khi lâm chung ông vẫn canh cánh trong lòng, là mối hận lớn nhất trong tim ông. Thi nhân tuy không thể tận mắt nhìn thấy Tổ quốc thống nhất, nhưng ông mang đầy niềm tin

vào thẳng tọt, vì vậy lời dặn thiết tha của ông với con trai mình là: Sau này Vương Sư Bắc phạt bình định Trung Nguyên, con khi thờ cúng tổ tiên đừng quên báo cho cha hay! Nỗi khát vọng nước nhà độc lập cùng di hận vì chí lớn chưa thành đã bật phát ra, làm cảm động biết bao trái tim người đọc. Từ ngàn năm nay đã trở thành bài thơ ưu tú cổ vũ nhiệt tình yêu nước và góp phần giáo dục tư tưởng yêu nước cho bao người.

GIỮ TẮM LÒNG SON LƯU TRUYỀN SỬ SÁCH

Tháng giêng năm Nguyên Chí thứ mười bốn, quân Nguyên kéo vào Thịnh Châu, Văn Thiên Tường dẫn quân chuyển xuống Chương Châu, dâng thư xin vào cung để bảo vệ Hoàng thượng. Triệu Thời Thương, Triệu Mạnh Vinh cũng dẫn quân về Chương Châu, chỉ có quân của Ngô Tuấn vẫn chưa trở về. Không lâu sau, Ngô Tuấn đầu hàng quân Ngô, rồi được sai trở về để dụ hàng Văn Thiên Tường, Văn Thiên Tường cho trói lại rồi thắt cổ giết chết. Tháng bảy, Văn Thiên Tường sai Tham mưu Trương Biện, Giám quân Triệu Thời Thương, Triệu Mạnh Vinh dẫn đại quân áp sát thành Cán Châu. Trâu Phụng dẫn quân các huyện ở Cán Châu tiến đánh châu Vĩnh Phong, Phó tướng của ông là Lê Quý Đạt dẫn binh vào các huyện thuộc châu Cát tiến đánh huyện Thái Hòa. Châu Cát có tám huyện, họ đã thu về được một nửa. Còn thành Cán Châu vẫn chưa hạ được, các huyện phụ cận của châu Hồng đều sai người đến xin hàng. Triệu Phồn, Trương Hồ, Trương Đường, Hùng Quế, Lưu Đẩu Nguyên, Ngô Hy Thích, Trần Tử Toàn, Vương Mộng Ứng khởi binh từ giữa châu Thiệu và châu Vĩnh thu phục được một số huyện. Hà Thời và nhiều người ở châu Phủ cũng chiêu binh hưởng ứng hành động của Văn Thiên Tường. Hào kiệt ở ba huyện Phấn Ninh,

Vũ Ninh và Kiến Xương đều sai người đến tham gia quân của Văn Thiên Tường, nguyên nghe theo sự chỉ huy của ông.

Quan Tuyên úy Giang Tây của triều nhà Nguyên là Lý Hằng điều quân đến chỉ viện cho Cấn Châu, còn tự mình dẫn quân đến Hưng Quốc để tấn công Văn Thiên Tường. Văn Thiên Tường không ngờ rằng quân của Lý Hằng đã tới, bèn chuyển quân định đến Vĩnh Long để tụ với cánh quân của Trâu Phụng, nhưng không ngờ cánh quân đó đã bị đánh tan. Quân của Lý Hằng lại đuổi sát Văn Thiên Tường, đuổi mãi đến núi Phương Thạch, Cấn Tín cố chết đánh quân Nguyên, trên người bị cắm vô số tên, cuối cùng chết trận. Khi Văn Thiên Tường chạy đến Không Khanh, quân sĩ đều kinh hoàng bỏ trốn, vợ con ông thì đều đã bị cướp đi. Triệu Thời Thường khi đó đang ngồi trong kiệu, quân giặc đuổi sát ngay phía sau, rồi hỏi ông là ai, Triệu Thời Thường trả lời: "Ta họ Văn". Quân Nguyên tưởng đó là Văn Thiên Tường liền bắt làm tù binh, còn Văn Thiên Tường vì vậy mà chạy thoát.

Văn Thiên Tường thu thập tàn quân rồi chạy về Tuần Châu, đóng quân ở Nam Lĩnh. Lê Quý Đạt ngầm ngầm chuẩn bị đầu hàng, bị Văn Thiên Tường phát hiện ra và giết chết. Tháng ba năm Chí Nguyên thứ 15, Văn Thiên Tường đưa quân về đóng ở Ly Giang. Tháng 8, triều đình phong cho ông là Thiếu bảo, Tín quốc công. Lúc đó trong quân bắt đầu lan truyền bệnh ôn dịch, hàng trăm binh sĩ bị thiệt mạng. Đứa con duy nhất của Văn Thiên Tường cùng mẹ ông cũng vì mắc bệnh mà chết. Tháng 11, Văn Thiên Tường dẫn quân đến đóng tại huyện Triều Dương. Tháng 12 lại chuyển quân xuống Hải Phong, phía bắc của

Nam Lĩnh. Một hôm, khi đang ăn cơm tại Ngũ Phá Lĩnh, thì Trương Hoàng Phạm của triều Nguyên dẫn quân kéo tới. Văn Thiên Tường hoang mang chạy trốn thì bị Thiên hộ Vương Duy Nghĩa bắt sống. Văn Thiên Tường uống thuốc độc tự sát nhưng không chết. Trâu Phụng cũng cố cổ tự tử, khi đưa đến Lĩnh Nam thì ông đã chết. Đến lúc này, trong số thuộc hạ và binh sĩ của Văn Thiên Tường may mắn thoát nạn ở Không Khách như Lưu Tử Tuấn, Trần Long Phúc, Túc Minh Triết, Túc Tư đều chết cả. Đồ Hứa bị bắt làm tù binh, rồi cũng vì buồn giận mà chết. Chỉ có Triệu Mạnh Vinh chạy thoát, còn Trương Đường, Hùng Quế, Ngô Hy Thích, Trần Tử đều do thất bại bị bắt làm tù binh rồi chết.

Văn Thiên Tường bị áp giải đến Triều Dương gặp Trương Hoàng Phạm. Tả hữu của Trương Hoàng Phạm bắt ông quỳ lạy, nhưng ông nhất quyết không chịu. Trương Hoàng Phạm bèn tiếp ông theo nghi lễ của một người khách, rồi dẫn ông đến Nhai Sơn đòi ông viết thư khuyên Trương Thế Kiệt đầu hàng. Văn Thiên Tường nói: "Ta đã vô cùng hổ thẹn vì đã không bảo vệ được Hoàng thượng, nay ông còn bắt ta dụ người khác phản lại Hoàng thượng, như vậy có đúng không?" Nhưng Trương Hoàng Phạm vẫn cố ép ông phải viết, Văn Thiên Tường liền đưa cho Trương Hoàng Phạm bài thơ ông viết khi đi qua Linh Đinh Dương, hai câu cuối cùng của bài thơ viết: "Con người từ xưa tới nay ai mà không chết? Cố lưu giữ lại tấm lòng son lưu truyền sử sách". Trương Hoàng Phạm xem xong cười rồi không ép ông nữa. Sau khi Nhai Sơn bị công phá, Trương Hoàng Phạm cho người hộ tống Văn Thiên Tường về kinh.

Trên đường, Văn Thiên Tường tuyệt thực tám ngày nhưng không chết, đành phải trở lại ăn uống bình thường. Sau khi đến Bắc Kinh, được tiếp đón rất long trọng. Đêm đến, Thiên Tường không ngủ được, cứ ngồi như vậy đến ngày hôm sau. Vì vậy, triều Nguyên lại chuyển ông đến Bình mã ty sai người trông coi. Lúc đó, Nguyên Thế Tổ đang kiểm người tài trong sổ các quan của Nam Tống, Vương Thích Ông nói với Thế Tổ: "Người Nam không ai bằng Văn Thiên Tường". Thế Tổ lập tức sai Vương Thích Ông nói rõ ý đó với Văn Thiên Tường, nhưng Văn Thiên Tường nói: "Quốc gia đã diệt vong, ta chỉ mong được chết". Vương Thích Ông muốn triệu tập các quan của Nam Tống đã đầu hàng gồm Tạ Xương Nguyên... tất cả mười người cùng thỉnh cầu Nguyên Thế Tổ phóng thích Văn Thiên Tường để ông làm đạo sĩ. Lưu Mộng Viêm can rằng: "Nếu thả Văn Thiên Tường, chắc chắn ông ta sẽ chiêu mộ người Giang Nam để phản công lại, vậy mười người chúng ta sẽ xử lý ra sao?" Vì vậy việc này đành gác lại. Văn Thiên Tường sống ở Bắc Kinh thẩm thoát đã ba năm, Nguyên Thế Tổ biết Văn Thiên Tường sẽ không chịu đầu hàng dù cho đến khi chết, bèn thương nghị cùng Tể tướng, chuẩn bị thả ông ra, nhưng có kẻ lại đề cập đến việc Văn Thiên Tường sẽ khởi binh ở Giang Tây, vì thế ông vẫn chưa được thả.

Năm Chí Nguyên thứ 19, có hòa thượng ở Phúc Kiến nói sao thổ xâm phạm vào ngôi vua nên có thể sẽ xảy ra biến cố. Không lâu sau, ở Trung Sơn có người điên tự xưng là "Tống chủ", có hơn một ngàn binh sĩ, đòi cứu Văn Thừa tướng. Ở kinh thành cũng có kẻ giấu tên tuổi, nói một ngày nào đó sẽ đốt trụi những cây lau ở chân tường thành, dẫn

hai cánh quân làm binh biến, Thừa tướng không phải lo lắng gì hết. Lúc đó, có một bọn cướp vừa giết chết Tả thừa tướng A Hợp Mã, Nguyên Thế Tổ ra lệnh lập tức nhổ hết những cây lau mọc ở chân tường thành, đưa Doanh Quốc công và tôn thất nhà Nam Tống chuyển đi Khai Bình, đồng thời nghi ngờ người được gọi là Văn Thừa tướng đó chính là Văn Thiên Tường, liền triệu Văn Thiên Tường vào rồi hỏi ông: "Người có nguyện vọng gì?" Văn Thiên Tường trả lời: "Tôi chịu ơn nhà Tống, được làm đến chức Tế tướng, làm sao có thể lại phụng sự người mang họ khác được? Mong muốn lớn nhất của tôi là xin được chết". Nguyên Thế Tổ vẫn không đành lòng giết ông, lập tức cho lui ra. Lúc đó, lại có người trình lên, hết sức tán thành việc đáp ứng yêu cầu của Văn Thiên Tường, Nguyên Thế Tổ khi đó đồng ý, nhưng sau một hồi do dự lại hạ chiếu cho ngừng lại, nhưng lúc đó Văn Thiên Tường đã chết. Trước khi bị hành hình, Văn Thiên Tường rất ung dung, ông nói với viên giám sát và các binh lính: "Công việc của ta đã kết thúc". Rồi ngoảnh mặt về hướng Nam vái lạy. Vài ngày sau, vợ ông là Âu Dương thị đến thu nhật thi thể ông, mặt mũi ông khi đó vẫn như lúc sống. Khi đó ông mới 47 tuổi. Trên thi thể ông có để lại bài "Tán", viết:

Khổng Tử nói: Xả thân vì lòng nhân ái,

Mạnh Tử nói: Bỏ thân vì nghĩa.

Chính vì ta đã làm hết thiên chức vì đại nghĩa nhân sinh,

Mới đến được nơi cao thượng của lòng nhân ái.

Đọc sách thánh hiền Khổng Mạnh,

Cuối cùng học được những gì?

Hôm nay vì nước hy sinh,

Dù sao lòng không hổ thẹn.

(Tống sử - Văn Thiên Tường truyện)

LỜI BÌNH

Bài văn đã ghi lại câu chuyện cảm động về Văn Thiên Tường, người anh hùng dân tộc cuối đời Nam Tống, đứng trước gian nguy vẫn mang khí thế quật cường, trái tim trong sáng như vầng nhật nguyệt, dũng cảm cứu nguy cho đất nước. Văn Thiên Tường sau khi bị bắt đã hai lần tự sát, tuyệt thực, nhiều lần từ chối lời dụ hàng của địch, đã biểu hiện tinh thần ngay thẳng cương trực, đấu tranh đến cùng, quyết không thỏa hiệp với địch, tinh thần yêu nước thà chết chứ không chịu khuất phục của ông. Bằng hành động thực tế của mình, ông đã viết nên bài ca chính trực làm rung động lòng người. Câu chuyện về tình cảm yêu nước của người dù có vạn lần chết cũng không hối hận, bài thơ của con người có dòng máu yêu nước nóng bỏng được lưu truyền rộng rãi trong dân gian, được truyền miệng nhau từ đời này qua đời khác: "Từ xưa tới nay ai mà không chết, lưu giữ tấm lòng son để lưu truyền sử sách", đã in đậm dấu ấn sâu sắc trong trái tim của mỗi con người Trung Hoa, đã trở thành sự lựa chọn cuối cùng của các chí sĩ yêu nước trong lịch sử và là câu trả lời vang vọng nhất đối với con người.

Sự trưởng thành của người anh hùng không là ngẫu nhiên. Tư tưởng của chủ nghĩa yêu nước chính là sự vun đắp lâu dài. Ở phương diện đó, Văn Thiên Tường ngoài việc nói lên ảnh hưởng của Nho gia Khổng Mạnh và truyền thống văn hóa ưu tú đề cập đến trong bài "Tán", còn có quan hệ rất lớn đến sự dạy dỗ diu dặt của cha mẹ khi ông còn nhỏ. Cha ông trước lúc lâm chung đã nhắc nhở ông: "Cha mất đi, các con ở lại phải tận

tâm báo đáp nước nhà". Ở bài thơ khóc mẹ, Văn Thiên Tường đã nói đến "Mẹ từng dạy ta phải trung nghĩa, ta không thể làm trái lời mẹ". Ở điểm này, ông và Nhạc Phi có điểm tương đồng rất lớn. Ông nói với chúng ta: Phải giáo dục lòng yêu nước ngay từ khi còn thơ ấu.

THIÊN HẠ HUNG VONG, AI NẤY ĐỀU CÓ TRÁCH NHIỆM

Có người gọi là mất nước, người khác lại gọi là mất thiên hạ. Vậy có thể phân biệt ra sao giữa mất nước và mất thiên hạ? Đó chính là: Thay họ đổi hiệu thì mất nước; con đường nhân nghĩa bị chặn đứng, thậm chí đến nỗi công cầm thú để ăn thịt người, quan hệ giữa người với người bị biến thành anh ăn tôi, tôi ăn anh, như vậy gọi là mất thiên hạ.

Lời nói của người dân nước Ngụy làm sao có thể đến nỗi làm mất thiên hạ? Nguyên nhân chính là học thuyết của Dương Chu, Mặc Dịch mà Mạnh Tử nói làm cho thiên hạ trong mắt không còn cha mẹ, không còn vua, vì vậy mà biến chất thành cầm thú. Trước đây, cha của Kê Thiệu là Kê Khang bị Phổ Văn vương giết, đến khi Phổ Vũ đế lập triều Phổ, Sơn Đào đề cử Kê Thiệu ra làm quan, khi đó Kê Thiệu đang ở ẩn, muốn từ chối không đi. Sơn Đào nói với ông: "Ta thay ông suy nghĩ đã lâu. Trời đất bốn mùa xuân, hạ, thu, đông còn có lúc biến đổi, huống hồ đời người ngắn ngủi". Người ta lấy những lời đó của Sơn Đào làm danh ngôn truyền tụng trong dân gian, nhưng lại không biết những lời đó làm bại hoại nhân nghĩa, làm hại đến giáo hóa, thậm chí làm người trong thiên hạ không còn quan tâm đến cha mẹ. Nói đến Kê Thiệu đối với triều của Phổ vương, vua triều Phổ không phải là Quốc vương

của ông, nhưng ông lại quên đi việc cha mình bị Phổ Văn vương giết hại mà đi phụng sự vua không phải của mình. Trong ba mươi năm ông sống trên thế gian, làm một người từ rất lâu không còn cha mẹ, cho dù có lấy cái chết ở Đãng Âm để tỏ lòng trung cũng không sao chuộc nổi những tội đã phạm phải. Hơn nữa, khi ông mới vào triều làm quan, ông làm sao biết được Phổ vương nhất định phát hiện ra việc bị bại trận để tự mình lập nên tên tuổi của những trang anh hùng trung thành, có khí tiết.

Từ năm Chính Thủy trở lại đây, những việc đại nghĩa không rõ ràng đã lan khắp thiên hạ. Như Sơn Đào chính là tên đầu sỏ của những học thuyết xằng bậy, nên đã làm người hiền như Kê Thiệu bất chấp thiên hạ để làm những điều làm lỗi sai trái mà không hề do dự. Vì vậy hai thuyết chính và tà không thể cùng song song tồn tại. Nếu cho Kê Thiệu là kẻ trung thì Vương Bào phải là bất trung mới đúng. Nếu không làm sao trách cứ được những cựu thần nối tiếp nhau phụng sự triều Phổ: Lưu Thông, Thạch Lặc giương mắt nhìn Phổ Hoài để mình mặc thanh y dâng trà cho thiên hạ mà không chút động tâm? Vì vậy, việc đầu tiên cần phải biết là bảo vệ thiên hạ rồi sau đó mới là bảo vệ Tổ quốc. Bảo vệ Tổ quốc là những việc mà vua, quan, những kẻ thống trị cần nghĩ tới, bảo vệ thiên hạ lại là những việc mà ai ai cũng phải có trách nhiệm.

(Nhật tri lục - Chính thủy)

LỜI BÌNH

Truyện được trích từ *Nhật tri lục - Chính thủy* của Cố Viêm Vũ. Cố Viêm Vũ (1613-1682) là nhà tư tưởng yêu nước cuối thời Minh, đầu thời Thanh, là một học giả nổi tiếng.

Bài luận chứng về sự khác biệt giữa đất nước, thiên hạ và những con người trong một đất nước, khi thiên hạ nguy vong thì nên có thái độ ra sao? Mất nước là đất nước bị mất chính quyền. Mất thiên hạ là khi đạo đức xã hội bị diệt vong. Mất chính quyền hay sự đổi triều thay họ chẳng qua chỉ là những việc của giai cấp thống trị; nhưng mất đạo đức, không còn nhân nghĩa là sự việc mang tính xã hội, là công việc mà mỗi người dân bình thường đều phải có trách nhiệm cứu vớt. Đó chính là nguồn gốc của "Thiên hạ hưng vong, ai nấy đều có trách nhiệm" được lưu truyền rộng rãi và có ảnh hưởng sâu sắc tới người dân Trung Quốc hàng trăm năm qua. Bài viết phản ánh tư tưởng yêu nước thương dân và tinh thần dân chủ của tác giả, khẳng định giá trị cá nhân và trách nhiệm thiêng liêng đối với Tổ quốc, xã hội của mỗi người dân bình thường. Từ cuộc chiến tranh Nha phiến trở lại đây, mỗi khi đất nước lâm vào cảnh nguy vong, những con người tiên tiến thường lấy đó làm kim chỉ nam để tự mình cố gắng, để khích lệ và thức tỉnh ý thức dân tộc trong mỗi con người cùng sức mạnh chiến đấu. Bài này khi đó còn mang ý nghĩa chống lại triều đình nhà Thanh. Ngày nay nó trở thành nguồn động lực cổ vũ chúng ta vì nhiệt tình yêu nước, vì sự phồn thịnh của dân tộc mà phấn đấu.

LÂM TẮC TỪ THIÊU HỦY THUỐC PHIỆN TẠI HỒ MÔN

Năm Đạo Quang thứ mười tám đời Thanh, Hồng lô tự khanh Hoàng Tước Tư thỉnh cầu triều đình mở cuộc điều tra và ngăn cấm nha phiến. Vua Đạo Quang mở cuộc thương nghị cùng các quan ở trong và ngoài triều đình. Lâm Tắc Từ đề nghị sử dụng những biện pháp thật nghiêm khắc. Ông nói: "Nếu nay không trừ bỏ cái họa này, sau mười năm đến quân lương cũng chẳng có, còn binh lính thì sẽ không dùng được". Đạo Quang cho rằng lời ông nói rất phải, nên sau mười chín lần bàn luận, đã phong cho ông chức quan Khâm sai, đến Quảng Đông điều tra về tình hình nha phiến. Mùa xuân năm Đạo Quang thứ mười chín, ông đến nhậm chức. Tổng đốc hai vùng Quảng Đông và Quảng Tây đều nghiêm khắc ra lệnh cấm, truy đuổi và bắt giữ rất nhiều con buôn, nhiều con buôn nước ngoài trước khi có cuộc điều tra đã bỏ trốn về nước. Còn Lâm Tắc Từ khi biết được Đô đốc thủy quân Quan Thiên Bồi là người trung thành, dũng cảm, có thể đảm đương được nhiệm vụ, liền lập tức lệnh cho ông chinh dõn quân ngũ, phòng bị chặt chẽ đồng thời ra lời kêu gọi các lãnh sự người Anh giao nộp bạch phiến, còn truy đuổi các tàu thuyền, số đã ra trình nộp là trên hai vạn hòm thuốc phiện. Lâm Tắc Từ đích thân đến Hồ Môn để nghiệm thu và phải mất hơn 40

ngày mới thiêu hủy toàn bộ số thuốc phiện đó ở Hải Điện. Lâm Tắc Từ còn yêu cầu nêu rõ tên của các con buôn nước ngoài đã phạm tội buôn lậu thuốc phiện, dựa vào luật pháp Trung Quốc quy định người nước ngoài vi phạm vào luật của Trung Quốc đều bị tử hình, hàng hóa thì nhà nước tịch thu, phải làm giấy bảo đảm cam kết khi ra vào không được mang theo thuốc phiện.

(Thanh sử cảo - Lâm Tắc Từ truyện)

LỜI BÌNH

Lâm Tắc Từ (1755-1850), tự là Thiệu Mục, người Hậu Quan tỉnh Phúc Kiến (nay là huyện Mân Hậu), là anh hùng nổi tiếng thời kỳ cận đại. Truyện đã ghi lại thái độ kiên quyết và sự coi trọng của Lâm Tắc Từ trong việc bài trừ nha phiến. Những kế hoạch tỉ mỉ trong quá trình xét xử và nhiều biện pháp đặc lực như tự đi đến Hồ Môn thiêu hủy thuốc phiện, đã giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh bài trừ nha phiến. Nha phiến là loại độc được mà cả thế giới đang điều tra và ngăn cấm vì tính nguy hại vô cùng to lớn đối với sức khỏe của nhân dân và lợi ích dân tộc như những lời của Lâm Tắc Từ: "Họa này không trừ, mười năm sau không những sẽ cạn kiệt quân lương, mà đến binh sĩ cũng không sử dụng được". Vì vậy, cuộc thiêu hủy ở Hồ Môn đã làm chấn động cả trong và ngoài nước, chính là hành động vĩ đại vì lợi ích đất nước, dân tộc mà Lâm Tắc Từ đã làm, đồng thời cũng thể hiện uy phong của người Trung Quốc, đã mở ra trang sử huy hoàng đầu tiên về cuộc đấu tranh của người Trung Quốc trong gần 100 năm qua.

TIỀN KIM NGỌC XẢ THÂN VÌ NƯỚC

Tiền Kim Ngọc lĩnh nhiệm chức Thiên tổng ở phủ Tùng Giang, tính cách cương trực quả cảm, khí tiết thanh cao. Năm nhâm dần thời Đạo Quang, cuộc chiến tranh nha phiến lại nổ ra. Khi đó, Tiền Kim Ngọc đang về quê nghỉ phép, vừa nghe tin đó, lập tức thu xếp hành trang chuẩn bị lên đường, thân hữu đều can ngăn ông rằng: "Nay chiến tranh đang cấp bách, không biết là phúc hay họa, ông thì đang trong kỳ nghỉ mà cấp trên lại không hề có công văn đòi ông phải trở về, vậy ông vội vã về làm chi?" Tiền Kim Ngọc không nghe lời họ. Sau khi trở về cửa Ngõ Tùng, ông cùng đơn vị bảo vệ pháo đài phía Tây, cùng binh sĩ ăn ngủ chung, luôn khích lệ họ chiến đấu. Khi pháo đài phía đông bị chiếm đóng, tất cả đạn pháo của địch đều tập trung bắn vào pháo đài phía tây. Tiền Kim Ngọc ra sức chỉ huy chiến đấu, cuộc chiến tranh anh dũng và đẫm máu đã diễn ra vài giờ đồng hồ, cánh tay trái của ông bị trúng ba viên đạn, nhưng ông không hề lùi bước. Quân sĩ đều khóc nói: "Ngài còn mẹ già, nhất định phải sống". Tiền Kim Ngọc cảm ơn họ rồi nói: "Làm sao có thể ăn bổng lộc nhà nước mà khi nước nhà gặp nạn lại quay lưng bỏ trốn? Các người đừng vì mẹ ta mà lo lắng!". Không lâu sau, lại một viên đạn bắn vào bên ngực trái ông. Tiền Kim

Ngọc ngã xuống. Trước lúc lâm chung, ông vẫn nói: "Bọn bán nước đã làm hại nước nhà".

*(Nha phiến chiến tranh văn học tập
- Hải chiến thú văn)*

LỜI BÌNH

Tháng 5 năm 1822, quân đội Anh sau khi chiếm được Sa Phố, lại tiếp tục tấn công Ngô Tùng. Tiễn Kim Ngọc nghe xong tin dữ, không để ý tới lời khuyên can của thân hữu, lập tức bỏ kỳ nghỉ trở về tham gia chiến đấu. Lúc đó chiến trận phân ra hai pháo đài Đông - Tây, Đề đốc tỉnh Giang Nam, lão tướng yêu nước Trần Hoa Thành đóng giữ pháo đài phía tây còn khích lệ mọi người: "Người người đều có một cái chết, cái chết vì Tổ quốc, cái chết trung thành thì có ngại gì!" Với sự cổ vũ của ông, các tướng sĩ vô cùng phấn chấn, ý chí chiến đấu sục sôi, đem thân vì nước, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng. Tiễn Kim Ngọc chính là một đại biểu trong số anh hùng kiệt xuất đó. Truyện đã viết về ông trong cuộc chiến đấu quyết liệt và đẫm máu ngày 16-6, đã oanh liệt vì nước quên mình; ca tụng tinh thần cao thượng của ông giữa ranh giới của cái trung và cái hiếu, "ăn bổng lộc của nhà nước mà đến khi đất nước lâm nguy lại quay lưng chạy trốn ư?", tính cách cương nghị của con người kiên quyết vì nước mà bỏ việc nhà.

Nhà xuất bản Thế Giới
46 Trần Hưng Đạo, Hà Nội, Việt Nam
Tel : 0084 - 4 - 8253841
Fax : 0084 - 4 - 8269578

KHỔNG TỬ GIA GIÁO

Chịu trách nhiệm xuất bản:

MAI LÝ QUẢNG

Hiệu đính : Đỗ Trường Sơn

Ngô Thái Tân

Vẽ bìa : Ngô Xuân Khôi

Kỹ thuật vi tính: Hoàng Minh Tám

Sửa bản in : Nguyễn Thanh Diên

In 1.000, bản, khổ 14x20,5 cm, tại xưởng in Nhà xuất bản Thế Giới.
Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số 26-889/CXB cấp ngày
28-9-1998. In xong và nộp lưu chiểu quý 1 năm 1999.



Giá bán lẻ: 50.000^d